



Kỹ họa chân dung: Họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi

TRẦN BẢO ĐỊNH

Bút danh: Cao Thị Hoàng, Lê Kim Phượng
Sinh năm 1944 tại An Vĩnh Ngãi,
thành phố Tân An, tỉnh Long An
Cựu sinh viên Trường Đại học Văn khoa,
Viện Đại học Đà Lạt

Tác phẩm đã xuất bản:

Thơ:

- **Ngao du sơn thủy**, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, 2012
- **Thấy tôi**, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, 2013
- **Mẹ. Tiếng lòng**, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, 2013
- **Thơ 6.8** (in chung Hoàng Yến Dy),
Nxb. Đà Nẵng, 2013
- **Vợ tôi**, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, 2014
- **Làng tôi**, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, 2015

Văn:

- **Kiếp ba khía**, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, 2014
- **Đời bọt hung**, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, 2015
- **Phận lim kim**, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, 2016
- **Chim phương Nam**, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, 2017
- **Đất phương Nam ngày cũ**, Nxb. Hội Nhà Văn, 2017
- **Ông già Nam Bộ nhiều chuyện: Dấu chân lưu dân**, Nxb. Hội Nhà Văn, 2017
- **Ông già Nam Bộ nhiều chuyện: Góc khuất dưới chân đèn**, Nxb. Hội Nhà Văn, 2017
- **Khởi un chiếu**, Nxb. Đà Nẵng, 2018
- **Bóng chiếu quê**, Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2018
- **Bông trái quê nhà**, Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2018

Cộng tác các báo, tạp chí:

Văn hóa Phật giáo, Nông thôn Việt,
Kiến thức ngày nay, Sông Hương, Thời báo Kinh tế
Sài Gòn, Hương thiền, Công an Thành phố

chơi thôi mà!

Tập truyện

Trần Bảo Định

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Biên tập : **TRẦN ĐÌNH BA**

Sửa bản in : **TRẦN A.B**

Trình bày : **MẠNH HẢI**

Bìa : **MINH HIẾU**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 028.38225340 - 028.38296764 - 028.38247225 - 028.38256713
Fax: 028.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: www.nxbhcm.com.vn - Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh • ĐT: 028.38256804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh • ĐT: 028.39433868

GIAN HÀNG M01 - ĐƯỜNG SÁCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

In số lượng 1.500 cuốn. Khổ 13 x 20 cm

Tại: Xi nghiệp in Fahasa - 774 Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình.

XNDKXB: 1290-2019/CXBIPH/01-100/THTPHCM cấp ngày 17/4/2019

QĐXB số: 495/QĐ-THTPHCM-2019 ngày 14/5/2019

ISBN: 9 7 8 - 6 0 4 - 5 8 - 9 1 7 5 - 9

In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2019

Trần Bảo Định

chơi thôi mà!

Tập truyện



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



<https://tieulun.hopto.org>

“Trời đất vô cùng một cuộc chơi!”

Mục lục

Ba Láng những ngày.....	7
Chưa chắc ăn!	35
Bịp... trộm đời!	46
Trùn đất bình nguyên sông Cửu Long.....	58
Cưỡng bức.....	71
Thà thiên hạ ghét, đừng để thiên hạ khinh!.....	86
Cái ăn cái để	101
Đôi bờ sanh tử	112
Ăn nằm	125
Phát súng oan nghiệt.....	143

Tượng ai, đâu phải tượng Bà Trưng!	149
Sâu vẽ bùa	158
Nhớ thầy dạy Sử.....	168
Ngả rai	175
Tình bạn.....	183
Chiều ma khách	201
Chuyện Tư Cu	207
Pháo đài Đồng Đăng.....	217
Bông tre trên đất Kiến Tường.....	224
Nhịp cầu quê.....	232
Chơi thôi mà!	241

Ba Láng những ngày...

1.

Tôi trở lại Ba Láng sau nhiều năm đi xa.

Cảnh vật Cái Răng, Phong Điền có nhiều thay đổi, nhưng dòng sông và lòng người Ba Láng thì chẳng mấy đổi thay! Nắng miền Hậu Giang mượt mà và quyến rũ người đi, tưởng đi mãi mãi không về. Xuống Cần Thơ nhảy lững sóng, lượn theo làn nước son màu phù sa từ thượng nguồn đổ xuống ngập ruộng đồng khiến tôi chạnh lòng, bồi hồi nhớ những ngày khói lửa trên vùng đất màu mỡ, hiền hòa; nhớ nồi cơm nấu lửa ban mai chưa kịp chín cho người ăn lót dạ, thì pháo bầy đã chụp tan tành! Nhớ bữa cơm chiều sum họp đã hóa thành vĩnh viễn chia tay...

Và, chuyện đời Ba Láng, tôi cũng đã nghe cụ Út Tôm kể trong hoàn cảnh đầy bi tráng đó!

Chếch bóng, trăng mười sáu ngả màu vàng úa.
Đêm tàn!

Thức giấc, Năm Xôi nằm im trong *nóp*⁽¹⁾ để lắng nghe nỗi nhớ đang rần rạt băng qua vùng ký ức tưởng đã meo mốc thời gian: “Ba năm sống nghề thương hồ, là ba năm anh xa vườn cam Ba Láng. Nhiều lần, muốn quay về,... nhưng rồi không hiểu sao, anh lưỡng lự và lần lữa không về!”. Trong lòng anh lúc bấy giờ, tự dừng nhớ tới Đực Cỏ. Anh thương nó bao nhiêu thì cũng giận nó bấy nhiêu; vì nó “*tham phú phụ bản*”! Đương cùng anh ở vườn chăm sóc vườn cam dì Tư, nó bỏ ngang rồi nhảy sang làm đầy tớ cho Cai Vĩnh. Thương bạn, anh cố ngăn, nhưng bất khả. Nó còn nói như tát nước vô mặt anh:

- Tui phò Cai Vĩnh, bởi ông ta giàu có nứt vách, lại vừa quyền lực nhứt vùng! Và lại, Cai Vĩnh còn được Tây dương chống lưng, hỏi mấy ai bì kịp!

Từ đó, anh vĩnh viễn mất thằng bạn nghèo, nỗi khổ...

Tàu đồ chạy trên sông Cần Thơ lùa nước lắt sóng, và sóng lắt chiếc *ghe hàng bố*⁽²⁾ đậu bến Xóm Chài chòng chành như người say rượu đã cắt ngang dòng hồi tưởng của Năm Xôi. Anh lồm cồm bò ra

1. *Nóp* là vật dụng để chun vô ngũ tránh muỗi, nó là cái bao đệm được may kín chứa miếng theo chiều dài ước chừng hai mét.

2. *Ghe hàng bố* là loại ghe chở hàng hóa bán rong theo các chợ nhỏ trong vùng (còn gọi *ghe ban lóng*).

khỏi *nóp*, và lui cui nhóm lửa trên cái *cà ràng*⁽¹⁾ mà ngày trước Sáu Huệ gởi biếu anh lúc anh sửa soạn lui ghe rời Ba Láng.

Năm Xối, nhớ hoài chuyện *cà ràng*. Bởi lẽ hồi đó, chưa hiểu rõ công dụng của *cà ràng* nên anh thắc mắc, nói giọng cà rỡn:

- Ông *táo đất*, củi chụm mới bảnh!

- Người ta biếu phương tiện an toàn... để sống, nhớ người ta!

Giọng Sáu Huệ buồn như hạt mưa chiều chưa đủ thấm áo.

Dì Tư đỡ lời:

- Nấu bếp *cà ràng*, tránh được củi chụm cháy dở rớt xuống sàn ghe. Nấu bếp ông *táo đất*, củi chụm cháy dở sẽ rớt xuống sàn, dễ cháy ghe!

Dì cắt nghĩa cặn kẽ:

- *Cà ràng* có hai loại: loại đơn, một miệng lò và loại kép, hai miệng lò. Trên *ghe hàng bồ* chỉ một mình bày, nên em nó mua *cà ràng* đơn cho tiện. Bây nhớ, phía trước *cà ràng* thì nấu, phía sau đuôi *cà ràng* là để cào than củi hoặc nhắm chừng dư lửa mà giảm bớt cho món ăn đương nấu trên bếp!

1. *Cà ràng*, phiên âm từ “*kran*” tiếng Khmer, là loại bếp làm bằng đất sét nung. Hình dáng giống số 8, đầu lớn có 3 cạnh dùng kê nồi và đầu còn lại thì nhỏ để đốt củi vò. Bếp *cà ràng* thường sử dụng cho ghe, thuyền.

Dì cười:

- Em nó không biếu cho bây bếp ông *táo đất*, là vậy!

Biết nghĩ sai, Năm Xối quay lại xin lỗi Sáu Huệ. Nhưng, cô Sáu đã bỏ bến lên bờ, bước vô vườn cam, mất dạng!

Chống sào lui ghe, lòng Năm Xối rây rắc nỗi niềm ân hận.

*

Hai mùa mưa nắng bình nguyên Tây sông Hậu, vườn cam Ba Láng trở bông kết trái, trĩu cành. Sáu trở nên kiệm lời, hiếm cười và thường ra ngăn vào ngõ như người đang trí. Đôi lúc, Sáu phát run, sùi bọt mép... chết giả; rồi chốc lát, lại đi đứng sinh hoạt bình thường. Người thân quen đoán mò, nói nhỏ với dì Tư:

- Coi chừng, con nhỏ bị mắc “*đàng dưới*”!

Dì Tư lo lắng lại càng lo lắng, càng không dám hé lộ, sợ kinh động tâm hồn của con.

Thấp và cắm nhang ở lư hương bàn thờ chồng, dì khấn vái chồng “*sống khôn thác thiêng*” về phù hộ con “tai qua nạn khỏi”. Nhiều đêm, nằm nghe tiếng mưa rơi xào xạc vườn cam bông chớm trở mùa làm dì chạnh lòng thương con, thương mình. Rồi, dì trầm nghĩ: “Chẳng hiểu sao, con Sáu nó mắc “*đàng dưới*” từ lúc thằng Năm đi ghe hàng bồ và không về lại vườn cam”. Nghĩ vậy thôi, chớ dì Tư tìm mãi vẫn chưa ra lời giải!

Hồi nầy, cả vùng Phong Điền không còn được êm ả như ngày trước. Tên Hai Vĩnh⁽¹⁾, Cai tổng Định Bảo cực kỳ háo sắc và cũng rất tàn bạo với bất kỳ ai mà nó nghi ngờ chống đối, hay bất tuân sự cai trị của thực dân Pháp. Việc Hai Vĩnh chỉ điểm cho tụi Pháp ở huyện Phong Phú⁽²⁾ bắt chặt đầu cha của người vợ thứ ba cho dù hắn đã ăn ở có hai mặt con, khiến thiên hạ trong vùng khiếp đảm!

Sáu Huệ đang độ mơn mớn xuân thì, khiến mấy lần hắn động tà tâm nhưng rồi cũng may, hắn ngó thấy Sáu Huệ mắc bệnh như bệnh kinh phong... hắn sợ, nếu không thì... Sáu Huệ cũng đã xong đời con gái!

Với Hai Vĩnh, dì Tư chẳng lạ chi. Dì biết hắn từ thời còn con nít cho tới lúc trở tài bộ đít thằng Tây. Cùng là người Việt, nhưng hắn lại là Việt... gian! Tánh dì Tư, khi đụng phải chuyện, dì thường hay so sánh. Dì nói với bà con chòm xóm:

- Thằng Cai Hai Vĩnh, con trai đầu lòng của Cả Bộ, sở dĩ nó lộng hành và tàn ác là bởi vì mình vô tình cho phép nó tàn ác và lộng hành!

Rồi, dì chỉ ra:

- Do mình hiền nên nó dữ. Nếu, mình dữ thì nó sẽ hiền!

1. Nguyễn Văn Vĩnh.

2. Nay là thành phố Cần Thơ.

- Cậy thế thằng Tây, chẳng những nó không chịu hiền mà lại còn dữ dằn hơn cả thì mình tính sao, chị Tư?

Nãy giờ, chú Chín Don mãi lo lựa cam nên không can dự chuyện. Nghe vợ Bảy rạch Cái Nhum hỏi thiệt tình, chú xen vô:

- Thằng giàu có, thằng có chức có quyền mà không phải từ thực lực và tài đức của chính mình, thì thường là: dữ mồm mép, nhác cơ bắp, hèn cái đầu!

- Thiệt hay chơi, chú Chín?

Mợ Bảy hỏi vặn vẹo lại.

- Thì đó! Bộ mợ không nghe người ta đồn ở Mỹ Tho có Phủ cậu Trần Xuân Hòa, tuy bệnh phong đi đứng không vững nhưng được võ sư Sáu tình nguyện công, thiên hạ nói: “Võ sư Sáu đã cho Phủ cậu mượn đôi chun” để cùng nghĩa binh xông pha trận mạc đánh Tây, và tìm diệt bọn vong nô.

Chú Chín vừa tiếp tục lựa cam vừa cười:

- Bọn tham quan, bọn trọc phú trong vùng hể nghe tới Phủ cậu là “ngán, chạy tét háng!”.

Nghe chú Chín nói tếu táo, mợ Bảy cùng bạn hàng cam xúm nhau cười ngặt. Nhưng rồi, ngẫm lại cũng có lý!

Gần đây, những người đi ghe hàng bồ thường to nhỏ rĩ tai nhau:

“Dân miền Lục tỉnh đã bắt đầu rục rịch, và cũng có nơi hình thành tổ chức đánh Tây như: Đỗ Thừa Luông,

Đỗ Thừa Tự ở miệt Cà Mau, Thống chế Bút ở Tân Quy Đông (Sa Đéc)...”.

- Ai nói thì chưa chắc ăn, chớ người đi ghe hàng bồ mà nói thì ăn chắc!

Dì Tư vừa dứt lời, chú Chín ngưng tay lựa cam, nét mặt tỏ vẻ nghiêm trọng. Thấy vậy, mọi người đều im lặng, dù trong lòng hết sức ngạc nhiên và chưng hửng.

Hồi lâu, chú Chín nói:

“Toàn bộ sáu tỉnh Nam Kỳ là lãnh địa của Pháp. Kể từ nay, triều đình Huế không còn quyền lực gì đối với Nam Kỳ lục tỉnh nữa. Một chính quyền duy nhất ở Nam Kỳ là do người Pháp điều khiển”⁽¹⁾.

Bán tín bán nghi, mọi người tự hỏi: “Sao mà chú Chín rành vanh vách?”. Có lẽ, ngầm đoán được điều đó, chú nói nhỏ nhưng nghe rõ từng tiếng:

- Thằng Tây, nó cho dán bố cáo lời tuyên bố đơn phương và xác xược ở khắp nơi công cộng. Túc khí, tui đọc thuộc lòng để nói lại cho bà con mình biết mà có thái độ phản ứng, và định liệu.

- Thì ra là vậy!

Bạn hàng cam cùng một lượt kêu lên.

1. Phó Đô đốc Hải quân De La Grandière, Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp đã ra tuyên bố ngày 25-6-1867.

2.

Nước từ lòng rạch trôi lên lé đé bờ. Trời về chiều!

Năm Xối ngồi chồm hổm, dụi bớt lửa *bếp cà ràng*; than củi ngun ngún khói bay lãng đãng qua mũi ghe... Bất chợt, Năm Xối chạnh lòng nhớ người nơi bến cũ. Nỗi nhớ chằng chịt, chằng khác nào hơn trăm sông rạch phụ lưu sông Hậu, sông Cần Thơ chằng chịt chảy qua miền châu thổ đầy ấp phù sa. Năm Xối yêu đất nước nầy từ lúc nào không rõ, chỉ biết là từ khi ghe hàng bồ đưa anh lênh đênh trên khắp các dòng sông Thốt Nốt, Ô Môn, Trà Nóc, Bình Thủy... nước lớn nước ròng, đất bồi đất lở đã giúp anh nhận thức: mật ngọt và đắng cay, niềm vui và thương cảm... Tất cả, đều ngấm vào máu thịt và tâm hồn anh!

Ba mùa gió nồm Tây Nam, Năm Xối chèo ghe dọc dài sông Cần Thơ từ nguồn ở nội đồng Tây sông Hậu tới vàm sông đổ ra sông Hậu. Anh đã qua Cái Da, Cái Răng, Đầu Sấu... trong những đêm trăng bình nguyên, hay những ngày dãi dầu mưa nắng phương Nam. Anh thương Sáu Huệ, thương bao cánh hoa cam tả tơi nhụy rữa bởi những hạt mưa trái mùa. Bồi hồi, anh chợt nhớ lại lúc còn ở vườn chăm sóc vườn cam dì Tư, mợ Bảy hay kể câu chuyện xưa về “*Con sấu mê coi hát bội*”. Chuyện rằng:

“Tại vàm sông Cần Thơ, hồi lưu dân tới khẩn hoang lập điền có con sấu lớn thiệt lớn bằng cái xuống tam bản, nó rất dữ ác và thích ăn thịt người. Tuy vậy, nó lại rất khoái coi hát bội. Một lần, bất thần con sấu quẫy đuôi đánh úp ghe đắm cười qua khúc sông nó trú ngụ, và cô dâu bị nó gắp

ăn thịt. Thề trả thù, chàng rẽ mướt gánh hát bội và tổ chức hát bội vào sâu trong ngọn rạch. Sầu nghe tiếng trống chầu, biết là có hát bội nên bất chấp địa hình hiểm nguy, nó trườn miết theo hướng có tiếng trống thúc giục... Dân làng đập đập ngăn vàm rạch, và chàng cùng trai tráng ở xung quanh đã dùng cây cà bấp dừa nước đâm chết con sầu. Tể vợ xong, chàng xả thịt con sầu trả về sông; rồi lặng lẽ bỏ xứ ra đi. Từ đó, dân gian nói: rạch Đầu Sầu là chỗ cái đầu sầu trôi tới, rạch Cái Da là chỗ da sầu trôi tấp vô, chợ Cái Răng là chỗ bộ răng sầu trôi vương chà cây!”.

Ngày đó, cho tới bây giờ; anh vẫn không tin con sầu dữ ác, thích ăn thịt người mà lại có thể mê coi hát bội. Bởi, với anh, súc vật hay con người, nếu mê coi hát dù là hát bội... cũng đều có tâm hồn nghệ sĩ, và một khi đã có tâm hồn nghệ sĩ thì dễ xúc động, tràn cảm tính nên khó mà dữ ác! Trong anh, một mối cảm hoài về câu chuyện “Con sầu mê coi hát bội” luôn nặng nề, và canh cánh bên lòng...

- Tại sao, không phải là con sầu bị phân thây bởi nó quyết liệt chống lại kẻ cướp đoạt sự sống của nó và của cả sự sống tôm cá trên khúc sông quê? Có lẽ, do con sầu vì nghĩa mà chết chẳng toàn thây, nên người đời cảm kích lấy từng bộ phận của thi thể con sầu mà đặt tên rạch tên chợ?

Năm Xối chợt nhớ những gì chú Chín Don ở rạch Con Cui đã nhỏ to tâm sự với anh, lúc ghe neo đậu tại vàm rạch Đầu Sầu chờ con nước.

- Xứ mình, giờ đã không còn bình yên!

Lời chú nói như một lời than vãn, nhưng không phải, vì với anh, đó chẳng khác chi một lời báo động.

Trật mạnh thuốc rê gói bằng lá chuối hột, chú Chín rủ Năm Xối vắn thuốc hút cho đỡ buồn.

- Thăng Tây, nó ngang nhiên tới chiếm đất và cướp đi nguồn sống của dân mình!

Vừa bập điều thuốc, chú Chín vừa bực tức nói.

Năm Xối rít một hơi thật sâu, khói bay tá lả. Và, trong tâm trí, anh liên tưởng tới cái chết đầy bi tráng của con sầu, khi nó biết phải làm gì trước kẻ thù cướp vùng nước nơi nó sinh ra và lớn lên, nơi nó sống và chết!

Chú Chín nắm tay dắt Năm Xối bước vô trong mui ghe, bí mật nói khẽ:

- Ở Láng Hầm⁽¹⁾, ông Võ⁽²⁾ đã khởi nghĩa chống Tây, rồi đó!

Tuy ít chữ, nhưng Năm Xối không phải là người ít nghĩa ở đời. Anh thuộc lâu lâu ca dao, vì tình cảm của anh gói gắm rất sâu vào trong đó. Nhiều đêm trăn trở thời cuộc, anh nhận ra tình yêu quê còn mặn nồng hơn cả tình yêu trai gái và tình yêu quê bao giờ cũng dính

1. Láng Hầm tức Ba Láng - Trà Niếng, thuộc huyện Phong Phú (nay là Ba Láng - Phong Điền, thành phố Cần Thơ).

2. Ông Võ tức Võ Đình Sâm. Sách *Monographie de la province de Cần Thơ* ghi: “người An-nam có tên là Đình Sâm, tổ chức nhóm nổi dậy tại Láng-hầm”. Đình Sâm là Võ Đình Sâm (có sách lầm lẫn là Ngô Sâm. Thật ra, Ngô Sâm là một người khác và đã chết trước khi cuộc khởi nghĩa của Võ Đình Sâm nổ ra ở Láng Hầm, năm 1867).

liền tới lai lịch dòng sông, bến nước, miếng ruộng, mảnh vườn nơi con người đang sinh sống.

Bếp lửa tàn, và khói bếp thôi bay...

Năm Xối, mắt buồn xo, mặt thần thờ in bóng nước.

Ngồi ăn cơm một mình trên mui ghe, anh nhìn cánh chim trời bay lạc loài trong nắng chiều hôm!

Buông dừa, Năm Xối xuống giọng thì thầm: “Ta không thể như cánh chim trời lạc loài kia...”.

Anh đứng dậy, thẳng người, ngóng về hướng Láng Hầm!

3.

- Nhiều lần, tui đã nói với chị rồi: Con nhỏ nó bị mắc bệnh *đàng dưới*!

Mợ Bảy quả quyết. Rồi, mợ đơn dả nói tiếp:

- Kêu con Sáu, chị hỏi nó có làm rớt mắt đồ xài cá nhơn, như: quần áo, khăn tay, hoặc nhẫn đeo... xuống sông rạch hay không?

Mợ Bảy cắt nghĩa:

- Nếu, chẳng may bị ma quỷ chộp được đồ xài cá nhơn rớt mất, thì nó sẽ đeo bám chủ nhơn hoài để phá phách và hành hạ thân xác. Người ta gọi đó là bệnh *đàng dưới*!

- Con dàu có tâm hơ tâm hất⁽¹⁾ để mất đồ mất đạc...

Sáu Huệ bưng rổ rau lang từ nhà dưới lên nhà trên, vừa đi vừa nói. Rồi, Sáu nói như muốn phân bua:

- Con dàu có đồ đạc gì nhiều dàu mà mất với mát!

Dì Tư đỡ lời con gái:

- Cũng có cái đổi cái thay, chớ không đến nỗi chỉ một bộ dính da.

- Không mắc bệnh *đàng dưới*, thì bây mắc cái chứng bệnh gì?

Mợ Bảy quay sang hỏi Sáu Huệ.

- Mần sao con biết?

Thiệt tình, Sáu Huệ cũng chẳng biết mình mắc bệnh gì! Hết đi thấy tà tới thấy chánh, hết sắc thuốc Bắc tới hết thuốc Nam; bệnh vẫn trầm trọng trầm trất⁽²⁾. Sau co giựt thì lại mạnh xăn xăn, giống giả dò bệnh.

- Bên rạch Cái Nhum nơi mợ ở, cũng có đứa mắc bệnh hết cháu và về sau, nó có chồng con đàng hoàng. Hôm rồi, mợ đón nó hỏi, nó cười mắc cỡ.

- Chị đó, nói sao mợ?

Sáu nòn nóng, hấp tấp hỏi mợ Bảy.

- Nó cười mắc cỡ,... và chẳng nói sao cả! Mợ hỏi dồn, thì nó nói nhát gừng, rằng nhờ đọc thuộc lòng câu thần chú: “*Đạo cao, long hổ phục; Đức trọng, quỷ thần kinh!*”.

1. [Tò ra lơ dềnh].

2. Ý chỉ không có biểu hiện thay đổi, thuyên giảm.

Lòng ái ngại, mợ Bảy dè dặt:

- Cháu học, và đọc thuộc lòng câu thần chú, thử coi sao! Biết đâu *"Phước chủ may thấy!"*.

Sáu Huệ hí hửng, cười:

- Dễ ọi! Mợ Bảy ơi!

Từ đó, đêm đêm Sáu Huệ đọc câu thần chú... Có khi bằng tâm tưởng, có lúc rõ bằng lời.

*

Đã lâu thiết lâu, chú Chín Don không lui tới vườn cam Ba Láng lựa chọn cam, và mua cam. Bạn hàng cam, ai nấy đều ngong ngóng trông và trông nhứt vẫn là dì Tư. Rồi, một hôm, lúc trời vừa chạng vạng tối...

- Mèng đéc ời! Anh Chín! Dữ hôn...

Dì Tư mừng quýnh.

Chú Chín khẩn trương ra dấu im lặng.

Bóng đêm từ bến sông lóp ngóp ngoi lên, tạt vào nhà tối thui!

- Sáu! Bây đâu?

- Dạ! Con đây nè, má!

Dì Tư biểu con gái thấp đèn. Chú Chín suyt khẽ:

- Đứng, Tư nó!

Tự đứng, trong lòng dì Tư đột ngột dâng lên niềm xúc cảm và bằng trực giác, dì linh tính có điều gì đó

rất hệ trọng sắp xảy ra. Đứng chết trân, dì cố nhìn chú Chín, nhưng không rõ mặt.

- Nhớ Tư và con Sáu, tui ghé thăm chốc lát rồi đi!

Chú Chín ngập ngừng nói. Có lẽ, chú đang xúc động mạnh. Một hồi, chú nói nhỏ, rất nhỏ... đến nỗi dì Tư phải kể tai sát miệng chú.

- Tui, giờ là người của Tổng binh Bút⁽¹⁾!

Dì Tư không đủ độ để tâm phân biệt mừng hay lo, chỉ cảm nhận: "Quê nhà, lớn chuyện rồi!"

Đứng gió, trời oi bức, dù mới là buổi đầu hôm.

- Theo tin tức anh em báo, thằng Cai Hai Vĩnh nó sẽ dẫn đám lính tới kiểm chuyện và quần xóm vườn cam nầy, hòng thị uy những ai có lòng với Võ tướng quân và nghĩa binh ở Láng Hầm.

Im lặng, dì Tư lắng nghe và Sáu Huệ, hóng chuyện cũng không bỏ sót lời nào của chú Chín.

- Nó ghét Tư, vì Tư quá rành nó. Hơn nữa, nó là thằng háo sắc,... mà con Sáu nhà Tư lại có sắc!

Dì Tư cười không thành tiếng:

- Anh Chín khéo lo! Sáu, nó mắc bệnh *"đàng dưới"*.

- Thế gian, làm gì có bệnh *"đàng dưới"*! Chỉ là mê tín thôi!

1. Năm 1867, Tổng binh Bút phối hợp với Võ Đình Sâm (Đình Sâm) khởi nghĩa ở Láng Hầm. Sau đó, Tổng binh Bút quay trở lại Sa Đéc, tổ chức đánh úp quân viên chinh Pháp đang đồn trú tại đình làng Tân Quy Đông (Sa Đéc). Ông bị tên vong nô Trần Bá Lộc bắt giết.

Và, chú Chín nói tiếp:

- Mình có lo, dù là lo xa thì cũng không thừa, nhớ nha, Tư!

Chú Chín dợm từ giã dì Tư. Nhưng rồi, hình như vừa nhớ ra điều gì, chú nấn ná:

- À quên! Tui có gặp cháu Năm Xối ở vòm rạch Đầu Sáu...

Chú Chín chưa dứt lời, Sáu Huệ nhảy phóc tới nắm tay chú lắc mạnh:

- Anh Năm của con, mạnh khỏe không chú?

Chú Chín chưa kịp trả lời, Sáu Huệ nói quên thôi. Thấy vậy, dì Tư rầy Sáu Huệ:

- Sáu! Nói nhỏ, nói ít lại thôi, con!

- Thì, Tư cứ để cho cháu nó nói!

Sáu khóc rầm rức, cái rầm rức cứ đè nén canh cánh bên lòng suốt ba mùa trăng thu vườn cam. Sáu ân hận vì ngây thơ và khờ dại đã giận dỗi quay ngoắt đi, bỏ lại sau lưng người mình yêu dấu trong giây phút chia tay nơi bến sông chiều!

- Anh Năm có nhắc nhớ, nhắn gì với con không, chú?

Bàn tay Sáu Huệ lạnh ngắt trong tay chú Chín.

Bằng kinh nghiệm, chú Chín biết lúc này Sáu Huệ đã vượt qua giới hạn xúc động và có thể, dẫn tới động kinh. Dì Tư cũng đoán ra được mối hiểm nguy đó, dì lúng túng và không biết phải làm sao.

- Năm Xối nhớ và nhắc con luôn. Và, nhờ chú nhắn lại với con: Nó rất thương con! Một ngày không xa, nó sẽ về sum họp!

- Thiệt hả, chú?

- Thiệt! Có sao mà không thiệt!

- Nghĩa là, con phải chờ?

- Thì, phải chờ, chớ sao! Cái con nhỏ nấy!

Bàn tay Sáu Huệ ấm dần lên. Dì Tư như vừa liệng xong gánh nặng trên đôi vai gầy guộc của mình.

Có tiếng chim cú kêu, đó là ám hiệu của anh em đang đợi chú ở ngoài bến nước.

- Việc gấp và tui, cũng không muốn người trong xóm hay biết là tui đã về đây!

Hấp tấp bước qua ngạch cửa, chú Chín ghé tai dì Tư dặn nhỏ:

- Sắp xếp cho con nhỏ lên Bình Thủy ở nhờ nhà cậu Tám và Tư nhớ, nó không bị bệnh mắc “*dàng dưới*”!

4.

- Sáu Huệ đâu rồi? Dì Tư!

Thằng Đực Cồ, hỏi gắt tiếng.

Quýnh quáng, dì Tư chưa kịp ứng phó. Thằng Đực Cồ trở giọng:

- Hồi đêm, thằng Năm Xối, nó mò về đây phải không?

- Trời ơi! Sao con nói vậy, Đực?

- Ở đây, ai là con của dì? Và, thằng Đực Cồ nầy, cũng chưa có giây phút nào là con rể dì, cơ mà!

Đực Cồ sùng sộ, đốp chát.

- Tui cấm dì gọi tui là thằng Đực Cồ nầy, Đực Cồ nọ... Mà phải gọi bằng cái tên mới của tui!

Đực Cồ xốc lại dây quai súng. Cây súng dài thông, đầu súng thiếu điều muốn chấm phết đất.

- Từ rày về sau, dì và cả cái xóm vườn cam nầy nữa, mọi người phải gọi tui là “*Cậu Bồi*”!⁽¹⁾

Nó thẳng người, ưỡn ngực khoe:

- “*Cậu Bồi*” là tên do sếp của Cai Hai Vĩnh ban cho.

Rồi, nó còn hăm dọa: “Ai kêu tui tên khác, thì sẽ đi tù một gông”!

Cậu Bồi, hất cằm gần hỏi dì Tư lần nữa:

- Sáu Huệ ở đâu?

Mặt chằm hằm⁽²⁾, nó vác súng xộc vô vườn cam.

Điếng người, dì Tư vội bước rón theo Đực Cồ, phòng khi bất trắc.

- Trời ơi! Thôi chết rồi! Con Sáu, nó đang hồi động kinh.

1. “*Bồi*” là từ Việt gốc Pháp, do danh từ “*boy*” mà ra.
 2. [Về mặt nặng nề, cau có].

Dì Tư thất thần, thẳng thốt lời thắm trong bụng.

Hấp tấp vệt nhánh cam đang mùa bông trổ, từng cánh hoa cam rơi lả tả dưới chân Đực Cồ. Nó bước xấn tới... Trước mặt nó, Sáu Huệ mắt nhắm nghiền, miệng sùi bọt mép, tự bút phăng áo ngực, tay sờ mó, mơn trớn làn da của mình dưới hoa nắng lung linh cội cam già. Đực Cồ dựng súng dựa thân cam, rồi nó rón rén sà xuống ngồi bên cạnh Sáu Huệ.

Mây che bóng nắng, râm mát vườn. Trời chuyển mưa!

Đực Cồ to lớn và vì lớn con, nên bạn đồng lứa gần thêm cho nó cái hỗn danh “*Cồ*” ở đằng sau cái tên Đực cún cơm. Đực Cồ lợi dụng tình thế hiểm hoi, có một không hai,... nó nương theo tay Sáu Huệ, tựa vào làn da mơn mớn trắng hồng không còn mảnh vải che bộ ngực nõn nà, để...

Đực Cồ thắm thương trộm nhớ Sáu Huệ khi nó còn ở mướn nhà dì Tư. Nghiệt nỗi, Sáu Huệ đã phải lòng Năm Xối nên nó hận Năm Xối cũng từ lúc đó. Đực Cồ biết rất rõ bệnh tình của Sáu Huệ hơn cả dì Tư. Bởi thương Sáu Huệ, nó từng lặn lội ra miệt sông Khoa Giang⁽¹⁾ tìm thấy Tàu hỏi nguyên có. Thấy Tàu phán: “Đó là bệnh “*cà hươc*”, thường gặp ở những người phụ nữ đơn thân hay tập thể mà tới cũ phát thèm hơi đàn ông; chớ chẳng phải mắc bệnh *đàng dưới, đàng trên* gì ráo trọi”. Rồi, thấy cần thận cần dặn: “Khi lên cơn “*cà*

1. Sông Đốc (tức sông Ông Đốc - Đốc bình Vàng).

hước”, chỉ cần đàn ông vuốt ve hôn hít, âu yếm và... thì ngay lập tức, người bình sẽ tỉnh như sáo, tươi cười...”.

Đức Cổ suy nghĩ: “Phải thần tốc chớp thời cơ mẫn nhanh, dứt điểm nhanh... trước khi Sáu Huệ tỉnh rụi do đủ hơi ấm đàn ông!”.

Dì Tư núp sau gốc cây cam cành lá sum suê, quan sát và sẵn sàng can thiệp, cứu con gái khi cần đến.

Chợt thấy nguy tới trình tiết của con, dì rung cành cây cam và tăng hắng, giả bộ như có bạn hàng mua cam tới:

- Mèng dec ơi! Mợ Bảy, và mấy bà mấy cô mới tới!

Dì Tư nói ong óng:

- May quá! Có *Cậu Bồi* đương ghé thăm!

Đức Cổ đang hứng tình... bỗng xiu và tiu ngửi, tiếc hùi hụi!

Tỉnh cơn, Sáu Huệ bật ngồi dậy và hốt hoảng, vội quơ nón lá che ngực. Mắt Sáu nổ đom đóm, ngó chòng chọc vô mặt Đức Cổ, hỏi:

- Đức Cổ! Anh đã mần gì tui?

Cúi gằm mặt, Đức Cổ đứng như bị trời trồng, mắt lăm lăm lét chẳng khác phường trộm cướp vừa bị bắt tận tay. Thấy vậy, dì Tư nói giả lả cho êm chuyện:

- Thôi con! Dù gì thì cũng là chỗ từng quen biết nhau. Lâu ngày gặp lại, *Cậu Bồi* giỡn chơi... mà!

Đức Cổ lom khom mặc quần áo, Sáu Huệ chưa hả tức giận.

- Anh đừng lảm tưởng: Giờ là *Cậu Bồi*, thì anh muốn tự tung tự tác gì cũng được trên đất Ba Láng nầy, sao?

Sáu Huệ xĩa xối và nhắc lại cho Đức Cổ nhớ:

- Dân xứ nầy chó đâu phải dân xứ khác tới, bộ anh quên: “Gái Ba Láng, phải chuyện chơi xả láng, và cũng không cần sáng về sớm. Gặp người hiền lương thì gái Ba Láng hồn hậu, gặp kẻ bất nghĩa thì gái Ba Láng tĩa sạch lông. Xưa nay, tính khí của phụ nữ miền Tây sông Hậu là vậy!”.

Đức Cổ cứng họng, nhục quá hóa khùng; nó vớ cây súng, lên cu-lát (*culasse*), bóp cò: “*Đùng!*”.

Bầy chim trong vườn cam bay tán loạn.

Đức Cổ vác súng, co giò chạy một mạch xuống bến ghe.

*

Đêm trầm hà!

Tiếng súng vu vơ từ đồn bót Tây dội về. Ba Láng qua rồi những ngày thanh bình khai hoang khẩn đất.

Đã sang canh ba và có lẽ, hai canh giờ nữa thì ghe của cậu Tám sẽ cập bến rước Sáu Huệ về Bình Thủy lánh nạn. Hai má con ngồi chụm đầu nhau thủ thủ; đồng thời, cùng tránh cái lạnh khuya khoắt đêm dài.

Ngoài vòm rạch, chó sủa ròi rạc và nhát gừng như tiếng chó sủa ma. Một hồi sau, chó cả xóm sủa hòa. Tiếng chó sủa hòa làm dì vui bụng, dì nghĩ: “Chắc là ghe cậu Tám tới trước giờ hẹn!”. Dì dợm giục con xách *cà ròn* đựng áo quần ra cầu nước ngồi chờ, kéo lát nữa ghe của cậu phải đợi lâu.

Chó sủa gấp gáp, tiếng chó nà...

- Bữa nay, sao chó xóm mình sủa kỳ lạ vậy, má?

Ngạc nhiên, Sáu Huệ hỏi.

Chưa kịp trả lời con, ngẩng đầu lên dì thấy đèn đuốc sáng choang trên ghe, không phải để rọi đường, mà nhằm để mọi người biết đó là ghe của quan đang đậu đầu vòm. Phát hoảng, bởi dì biết đó là ghe hầu của Cai tổng Hai Vĩnh. Sáu Huệ liệng bao *cà ròn* áo quần lộn vô nhà, nắm kéo tay má nhắm hướng băng qua mương nước.

- Bốp! Bốp...!

Té sắp bờ mương, dì Tư thoáng thấy cái bản mặt thằng Đục Cổ... trước lúc ngất xỉu.

5.

Rạch Cần Thơ nước lớn ròng theo từng con nước sông Hậu. Bụng dạ Năm Xối nóng như thiêu như đốt và đã ba ngày hai đêm rồi, anh cùng toán nghĩa binh thủy, cố lặn hụp để tiếp cận chiếc ghe hầu của Cai Vĩnh đang neo đậu tại ngã ba rạch.

- Qua giao chú em phải làm xong việc này!

Đó là lời của chú Chín, và cũng là lệnh của người chỉ huy tại mặt trận ngã ba rạch Cần Thơ.

“*Qua giao chú em phải làm xong việc này*”! Việc này, chính là việc trừ khử Cai Vĩnh - một tên “*nhơn diện thú tâm*” tổng Định Bảo. Hắn theo Tây, giết người yêu nước và dân lành; hắn dựa Tây, cướp đất đai, đoạt của cải và chà đạp nhơn phẩm người lương thiện... Đó là mối thù chung! Với Năm Xối, hắn còn nợ mối thù riêng, là đang cưỡng chiếm người anh yêu hơn cả mạng sống của mình.

Mặt nước rạch khói sóng mù sương, và trăng thì lủi vào mây ẩn trốn. Không gian cùng thiên nhiên đã hợp phối, tạo điều kiện thuận lợi nhứt cho anh lặn dọc theo đáy lườn ghe.

Nước lớn xuống rạch, nước ròng lên bờ và giờ đây, anh nắm vững quy luật con nước, nắm rõ quy luật sinh hoạt trên ghe hầu của Cai Vĩnh. Tình yêu Sáu Huệ đã kích hoạt trong anh sức mạnh vô song cộng thêm chút liều lĩnh của chàng trai miền Hậu Giang sông nước.

Căn cứ Láng Hầm.

Võ tướng quân, Tổng binh Bút, chú Chín... chăm chú lắng nghe cách đánh, cách tiêu diệt tên vong nô Cai tổng Hai Vĩnh do Năm Xối vạch ra và trình bày.

Tổng binh Bút chỉ huy mặt trận, chú Chín trực tiếp trận đánh cùng Năm Xối.

Suốt tuần nay, ngày nào mợ Bảy cũng chèo xuồng bán cam dạo trên khúc rạch ghe hầu neo đậu để thám thính, phục vụ trận đánh sắp nổ ra!

Ngày trôi qua thật dài, đêm trông hoài không sáng. Năm Xôi giấu nỗi thương nhớ Sáu Huệ với chính mình, vì sợ nỗi thương nhớ sẽ làm Năm yếu lòng, hoặc thiếu điểm tĩnh trước giờ anh xuất kích. Nhưng, càng giấu nỗi thương nhớ, anh lại càng nhớ thương thêm.

Những giể lục bình trôi nhùng nhằng không chịu con nước... bông vẫn nở và vẫn sậm tím màu, dù đang chịu cảnh dập dềnh lưng sóng!

- Dễ mấy ai lọt vào mắt xanh của ngài Cai tổng! Sáu là nhứt rồi đó!

Đức Cổ muối mặt, và vì sợ người quen biết cũ thấy được cái mặt muối của nó, nên nó liền trở mặt. Ngày nào, Đức Cổ cũng lết tới lải nhải mấy lời thuyết phục Sáu ưng lấy Cai Vĩnh. Sáu như gốc cam già, cành khô thân mục! Trong lúc đó, Cai Vĩnh vẫn kiên trì chờ đợi Sáu tự nguyện hiến dâng. Hẳn, bậc thầy tráo trở và nham hiểm; một tay lọc lõi tình trường và cũng là tay thợ săn từng trải - Hẳn biết chờ để đợi cái hân cần đợi sẽ đến.

Thiệt ra, đầu đuôi việc cưỡng chiếm Sáu Huệ là do Đức Cổ bày vẽ, dẫn dụ.

- Bẩm thầy Cai! Sáu Huệ, em nó không có bệnh hoạn gì cả!

- Mấy nói sao, Bồi?

Cai Vĩnh trở mặt, ngạc nhiên hỏi.

- Bẩm! Hồi con còn mần vườn nhà dì Tư, thì em Sáu nó mạnh xăn xấn chớ nào có bệnh tà hay phong phéc gì đâu!

- Mấy nói chơi hay nói thiệt vậy, Bồi?

Nước bọt rỉ mép, Cai Vĩnh chép chép miệng.

- Bồi! Má con nó, chẳng lạ lẫm gì với tau, nha!

Ngại Đức Cổ bịa chuyện, Cai Vĩnh nhắc khéo.

- Bẩm! Con biết... con biết!

- Con biết... Con biết, mần sao?

- Mần sao... Mần sao, thì sao con biết!

Lỡ lời nói trả treo với thầy Cai, Đức Cổ vội lấp liếm bằng cách thuật lại tất cả chuyện nhà má con Sáu Huệ, và nó cũng không quên tố cáo Năm Xôi bỏ ghe hàng bỏ theo Tổng binh Bút đánh Tây. Nó xâu chuỗi chuyện, rồi kết lại:

- Sáu Huệ nhớ thương Năm Xôi vượt quá tầm kiểm soát trí não, thiếu hơi đàn ông nên sinh bệnh *cà huốc*.

Cai Vĩnh ngồi lắng nghe đến nỗi cây ba-tong rớt hồi nào cũng chẳng để ý tới.

- Bẩm thầy Cai! Đó chẳng qua cũng là "*Nhứt âm nhứt dương chi vị đạo*"...

Cai Vĩnh thoáng nghĩ: "Thằng nầy không đơn giản"; song, để gì hân chịu buông bỏ con mồi.

- Bồi! Vậy, mấy tiến hành thực hiện gấp việc đó, nha!

Ngậm ống tẩu phì phèo, Cai Vĩnh mỉm cười và bất chợt, thấy đồng bạc đầm xòe xuống đất, thường công trước cho thằng Bồi. Đực Cồ cúi rạp người lượm đồng bạc, rồi ngẩng đầu, miệng cười híp mắt.

Nó ấp a ấp úng trước khi lui ra:

- Bẩm thầy Cai...

- Bồi! Việc gì cứ nói!

- Thấy Cai để phòng Năm Xối! Việc này, Năm Xối dứt khoát không tha và sẽ rửa hận bằng máu!

Móc khẩu súng lục dần lên bàn, Cai tổng Hai Vĩnh vỗ đùi và cười rung mặt bàn, khiến khẩu súng như muốn nhảy dựng.

*

Trời chớp giựt, mưa nguồn.

Đêm tối thui, giờ bàn tay không thấy!

Nơi doi đất đầu Sóc Xà No (*Srock Snor*), mợ Bảy treo đèn chong lên cây bẹo làm ám hiệu cho nghĩa binh khai hỏa. Và, dưới lòng rạch, Năm Xối cũng đã đục lườn ghe hẫu hở ván tàng hoạc, nước tràn ào ào...

Ghe hẫu sang hơn ghe điệu⁽¹⁾, nó được đóng sang trọng; xung quanh sơn son thếp vàng; nội thất phòng khách đẹp đẽ, chẳng khác phòng khách tại dinh thự của Cai Vĩnh và nó được bày biện: chiếu bông sắc sỡ nẹp điệu, gối dựa lụa tơ tằm, ống điều bình, đồ lệ bộ...

1. *Ghe điệu* dành cho giới nhà giàu ở miền Hậu Giang. Đó là loại ghe mũi lái đều chạm trổ, kèo mũi sơn son thếp vàng; sàn ghe lót ván gỗ tốt và trong ghe có chỗ ăn uống, ngủ nghỉ đủ tiện nghi như ở nhà.

Đầu rồng đuôi phụng, mũi hai chèo... Đực Cồ, đám lính và cả Cai Vĩnh, chẳng thằng nào hay biết chuyện sống chết sắp xảy ra. Đực Cồ ngồi uống rượu, vuốt ve con mồi gái vừa tóm được trên chiếc xuồng câu đêm qua, sau khi nó chém người chống rớt sông. Hai Vĩnh thêm Sáu Huệ tới độ nhỏ dãi, nên bất chấp giữ thể diện Cai tổng, và cũng mất sự kiên trì chờ đợi Sáu Huệ xiêu lòng như mấy ngày qua. Cai Vĩnh dùng võ lực của thằng đàn ông háo sắc, Sáu Huệ không còn mảnh vải che thân...

- Tấn công! Tấn công!

- Bắt Hai Vĩnh! Giết! Giết!...

Tiếng hô của nghĩa binh vang dội góc trời!

Hàng chục xuồng ba lá chở nghĩa binh ào ào vây kín ghe hẫu và phóng hỏa.

Đám lính la hét thất thanh, mạnh dứa nào dứa nấy bung giò nhảy rạch... Lốp lốp ngóp bị bắt, lốp bị nghĩa binh chém giết chết chìm.

Gió thổi lửa bốc cháy nhanh, ghe hẫu rực lửa sáng choang ngã ba rạch.

Cai Vĩnh chưa kịp mặc quần thì Năm Xối trờ tới...

- Phụp! Phụp! Ph...ụ...p...

Mũi ngọn giáo mà Năm Xối mượn của vị Thần thờ tại đình Tân An⁽¹⁾, huyện Phong Phú, lúc anh theo chú

1. Đình Tân An (thuộc huyện Phong Phú, 1839 - tức Cần Thơ sau này), có trước khi vua Tự Đức sắc phong (năm Bính Tý (1876)) và Thống đốc Nam Kỳ Bonard ký sắc lệnh hành chánh thành lập "Hạt Cần Thơ", ngày 23-02-1876.

Chín dẫn thân vào nghiệp đao binh đã cầm phập yết hầu và dính kẹt ở cổ Cai Vinh. Đang loay hoay cố rút ngọn giáo, bất chợt, qua ánh lửa chập choạng nhảy múa, anh phát hiện và thoáng thấy bóng Đục Cổ đang giương họng súng về phía Sáu Huệ. Buông cán giáo, tay không anh xốc tới... Súng nổ, và anh nhảy dựng, bật ngửa rớt xuống rạch!

Liền đó, từ phía sau chú Chín nhảy xồm tới chém đứt tay bóp cò súng của Đục Cổ, nghĩa binh nhào vô bắt sống.

Đằng Đông, mặt trời lên. Ngã ba rạch Cần Thơ sáng trắng!

Chú Chín Don nói lại: “Đánh xấp lá cà trên ghe, lúc hỗn loạn chú nhìn thấy con Sáu nhảy chết theo Năm Xối, nhưng không tài nào ngăn kịp!”. Người nghe, ai cũng cảm thương, sứt sùi đau xót!

Dì Tư, mợ Bảy, bà con xóm vườn cam Ba Láng đã tìm được xác Năm Xối, Sáu Huệ trôi vương bụi ô rô ở miếng biển thí thuộc doi đất Sóc Xà No và cả hai, được chôn cất tử tế tại nơi đã tìm thấy xác⁽¹⁾.

1. Năm 1901, kinh xáng Xà No bắt đầu đào từ sóc Xà No (Cần Thơ) ăn thông vào kinh Cái Tứ (Hậu Giang - Kiên Giang), đến giữa năm 1903 thì hoàn tất. Ngày 29-6-1904, kinh xáng Xà No chính thức được khai thác sử dụng do Thống đốc Rodier phê chuẩn. Ngôi miếu Cô Cậu nằm trong đất quy hoạch đào kinh xáng nên được di dời, và sau nhiều phen đầu bể, ngày nay không ai còn biết ngôi miếu đã bị xóa hoặc thất lạc phương nào!

Cảm khái nghĩa khí, trân quý lòng chung thủy của những người con Ba Láng, ngày đó, dân trong vùng dựng ngôi miếu thờ, gọi là Miếu Cô Cậu⁽¹⁾!

Hết chuyện, cụ Út Tôm ngưng kể.

Bần thần trong nỗi bàng khuâng, tôi bước ra cây cầu nước, vịn cành cam xoàn gie nhánh ra bến sông, rồi đứng nhìn về vàm kinh xáng Xà No. Giật mình, tôi chợt nghe như có tiếng ai hò:

*Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng, Xà No,
Có thương em, anh mua cho một con đò,
Để em lên xuống thăm dò ý anh...*

- Thằng Ba đâu rồi?

- Dạ! Thừa cụ, con nè!

- Em nó dọn cơm, vô ăn đi cháu! Rồi liệu có mà dìu cho sớm, kéo trễ đò!

Gió rượt chiều chạy rần rạt trên những cành lá cam xanh mượt, sum suê. Và tôi, chẳng thể nào quên... Ba Láng những ngày...

1. Miếu thờ Bà Cậu là tín ngưỡng dân gian thuộc về nghề hạ bạc có liên quan tới sông nước. Cần Thơ tín ngưỡng thờ Bà Cậu rất phổ biến vì là xứ sông ngòi chằng chịt.

Chưa chắc ăn!

1.

Khu vườn Dinh Độc Lập buổi sáng đầy ắp tiếng chim. Những bước chún nhảy nhót của sáo, cuống⁽¹⁾, cu, se sẻ trên thảm cỏ xanh còn đọng sương đêm. Nơi xưa kia, thiên hạ chẳng thể ngờ một ngày nào đó, có một quán cà phê như quán cà phê 30-4 “đóng đô” ở phía sau dinh, mọi người - không phân biệt giai tầng xã hội - thoải mái ra vào ăn sáng, uống cà phê, tán gẫu chuyện trò và ngắm nắng mai rớt qua khe lá của rừng cây cổ thụ. Cụ Lê Hoài cùng hai bạn “người muôn năm cũ” - cụ Ngân Hoàng và Khang Vĩnh, đang lắng nghe từng giọt cà phê nhỏ tí tách xuống đáy ly.

- Thưa cụ, hồi nằm cụ có dịp làm việc trong Dinh. Nay trở lại, cụ thấy thế nào?

1. [Sáo sậu, chim có lông màu đen, chún dài, có thể tập cho nói].

Cụ Ngân Hoàng hỏi cụ Lê.

Cụ Lê không vội trả lời, mắt nhìn về ngôi nhà cũ của ông bà cố vấn Ngô Đình Nhu ở cuối góc Dinh giáp đường Huyền Trân Công Chúa và Nguyễn Du. Như nghĩ ra điều gì, cụ thở dài:

- Mắt của người hơn 80 tuổi, còn thấy thế nào được? Chốn nầy, từng chứng kiến đỉnh cao của quyền lực và hồ thắm, vinh quang và ô nhục, kết đoàn và tan rã...

Rồi, cụ nói tiếp:

- Hai lần ăn bom người một thời theo mình (1960 và 1975), rồi quân ta bắn quân nhà (1963), máu đổ đêm trừ tịch (Tết Mậu Thân 1968) và lần sau cùng là tự kết liễu giữa tiếng xích xe tăng nghiêng qua cánh cửa Dinh. Lịch sử là những bất ngờ, và những bất ngờ ấy đã xảy ra tại đây!

Cụ Khang chậm rãi pha cà phê, mời hai bạn già cùng uống.

- Thời gian qua nhanh thật, mấy mươi năm mà cứ ngỡ như mới hôm qua! Thoáng chốc, tụi mình đã qua 80, Sài Gòn thì đã bao “vật đổi sao dời”!

Cụ Ngân nhấp cà phê và chép miệng:

- Mọi việc ở trần gian, xem ra cũng chưa có gì chắc ăn!

Cụ Khang thông thả tiếp lời:

- Nói chi xa, ngay con cháu mình, có đứa chắc ăn, có đứa chưa chắc.

- Nghĩa là sao?

Sốt ruột, cụ Ngân hỏi.

Chưa trả lời vội, cụ Khang xoay qua cụ Lê.

- Này, Cụ Lê! Chắc cụ còn nhớ chuyện thằng Mẹo ở chợ Cầu Muối hồi năm 60 của thế kỷ trước? Năm đó, thằng Mẹo khoảng 6, 7 tuổi đang chơi bắn đạn với đám bạn ở đầu đường Cô Bắc, chợt hốt hoảng chạy về nhà nói với ông nội rằng: “Ba ngày nữa bà nội chết!”. Cả nhà rầy thằng Mẹo nói tầm bậy!

Đúng ba ngày sau, bà nội bị xe tải chở cá cán chết!

Tháng sau, thằng Mẹo đi tắm sông về và nói với ông nội: “Năm ngày nữa cô Bảy chết!”. Mọi người bán tín, bán nghi. Tại sao thằng Mẹo biết? Hay thần thánh, cô cậu nhập hồn?

Đúng năm ngày sau, cô Bảy chết!

Đến lúc này, thằng Mẹo được cả gia đình, dòng họ kính trọng, khấn vái như thần linh.

Bốn tháng sau, thằng Mẹo nói với ông nội: “Hai ngày nữa, ba con chết!”.

Cả nhà thất kinh hồn vía. Ba Mẹo buồn rầu bỏ ăn, bỏ uống. Ngày đêm mọi người túc trực bên ba thằng Mẹo.

Giây phút cuối của ngày thứ hai trôi qua, bỗng cả nhà thằng Mẹo nghe tiếng đờn đám ma ò e...í e... của nhà thằng Tám chuối nường vọng sang.

Cả nhà Mẹo mừng chảy nước mắt!

Ba cụ già bát thập vừa cười, vừa ho sù sụ.

- Thì người đời thường dặn: “Cháu nội chưa chắc ăn đó sao!”. Cũng như cái dinh này, chỉ chắc ăn là do Kiến trúc sư Ngô Viết Thụ - tài hoa và tâm huyết - đã thiết kế, còn ai là chủ nhân thì cũng chưa chắc ăn?

- Tụi mình ba lão già - chứ không phải ba chàng ngự lâm pháo thủ - sinh ra và lớn lên ở cái xứ sở Sài Gòn, trải qua nhiều thời kỳ thịnh suy của đất nước. Việc đời, việc người, việc mình, ngắm mà xem, có cái việc nào chắc ăn đâu!

Cụ Lê nheo mắt nhìn đoàn người xếp hàng vào Dinh Độc Lập tham quan, nói tiếp:

- Ngay thuở xa xưa, người Trung Hoa rất tự hào rằng có *Kinh Dịch*, thuyết Âm Dương, Ngũ Hành, binh pháp Tôn Tử và hệ thống đạo đức cá nhân Khổng giáo, nhưng có biết đâu những thứ đó đã thít chặt cổ thần dân vào bánh xe cai trị của các vị được gọi là thay trời chăn dân! Cho nên, làm gì có quyền tự do cá nhân theo cách hiểu của Phương Tây. Chỉ có nhà nước thống trị tuyệt đối với tiềm thức trung tâm thiên, rốn tinh hoa của trời đất - Trung Hoa - in sâu tư tưởng Đại Hán. Thế mà, cứ mỗi lần tung vó ngựa xâm lấn phương Nam đều phải ôm mối hận lòng thất bại. Vẫn là... chưa chắc ăn!

Cụ Ngân hỏi: “Tại sao?”. Cụ Khang tiếp lời cụ Lê:

- Tại sao ư? Phương Bắc lấy số chẵn, phương Nam lấy số lẻ. Nếu, phương Bắc bảo rằng, lưỡng nghi sinh tứ

tượng, tứ tượng sinh bát quái, thì phương Nam dẫn con cháu, lưỡng nghi sinh tam tài, tam tài sinh ngũ hành. Phương Nam xem trọng con người và chính Con Người nối giữa Trời và Đất, người gần đất, xa trời là người sắp ra đi. Ngũ hành nằm trong năm ngón tay của bàn tay, ngón cái để kềm đồ vật (Mộc), ngón trỏ để chỉ thẳng mặt kẻ vô lại (Hỏa), ngón giữa để bắm khi bợ đất (Thổ), ngón áp út để đeo nhẫn khi thành gia thất (Kim), ngón út để người vợ hiền nếm nếm khi nấu thức ăn (Thủy). Nếu Trung Hoa có binh pháp Tôn Tử, thì người Việt có dân pháp: *“Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”*, lấy dân làm gốc cho mọi sinh hoạt chính trị. Nếu Trung Hoa có đạo Khổng, thì người Việt có đạo Nhân. Vì thế, khi phương Bắc bảo: *“Áo mặc không qua khỏi đầu”*, thì phương Nam nói: *“Con hơn cha, nhà có phúc!”*. Khi phương Bắc bảo: *“Tam tông, tứ đức”*, thì phương Nam nói: *“Thuận vợ, thuận chồng tát bể Đông cũng cạn!”*.

Khi phương Bắc bảo: *“Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên”*, thì phương Nam nói: *“Xưa nay, nhân định thắng thiên cũng nhiều!”*. Phương Bắc đề cao Trời, lấy Trời làm chỗ hướng thượng tuyệt đối. Phương Nam biết Trời ở tại lòng người nên đề cao Người, xem Nhân Nghĩa như là việc báo đáp ơn Trời vậy! Đó là lý do tại sao Hậu Thiên Bát Quái đặt cung Ly ở phương Nam, vì Dịch lý hiểu rằng phương Nam là phương của ánh sáng, của trí thông minh, của lòng Nhân Nghĩa. Cơ thể phương Nam chứa một dung lượng vi trùng để kháng

cực kỳ mạnh và hiệu quả, nên vi trùng độc từ phương Bắc bao đời không thâm nhập được, ví dầu có thâm nhập được chẳng nữa rồi cũng bị đánh bật ra.

Cụ Lê cười, miệng móm sọm vì hai hàm răng từ thuở cha sanh, mẹ đẻ đã rụng theo ông, theo bà từ lúc tuổi bước vào ngưỡng thất thập! Cụ không thèm trồng răng giả. Cụ thường bảo, ngay cả răng cũng giả, thì thà chết còn sướng hơn.

Nắng ráo hoảnh, ẩm áp khu vườn Dinh Độc Lập. Tiếng chim ngừng hót, bởi tiếng người làm kinh động không gian.

Ba tám năm về trước, mấy ai dám nghĩ có ngày hôm nay? Tại nơi này! Câu chuyện giữa ba cụ rôm rả, cũng có lúc trầm lắng, thì thầm.

- Chốn này, người lật đổ ông Diệm cũng là người nhận chức Tổng thống chóng vánh và cuối cùng của Miền Nam, một hàng tướng nổi tiếng đi vào lịch sử!

Nghe cụ Ngân nói, cụ Khang buột miệng:

- Cuộc hí trường xảy ra trong cái dinh quyền lực này. Nó vừa bi tráng lẫn bi hài chỉ một thời gian 20 năm ngắn ngủi. Một số người muốn cứu ông Diệm, ông Nhu nhưng bất thành. Một bác sĩ Trần Kim Tuyến trước là bạn, sau là cộng sự - trùm mật vụ - của ông Nhu. Từng được Đại tá Phạm Ngọc Thảo cứu sau năm 1963, và cuối tháng 4-1975, bác sĩ Tuyến được Phạm Xuân Ẩn cứu vào phút chót. Và, lịch sử lặp lại những gì đã từng xảy ra ở vương

triều nhà Nguyễn đối với vùng đất Nam Bộ: xác lập chủ quyền trên đất Nam Bộ, dẹp loạn Lê Văn Khôi (1832 - 1835) thì cũng xảy ra trước khi Đệ Nhất Cộng Hòa ra đời (1956 - 1963), Hoàng Triều Cương Thổ bị sáp nhập, dẹp tan các lực lượng võ trang - chủ yếu Bình Xuyên và các giáo phái - đưa nền quân chủ lệ thuộc Pháp chuyển sang thể chế Cộng Hòa, tiến hành xây dựng Ấp Chiến Lược. Ông Diệm dùng trưng cầu ý dân, truất phế Bảo Đại. Triều Nguyễn chấm dứt vĩnh viễn! Thật ra, những việc này tôi chỉ nhớ mang máng thôi, cần có ý kiến của cụ Lê.

Cụ Khang nói.

Cụ Lê có một dạo làm việc trong Dinh thời ông Diệm, nên ít nhiều cũng biết chuyện trong Dinh. Đặc biệt là bào đệ của Tổng thống Ngô Đình Diệm - ông Ngô Đình Nhu. Cụ Lê im lặng, như để dòng ký ức từ bộ nhớ phát ra:

- Ông Nhu tốt nghiệp Cử nhân Văn chương - ngành Cổ Tự học - Trường Đại học Sorbonne, Paris (1938). Sau khi tốt nghiệp, ông trở về nước và trở thành học giả trẻ tuổi, giỏi cổ sử thế giới và uyên bác cổ sử Việt. Cưới Trần Lệ Xuân - con của Luật sư Trần Văn Chương; cháu nội Trần Văn Thông, Tổng đốc Nam Định và là cháu ngoại Thân Trọng Huề, Thượng thư Bộ Binh - nhỏ hơn ông 14 tuổi. Bà Xuân gánh vác gia đình và nuôi chồng suốt thời gian ông thất nghiệp ở Đà Lạt và Sài Gòn. Trong thiếu thốn, ông sống khắc kỷ của người trí thức “ngọa hổ tàng long”. Khi ông đạt đỉnh cao quyền lực, những người

đương thời căm ghét vì máu lạnh và thực dụng của ông, song ông Nhu là một người có năng lực, một chính trị gia, lý thuyết gia vượt lên trên những người cùng thời ở Miền Nam. Ông Nhu là linh hồn của chế độ, là chỗ dựa không thể tách rời của bào huynh Ngô Đình Diệm. Có lẽ, phong cách quan lại của ông Diệm cộng với tư tưởng và hành động độc đoán của ông Nhu đã làm nên chế độ gia đình trị chẳng? Ông Diệm lẫn ông Nhu, một tay muốn thoát sự kềm kẹp của Mỹ, một tay nhận đô-la viện trợ Mỹ, thì làm thế nào được? Quyền lợi quốc gia là tối thượng, có ai cho không bao giờ!

Cụ Lê dứt lời, cụ Ngân thốt lên:

- Rồi, mọi việc vẫn chưa chắc ăn! Hai ông đành bỏ mạng, bởi những người rất thân cận mình.

Cụ Lê nói như kết thúc câu chuyện uống cà phê buổi sáng.

- Ông Nguyễn Văn Thiệu biết sợ, nên cậy nhờ thần linh và rước thầy Tàu Đài Loan sang trấn ếm đuôi rồng ở Công trường Dân Chủ - dân gian quen gọi hồ Con Rùa - để đầu rồng vững yên, không chết thảm như anh em ông Diệm.

Sợ cũng không thoát, gần nửa đêm của một ngày cuối tháng 4 năm 1975, ông phải ngậm ngùi từ chức Tổng thống và cùng Thủ tướng Trần Thiện Khiêm chạy trốn khỏi đất nước!

Rùa đã cắn đuôi rồng vẫn còn chưa chắc ăn!

2.

Ba lão già ngày ăn thì ít, ngày chết thì tới gần, rồi khỏi quán đi bộ rất chậm như quá khứ níu bước chùn. Đột nhiên cụ Khang cười, rồi bảo rằng, sáng giờ nhàn đàm những chuyện chưa chắc ăn, khiến cụ nhớ việc nhà. Cụ kể:

- Hồi 1977, phường Cầu Kho vận động gia đình thằng Hai con nhà tôi về quê tăng gia sản xuất. Gia đình thằng Hai hăng hái đăng ký đi. Mỗi người đi được phường trợ cấp 5kg gạo, 1 cái cuốc, 1 cái xẻng và 15 đồng tiền tàu xe, ăn uống dọc đường. Tụi nó ùm tùm nhau về miệt Tân Đông võ hoang. Trước lúc đi, thằng Hai kêu thằng cu Lượm - con đầu lòng của nó cùng về quê làm ruộng. Thằng cu Lượm nói với ba:

- Về quê võ đất trồng lúa chưa chắc ăn. Vì, nước lụt về sớm lúa chưa kịp gặt sẽ chìm, cá rô ăn hết. Thà ở đây, con chịu khó bơm mực bút bi cũng tạm sống qua ngày.

Thằng cha nó đi mà mang cái giận về đến Tân Đông.

Đất cũ, dãi người mới. Khi lúa trở bông vàng óng ánh, thằng Hai trở lại Sài Gòn thăm vợ chồng tôi và thằng cu Lượm. Thằng Hai rủ con xuống Tân Đông chơi một chuyến, cốt là để con thấy kết quả mà động viên nó bỏ cái nghề bấp bênh bơm mực, làm ruộng đảm bảo cuộc sống và căn cơ hơn. Hai cha con cười vui vẻ và đi giáp vòng ruộng.

Thằng Hai hỏi con:

- Con thấy lúa ruộng ba ra sao?

Thằng cu Lượm cười, trả lời:

- Nhìn lúa chín đã con mắt, nhưng vẫn chưa chắc ăn!

Thằng cu Lượm ở nán vài ngày với ba má và các em, rồi về lại Sài Gòn.

Lúa gặt xong, thằng Hai bảo vợ đem lúa đi chà gạo. Mười giạ lúa chà ra được 6 giạ rưỡi gạo. Thằng Hai nhần cu Lượm xuống chơi và chở gạo về, xem như món quà quý của vụ lúa đầu tiên trên vùng đất khai hoang. Đồng thời, cũng để trực tiếp trả lời thằng con “trời đánh” lúc nào cũng “chưa chắc ăn”!

Gạo mới, cơm nóng, canh chua lươn nấu với bắp chuối, cơm mẻ, cá rô kho tộ và kèm một chai ba xị đế, được má thằng cu Lượm dọn ra. Thằng cha có vẻ tự hào, trịnh trọng hỏi thằng con:

- Đất trộn lẫn mồ hôi của tau với má mảy, bông kết thành hột lúa, hột lúa chà thành gạo, và gạo nấu thành cơm. Vậy, mảy thấy chắc ăn chưa?

Ánh mắt cu Lượm như đượm vẻ hồ nghi:

- Đành rằng vậy! Nhưng, thấy vậy hay vậy, chớ cũng chưa chắc đã vậy?

Cu Lượm chơn chất, nghĩ sao nói vậy:

- Thiệt bụng, con nói với ba là... cũng chưa chắc ăn!

Thằng cha giận quá, hóa khùng, bất ngờ đá mâm cơm đổ bể tùm lum.

Cu Lượm phóng chun bỏ chạy, la bài hải:

- Thì, con đã nói là chưa chắc ăn mà!

Ngắm ra, chuyện thằng Mẹo, thằng cu Lượm, hay chuyện của ai đó,... thì rồi cũng chưa chắc ăn.

Ba cụ cười ngất, lòi mấy cái răng xệu xạo cố bám vào hàm như bám vào cái chưa chắc... ăn!

Bíp... trật đời!

1.

Thiên hạ đồn rằng, mẹ ông sinh ông ra trong cái bọc - người đời gọi “*đẻ bọc điều*”, và họ tin chắc mẽm rằng lớn lên ông sẽ lập nên danh phận, làm nở mặt nở mày đám dân nghèo trong cái làng nghèo xứ Huế!

Học xong lớp Ba, ông nghỉ học, phụ mẹ lo chạy kiếm miếng ăn từng bữa. Hồi đó, bà con trong làng ai cũng thích ông, nhứt là, thích cái giọng đọc truyện Tàu đầy biểu cảm của ông, chẳng khác gì đào kép đang diễn tuồng tích hát chầu cúng lễ Kỳ yên ở đình làng. Mỗi đêm, mấy bà sồn sồn tụ ở nhà mẹ ông, nằm nghe ông đọc truyện: Khi thì *Tiết Nhơn Quý chinh Đông*; lúc thì *Tiết Nhơn Quý chinh Tây*... Cứ vậy, ngày nầy qua tháng nọ, bất kể những đêm mưa dầm gió bắc. Cả làng ghiền truyện Tàu, ông ngày càng có giá. Nghe đọc truyện là

thú tiêu khiển của dân nghèo nhà quê sau một ngày làm lụng vất vả. Mẹ ông khéo đẻ ra ông, thời gian thúc ông nhỏ giò trở mã. Cao một thước bảy mươi tám, vai u thịt bắp, chắc nụi. Trông mà bắt ham. Mắt to, lòng trắng đen rõ ràng, đôi mắt như lúc nào cũng cười luyến láy. Mấy bà bạn mẹ thường đùa, cái thằng nhỏ nầy mai sau mần chết gái (?). Nhân trung rộng mở, gò má đầy nhưng thiếu đặn, mũi dài giống dọc dừa, lông mày rậm, giữa hai lông mày được gọi là ấn đường no vùng sẽ có quý nhơn giúp đỡ, ước vọng dễ đạt thành. Môi mỏng, cảm hơi dài khiến người đối diện vừa muốn tránh mà chún thì lui bước chẳng đành. Tôi phải viết đông dài về ông vì, đúng như người xưa dạy: Trông mặt mà bắt hình dong. Những sắc diện bên ngoài của ông, nó ứng gần như giống cuộc đời ông sau nầy. Lâu dần, ông có tiếng trong làng: Người thuộc lâu lâu truyện Tàu và có giọng đọc đầy uy lực ma mị. Ông nhập tâm truyện Tàu, điều suy nghĩ trong đầu ông có khác chi điều suy nghĩ của những kẻ nổi danh “thuyết khách” Ngô Khởi, Quán Trọng, Trương Nghi, Tô Tần... kể cả Chung Ly Vô Diệm nữ thuyết khách đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa - có thể nói, không sợ sai - cũng là nữ thuyết khách đầu tiên của thế giới. Ông luôn nghĩ mình là thuyết khách và nuôi tham vọng “chẳng vương cũng bá”. Và, tham vọng đó, lớn dần theo số tuổi chống chọi lên đời ông.

Khi ông bước vào tuổi mười chín, đôi mươi; người ta thấy ông khi ôm cuốn tự điển *Larousse*, lúc cặp sách

quyển *La Nausée* (Buồn nôn) của Jean-Paul Sartre... trà trộn ở giảng đường Đại học Văn khoa Huế. Cũng lắm khi, bàn dân thiên hạ đất cố đô bắt gặp bóng dáng ông loáng thoáng ra vô trường Bình Minh, sau chuyển đổi thành trường Thành Nhân do Ngô Đình Cẩn sáng lập. Và, chỉ đến khi bà chủ khách sạn - người giàu có nhất nhì xứ Huế, sống cuộc sống đàng hoàng và rất từ tâm đã nhảy lầu tự vẫn để giữ tròn đạo nghĩa tào khang đối với chồng, khi bà bị Cố trầu Ngô Đình Cẩn ép buộc và xâm hại trinh tiết. Cái chết thảm của bà đã từng gây cơn địa chấn xúc động trong lòng người dân Huế thời bấy giờ, nhiều người nghi ông có nhúng tay vào tội ác!? Rồi từ đó, không ai còn thấy cái bản mặt của ông ở đất Thần kinh!

Sau nầy, dân Huế mới té ngựa ra rằng, ông mần mặt vụ cho Cố Cẩn⁽¹⁾ và theo dõi phong trào học sinh sinh viên Huế. Tháng 3 năm 1963, tình hình chính trị triều Ngô rối như nổi canh hẹ và có thể, đi vào ngõ cụt. Cố Cẩn muốn giúp anh mình, nên chọn và giới thiệu ông vào Sài Gòn do Nguyễn Tư Thái tự Thái Đen (Trưởng đoàn công tác đặc biệt) dẫn vào trình diện Tổng thống Diệm. Dưới mắt Cố Cẩn, ông là bậc kỳ tài trong thiên hạ. Tổng thống Diệm tin Cố Cẩn và vì, xuất thân nhà Nho am hiểu truyện Tàu nên mê miệng lưỡi kiểu “*thuyết khách Tàu*” của ông. Cố vấn Nhu thì ngược lại, nửa tin nửa ngờ. Ông đâu biết rằng, ông đụng phải hòn đá tảng Tây học - tốt nghiệp Cử nhân Cổ ngữ loại

1. Ngô Đình Cẩn, dân Huế và miền Trung quen gọi là “Cậu Cẩn”.

xuất sắc - sử dụng tiếng Tây giỏi hơn tiếng mẹ đẻ. Một tay tham vọng, một lý thuyết gia “*Cần lao nhân vị*”, một trụ cột “bất khả ly” của nền Đệ nhất Cộng Hòa... Một cuộc đối đầu “trí khôn” giữa Đông và Tây vô tình diễn ra. Tàu và Pháp, ai đè bẹp ai?

Cố vấn Nhu giao ông đi kinh lý 22 tỉnh, thời hạn một tháng, tổng kết báo cáo và hiến kế sách “*Chường trình bình định hóa nông thôn*”⁽¹⁾. Mặt khác, Cố vấn Nhu cho người giám sát chặt chẽ ông. Hình tướng bề ngoài không lấp liếm nổi cái thực bên trong, bất quá giỏi lắm là lừa được gái tơ hoặc gái góa, chớ đâu thể che giấu nổi cặp mắt “trí thức tinh tường” của Cố vấn Nhu. Ông đi kinh lý các tỉnh cùng đoàn tùy tùng chưa tới mười ngày, uống chưa được 20 chai Hennessy XO thì, bị Cố vấn Nhu triệu hồi và ra lệnh bắt giam. Đó là, buổi trưa của ngày định mệnh 27-5-1963. Quý khách của các “*thuyết khách Tàu*” bị đè bẹp bởi gót giày “*trí thức Tây*”(?).

2.

Trời cứu ông hay do ông quá may mắn? Có lẽ, chỉ có đấng Tối cao mới thấu rõ.

Tổng thống Diệm và Cố vấn Nhu bị trói thúc kén, bị bắn và đâm nhiều nhất dao hận thù, nằm chết co quắp trong lòng Thiết vận xa, máu loang đầm đìa ướt cả mặt sàn xe.

1. Giai đoạn ba (1961 - 1963) dồn bầy cho quốc sách “*Ấp Chiến Lược*”.

Ông nhếch mép cười, ung dung bước ra khỏi khám đường Chí Hòa trưa ngày 01-11-1963. Buổi chiều cùng ngày, ông trở thành “chính khách” chống triều đại nhà Ngô. Những ngày ngồi tù Chí Hòa do “bị” Cố vấn Nhu, giờ trở thành số má “thành tích” đương nhiên không tranh cãi! Sáng ngày 02-11-1963, ông “gài độ” (xin lỗi, có thù lao không thì chẳng biết) nhà báo N. phỏng vấn ông. Tiếng tăm “người hùng kiên cường chống nhà Ngô” bị giam cầm. Nếu, đảo chánh trễ, ông bị Nhu thủ tiêu (?) đã bay chạm vào màng nhĩ người hùng Dương Văn Minh. Trung tướng Minh nhờ thấy H. tìm giúp người vừa trả lời phỏng vấn trên báo TC. sáng nay. Thấy H. gặp ông trao đổi, ông bịp rằng: Sẽ gặp Trung tướng sau, giờ còn bao việc phải làm: “*Nhổ cỏ dại phải nhổ tận gốc!*”, kinh điển Tàu đã dạy như vậy. Tôi bận vì, đương đôn đốc anh em giết sập tượng “*Rồng cái và rồng con*”⁽¹⁾ đội lốt Hai Bà Trưng ở công trường Mê Linh. Báo chí Phương Tây và trong nước đua nhau chụp ảnh, viết tin “hào khí Sài Gòn” lật đổ gia đình trị họ Ngô. Chỗ nào, ông cũng tranh thủ đưa “cái mặt đẹp trai như tài tử xi-nê” ra trước ống kính.

Thấy H. trình nội dung trao đổi với ông cho Trung tướng Minh nghe. Và, không quên nhấn mạnh câu: “*Nhổ cỏ dại phải nhổ tận gốc!*”. Trung tướng Minh nghe thấy H. trình xong cho lui. Một mình trong căn

1. Bà Trần Lệ Xuân và con gái Ngô Đình Lệ Thủy.

phòng rộng thênh thang ở Bộ Tổng Tham mưu, tướng Minh chấp hai tay sau đít, đi tới đi lui, đầu cúi xuống như người nhà quê thường nói “lượm bạc cắc”, miệng tùm tùm cười đắc ý: Sao lòng nó nghĩ giống ta thế? Rồi, Trung tướng lẩm nhẩm: “*Nhỏ cỏ dại phải nhổ tận gốc!*”. Trời giúp ta gặp hiền nhân!

Ông ngồi rung đùi, nhịp giò, tay vuốt mấy sợi “lông tài” mọc trên cái nốt ruồi cằm trái. Trung tướng Minh chính thức nhận ông là con nuôi và, còn sáu ngày nữa, Trung tướng đứng ra làm chủ lễ cưới vợ cho ông. “Trời ơi, đời tôi sao mà... sướng quá, đã quá!”. Vợ ông, từng “một thời vang bóng” hoa khôi của một trường đại học danh giá Sài Gòn. Tội nghiệp chàng Thẩm phán K. yêu “nàng sinh viên hoa khôi” gần muốn phát điên, đành ngậm ngùi nhìn người yêu bước lên xe hoa với “người con nuôi Đại tướng!”.

Lễ cưới do tướng Minh chủ hôn, đủ mặt bá quan văn võ của Sài Gòn thời đó. Đúng là, “Số thắng tài, hay không bằng hên”, chuyện xưa nay đầy rẫy trong sử sách kể cả đời thường. Nhiều đêm ông ngồi uống rượu một mình, chiêm nghiệm theo kiểu Ngô Khôi chiêm nghiệm sau khi cắt đầu vợ tạo niềm tin đối với Chúa công: tướng Minh tin ta vì, thần cốt con người là võ biến chơn chất; nếu gặp phải tay trí thức ham đọc sách hơn ham ôm vợ, chắc là phải... đi bán muối chó chẳng chơi (!).

Thương cánh hoa tràn hương đầy sắc, lấy phải “thằng chồng” vừa dốt, vừa nát, học đến lớp Ba trường làng thì dứt. Được cái mã, được cái giường chiếu hi hục... hi hục hơn trâu... Nỗi chán chường và sự lãnh cảm kéo lê thê trong tâm hồn người nữ trí thức... cho đến khi bà nở nhụy khai hoa... thì, người cha nuôi của chồng cũng vừa bị Hội đồng Quân nhân Cách mạng đuổi đi làm Đại sứ lưu vong. Bà buộc ông ra tòa ly dị, ông rằng bà không được tố cáo đời tư của ông. Cả hai đồng thuận ký giao kèo: Chia tay!

3.

Bịp trong truyện Tàu chỉ bị được kẻ nào “nhắm mắt nhắm mũi, cả tin” và tâm bệnh mê tín. Công bằng mà nói, chẳng cha nội nào “nhắm mắt nhắm mũi, cả tin” đâu. Bởi, cùng một lò ra. Có điều, sách Tàu truyện Tàu đều dạy kẻ đi “thuyết khách” phải điều luyện chuyện đút lót (hối lộ) và gái gú (mỹ nhân kế). Không điều luyện sử dụng hai món tuyệt chiêu đó thì, ở nhà nấu cơm cho vợ tốt hơn là đi “*thuyết khách*”. Nói huỵch toẹt ra, “*thuyết khách*” chính là Bịp!

Lúc mang danh con nuôi Trung tướng Minh, ông lăng xăng đón chính khách nầy, tôn giáo nọ; giúp thăng quan tiến chức một số “tướng tá cơ hội”. Kết quả thế nào không biết, nhưng phần đông thấy mình

chịu ơn với ông. Trong số này, có Đại tá Nguyễn Văn Thiệu, nguyên trước là Sư đoàn trưởng Sư đoàn 1 Bộ binh (BB) đóng ở Huế; được Cố vấn Ngô Đình Nhu chuyển về Biên Hòa nắm nhiệm vụ Sư đoàn trưởng Sư đoàn 5 BB; hòng giúp sức cùng Tướng Tôn Thất Đính đang trấn giữ Biệt khu Thủ đô Sài Gòn phản đảo chánh, một khi có đảo chánh xảy ra! Nhỏ lòng và mẫn thết nền Đệ nhất Cộng hòa xong. Mặc dù Đại tá Thiệu đứng về phe đảo chánh Diệm - Nhu, nhưng viên Đại tá này vẫn nơm nớp lo sợ Trung tướng Minh nghi ngờ “tăm lòng tận trung” nên vội nhờ người mai mối để đích thân đến diện kiến ông tại tư gia. Cả hai hợp gu đều ghiền chuyện Tàu, mê đàm luận binh thư Tôn Tử... và giống nhau ở chỗ cùng loại đa nghi. Chỉ khác nhau, Đại tá “mê tín” dù bản thân là “đạo theo”, còn ông thì không.

Kể từ lần gặp, ngày sau Đại tá Thiệu mang lon Thiếu tướng và liền lúc đó, có chún Ủy viên trong Hội đồng Quân nhân Cách mạng được Trung tướng Dương Văn Minh công bố ngày 04-11-1963. Mỗi lần chạm mặt nhau, ông cười cười và bắt tay Thiếu tướng Thiệu. Hẳn là nhờ ông... Thiếu tướng Thiệu nghĩ vậy!

Sài Gòn sau ngày 01-11-1963, như cái rọ nhốt “anh hùng hào kiệt tranh bá đồ vương trên đỉnh núi Quyển lực”. Đã xảy ra 10 cuộc “thư hùng”, 4 đời Chính phủ

dân sự⁽¹⁾ từ khi Tổng thống Diệm và bào đệ Nhu chết. Đến ngày 14-6-1965, Chính phủ Phan Huy Quát giải tán; Quân đội thành lập Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia do Trung tướng Thiệu (Lúc đó, đã được thăng Trung tướng) và Thiếu tướng Kỳ lãnh đạo Ủy ban Hành pháp Trung ương đến hết tháng 9-1967 chuyển sang nền Đệ nhị Cộng hòa và nền Đệ nhị Cộng hòa chấm dứt ngày 30-4-1975.

Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia Nguyễn Văn Thiệu muốn dùng ông làm ngọn cờ lôi kéo nhân sĩ, trí thức Miền Nam về phía mình và có lẽ, trong thâm tâm Thiệu muốn trả cái ơn cũ đối với ông (?). Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu và Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ đồng ý và chỉ đạo thành lập Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam, giao ông làm Viện trưởng lâm thời. Từ đó, giới trí thức, học giả biết tới ông có hai bằng Tiến sĩ ở nước ngoài (chẳng biết thiệt giả) và mỗi khi có dịp gặp ông, hầu như tất cả đều cung cúc vâng, dạ: một “thưa Giáo sư”, hai “thưa Giáo sư” đối với ông, kể cả các ngài Viện trưởng các Viện Đại học... ở Miền Nam (!). Với con người trình độ học lực lớp Ba, học lóm năm ba miếng võ bịp trong chiêu thức bợm đời xào chẻ trong mớ hổ lốn “mưu ma chước

1. Các Chính phủ dân sự sau cuộc đảo chánh 01-11-1963: Nguyễn Ngọc Thơ (11-1963 – 01-1964); Nguyễn Khánh (01-1964 – 10-1964); Trần Văn Hương (10-1964 – 01-1965); Phan Huy Quát (02-1965 – 6-1965).

quý” truyện Tàu mà, xin lỗi, đã “hô phong hoán vũ” khiến một rừng đa để cổ thụ học từ Âu - Mỹ bị “khớp đèn” tá hỏa tam tinh đành thúc thủ quy phục. Chuyện như đùa, nhưng có thật, mới đau!

Sau ngày hòa bình, có người hỏi ông mần sao “lấy vải thưa che mắt thánh” được? Ông cười ngất, rung rinh cái bụng mồm: Đâu cần tới vải thưa, bởi thế gian làm gì có mắt thánh. Chỉ có mắt háo danh, xu nịnh, choáng ngợp ánh hào quang, dù đó là thứ hào quang của đồ nhôm dỏm do phản chiếu ánh sáng mặt trời. Hồi nhỏ ba mẹ dặn: Dốt dựa cột mà nghe, mình sử dụng có sáng tạo: Ngậm miệng ăn tiền. Mọi việc, biên bản hội nghị đều đã có dàn trợ lý, thư ký lo. Mình chỉ lo mỗi việc là ký tên sao cho giống cái tên đã từng ký!

Thì ra là vậy! Sự đời, sông có khúc, người có lúc. Ở người, “hơn nhau chỉ một chữ thời” bởi, “bôn ba không qua thời vận”. Nếu, ông biết dừng đúng lúc, ông sẽ là “thần bịp” không cần “bơm” vượt trội “thần bài”. Cậu Hai Đạo Dừa nghe tiếng tăm lừng lẫy về ông, song chưa có dịp diện kiến. Cậu Hai cho người thỉnh ông đến Cần Phụng một chuyến để mở tấm lòng và bàn chuyện “Quốc gia đại sự: 7 ngày hòa bình, thống nhất đất nước!”. Nhiều người nghe lạ tai, hỏi cậu Hai mần sao trong 7 ngày giải quyết được hòa bình, thống nhất đất nước? Cậu Hai khịt khịt mũi, mắt ngó xuống sông Tiền nhìn con nước lớn ròng, rồi nói tỉnh rui: Cứ việc

mời Hà Nội vô Sài Gòn bàn giao là xong, có chi khó? Nhiều đêm thao thức, đắn đo. Cuối cùng ông quyết định đi cùng Nguyễn Long Châu xuống gặp cậu Hai. Nói vòng vo tam quốc suốt ngày, đến gần xế, cậu Hai rủ ông đứng chung liên danh ứng cử Tổng thống nhiệm kỳ hai (1971 - 1976) sẽ diễn ra giữa tháng 9-1971. Ông nói nửa chơi nửa thiệt, nửa cà tàng nửa nghiêm túc: “Thưa cậu, chẳng dám giấu gì cậu, tôi giờ trên rặng dưới dãi, chỉ có ‘khối óc chứa bồ kinh luân’ thì lấy chi hùn với cậu mà ra tranh với cử?”.

Cậu Hai phe phẩy phất trần, cười cái miệng móm sòm: Việc ký quỹ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tại Tối cao Pháp viện⁽¹⁾, việc tìm 40 chữ ký của Dân biểu hoặc Nghị sĩ và 100 chữ ký ủng hộ của các nghị viên Hội đồng tỉnh, Cậu lo. Ông ậm ừ, nhớ câu “ngậm miệng ăn tiền”. Bởi, ông hiểu tâm địa hơn ai hết, Thiệu ra đòn hù, bày trò chơi dân chủ, chớ đòn thiệt là độc diễn. Dùng những điều kiện ngặt để bắt bí đối thủ. Nguyễn Cao Kỳ còn bỏ chạy, thử hỏi ai ba đầu sáu tay mà dám đương đầu? Ông rùng mình, khi nghĩ đến cảnh Thiệu thịt “thằng bạn” Đại tá hai lần làm Tỉnh trưởng tỉnh Kiến Hòa, một lần làm Thị trưởng Đà Nẵng. Có “Bảo quốc Huân chương” thế mạng, và là dân biểu, Tổng Thư ký Hạ Nghị viện Trần Ngọc Châu. Ông là cái quái gì, bảo Thiệu nường tay khi theo Đạo Dừa đối đầu tranh

1. Vàng (ròng) thời điểm đó, giá 7 ngàn đồng 1 lượng.

cử với Thiệu. Biết bọn mật vụ Thiệu theo dõi chuyển đi Côn Phụng, ông chơi bài “*đồng tiền đi trước, đồng tiền khôn*”. Ông xin gặp riêng Thiệu để tường trình, Thiệu im lặng. Sợ quá, ông lặn mất tăm từ ngày đó!

4.

Dòng đời nghiệt ngã, chỉ có cái chết là bình đẳng nhau. Mạng không giữ được thì thế gian có cái chi người giữ được?

Tôi viết câu chuyện về ông, bằng những nét chấm phá, không nhằm bêu riếu hay có ý thất kính với ông mà, xin thưa ông, nó như là bài học “thăm thấu tâm can” về “Bịp”. Và, hể “Bịp” thì ắt sinh “Bợm”. Cố nhiên, mỗi thời mỗi khác, chẳng có cái bịp bợm nào giống cái bịp bợm nào. Chuyện cá nhân là vậy, chuyện nhân quần xã hội chắc hẳn còn ghê gớm hơn nhiều. Nghe những vị cao niên trạc tuổi và sống cùng thời ông, nói lại rằng: Mấy mươi năm nay ông “ngậm miệng” không phải để “ăn tiền”. Ngậm miệng để giấu tông tích, để quên cái nông nổi của kẻ bắt chước mưu kế, thủ đoạn “*thuyết khách Tàu*”. Ông chơi với chó, bởi “*chó giống cha*”; rồi bán chó ở miệt Chợ Lớn, như là bán sự trung thành cho thiên hạ, hầu mong con người sống bằng hoặc hơn chó không thể thua chó! Phải vậy không, thưa ông?

Trùn đất bình nguyên sông Cửu Long

1.

Tôi dân miền đất xuất phát điểm nền văn minh phù sa⁽¹⁾ của chín con Rồng, mở chín cửa miệng ngoạm biển Đông giữ hồn nước. Thiên hạ đặt tên Cửu Long Giang: mặt trước gọi sông Tiền, mặt sau gọi sông Hậu⁽²⁾ nên, nói

1. Theo thầy Cao Hữu Hoành: Nhân loại trải qua các thời kỳ văn minh phù sa, văn minh thương mại và hiện nay, văn minh kỹ thuật...
2. Mê Kông - một trong những đại trường giang vĩ đại của địa cầu, với chiều dài hơn 4.880km (tương đương khoảng 3.000 dặm). Sông bắt nguồn từ vùng núi cao Thanh Hải, băng qua Tây Tạng theo suốt chiều dài tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) chảy qua Myanmar, Lào, Thái Lan, Campuchia trước khi vào Việt Nam, rồi đổ ra biển Đông bằng hai sông Tiền, Hậu với chín cửa sông: Tiểu, Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu, Định An, Ba Thắc (Bassac), Trần Đề. Trong đó, cửa Ba Lai giờ đã là cống đập ngăn mặn, dòng chảy bị chặn vĩnh viễn. Riêng cửa Ba Thắc (Bassac), bị thiên nhiên vui lấp chỉ còn như một con rạch nhỏ.

xin lỗi, “Nằm vắt vẻo bờ sông, chống mông cũng không đời”, như câu hò đêm hôm khuya khoắt của kẻ thương hồ! Rồi, cũng lắm khi nghĩ mình, ngắm người để chiêm nghiệm cái mang mang trời đất, cái tương khắc tương sinh nhân loại. Nếu, những dòng sông lớn của thế giới ngày trước, đã hấp dẫn đến đổi giữ bước chân người du mục dừng lại và xoay chuyển sang đời sống nông nghiệp thì, chắc mềm những dòng sông lớn đó, không thể nào thiếu vắng Cửu Long Giang của xứ sở Việt tôi.

Trong số các tiên sinh⁽¹⁾, hay nói bằng thứ ngôn ngữ bạch văn hoặc nói trắng ra là thấy tôi, có thấy vắn vẹo:

- Học trò nói: Sông lớn, xuất phát điểm nền văn minh và là, văn minh phù sa... (?).

Thầy định nói thêm điều chi đó, nhưng lại thôi!

Buổi sớm Sài Gòn chớm đông, tiết se se lạnh vừa đủ cho trời giục người phòng không mông quạnh mặc choàng thêm áo ấm. Sài Gòn dù trải qua trên ba trăm năm rồi, vẫn vậy! Người Sài Gòn với cái bụng dạ miến châu thổ Cửu Long, yêu cái yêu kẻ khác ghét, bực dù rách vắn dùm những cánh chim bạt gió sông hồ mồn mõi kiếm miếng ăn. Tôi từ quê lên thăm mấy vị tiên sinh, sẵn dịp mang “kho đạn Long Bình” ra nổ nơi hè Quán 527, lễ Hoàng Sa chạy song song mép bờ kinh Nhiêu Lộc, một con kinh xanh đúng nghĩa thanh bình.

1. Nhạc sĩ Miên Đức Thắng, nhà thơ Cao Quảng Văn, nhà báo Nguyễn Hữu (Nguyễn Sông Ba).

- Thì, thấy từng nhắc học trò: Sông Nil đã tạo ra nền văn minh Ai Cập, sông Tigre và sông Euphrate nền tảng văn minh miền Mésopotamie Lưỡng Hà Địa...

Gió liu riu từ dòng kinh Nhiêu Lộc tạt về, bứt từng chiếc lá vàng khô trên hàng cây dọc đường Hoàng Sa rơi lá tả. Tự dưng, tôi nghe cảm giác băng khuâng theo máu lưu dẫn trong thân.

Miên Đức Thắng vuốt mái tóc bông bênh ngả màu sương sữa, người một thời không là *“một thời để yêu, một thời để chết”* mà một thời, cùng bạn bè *“Hát từ đồng hoang”*, bằng đôi chân tuổi trẻ dẫm lên than hồng với ước mơ *“Lớn mãi không ngừng”* trên quê hương yêu dấu!⁽¹⁾

- Này, học trò! Im lặng, bí rồi phải không?

Thắng ngó ngực tôi, rồi đột ngột bóp vai. Tôi phản xạ không điều kiện, cho không cũng nên.

- Bí... cái con khi, thừa tiên sinh!

Ở dưới quê tôi, ghét nhất là khi nghe ai đó dùng chữ “Bí” với mình. Bởi, thời còn con gái, má cứ dặn đi dặn lại: “Bí dính bầu, chết ghen con!”. Tôi chỉ kịp kêu: “Cái con khi”...

- Và, văn minh Trung Hoa cũng khởi từ lưu vực sông Hoàng Hà, sông Trường Giang!

Tôi nói như thể bình vực cho điều tôi đã nói.

1. Nhạc phẩm *“Hát từ đồng hoang”* và *“Lớn mãi không ngừng”* của tác giả Miên Đức Thắng.

Ngồi bên, Cao Quảng Văn trầm ngâm, cái trầm ngâm chất Huế người Quảng Điền, Phước Yên chưa bóc và lột sạch vỏ, dự cuộc dự chưa định.

- Lời các vị, khiến tôi nhớ, trong bài thơ “*Tương tiền tửu*” của Lý Bạch ngày xưa: “*Quân bất kiến Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai/Bôn lưu đảo hải bất phục hồi?*”.

Vắng trán tiên sinh đã xếp làn mây nào khác chi, những đường lười cày cắm sâu vào lòng ruộng lúa quê nghèo. Nhớ ra rồi! Tôi nhớ: “... *Trên tro tàn máu lửa/ Thanh bình về nơi nơi/ Với bàn tay khối óc/ Ta xây đường tương lai...*” trong bài thơ “*Quê hương, mẹ già và em bé*” của tiên sinh viết từ năm 1966.

Cao tiên sinh chưa kịp cắt nghĩa hai câu thơ mở đầu “*Tương tiền tửu*”, nhà báo Nguyễn Sông Ba vừa rờ rẫm cái nón màu nâu mận Trại Hầm của xứ Hoa Anh Đào, vừa đòi ngâm thơ. Ai nấy thấy đều chưng hửng. Tôi lén trộm nghĩ: “Thằng cha trung niên đẹp mã, mang tên con sông chảy qua núi Nhạn, từng gánh đào oằn vai... xệ... kếp... lúc tá túc Linh Sơn Tự” (?) mà ngẫu hứng ngâm thơ thì, coi như buổi sáng nay, “rồi chùa!”.

Tôi thêm chơi rần mắt, tính lấy mông cạ về tay nhà báo gốc cao nguyên Lâm Viên thử coi nóng lạnh cỡ nào mà cả gan, dám đòi ngâm thơ giữa “thanh thiên bạch nhật”. Thêm thì thêm vậy, chớ chưa chi đã thấy Sông Ba khệ nệ bưng chậu nước ra, trịnh trọng để giữa bàn

giống hệt cảnh Lưu Chính Phong “*Rửa tay chậu vàng*” từ biệt chốn giang hồ trong truyện “*Lệnh Hồ Xung*” của Kim Dung.

Đương khi đầu mơ mơ, óc màng màng, tôi nhận ra điều chưa thể tưởng của người nhà quê thuần phác: Sông Ba móc bọc, moi thơ của mình và thỉnh linh ngâm nước trong chậu (!). Hiểu ra, tôi té ngựa, bụm miệng:

- Cái đồ quỷ, mắc dzịch!

*

Tây Tạng là miền đất người đời có thể gọi “*nóc địa cầu*”, nơi Mê Kông cùng bắt nguồn Hoàng Hà, Trường Giang (Dương Tử Giang) tạo ra nền văn minh phù sa cho các dân tộc cấy trồng lúa nước. Và, cũng chính những lưu vực của các con sông đó đã trao tặng thôn dân Trung Hoa những bình nguyên bạt ngàn, tặng thôn dân Việt cả một vùng châu thổ sông Cửu Long mênh mông, cò bay thẳng cánh!

Nửa thế kỷ trước, thầy Phan Khoang từng giảng cho học trò: Cách đây trên sáu ngàn năm, giống Hoàng và giống Viêm liên kết đánh thắng giống Miêu và giống Khương, lập nên văn minh Hoa Hạ...⁽¹⁾. Tôi nói với các tiên sinh, rằng:

1. Hoa nghĩa là chính, lớn, đẹp, trở màu đỏ. Đời Chu trọng màu đỏ. Hạ nghĩa là khu vực văn hóa cao.

- Đời nhà Chu, trên dưới áng chừng ngàn chư hầu, tự trị trong nước phụng tòng. Đám thiên tử phong kiến phân biệt giai cấp: Quân tử và tiểu nhân⁽¹⁾.

Thiệt ra, quân tử hay tiểu nhân cũng chỉ là cách nói của giai cấp thống trị đối với giai cấp bị trị mà thôi, ích gì cho thiên hạ. Rồi, quân tử cũng lắm phen biết sợ, như nhà Chu biết sợ rợ Tây - Nhung mà dời đô sang phía Đông⁽²⁾ và từ đó, vua bạc nhược, chư hầu nổi lên tranh cướp chém giết nhau, gây bao thống khổ cho dân lành. Rốt lại, trong số cả ngàn chư hầu chỉ còn sáu nước hùng mạnh: Tề, Sở, Tấn, Tần, Lỗ, Tống. Tuy vậy, họ chưa dám phớt bỏ, hay nói đúng hơn, vẫn sợ nhà Chu. Với họ, họ luôn sẵn sàng tiêu diệt nhau, tranh nhau làm "Bá". Và, trên miền đất phì nhiêu của lưu vực Hoàng Hà hình thành Ngũ Bá: Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tống Tương Công, Sở Trang Công, Tần Mục Công. Thời hỗn loạn Ngũ Bá đã được Khổng Tử ghi chép lại trong cuốn *Xuân Thu*, người đời sau gọi là thời Xuân Thu⁽³⁾. Thời Xuân Thu đi qua, tới thời Chiến Quốc⁽⁴⁾ với bảy nước hùng mạnh, Thất Hùng: Tần, Sở, Yên, Tề, Triệu, Ngụy, Hàn. Về sau, Tần diệt nhà Chu và diệt luôn

1. Quân tử: Gọi là bách tính, tức hạng quý tộc, có đất ruộng, có học, cầm quyền cai trị, cha truyền con nối; Tiểu nhân: Gọi là dân, là thứ dân, là dân, quần lè; tức hạng nô lệ, thời bình làm ruộng, làm thợ; thời chiến thì đi lính (theo "*Trung Quốc cổ đại xã hội nghiên cứu*", Quách Mạt Nhược).
2. Tây Chu đóng đô ở đất Phong, đất Cảo (Thiểm Tây ngày nay). Đông Chu dời đô qua Lạc Dương (nay gọi Hà Nam).
3. Xuân Thu (722 – 479 tr. CN).
4. Chiến Quốc (479 – 221 tr. CN).

sáu nước trong Thất Hùng. Trung Hoa thống nhất và cũng là lúc, dân tộc Trung Hoa từ châu thổ Hoàng Hà tràn xuống chiếm hữu đồng bằng Trường Giang, mở đầu thời quân chủ chuyên chế⁽¹⁾.

Có lẽ, bởi tôi nói như trả bài học thuộc lòng hoặc như, người viết truyện nhét chữ vô miệng nhân vật, nên hai tiên sinh Quảng Văn, Đức Thắng ngửa tai, bật ra lời lẽ:

- Thì đó, hơn hai ngàn năm sau khi chế độ quân chủ chuyên chế ra đời, xã hội Trung Hoa vẫn không thềm chuyển mình thay đổi, mặc cho bọn rợ phương Tây, phương Bắc xâm chiếm và tàn phá đất nước⁽²⁾... "trò" có biết tại sao không?

Tôi như chạm phải nọc, liền vọt miệng:

- Thiếu con trùn đất, thừa nhị vị tiên sinh!

Nhà báo Nguyễn Hữu lỗ mắt, ngó tôi thiếu điều rớt con người.

- Con trùn đất? Nghĩa là... Địa long!?

2.

Trùn đất thì có ăn nhập chi đến chuyện địa lý và lịch sử Trung Hoa, cho dù chỉ là chấm mút chút đỉnh? Có ăn nhập đấy, Trời ạ! Một sự ăn nhập tưởng chừng như rời rạc

1. Theo thầy Giản Chi Nguyễn Hữu Văn, *Đại cương triết học Trung Quốc*, Nxb. Cáo Thơm, S., 1965.
2. Chi Ngũ Hồ, Liêu, Kim, Nguyên, Thanh...

hoặc chuyện nọ xọ chuyện kia, nhưng... tất cả đều do bàn tay mầu nhiệm của Thượng Đế sắp đặt. Chẳng hề là ngẫu nhiên mà Mê Kông, Hoàng Hà, Trường Giang đều cùng bắt nguồn từ “*nóc địa cầu*” Tây Tạng. Chẳng là ngẫu nhiên, Vương quốc Phù Nam bị Chân Lạp, một chư hầu nhỏ bé của mình, tiêu diệt... Và, cũng chẳng là ngẫu nhiên lưu dân Việt gò lưng “một nắng hai sương” trên vùng châu thổ Thủy Chân Lạp (tức Nam Bộ ngày nay) vốn đất cũ của Phù Nam. Vật đổi thì, tránh sao khỏi chuyện sao đời!

- Chẳng phải ngẫu nhiên mà cây cầu Công Lý vắt ngang dòng kinh Nhiều Lộc, và dòng kinh Nhiều Lộc, có từ xa xưa, rất xa cây cầu Công Lý!

Tôi nói khơi khơi trong những vệt nắng mai rời rạc để rồi không bao lâu sau, những vệt nắng mai rời rạc đó, tự nó xâu chuỗi thành sợi nắng mật ong cho hoa lá quang hợp, tạo sức sống mãnh liệt và tốt tươi.

Các tiên sinh có vẻ nghi ngờ điều tôi nói. Tất nhiên! Kẻ không là thợ, sao “múa rìu qua mắt thợ”? Chưa hẳn, vì đâu cứ mang danh thợ là... biết múa rìu! Ví như, chuyện dân gian con trùn đất chẳng hạn.

Trùn đất, người miền ngoài gọi con giun đất; người miền trong, nhất là người Nam Bộ kêu bằng địa long, nghĩa rỗng đất. Con người chưa ai thấy con rỗng nên mỗi người, mỗi dân tộc sống lưu vực Mê Kông hoặc sống lưu vực Hoàng Hà, Trường Giang đều có con rỗng trong tâm thức sở hữu riêng mình. Duy chỉ con

rỗng đất đã là con người thì ai cũng thấy! Nó hoàn toàn không dính dấp gì tới sức mạnh thiên nhiên siêu nhiên, và những yếu tố cấu thành vũ trụ, như: Gió, Lửa, Đất, Nước về truyền thuyết Rỗng phương Tây. Đơn giản vì, nó là con trùn đất, một loài trùn đất sinh sống đất phương Nam cùng dân tộc Việt.

Long nói ở đây, chẳng thuộc về long có cái mũi hình thú, chún trước cằm hạt ngọc... như long ở các triều đại Trung Hoa, hoặc có cái mào nơi mũi, sụn sổng đều; miệng ngậm viên châu... như long ở các triều đại Việt Nam. Nghĩa là, long hoàn toàn không phải long của Vua - Chúa, Bá - Vương... chuyên đề đầu cỡi cổ, mấn cha thiên hạ. Long nói ở đây, chính là long của người cày sâu cuốc bẫm, bán mặt cho đất bán lưng cho trời!

Theo truyền thuyết dân gian, long hiện hữu trước người; nó cùng thời cái thuở “tạo thiên lập địa”, thì sá gì văn minh du mục, phù sa, thương mại, kỹ thuật... hoặc giả văn minh chi chi... đi nữa (!). Với một cơ thể không hình tròn mà là hình trụ, thân nhiều đốt, da dày đủ chất nhờn trong tư thế sẵn sàng chui luồn vô nơi chốn khó khăn nhất. Nó chẳng thêm “cắt ruột rà, soán ngôi báu”, chẳng màng chuyện “tranh bá đồ vương”... Tự nó, bằng bản năng sinh tồn, nó sử dụng vòng tơ quấn quanh từng đốt phần đầu tỳ vào đất giúp đồng loại vượt qua mọi nguy khốn khi bò. Nó không lợi dụng tình thế ngặt, buộc đồng loại làm chư hầu. Có lẽ, nó biết sống nên nó tiết dịch nhầy làm mềm đất, chớ

không chém giết nhau gây đau đớn và thù hận khi gặp phải cảnh ngộ môi trường khô và cứng.

*

Trời cho con người trí khôn thì, chắc cũng cho con người trí đại (!). Trí để tư tưởng. Tư tưởng nào không nuôi khát vọng và khát vọng nào, không mang nặng tham vọng và ảo tưởng; đôi lúc đi đến vĩ cuồng! Con vật khác con người, và chính cái khác đó, lắm khi con vật đã cứu con người thoát bao thảm họa do chính trí khôn - trí đại của nó gây ra...

Miền tiên sinh dường như hiểu ra điều tôi muốn nói, bèn... bật tiếng cười và tự thưởng bằng cái vỗ đùi mình rung rinh bốn cái chun bàn nước.

- Môi trường trong cái thế giới trí khôn - trí đại con người, ngày càng tràn ngập ô nhiễm. Ác nghiệt nhất, là ô nhiễm thể xác lẫn tâm hồn. Trùn đất giúp người một phần nào về sự ô nhiễm thể chất, bởi nó có thể giải quyết sạch môi trường hầu hết các loại chất thải hữu cơ; đồng thời, nó có khả năng tiêu hóa rất lớn các loại chất thải hữu cơ phát sinh do người, động vật, nhà máy công nghiệp... Nhưng...

Cao tiên sinh dùng ngón tay trở vẽ vòng tròn lên mặt bàn. Chắc là, cái vòng tròn đó mang chỉ dấu khép kín “làm sạch môi trường ô nhiễm thể xác lẫn tâm hồn”.

- Nhưng, là nhưng... thế nào?

Tôi cười giả lả:

- Thưa tiên sinh! Học trò nói nhưng,... là nhưng, “không thể làm thay con người giải quyết sạch ô nhiễm môi trường ứ đọng nơi tâm hồn. Cái đó, con người phải tự giải quyết. Trùn đất: bó tay, chấm com!”.

Rồi, tôi đặc tả sơ về con trùn đất miền bình nguyên sông Cửu Long để các tiên sinh đã ly nông từ hơn nửa thế kỷ, nắm:

- Trùn đất phương Nam có cái cơ thể dài thuôn hai đầu, thân chia từng đốt, mỗi đốt có vòng tơ mà nông dân Nam Bộ thường gọi chi bên. Ngó kỹ phần đầu cơ, sẽ phát hiện: Miệng, đai sinh dục ôm gọn ba đốt và bao gồm lỗ đực, lỗ cái, da trơn nhám có chất nhầy, lỗ hậu môn nằm ở phần đuôi...

Tôi dợm “nói ra bộ” chuyện ái ân của con trùn đất chẳng thua người, mà còn “mát trời ông địa”, thì cô chủ quán bưng trà mời khách. Tôi mất hứng cái rụp!

3.

Nắng trưa nện xuống mặt đường Hoàng Sa dội bùng bùng hơi nóng gắt!

Tuổi già thân ai chẳng mỏi, bởi gân cốt đã mòn. Tôi thương tôi như thương bạn, chớ tôi chưa dám chạm “*Tôi tần liệm tôi*”, một bài thơ Miền tiên sinh viết cho mình hay bức tranh do Sông Ba xuất thần vẽ mái tóc thôn nữ bình nguyên sông Cửu Long mang hình bông

điên điên nổi nước nổi thành mùa xa tít chân mây!
Hoặc chốn nào, năm non bảy núi Thất Sơn, Đá trảm tư: “*Đá im lời cổ tích*” mà Cao tiên sinh chấm phá nét thủy mặc nơi góc trời hoài niệm. Và, trước lúc chia tay nhau, tôi nhớ mình có nói:

- Trùn đất không những giúp con người cải thiện môi trường sống mà còn cứu người thoát những căn bệnh hiểm nguy. Làng tôi có bài thuốc dân gian dùng con trùn đất và nghe nói, cụ Nguyễn An Ninh, rồi sau này con của cụ là Nguyễn An Định đã dùng con trùn đất để cứu nhiều người mắc bệnh nan y (!). “Trùn đất có vị mặn, tính hàn. Quy vào bốn kinh: vị, can, tỳ, thận. Nó thanh nhiệt hạ sốt, trấn kinh, thông kinh, hoạt mạch, bình suyễn, hạ huyết áp, lợi niệu, tiêu phù...”.

Xưa nay, người làng tôi truyền miệng như là khẩu quyết!

*

Thời gian trôi qua, tôi có thêm đôi điều suy ngẫm về con trùn đất ở quê nhà, nơi dòng Cửu Long Giang đã tạo nên văn minh miệt vườn Nam Bộ. Chẳng biết có khiên cưỡng chăng khi tôi tự hỏi:

- Nếu như, địa lý, những sự kiện lớn trong lịch sử và thời đại triết học Trung Hoa từ hai con sông: Hoàng Hà, Trường Giang đã tạo nên hai cuộc chuyển biến lớn lao đối với phương Đông, là cuối thời Chiến Quốc, từ phong kiến chuyển qua quân chủ chuyên chế; đầu thế

kỷ XX, từ quân chủ chuyển qua dân chủ. Đồng thời, hai lần thâm nhập ảnh hưởng văn minh Ấn Độ ở thời Lục triều và Đường; văn minh Âu - Mỹ từ đời nhà Thanh đến nay, thì địa lý, những sự kiện lớn trong lịch sử người lưu dân Việt ở phương Nam, từ con sông Cửu Long đã hun đúc và tạo nên “*Minh triết người Việt*”, tiếp thu các nền văn minh Phù Nam, Ấn Độ, Chân Lạp, Champa, Trung Hoa, Âu - Mỹ,... và biết sống và sống hòa thuận với cộng đồng các dân tộc”.

Điều đó, đã giải mã vì sao dân tộc Việt nói chung và người Nam Bộ nói riêng có sức đề kháng mạnh mẽ hơn thiên binh vạn mã của trời, trước bất kỳ thế lực nào tiến hành chiến tranh xâm lược đất nước Việt!

Và, chuyện rõ ràng nhất, trùn đất đồng bằng Nam Bộ không phải đợi: “*Con giun xéo lắm cũng quăn*”, chỉ cần kẻ đó ló mòi “xéo”, dợm “*chơi cha thiên hạ*” thôi, cũng đủ để thiên hạ quất “*sùm bà chề*”, đâu có chờ đến lúc bị “quăn” rồi mới ra tay đập kẻ “*chơi cha thiên hạ*” thối nát bại liệt mà muối mặt, bỏ chạy cụp đuôi!?

Cưỡng bức

1.

Thường lệ, hằng năm cứ đến ngày lễ Phật Đản, trời đổ mưa và vạn vật tươi mát. Năm nay, rất khác - phải nói là rất khác: nóng bức một cách lạ thường! Nắng cháy da người, đồng ruộng khô khốc, giông gió bất chợt gây thiệt hại nặng nề cây trồng và vật nuôi cho nhà nông. Hình như cơ trời có một cái gì đó biến đổi. Hân ngồi bờ ruộng, nhìn năm công dưa hầu tan hoang sau cơn giông buổi chiều hôm trước, buồn thúi ruột. Trúng mùa bông, thất mùa dưa. Rủi may, may rủi, người lương thiện chẳng biết đâu mà lường.

- Giờ nầy, sao chưa về Út Hân?

- Ừ! Trời sắp sụp tối rồi!

Út Hân giật mình. Chị Ba Tuyết hỏi là hỏi vậy, chớ giờ nầy chị đã về đâu.

Nắng dịu dần và mặt trời lết qua rặng trâm bầu cuối xóm. Trời đứng gió. Chị Ba Tuyết bỏ thúng xuống, lại ngồi bên Út Hân.

Chị Ba Tuyết lớn hơn Út Hân gần con giáp. Chị có đôi mắt buồn buồn như khói bếp. Có lẽ, đôi mắt ấy đã hăm đời chị? Nhiều lần Út Hân thắc mắc hỏi chị:

- Mấy ông cán bộ trên huyện dạm hỏi chị, sao chị không đi lấy chồng?

Mỗi lần hỏi như vậy, chị Ba Tuyết cú đầu Út Hân.

- Sao em không đi lấy chồng?

- Có ma nào dạm hỏi mà em đi lấy chồng!

Hai chị em cười rung rinh nắng chiều.

*

Chị Ba Tuyết con gái đầu lòng của bác Bảy Bộ. Hồi ấy, chị là cô gái đẹp nhất xóm, nhà nào gả con cũng mượn chị đi phù dâu. Lần đi phù dâu chị Hai Sánh về miệt Hòn Chồng, chị quen anh Năm Khoa đi phù rể.

Theo lời chị kể, anh Năm Khoa sinh viên Đại học Cần Thơ, thuộc hàng điển trai, thêm cái miệng có duyên và lời thủ thỉ thì thầm ngọt ngào, nói như hát tình ca. Một thời, chị chết mê, chết mệt!

Má chị biết chuyện, nhiều lần rầy rà, can ngăn. Má nói: “Chỗ đó, không xứng đâu con, tốt mã rã đám!”

Suốt bốn năm dài, tuần nào anh Khoa cũng về thăm và hẹn nhau ra chòi giữ rẫy. Anh đi, chị thương nhớ

anh không chịu nổi, đứng cũng nhớ, ngồi cũng nhớ, ăn cũng nhớ và ngủ càng nhớ... Nhớ đến cháy lòng! Chị quyến luyến hơi thở của anh, chị thèm được vuốt ve, mơn trớn, thèm nghe tiếng thắm thì của anh như tiếng nước róc rách chảy len lỏi qua từng khe đá. Có điều, mỗi khi anh chạm và úp mặt vào chốn ấy... thì phản xạ tự nhiên chị ngăn lại, mặc anh hờn giận, chị nhất định không cho. Hân tò mò, hỏi:

- Sao kỳ vậy chị? Chị không thích?

- Tau chưa thấy đứa nào ngu như mày. Thích chứ, sao không thích!

Thật lòng thì, chị phải nói thêm thuổng trong bụng mới đúng. Cổ họng chị khô, chị nuốt nước bọt liên hồi... Chị cố kềm chế và quyết liệt ngăn chặn sự xâm lấn của anh, vì má từng dặn dò: Chốn ấy... chứa cái “đáng giá ngàn vàng”, con phải giữ như giữ nhân cách, phẩm giá của mình. Duy nhất, chỉ dâng hiến cho người cùng con thành gia thất. Im lặng giây lát, chị Ba Tuyết nói:

- Ở đời, cần có cái để mình ngăn, sợ chẳng có gì để ngăn mới đáng xấu hổ.

2.

Anh Năm Khoa thất nghiệp sau khi ra trường. Chị nghe người ta nhỏ to: phải chạy, họa hoằn mới xin được việc. Chạy bao nhiêu thì chị không biết, chỉ biết là

phải có tiền. Lén má, chị gom năm chỉ vàng dành dụm bảy năm làm của riêng, bán lấy tiền giúp anh chạy. Một hôm, Năm Khoa hẹn chị ra chòi rẫy có chuyện gấp.

- Chiều mai, chú Mười Mén mời hai đứa mình dự tiệc mừng anh tốt nghiệp đại học.

Năm Khoa chưa dứt câu, chị cắt ngang và ngạc nhiên:

- Anh tốt nghiệp ra trường hơn một năm rồi, dãi với đảng gì nữa? Mắc mớ gì lão Mười bỏ tiền để tiệc với tùm mùng anh?

Năm Khoa ngọng nghịu, biện giải:

- Thì người ta quý mình! - Chị cãi lại:

- Thân phận hai đứa mình có ra chi mà người ta quý? - Chị nghiêm giọng:

- Anh giấu em điều gì?

Năm Khoa gãi đầu, xèn lên:

- Không giấu gì em, anh đưa số tiền của em cho chú Mười để lo bữa tiệc và phong bì cúng bể trên vào tối mai. Bể trên hứa: xong xuôi sẽ giúp anh có công ăn, việc làm...

Năm Khoa ngừng lại, dò xét thái độ của chị, nói tiếp:

- Trước sau gì rồi, mình cũng sẽ là của nhau. Em dự tiệc, anh sung sướng và hãnh diện với mọi người về sắc đẹp của em. Và, biết đâu nhờ vậy, anh được bể trên quan tâm đặc biệt. - Năm Khoa bồi thêm lời nịnh nọt:

- Tuyết ơi! Tụi mình là một cặp đôi hoàn hảo! Một ý nghĩ hạnh phúc thoáng qua: từ lâu anh hứa, có việc làm ổn định sẽ cưới em. Chị mừng rơn trong bụng, nhưng vẫn hỏi gặng để khẳng định điều xác tín:

- Anh nói thiệt chứ?

- Thì thiệt chứ, sao lại không thiệt!

Năm Khoa ôm hôn chị ngấu ngiến.

Nhột quá, chị đẩy anh ra.

- Hôm nay, anh sao hung vậy?

- Thì... mừng chứ sao!

- Anh ơi, em cũng vậy!

Chị hôn anh như mưa bắc, mù trời! Trước khi rời khỏi chòi rẫy, anh đưa chị chai nước hoa hảo hạng, dặn chị tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo mới, xịt nước hoa... Chị cảm nhận trong lời anh có điều gì bất thường, khác lạ. Nhưng niềm vui anh có việc làm, sự háo hức dâng tặng anh cái “đáng giá ngàn vàng” sau ngày cưới, làm chị không mấy quan tâm.

Chị như cá đã cắn câu...

*

Lần đầu chị uống rượu - uống rượu vì anh. Bể trên trạc tuổi 50, thân hình vạm vỡ, hộ pháp, râu ria tua tủa trên khuôn mặt dữ dằn, hần chiếu chị vượt mức xã giao, anh năn nỉ chị uống cho hần vui lòng,

hần thúc ép chị uống “tình thương, mến thương” thì mới nhận lời giúp đỡ anh. Hần đồng dục tuyên bố: Em uống mà anh coi được, tuần lễ sau thằng Khoa có việc làm! Vì yêu anh, chị cố hết sức đưa rượu vào bụng mình. Mọi giác quan và cảm giác của chị cơ hồ đã tê liệt bởi rượu và cơn buồn ngủ chập chờn... Và, hình như... môi hần tách rời đôi môi mím chặt của chị. Chị cố ngăn, nhưng không thể cưỡng; nước mắt chị chọt trào ra cùng thân thể không còn mảnh vải che thân, chị giãy giụa chơi vơi...

Giờ thì, chị không có ý thức phản kháng hoặc đồng tình rõ ràng, dứt khoát. Chị mơ hồ, và bồng bềnh... Chị phát run bắn bật, cổ kềm, và cổ hãm bớt cái cảm giác đột biến rất lạ đang lăm le bùng nổ! Chị hoàn toàn thuộc về hần!

3.

Sau nầy, chị mới hiểu ra mọi lẽ...

Mười Mén uống nửa ly rượu, nửa ly còn lại đẩy qua Năm Khoa.

- Mấy có chắc con Ba Tuyết còn... không? Lỡ nó đã “tuột cà bắp” rồi, tau với mấy sẽ thúi hẻo và khó sống với bề trên. Chết chứ không giỡn chơi nha con! Thời buổi, đàn bà, con gái, hãnh diện tranh nhau trần truồng cho tụi Chệt, tụi Hàn lựa mua như mua gà vịt... Không dễ dàng gì giữ! Năm Khoa nói cứng:

- Chuyện gì, chớ chuyện đó con đảm bảo với chú: một trăm phần trăm!

- Mấy lấy cái gì đảm bảo: một trăm phần trăm?

Mười Mén rót thêm rượu, vừa cười, vừa nheo con mắt lé:

- Ê, chú em! Đừng có “*Một trăm em ơi, chiều nay một trăm phần trăm*” mà ca sĩ Mai Lệ Huyền hát với Hùng Cường nha mậy!

Năm Khoa ngà ngà say, giọng nhừa nhựa.

- Cháu và Ba Tuyết yêu nhau đến nay đã bốn, năm năm. Yêu cái thời em nó bước qua tuổi 16. Cháu làm gì cũng được, thậm chí ở trường nằm với nhau. Nhưng khi chạm vào chốn ấy... không thể được. Tuyết nói mẹ dặn: cái “*đáng giá ngàn vàng*” chỉ dành cho chồng sau khi đã cùng uống rượu giao bôi. Nhiều lúc cháu thèm muốn... Tuyết nói không là không. Thật ra, Năm Khoa rất lo ngại, bao lần chưa dám táo bạo thực hiện mưu kế do Mười Mén vạch ra. Năm Khoa thuộc lòng câu truyền miệng của mấy đứa bạn hồi học Cần Thơ: “*Liều ăn nhiều*”. Phải biết nhẫn tâm, vô đạo, mới mong đạt được quyền lực, giàu sang. Mười Mén thường nói khi uống rượu: “Sống có đạo, không gạo mà nấu”. Ngẫm nghĩ thực tế cũng đúng thiệt: nhà mình với nhà em Tuyết sống theo đạo, lương thiện, đàng hoàng với mọi người, nghèo vẫn nghèo, mệt vẫn mệt! Mười Mén lời đời, đọc được tâm trạng của Năm Khoa.

- Mấy sợ à! Có gì mấy sợ? Chuyện chỉ có mấy và tau biết. Sếp làm xong là quên. Kỳ này chú mấy gặp may. Sếp cần xả xui lấy số hên mong thoát nạn. Tụi Chệt Chợ Lớn bày: giải hạn thì phải... Sếp bí mật nhờ tau. Nói vậy chớ bí mật cái con mẹ gì, mấy chả chơi rần trời đất. Quyền lực, tiền bạc là trên hết. Thương chú mấy nghèo khó, lo học hành, tau giúp vậy thôi! Chấn chừ thì đứa khác nhảy vô! Thiếu mẹ gì chú em!

Năm Khoa ngồi im, rịn mồ hôi trán. Mười Mén vừa thuyết phục, vừa tấn công:

- Mấy đưa tau số tiền đủ mua 5 chỉ vàng nữ trang thiếu tuổi, chỉ là tiệc nhậu chào sân và một ít tiền lộ phí cho sếp. Tau làm sao sái đậu thành âm binh?

Năm Khoa nói lơ mơ:

- Nhưng mà... cháu thấy tội nghiệp em nó quá! Tuyết giữ là dành cho... Thiệt tội lỗi! Mười Mén quắc mắt:

- Thì tau có ép mấy đâu! Tau được cái gì nào? Thằng bể trên nó ăn, tau chưa chắc được đồ vô...! Mười Mén dịu giọng:

- Cháu à, người ta sòng phẳng với mình. Cháu muốn có việc làm, người ta cần giải hạn. Trao qua, đổi lại vậy thôi! Con Tuyết giữ... cho cháu thì cháu có quyền “tùy nghi sử dụng”, và cũng chỉ là lúc cùng phải tác biến... vậy thôi! Mười Mén dụ khị:

- Về sau này, nếu cần, cháu sẽ xài cái khác còn ngon hơn, bổ béo hơn. Chú chẳng tin cháu sợ “tội lỗi”. Thằng

có chữ hay không có chữ, ở thời buổi này, đa phần “mặt dày, tim đen”...

Năm Khoa ít lời, cứng họng. Mười Mén bầm đúng huyết:

- Mấy thuộc thằng có chữ, nhưng không phải thuộc người sống có nghĩa, thì sợ tội lỗi cái quái quỷ gì? - Đột nhiên, Mười Mén cười khoái trá:

- Mấy mà sợ tội lỗi, tau chết liền!

Năm Khoa gục gặc, đuối hơi... Mười Mén trở giọng bồi tiếp:

- Mấy muốn có việc làm, đúng không? Mấy không đủ tiền chạy, đúng không? Mấy xuất thân dân đen, thuộc thành phần cùi bắp, đúng không? Mấy... mấy không có gì hết, chỉ có cái bằng cử nhân với 4 năm đeo bám, cộng 12 năm mài dũa quần ở trung học và tiểu học. Tưởng nhiều đó là mấy có thể làm “đầy tớ” được sao con?

Mười Mén cười khanh khách:

- Xưa rồi Diêm!

Như để thuyết phục thằng cháu “gà mờ”, Mười Mén chỉ ra cho Năm Khoa thức tỉnh.

- Có lắm thằng cha ghi lý lịch lớp 2 (lớp Tư) từ hồi còn mồ ma của Pháp. Vài năm sau, ghi nhảy cóc tốt nghiệp Phổ thông Trung học (hệ tại chức, học 3 môn Văn, Sử, Địa; 1 năm 3 lớp). Lụi hụi năm rồi, Sếp học 6

tháng đỗ Tiến sĩ (Trường Đại học Quốc tế Thái Bình Dương) của Mỹ. Lạ một điều, một chữ tiếng Anh để lặn lưng lờ thiên hạ cũng chẳng biết! Vậy thì, cái mảnh bằng cử nhân quèn của chú mấy có nhằm nhò gì trong cái chợ trời chữ nghĩa bát nháo này. - Mười Mén dừng lại lấy hơi, và uống tiếp Năm Khoa nửa ly còn lại.

- Nhân viên, công chức ngày nay đủ đồ chơi về bằng cấp. Muốn bằng gì, có bằng đó. Bằng giả, hay “bằng thật, kiến thức giả” đầy nhóc trong các cơ quan công quyền. Suy cho cùng, chỉ có cơ quan công quyền mới liễu mạng xài và chứa các thứ bằng mắc dịch đó. Ngoài xã hội dân sự, đồ thằng cha nào dám xài, dám chứa!

Mười Mén lên mặt dạy “kẻ sĩ” Năm Khoa:

- Mấy phải biết sống tùy thời. Trong cái thời “*đa kim ngân phá luật lệ*” và cái chuẩn mực quái thai đặt ra bất thành văn: “*nhứt hậu duệ, nhì tiền tệ, ba quan hệ, bốn trí tuệ...*” thì chú mấy đương nhiên bị loại ra khỏi vòng “*ôn mưa móc*”, dù “*cố dấm ăn xôi, xôi lại hãm*”. - Rồi, Mười Mén đứng dậy đi tới đi lui, nói phong long:

- Chỉ sợ vóc dáng con Tuyết chưa đủ độ hấp dẫn để bề trên động dục tình, thì việc hối lộ tình dục coi như công cốc!

Năm Khoa bần khoản:

- Vậy, mình phải làm sao, chú? - Mười Mén giả bộ dăm chiêu, suy nghĩ. Năm Khoa thêm phần lo lắng khác nên hỏi Mười Mén:

- Tuyết chống cự, la làng thì sao? Hoặc, gia đình Tuyết thừa kiện tùm lum... thì chết cả đám!

Mười Mén đứng dậy, bỏ ra nhà sau.

Trời trưa oi bức, nóng hừng hực. Năm Khoa đổ mồ hôi nhễ nhại, bứt rứt.

Mười Mén từ nhà dưới bước lên cười bí hiểm. Thực ra, chẳng phải Mười Mén thương yêu, giúp đỡ gì cho Năm Khoa. Số là, biết Năm Khoa đang chạy đôn, chạy đáo tìm việc làm để cưới con Ba Tuyết. Mười Mén kẹt lô hàng buôn lậu gần tỷ bạc ở cửa khẩu Xà Xía (Hà Tiên). Nhờ Sếp giải tỏa, Sếp bảo: muốn giải tỏa lô hàng thì phải có “cái cho Sếp phá giải hạn”. Việc tùm việc, Mười Mén tranh thủ chớp thời cơ viết kịch bản, sử dụng diễn viên có sẵn, bằng tay nghề của kẻ “*đầu trộm, đuôi cướp*”, Mười Mén thừa sức dàn dựng và đạo diễn. Khi con Tuyết bị cưỡng bức thì cùng lúc đó, thằng Năm Khoa cũng lỏa lồ ôm con Út tạt nguyên - con của lão - trong phòng, kiểu phóng tác theo tuồng tích “*Lan và Diệp*” mà lão mê từ hồi mới lớn. Rượu và thuốc kích dục (mua ở Miên), một ít thuốc gây mê sẽ giúp Mười Mén thực hiện hoàn hảo kịch bản. Vừa giải tỏa được lô hàng, vừa được thằng rể diễn trai và tốt nghiệp Đại học - cái dòng họ lão không có. Lão tính toán chi li thời gian cho Sếp, cho Năm Khoa. Lão tính từng động tác diễn của hai diễn viên chính: Năm Khoa và Ba Tuyết, cùng khởi tiệc và rã hàng nhau khi tiệc tàn.

Mười Mén chia liều lượng và sắp đặt: Sếp mần xong cái mần giải hạn, thì sẽ tức tốc lên xe hơi... vọt! Nửa tiếng sau, thuốc kích dục trong người của con Tuyết sẽ không còn tác dụng. Ba Tuyết tỉnh hẳn, xấu hổ, nhục nhã, sự dơ bẩn tâm hồn, thể xác sẽ làm Ba Tuyết trốn chạy ngay khỏi hiện trường. Và, chắc chắn hẳn rằng, im lặng không dám hé môi. Lúc đó, Năm Khoa còn trần truồng như nhộng, rượu và thuốc mê làm cho Năm Khoa phải gấn sáng mới tỉnh. Dấu vết Sếp cưỡng hiếp Ba Tuyết, biến thành dấu vết Năm Khoa cưỡng hiếp cô gái Út tạt nguyên của lão. Lúc ấy, lão và người nhà ra tay bắt Năm Khoa tại trận.

Đương nhiên, Năm Khoa sẽ là rể nhà lão. Mười Mén ngồi gần Năm Khoa.

- Mấy sợ con Tuyết chống cự à! Súc đầu chống cự? Dù có chống cự đi chẳng nữa, cũng chỉ chống cự giây phút đầu tiên thôi - khi mà lý trí còn hoạt động. Nhưng, đến lúc bản năng trỗi dậy, chú mấy yên tâm, con Tuyết sẽ thống cảm và thống khoái, rồi hợp xướng cùng Sếp thành bản giao hưởng tình yêu tuyệt vời...!

Mười Mén cười, nụ cười vừa bí vừa hiểm.

- Và, nó sẽ cảm ơn mấy, đồng thời, sau cuộc mây mưa - dù là cuộc mây mưa cưỡng bức - nó sẽ chột ngơ ra: Mấy là thằng đàn ông ngu, rất ngu!

Trấn an Năm Khoa, Mười Mén lên giọng:

- Thưa kiện à? Thưa ai, kiện ai? Nó trải qua tuổi 20 rồi, con ơi! Nhục làm sao dám kiện thưa? Im lặng là thượng sách!

Mười Mén hớp một hớp rượu:

- “*Con kiến mà đi kiện củ khoai*”, Sếp bỏ tù rục xương!

Mười Mén nói chắc cứng.

- Yên tâm đi, thằng con rể... của tía!

4.

Đời chị chẳng khác gì người ra biển khơi vào mùa gió chướng. Tay lái phải vững và nhịp nhàng với lật buồm nương gió: khi lật buồm phải, lúc lật buồm trái và phải biết xả gió khi buồm đã no gió. Mùa gió chướng ở quê nhà mà thiên hạ thường gọi gió mùa đông bắc, nó dâng mạn tràn vào vùng ven biển phá hoại mùa màng, nhưng không có nó thì cũng không được. Vạn vật dường như cần có nhau, tương tác nhau, lợi hại đều quyện vào nhau, thúc đẩy nhau.

Sau khi bị cưỡng bức, chị lê bước về nhà lúc nửa đêm về sáng. Chị không dám gọi má mở cửa, nằm một mình ngoài cây rơm với đôi trâu bạn cày của chị. Sương khuya làm chị tỉnh táo, chị không oán hận ai - kể cả anh Khoa - người mà chị yêu hơn cả mạng sống của mình.

Chị lầm lũi sống, chấp nhận trả cái “*đáng giá ngàn vàng*” cho một mối tình vụng dại, bị tình nhân vô cảm bán đứng khi trái tình yêu đã vào độ chín muồi.

Mấy chục năm qua, hình ảnh anh Khoa mờ nhạt dần và chị quên mất. Chỉ có hần, chị không thể nào quên. Hần đi theo cuộc đời chị, dường như chị ở đâu, hần ở đó, chẳng khác bóng với hình. Chị cố quên hần, càng tăng nỗi nhớ. Nhiều đêm thao thức một mình, chị rạo rức bởi luồng tượng ra những động tác biểu diễn rất điệu nghệ của hần, trên thân thể chị với bao cảm xúc bồng bềnh, mơ hồ... Từ chống cự quyết liệt, không hiểu vì sao chị chuyển sang hợp tác với hần. Hợp tác một cách nhiệt tình? Càng tuổi về chiều, chị càng mong được gặp lại hần - dù chỉ gặp một lần - Chị mâu thuẫn với chính mình chẳng? Chị không thể lấy chống, bởi hần đã vào tận chốn... cướp phá cái “*đáng giá ngàn vàng*” của chị. Dù hần cướp hay chị tự nguyện dâng hiến, chị vẫn coi hần là chống! Cái chỗ tối tăm nhứt của cuộc đời chị lại chính là cái chỗ sáng nhứt của vô thức! Có lẽ, vì thế, mà triết học Freud đã không ngần ngại lặn sâu vào cõi vô thức của nhân gian và gọi nó bằng thuật ngữ “*libido*” như là một động lực dẫn dắt đời sống của con người từ cõi thâm sâu...

Hân thương chị, biết chị ở vậy chờ hần, ở vậy nuôi mẹ già và đàn em nhỏ nên thường an ủi chị những đêm buồn canh rầy.

- Chị ơi! Mất trinh còn nết, vẫn hơn lắm kẻ mất nết lê lét theo “*hơi đồng*” dơ bẩn!

Nghe Hân nói, chị thường cần nhần:

- Mình cần có cái nhìn giảm khinh. Bởi, có gì chắc chắn rằng họ sung sướng khi đánh mất nét?

Chị chậm rãi lý giải:

- Đời người rồi ai cũng nếm cái mùi đó... một lần. Và, cũng chỉ một lần... đầu đời thôi! Hiến dâng hay cưỡng bức, dầu có khác nhau về hành vi, nhưng chị tin sự thống khoái nhứt định tuyệt cùng... rồi thì cũng giống nhau!

Chị Tuyết kéo Hân đứng dậy, nói bằng quơ:

- Cảm xúc bị cưỡng bức, có khi nhớ muốn chết,... nhớ dai dẳng và có lẽ, nỗi nhớ hơn hẳn cả tự nguyện hiến dâng!

Trên đường về nhà, dưới ánh trăng mười chín, hai chị em sánh vai nhau. Hân tặc lưỡi:

- Dù sao thì chị cũng đã trải qua... Trải qua rất người! Chị... may mắn hơn em!

Thà thiên hạ ghét, Đừng để thiên hạ khinh!

1.

Rạch Bà Tàu chạy quanh co qua cái xóm nghèo heo hút.

Nước đục phù sa đầy tôm cá. Nước trong vắt in bóng mây và thấy cả đáy sông. May là nước đục phù sa từ sông Bảo Định đổ về tạo môi trường sống thích nghi cá tôm, giúp người trắng tay không ruộng vườn có cái ăn đắp đổi qua ngày. Sáu chè đậu và Ba cần đốt thuộc hạng người trắng tay, nhờ nước đục phù sa và chú Năm hương giáo tạo công ăn việc làm theo thời vụ nhà nông.

Chú Năm bỏ việc làng, về nhà đọc sách và mở lớp dạy mấy đứa nhỏ nghèo, thất học. Trong xóm, gọi chú

là Năm thấy giáo. Chú vui và thuận tình với cái tên gọi mới. Bởi, với chú: “Cái gì dân phong tặng là chắc ăn”!

Sáu chè đậu và Ba cần đốt, ai thuê muốn gì thì mần cái đó; tiền nong có thì trả, không thì thôi, chỉ ăn cơm hoặc uống rượu trầu. Hai đứa kết bạn tâm giao với A Cón - người Minh hương, vốn gốc Tiểu (Triều Châu). Coi như kết nghĩa vườn đào, không vườn đào thì vườn mận cũng được. Trong ba đứa, tuy Sáu chè đậu trước nay mang tiếng là Sáu “xạo bà cổ”; nhưng thiệt ra, đứa nào cũng “ăn ngay nói thẳng”!

Một lần, Sáu “chuyển xạo thành sự” khi chú Năm thấy giáo kể chuyện “*Trụ đồng một*”⁽¹⁾ ở đình An Trị, lúc đình cúng lễ Kỳ Yên cầu “*Quốc thái dân an*”. Chú nói, rằng:

- Trong các triều đại Trung Hoa xâm lược Đại Việt, triều đại nhà Minh mà đứng đầu là Minh Thái Tổ thâm hiểm và ác độc nhất. Điều thâm độc ở đây là, tới đời Minh Thành Tổ diễn kịch mị dân Đại Việt bằng cách: “*Hỏi xem cột đồng trụ hiện dựng ở đâu, phải đập cho nát và ném ra ngoài đường, để người trong nước đều trông thấy*”⁽²⁾. Hắn diễn trò như là cùng chia sẻ sự sỉ nhục chung với người Việt về cái trụ đồng Mã Viện. Hắn muốn thay bản mặt thật “cướp đất người” bằng một cái “mặt nạ nhân đức”, hòng lừa phỉnh...

1. “*Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt*” (Cột đồng gãy, Giao Chỉ không còn).

2. Điều thứ tư trong Sắc chỉ bí mật, để ngày 4 tháng Bảy năm Vĩnh Lạc thứ 4 (21-8-1406), theo *Việt kiều thư*.

- Lừa phỉnh cái gì, chú Năm?

Sáu hỏi ngớ ngẩn, nhưng là ngớ ngẩn đầy bức xúc.

- Lừa phỉnh cái gì à? Cốt lõi lừa phỉnh đó, nhằm đạt được sự đồng hóa người Việt thành người Trung Hoa; nhằm làm nội lực người Việt phân rã và hoàn toàn mất sức để kháng nổi dậy chống giặc và đất nước người Việt sẽ vĩnh viễn là quận huyện của thiên triều! Bởi, kẻ đi xâm lược hiểu rất rõ: “... tuy nhiên có đánh được cũng không giữ được”⁽¹⁾. Nghe chú Năm thấy giáo diễn giải chỗ thâm độc của nhà Minh, Sáu thả chún tuột xuống ván, vừa đi pha trà vừa nói thơ theo kiểu Lục Vân Tiên, trại lời ca dao:

Mấy đời bánh đúc có xương

Mấy đời ăn cướp... mà thương chủ nhà!

- Điều ác độc của Minh Thành Tổ là ác độc ra làm sao, hả chú? - Sáu châm trà xong, thắc mắc hỏi tiếp. Chú Năm thấy giáo rót trà vào ly, nhâm nhi theo câu chuyện đã dẫn.

- Lệnh từ Yên Kinh, người Việt chống: tận diệt; nếu hàng, được tha và đưa qua Yên Kinh “đạy dỗ” rồi đưa trở lại làm quan tiếp tay kềm kẹp đồng bào. Người Việt trị người Việt bằng cái đầu của nhà Minh. Tất cả các sản phẩm trí tuệ biểu trưng văn minh, văn hóa Việt chúng đều xóa sạch.

1. Trích thư bọc sập của tướng Minh Vương Thông, gửi về nước năm 1427. Một viên quan cai trị khác của nhà Minh là Giải Tần cũng từng tâu lên vua Minh những lời tương tự. (*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập III, Cao Huy Giu dịch, Nxb. Khoa học xã hội, H., 1972, tr. 47).

- Chúng sợ gì mà phải xóa?

Nhóm đất. Có lẽ, Ba cần đốt ngôi lâu tê mông nên lom khom, hỏi:

- Chúng sợ chung số phận của những triều đại trước: vào đất Việt cướp được, lại không giữ được. Cho nên bọn thiên triều chơi đòn hiểm: “Thay nào Việt thành nào Hán”. Nghĩa là, một khi dân tộc mất tư tưởng độc lập, dân tộc đó coi như không tồn tại. Hiểu vậy, người đời sau cảm thông Hồ Quý Ly. Đồng thời, thấy được cái lớn lao tốt đỉnh của Lê Lợi, Nguyễn Trãi và toàn dân Việt trong công cuộc đánh đuổi quân xâm lược nhà Minh ra khỏi bờ cõi.

Ba cần đốt chưa dứt lời, Sáu chề đầu chột ngang:

- Không hiểu vì sao suốt chiều dài lịch sử mấy ngàn năm, các Hoàng đế Trung Hoa luôn nuôi mộng xâm lăng và quyết thực hiện mộng xâm lăng tàn khốc đối với đất Việt? Lúc nào, ở đâu và bao giờ cũng thêm khát...

Chêm lời hót, Ba cần đốt nói nịnh:

- Chú Năm, trước nay thuộc hạng: “*Trên thông thiên văn, dưới tường địa lý*”; đầu, chú cắt nghĩa cho đám hậu sanh hiểu biết và mở rộng tầm mắt vượt bụi chuối bờ tre ở cái làng nghèo xơ xác, hẹp hòi hóm nẩy nghe thử coi!

Chú Năm thấy giáo trở bộ ngồi, tăng hăng - cái tăng hăng mang chỉ dấu là quá ranh sự “khích tướng”

của mấy chú hậu bối. Song, một điều mà từ bấy lâu chú cũng muốn nói cho mọi người hiểu rõ ràng: “*Đời Tần, Hán, Tam Quốc, Lương Tấn, Nam Bắc Triều, Tùy Đường, Ngũ Đại, Tống, Nguyên, Minh, Thanh... chưa có một tài liệu, sách sử nào đề cập đến việc Trung Quốc tổ chức Hải quân đi tuần thám Đông Hải và chiếm hữu các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; cũng chẳng có công bố hoặc hành xử chủ quyền tại các quần đảo đó!*”. Nếu viện cớ, rằng: “*Năm 214 trước Công nguyên (tr. CN), Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa liền sai Đồ Thư xua quân thôn tính các nước Bách Việt, chia làm 3 quận: Nam Hải (Quảng Đông), Quế Lâm (Quảng Tây), Tượng Quận (Bắc và Trung Việt). Bách Việt không cam chịu ách đô hộ tàn bạo và xảo trá của nhà Tần, đã đồng loạt bỏ trốn vào rừng chiến đấu và đã cắt cổ giết Đồ Thư*”.

Điều cực kỳ quan trọng là: chữ “*Hải*” trong quận Nam Hải không có nghĩa là “*Biển*” mà nó thuộc miền đất xa xôi, như Thanh Hải tiếp giáp Tần Cương, Tây Tạng; Nam Hải vùng đất cực Nam Trung Quốc. Và, cũng có đôi khi thiên hạ lầm lẫn *Biển Nam Hải* là *Biển Nam Hoa* chẳng?

Sáu chề đầu và Ba cần đốt ngồi dáo⁽¹⁾ lỗ tai nghe đã con ráy. Chú Năm thấy giáo chiêu ngậm trà thẩm giọng:

- Về mặt chính sử và trên thực tế suốt 22 thế kỷ, từ đời Tần, Hán (thế kỷ III tr. CN) tới thế kỷ XX đời nhà

1. Nghĩa là mở lớn.

Thanh hoàn toàn không có tài liệu hoặc ghi chép, rằng: “*Biển Đông với Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc*”. Tại Hội nghị Hòa bình San Francisco 1951, lần đầu tiên chính phủ Trung Hoa đưa ra Công bố ngày 01-9-1951 đòi chủ quyền lãnh thổ ở các đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Rằng, “đảo Nam Uy cùng toàn thể các quần đảo Nam Sa⁽¹⁾ và Tây Sa⁽²⁾ đều là lãnh thổ của Trung Quốc” (theo Bản chú giải về đảo Nam Uy và quần đảo Tây Sa. Các tài liệu lịch sử liên quan đến các đảo này có từ đời nhà Tống).

Song, lịch sử Trung Hoa đã chống lại và không xác nhận. Cuốn sách *Lĩnh ngoại đại đáp* của Chu Khứ Phi đời nhà Tống gọi vùng biển Hoàng Sa, Trường Sa là *Giao Chỉ Dương*!⁽³⁾

2.

Có lần, Sáu chèo đậu và Ba cần đốt thắp mắc hỏi chú Năm thầy giáo:

- Người mình với Trung Hoa “*Tương thời có, đồng thời không*”⁽⁴⁾, nghĩa là sao, hả chú!

1. [Tên gọi từ phía Trung Quốc, chỉ quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam].
2. [Tên gọi từ phía Trung Quốc, chỉ quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam].
3. Tham khảo tài liệu LS Nguyễn Hữu Thống.
4. Tham khảo và sử dụng bài giảng của thầy Giản Chi Nguyễn Hữu Văn (1904 - 2005).

- Mấy đứa nghe lóm ở đâu?

Nói xong, chú cười và rồi, hấp tấp đi lên nhà trên kèm đám sắp nhỏ rèn chữ viết.

Thời may, hôm tát đìa nhà chú. Rượu vào lời ra và có lẽ, chú bức xúc điều chi đó nên độc ẩm, độc thoại... suốt buổi chiều tháng Giêng, hương Xuân còn phảng phất:

Đầu Tống cuối Minh, suốt bảy thế kỷ Nho học phát triển và sự phát triển đó, pha trộn Lão và Phật⁽¹⁾. Dẫu rằng không có sự thuần nhất Nho học nhưng nền tảng tư tưởng “*Đại Hân*” thì thuần nhất. Thời nào, triều đại nào cũng “*lao tâm khổ trí*” mưu sự và hành động cố xâm chiếm và đồng hóa dân tộc Việt. Ngót nghét 700 năm, với những trận chiến lầy lùnh còn lưu sử sách, như: 2 lần phá tan quân Tống của nhà Tiền Lê và nhà Lý; 3 lần đánh thắng quân Mông Nguyên cuốn giáp chạy dài của nhà Trần; nối tiếp sau đó, là nhà Hậu Lê lại đánh tan quân Minh, bằng Tuyên ngôn “*Bình Ngô đại cáo*” của Nguyễn Trãi. Trái lại, khi “*Đại Hân*” bị các rợ Liêu, Kim, Nguyên vây hãm, khống chế... và cuối cùng, rợ Mãn Châu xua quân xâm lược toàn cõi Trung Hoa... thì cam phận đành lòng! Nghiến ngấm kỹ mới thấy các nho sĩ suốt ngàn đó thời kỳ chỉ lo bàn tới bàn lui: *Thái cực, Thái hư, Đạo, Lý, Tĩn, Tĩn, Tâm, Dục*... những thứ đó góp phần tạo “*Giấc mộng Trung Hoa*” đầy ảo vọng, đành quy phục trước vó ngựa rợ Mãn phương Bắc.

1. Lý học chịu ảnh hưởng Lão, Tâm học chịu ảnh hưởng Phật.

Nhà Minh tiêu vong!

Người Mãn buộc người Hán cạo tóc gióc bím, cách ăn mặc, đi đứng, tập tục, nhứt nhứt phải theo người Mãn. Nói chẳng sợ quá lời, người Hán là nô lệ của người Mãn!

Người Việt đồng cảm, thương thân phận tôi đòi người Hán nên giang tay đón nhận những cánh chim lạc bấy mất tổ!

Thịnh hay suy, *Nho-Lão-Phật* dù có dung hòa, các triết gia Trung Hoa đều mang tư tưởng chính trị. Tổng đến Minh, Minh đến Thanh, Thanh đến Cách mạng Tân Hợi 1911⁽¹⁾ và về sau này, người Hán bao giờ cũng đề cao *“Cái đạo của đại học ở chỗ... thân yêu dân”*⁽²⁾. Đó là, sự nhứt quán trong mục đích giáo dục con người. Vì vậy, Trung Hoa ý niệm về người, về công dân hình như không tách mà hòa nhau. Giáo dục chủ yếu: *“người dân tốt chớ không nhằm con người tốt”*. Từ đó, nảy sinh và trở thành tập tính cam chịu, an phận... vâng lời và chấp hành... được làm người dân tốt (?). Họ chấp nhận nhà Thanh và coi nhà Thanh là vương triều chính thống trong lịch sử của dân tộc. Đương nhiên họ hữu khả nô lệ nhà Thanh!

Người Việt hoàn toàn ngược lại, *Nho-Lão-Phật* tam giáo đồng hành nghĩa là, đồng khác dung; hành khác

1. Tôn Trung Sơn, nguyên danh Tôn Văn (1866 - 1925).

2. *“Đại học chỉ đạo, tại mình minh đức, tại thân dân, tại chí ư chí thiện”*.

hòa. Người Việt có Minh triết Việt, cái Minh triết đó tạo điều kiện tốt nhứt trong việc giáo dục *“con người tốt trước khi làm công dân tốt”*.

Dứt khoát không cam chịu, an phận... vâng lời và chấp hành... những điều trái đạo, nghịch lẽ luân thường và biến thái chất Người trong người Việt.

Có thể tùy thời, tùy lúc, họ chịu *“lệ”* chớ họ chẳng chịu *“thuộc”* cho dù kẻ đó là ai, kẻ đó hung bạo tàn ác đến độ nào, nói chi đến chuyện nô lệ! Nên nhớ, đối với dân tộc Việt đã *“lệ”* mà chối từ *“thuộc”* thì, không còn con đường nào khác là *“Đánh!”*. Dân Việt đánh để chặt đứt sợi dây *“thuộc”* cột dân tộc và mất đất nước. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, đánh thì cũng đã từng đánh trên chục trận thầy chất thành núi, máu chảy thành sông để kẻ xâm lược rõ cái dũng khí dân Nam: *“Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ”* (Hoàng đế Quang Trung).

Có lẽ, tộc Hán nhiều đại triết gia, thuyết khách gia... mà vắng minh triết. Lắm thiên tử, đông chư hầu... nên chém giết, tranh giành, loạn lạc triền miên. Nuôi thù chuốc oán, buôn gì cũng có kể cả *“buôn vua”*. Tâm thức người Việt: *“Đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”*. Tự ngàn xưa, dân Việt biết phải sống thế nào và sống ra sao để giữ gìn đất nước và bảo vệ nòi giống.

Người Hán coi vũ trụ là nhứt thể, người phương Tây coi vũ trụ là ngoại giới, người Việt coi vũ trụ vừa nhứt

thể vừa ngoại giới, nhứt là lưu dân người Việt về phương Nam. Do không cùng quan niệm nên dù có “*tương*” cũng khó “*đồng*”. Ai đó nói “*tương đồng*” là cố nói lấy được, mềm ngoài rắn trong. Khó “*tương đồng*”, chắc hẳn tộc Việt, tộc Hán làm sao có cuộc “*tương phù*”?

Tình thế bức bách, người Việt huồn dải. Nhưng, trước thế nước dầu sôi lửa bỏng phải giữ nước, người Việt sẽ dùng mãnh, can trường. Tình thế chỉ mảnh treo chuông, người Việt gạt thù riêng, hợp quần đánh kẻ thù chung... Chuyện đó, các triều đại Trung Hoa hiểu rất rõ và đã từng thấm sâu. Có khi còn hiểu rõ và thấm sâu hơn cả các triều đại Việt Nam.

Người Việt biết trọng *luận chứng*, người Hán chăm chú vào *trực giác*. Vì, thiếu trọng luận chứng nên triết học của họ không thành một hệ thống tư tưởng, minh bạch mà trái lại, khó hiểu và đôi lúc tối nghĩa. Triết học đã thế, tư tưởng “*thiên tử*” sao tinh khiết và thuần nhứt? Hành động tất sẽ bất nhứt, xảo trá đến trình độ đạt nghệ thuật trí trá khôn lường... đẩy cái sợ lên tận cùng để báo thù sau nhiều năm tháng tự nuôi thù. Luận chứng của người Việt không có bóng dáng triết học theo kiểu người Hán. Luận chứng là sự trải nghiệm từ cuộc sống, chắt lọc từ những “*tang thương*”... đúc thành ngôi nhà minh triết, biết cái lẽ tự nhiên trời đất và biết cái lẽ tự nhiên không trời đất.

Với người Việt, dù gió Đông hay gió Tây đều chống tốt, sống tốt và đủ khả năng biến nghịch thành thuận.

“*Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,
Song hào kiệt thời nào cũng có*”

(*Bình Ngô Đại Cáo, Nguyễn Trãi*)

Người xưa đã hiểu, chẳng lẽ người đời nay không hiểu để thấu đáo cái hiểu của người xưa?

3.

Năm cần đốt, *tài lanh* học lại chuyện chú Năm thầy giáo độc ảm, độc thoại cho A Cón nghe. A Cón mẩn thình, buồn trong mắt.

Lỡ bộ, Sáu chề đậu móc ruột gan tâm tình cùng A Cón:

- Mỗi lần ai đó chê trách bạn, chửi bạn, nói quẻ hương bạn có chiều dài, chiều sâu, chiều ngang, chiều dọc... của nền văn minh, văn hóa “*Rốn vũ trụ*” vậy mà, người Trung Hoa không lớn nổi. Chơi với lân bang bằng cơ bắp kẻ tiểu nhân, không chịu chơi với lân bang bằng cái đầu của người quân tử. Hoàn toàn sống ngược những điều tổ tiên hằng răn dạy thuở xưa, cái đó thiên hạ gọi là nghịch tử! Tui nghe xót lòng đau bụng lắm, bởi tui mình là bạn của nhau!

Im ắng.

Trên cầu Bà Tàu, tiếng lục lạc kêu leng keng của xe thổ mộ qua cầu.

Ba cần đốt học lóm, lượm mót vài ý tứ và lời lẽ của chú Năm thầy giáo, rằng: Dân tui quý trọng đất nước

của bạn biết chừng nào, đã không ít người lấy tên nước của bạn đặt tên cho con mình. Bạn đừng lấy đó mà ngạo mạn, tự sướng; đừng để họ thất vọng về bạn, từ quý trọng chuyển sang khinh bỉ và tên nước của bạn cũng chẳng qua là tên con của họ thôi (!).

A Cón buồn xo. Sáu chề đậu nói chậm rãi, âm giọng chẳng khác nào tiếng rao lúc nhỏ chạy theo má gánh chề đậu bán dạo quanh làng.

- A Cón biết rồi đó, chuyện đời có khi vậy khi khác, người ta chớ nên đại đột nghĩ nông rằng dân tui “hèn nhất”. Xin lỗi, dân tui hèn nhất thì mần sao có Chương Dương, Hàm Tử, Xương Giang, Chi Lăng...? Xa hơn, thì sao có những Như Nguyệt, Bạch Đằng...? Gần đây, Ngọc Hồi, Đống Đa...? Nhứt thời, da có thể nổi gai nổi ốc bên ngoài khiến người ta ngộ nhận họ hèn, nhưng bên trong gan họ chưa hề biết nhát! Họ không sợ và thù. Họ nhân nghĩa và biết sống!

Ngày tắt nắng.

Trời treo lơ lửng chiều trăng.

A Cón suy nghĩ lung lăm: Những người nông dân quanh năm đầu tắt mặt tối, như Sáu chề đậu, Ba cần đốt... mà còn hiểu thấu ruột gan xấu xa của nhà Minh, hướng chi người có học hoặc đọc sách như chú Năm thầy giáo... Bất chợt, A Cón nhớ hôm rồi, chú Năm hương giáo có nói nửa giỡn nửa nghiêm túc: Mặt trời đã chiếu sang thiên niên kỷ mới những 18 năm, so với càn khôn thì chẳng

“nghĩa... địa” gì, nhưng so với tình thế bây giờ “Không thể hữu nghị bằng soái hạm, càng không thể coi biển đảo của người là ao hồ và cục đất của nhà mình. Chẳng thể chơi cha thiên hạ”. Và hình như, chú Năm thầy giáo còn nói chắc “*ba bó một giá*” là coi chừng trắng tay trong canh bạc giáo quyết và cường bạo. Mất cả chì lẫn chài như chơi!

*

Lịch sử luôn luôn vẫn là dòng chảy tự nhiên và tình cờ. Minh Thành Tổ với nhà Minh đã dùng chiêu bài “*Phù Trần, diệt Hồ*” hòng cướp đất, cai trị và từng bước tiến tới xóa dân tộc Việt. Kết cuộc còn rành rành ra đó, một đồng xương khô tụ trên cánh đồng mồ Tốt Động và bi thảm hơn, sông núi Trung Hoa, con cháu nhà Minh đã muối mặt nhận Mãn Thanh như là “*đấng phụ mẫu*” của chính mình. Một số dân và con cháu nhà Minh còn sống sót đã trôi giạt về đâu? Có phải trôi giạt về đất nước Việt, một đất nước từng bị Minh Huệ Tông, Minh Thành Tổ... và lũ quan quân nhà Minh giày xéo!

Vậy mà, Chúa Nguyễn và dân Việt đã nén “Quên thù, buông bỏ báo thù” sẵn lòng cứu giúp, cứu mang kẻ thất cơ lỡ vận: Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch, Mạc Cửu...; chớ nhứt định không chơi cái sách: “*Quân tử báo thù, thập niên bất vãn*”⁽¹⁾. Nhiều lần Sáu chề đậu cũng như Ba cần đốt trải lòng chia sẻ tâm tư với A Cón:

1. Quân tử báo thù, mười năm chưa muộn.

“Một người đàn bà người Tàu (Trung Hoa), lưu lạc và lập nghiệp trên vùng đất mới đã biết đem cái nghĩa đối đãi với đất, đem cái tình đối đãi với người nên người đàn bà người Tàu được người Việt bốn quán gọi tên Bà Tàu và cái tên đó, đã gắn liền tên con rạch, cây cầu và hơn vậy nữa, cả vùng đất...”.

Người Việt lấy thủy chung đối xứng nghĩa tình!

A Cón, cũng như những người bạn Việt của mình đều thấu hiểu: Người cần lao Trung Hoa dù nghịch cảnh hay sống thiếu thốn, đói nghèo hoặc phải ly hương, họ chẳng bao giờ quên “*Tâm hồn Trung Hoa*”, một tâm hồn lạc quan, khoáng đạt, kiên nhẫn và yêu hòa bình... Lẽ nào... “*Tâm hồn Trung Hoa*” chỉ tồn tại nơi người cần lao Trung Hoa? Chú Năm thầy giáo, thường nói:

- “*Tâm hồn Trung Hoa*” biết lấy gia đình làm căn bản, biết đặt lợi ích xã hội lên trên gia đình, biết tôn trọng chính quyền nhưng cũng biết tự cho mình cái quyền lật đổ chính quyền nếu nó thối nát⁽¹⁾. Vì vậy, đất nước Trung Hoa mới có nhiều triều đại, mới có *Xuân Thu Chiến Quốc, Đông Chu Liệt Quốc, Tam Quốc*... cả thế giới muốn cũng chẳng thể có!

Ba người bạn rạch Bà Tàu, có cùng một ý nghĩ: “Tộc Hán thừa biết: *Nhân-Trí-Dũng* và thừa hiểu: hành động mang lửa đốt nhà người, lửa đó tự nó sẽ đốt cháy nhà kẻ mang lửa trước”. Cả ba đều chung ước mơ:

1. “Dân như nước, đầy thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân” (Tuân Tử, 313 - 235 tr. CN).

- Một Trung Hoa xứng tên gọi, hãy đánh thức “*Tâm hồn Trung Hoa*”; xây dựng lòng tin và chân thành, khiến thế giới “*tâm phục, khẩu phục*” con người và đất nước Trung Hoa, thế kỷ XXI!

- Thà thiên hạ ghét, đừng để thiên hạ khinh!

Cái ăn cái để

1.

Phàm ở đời, con người ta ai cũng ước mơ sống có cái ăn cái để hay dư ăn dư để. Còn ăn thế nào, để ra sao, tùy tâm hồn và não trạng mỗi người. Nói như cụ Sáu Đổ, có khi nó còn hơn thế, bởi cái ăn cái để là phần hình thức lộ ra ngoài, chứ phần nội dung ẩn bên trong - cả phần sâu thẳm - thì vô cùng phức tạp. Không phức tạp sao được? Nó mang theo phong tục tập quán của dân tộc và tín ngưỡng của tôn giáo. Lắm lúc, có một số người nâng cái ăn cái để lên thành thuộc tính giai cấp, chớ chẳng phải chơi.

Chú Tư Lu cắc có hỏi với tía:

- Anh Hai, tại sao dân miệt ruộng Nam Bộ không nói lời sang trọng như người ta thường chảnh chọe nói “của ăn của để”, mà lại nói “cái ăn cái để”?

Tía dùng ngón tay xoay xoay quanh miệng trà, bảo rằng:

- Cụ Vương Hồng Sển lúc sinh thời thường suy ngẫm, kẻ quan quyền có thể lực và người giàu thường là anh em sinh đôi, thậm chí có kẻ còn câu kết ngoại bang để tạo nên sự bền vững của ăn của để. Thằng như bọn thấp hèn, buôn gánh bán bưng nơi đầu đường xó chợ, hoặc anh nông dân lam lũ lo chuyện cấy cày, tay làm hàm nhai thì có được *cái ăn* cho qua bữa hàng ngày là sướng muốn chết rồi. Còn *cái để*? Cái ăn chạy muốn khạc ra tro, ho ra máu, thì trời đất thánh thần thiên địa ơi, để gì có được *cái để*? Bộ giỡn sao!

- Vậy nghĩa là, tía con Hường nói kẻ ăn trên ngồi trước mới có của ăn của để; còn người ngồi dưới ăn sau, cùng lắm chỉ vớ bậy cái ăn vét ăn mót mà thôi?

Má chen vào câu chuyện giữa tía và chú Tư Lu.

Tía cười:

- Thì mình cũng dư biết, hỏi chi tui!

Chú Tư Lu khều tía xin thuốc, bụm tay rít một hơi.

- Xã hội nào rồi cũng vậy thôi!

Rồi, chú nói tiếp: “*Mạnh vì gạo, bạo vì tiền*”. Tốt buổi ban đầu, sau rốt là bấy hầy chinh ỉnh ra đó. Nghĩ cũng phải, nếu không vậy, sao có cái mới? Tui tiếc không vì cái ăn cái để, mà tiếc già sớm khôn muộn, cả đời làm đầu tắt mặt tối, đổ mồ hôi sôi nước mắt, chúng ăn ráo

trội, mình nhìn te tua. Cha nội nào lên cũng nói ngon tiền, chỉ một tắc tới trời!

Tía cầm chai rượu thuốc, rót mời chú Tư Lu. Tía cạn phân giải:

- Đúng là hồi đó, tui với chú già quá sớm, khôn quá muộn. Mình thương cái không đáng thương, ghét cái không đáng ghét. Điều tệ lậu là, cảm xúc nó đi sau hành vi của mình. Đâu phải kẻ lang thang nào cũng chịu số phận lạc đường? Chẳng có ma nào thích kẻ khác sai bảo, mình tự nguyện để cho kẻ khác sai bảo, mình tự dối mình, thật đáng thương. - Chú Tư Lu cắt lời tía, như giấu cảm xúc.

- Tình yêu đơn phương đâu có bao giờ lãng mạn, chỉ là sự đau đớn. Tui nhớ hoài câu nói của má tui lúc bà còn sống: *"Con phải biết hài hước tiểu lâm, vì nó cho mình khả năng cơ bản của sự can đảm trong cuộc mưu sinh cái ăn cái để"*. - Sau cái nắng nóng rát như có ai đó gấp lửa bỏ phải phồng da, trời sẽ mưa và trời mưa thì: *"Vũ vô kiếm tảo năng lưu khách"* (Mưa không có then khóa mà có thể giữ được khách), nên tía má vội mời chú Tư Lu ở lại dùng cơm trước khi trời đổ mưa. Trong lúc chờ mấy đứa nhỏ làm cơm, tía nói với chú :

- Vì cái ăn thiếu thốn trăm bề, một mạng người đã chết do quần bách. Chú Tư Lu không hiểu ắt giáp gì, hỏi tía:

- Chuyện gì, anh Hai?

- Thì chuyện, chớ chuyện gì! Tía đứng dậy, vừa nói vừa đi mở cửa tủ bàn thờ, lấy tờ nhật trình *"Người Đưa Tin"* để ngày 07-8-2014.

- Hường, con đọc lớn cho chú Tư nghe bản tin!

Ba Hường cầm tờ nhật trình, tăng hăng lấy giọng, rồi đọc: *"... Chị N.T.M.N., 38 tuổi, xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau quyết định... chết! Chị chọn quyền sinh là giải pháp cuối cùng với hy vọng kiếm chút ít tiền phúng điếu và gia đình được cấp hộ nghèo!"*.

Chiều ngày 24-4-2014, xứ An Xuyên bàng hoàng, thảng thốt bởi cái tin chị N. treo cổ chết. Bên cạnh xác chết của chị, người ta tìm thấy những bức thơ tuyệt mạng. Một trong những bức thơ tuyệt mạng dầm nước mắt, có bức chị viết cho chồng con:

"... Anh! Trong hoàn cảnh gia đình mình quá khổ, em không sống nổi với anh và các con. Từ một tháng qua em bệnh, nằm xuống nhưng không ngủ được. Em nhớ đến nợ nần, đến tiền học phí của các con, đến sự khổ cực cả đời anh. Em đã cố gắng lắm rồi, em chạy tiền bằng mọi cách để trị bệnh, để lo học phí cho các con, nhưng có ai cho mình mượn, mình vay đâu. Em khổ lắm, em không còn lối thoát. Em biết chết trong lúc này, bỏ lại anh ba đứa con ngoan, hiền, học giỏi của chúng ta là em không đúng. Anh! Em thương anh nhiều lắm. Anh sống với em cả đời cực khổ, chưa bao giờ được sung sướng..."

Các con, các con đừng trách mẹ. Mẹ khổ nhiều lắm! Mẹ chạy tiền cho các con ăn học, bây giờ nợ nần nhiều

lắm! Tiền hụi chết mỗi tháng phải đóng cho người ta một triệu đồng. Mẹ đã đi van xin được cấp sổ hộ nghèo để mẹ vay tiền đóng học phí cho các con. Nhưng không ai cho gia đình mình nghèo hết. Mẹ chết để giảm gánh nặng cho ba con, để phù hộ cho ba con, các con được trúng số độc đắc, để người ta thấy nhà mình thực sự khổ, rồi cấp sổ hộ nghèo, vay tiền đóng học phí cho các con. Xin người ta soi xét cho hoàn cảnh quá khổ, không lối thoát của chúng tôi mà xét cấp sổ hộ nghèo cho chồng con tôi được sống những ngày còn lại trên đời. Anh! Anh ra Hội Chữ Thập Đỏ xin hòm liệm em, đừng mua tốn kém lắm, dành tiền lo cho các con mình ăn học nha anh! Anh, em thương anh nhiều lắm! Các con hãy cố gắng vươn lên học tập đổi đời, đừng để cho con phải khổ thêm. Vì mẹ con mình mà ba các con phải khổ cả đời rồi...”

Sau khi đăng bức thư tuyệt mạng, tờ nhật trình “Người Đưa Tin” viết tiếp: “... Hơn ai hết, người chồng là người thấu hiểu tấm lòng của vợ. Anh nói trong nước mắt: Vợ tui đã cố gắng đến hơi sức cuối cùng!”. Ba Hường hớp ngụm nước, định đọc tiếp. Chú Tư Lu xua tay:

- Thôi! Ngừng đi cháu! Chú khó thở...

- Chuyện cụ thể và xác thực thế nào, mình ở xa chưa rõ. Nhưng, nhật trình mà chạy tin như vậy, lòng nghe thương cháu N. và gia đình đứt ruột quá! Giọng tía khô khốc, như lá tre khô giòn rụm dưới nắng trưa đổ lửa cánh đồng.

2.

Cơm nước xong, tía và chú Tư Lu ngồi tư lự xĩa răng, uống trà.

Cụ Sáu Đổ, từ vườn nhà bên đi qua ngõ sau, cụ mở cổng rào và hỏi vọng vào:

- Mấy đứa bây cơm nước chưa?

Tía trả lời:

- Dạ thưa rồi, Bác Sáu. Mời Bác Sáu vô uống trà với tụi con!

Cụ Sáu ngồi xuống ghế, cầm tách trà và nói:

- Hôm rồi, qua về cúng giỗ bà nội ở Mộc Hóa, tiện đường qua ghé thăm chú Năm Tầm và sẵn dịp, hỏi thăm Năm Đậu...

Nghe nói đến Năm Đậu, tía mừng ra mặt và hỏi dồn dập:

- Cụ có gặp anh Năm Đậu không? Ảnh, giờ sao rồi cụ?

Cụ Sáu chưa kịp trả lời, má nói như giải thích:

- Hồi đó, tui với tía con Hường trôi dạt đến đất Bình Hiệp làm ruộng, gặp lúc cải tạo nông nghiệp, cán bộ Năm Đậu nhận ấn tiên phuông trưởng tràng. Thay vì bắt ép nông dân vào Hợp Tác Xã, anh ta để mọi người tự suy nghĩ và tự nguyện vào hay không thì tùy.

Rồi anh ta tổ chức khoán sản phẩm kiểu Kim Ngọc ở miền Bắc trước đây. Vậy là, vô hình trung anh ta chống chủ trương của bề trên. Cán bộ Năm Đậu bị

đình chỉ công tác, chờ xử lý kỷ luật. Mỗi chiều, Năm Đậu gò lưng trên chiếc xe đạp cà tàng từ Bình Hiệp về thị trấn Mộc Hóa, ai thấy cũng chạnh lòng!

Má nói dài dòng như muốn trút bầu tâm sự, tia nóng ruột cắt ngang:

- Thì mình để Cụ nói coi sao! - Cụ Sáu chậm rãi kể:

- Qua không gặp Năm Đậu, chỉ gặp Năm Tầm. Hỏi thăm Năm Đậu, Năm Tầm bảo chuyện dài dòng lắm, nói sao cho xiết. Chi bằng, lấy cái thơ Năm Đậu gởi cho tui mà đọc thì cụ tất sẽ rõ. Thấy qua lừng khừng vì gấp phải đi Tuyên Thạnh cho kịp con nước, Năm Tầm đưa qua mượn cái thơ và nói rằng: Người cô thế thường được cảm thông, nhưng chẳng ai đi theo. Nếu có theo, người ta đi theo kẻ mạnh. Lúc đưa qua xuống ghe, Năm Tầm còn nói nhỏ: *“Những điều nghịch lý luôn luôn có sẵn trong cuộc sống, ngồi than trách và oán giận cũng chẳng ích lợi gì, phải biết tạm thời chấp nhận và vượt lên trên những nghịch lý đó”*.

Tía và chú Tư Lu cùng nói:

- Cái thơ của anh Năm Đậu, cụ có mang theo không cụ?

Cụ Sáu Đỗ cười hóm hỉnh:

- Không mang theo cái thơ, qua sang đây làm gì giữa trưa nắng đổ lửa nầy!

Má giục Ba Hường đọc thơ Năm Đậu gởi Năm Tầm.

Nguyên văn thơ có đoạn viết rằng:

“... Tính ra tôi lên Mộc Hóa, Tân Thạnh công tác cải tạo nông nghiệp ngọt nhạt cũng được 8 năm, bằng 96 tháng, tức 2.880 ngày và đêm. Kháng chiến chống Pháp 3.000 ngày không nghỉ. Như vậy, 3.000 ngày - 2.880 ngày = 120 ngày, quy ra là 4 tháng, tức hơn 1 quý. Nếu tôi tiếp tục trên đó hơn 1 quý nữa, thì thời gian bằng cuộc kháng chiến chống Pháp năm xưa

Tôi ra Bắc 1954, về Nam 1973. Đi dọc Trường Sơn Tây, qua Lào⁽¹⁾ (đường 9 Nam Lào - cầu Ca Ky, Sê Pôn, ngang qua Bản Đôn) đến Campuchia tới R (rừng Lộc Ninh). Cuối tháng 4-1975, tiếp quản Tây Ninh và sau đó về Long An.

Má tôi cộng thời gian tôi đi về: 19 năm tập kết + 3 năm ở R + 5 năm ở tỉnh + 8 năm ở Mộc Hóa, Tân Thạnh = 35 năm! Hơn nửa đời người, gần cả cuộc đời!

Má tôi hỏi: Con đi tập kết không đã hay sao mà còn lên Mộc Hóa, Tân Thạnh? Cái xứ xưa kia “muối kêu như sáo thổi, đũa lội tựa bánh canh”. Tôi khoanh tay: Quá đã má ơi! Đảng phân công... thì phải đi. Hề nhắc tới Đảng là mẹ tôi như muốn khóc, vì gia đình chịu ơn Đảng. Do đó, cả nhà đi theo cách mạng. Cha liệt sĩ chống Pháp, mẹ cho tôi tập kết, lâu quá không có tin tức gì, tưởng tôi chết và bà nghĩ bụng chắc thêm một liệt sĩ nữa. Năm 1967, thằng con thứ 8, trung đội trưởng bộ đội Long An hy sinh tại xã Mỹ Thạnh Đông (Đức Huệ). Tết Mậu Thân, thằng

1. [Lào].

con thứ 9 cầm cờ xung phong tấn công thị xã Tân An, hy sinh ở Ao Quan. Còn má tôi chống đối quyết liệt không chịu vào Ấp Chiến Lược vì còn núng nịu với đảng mình, nên bị pháo quận Bình Phước đập đuôi hết một con mắt.

Gia đình tôi, 2 vợ chồng với 3 đứa con (đứa lớn 10 tuổi, đứa nhỏ 6 tuổi) là 5 nhơn khẩu, làm được 1 công 2⁽¹⁾ ruộng. Thiếu ăn, đói. Tôi “bắt” vợ phải làm 4 vụ trong năm (vụ cuối, giống lúa 75 ngày), đêm ngày dùng gàu dai tát nước, kiểu như lúa rẫy, giải quyết được 5 - 6 tháng ăn.

Ông Ba Quốc Hội ở Hậu Thạnh không tin, cho người đến tận nhà (xã Hiệp Thạnh, huyện Vàm Cỏ cũ) coi hư thực. Anh Tư Bốn (anh ruột Năm Hùng), cô Bảy Rót đem xuống cho một gia gạo và sẵn thể, mời tôi lên ăn giỗ. Chú Phú, kế toán tập đoàn máy (chủ nhà máy chà Kinh Quận) gửi cho 1 gia gạo. Năm Niên, Sáu Thích, tập đoàn Kinh 7 Thuộc cũng gửi cho 2 gia lúa. Những nghĩa cử cao đẹp đó, tôi rất cảm động và biết ơn. Đồng thời, không quên cảm ơn Trời Phật. Như vậy, Năm Đậu có phải ăn hối lộ hay không? Tôi kể thật, không biết các anh trên có thông cảm cho tôi hay không?”. Đọc tới đây, Ba Hường khô họng, chạy ra sau uống một tô nước mưa đựng lu vú⁽²⁾. Mọi người nghe hoàn cảnh sống của Năm

1. 1.200m².

2. Lu vú (hay “mái dú”), lu đựng nước uống và lu đựng nước sinh hoạt hằng ngày. Lu đựng nước uống thường là lu mái dú (hay “mái vú”) có cái bụng phình to có thể chứa đến năm đôi nước. Ngoài lu mái dú còn có lu da lươn, màu vàng, miệng nhỏ hơn, ốm và cao hơn, trên vai lu thường có đắp nổi hình rồng.

Đậu thương quá, mặc dù hoàn cảnh sống của họ cũng chẳng khá gì hơn, có khi còn khó khăn, bi đát nữa là khác. Tía hồi Ba Hường đọc tiếp.

Ba Hường đọc tiếp thư chú Năm Đậu:

“... Tôi chưa kịp hết sốt rét rừng, lại theo anh Ba lên Mộc Hóa hồi năm nước lụt 1978. Lũ lụt và pháo Pôn-Pốt bắn qua, suốt ngày quần áo ướt nhẹp. Sáng uống cà phê xong, pháo bắn. Chiều khoảng 1 giờ 30, pháo bắn. Lúc đó, ngoài chợ Mộc Hóa thịt trâu, bò, gà vịt, cá... rẻ mạt, bán như cho. Mọi người ăn bo bo, gạo quý hơn vàng. Một con trâu lớn, đổi 1 - 2 gia gạo không ai đổi. Dân ăn cháo, ăn khoai, có xă ăn độn rau muống, khi chống xuống té lên té xuống, như con ông Hai A, con Đại úy Hai Chiêm. Con nít đa số trần truồng ngồi chò hỏ trên sạp. Đàn bà con gái, suốt ngày quần vo sát háng. Đàn ông con trai, ở trần trùng trục, mặc quần xà lỏn hoặc vận khăn rằn. Đêm đêm nghe pháo gầm biên giới, nhất là tiếng đạn B40, B41 bay té té bên Bình Hiệp, Thạnh Trị. Có đêm Đại úy Tư Mạnh cùng cận vệ tử chiến trường về thăm Huyện ủy và Ủy ban huyện Mộc Hóa, anh Tư Ca, anh Út Đạt đem thịt trâu, khô, cá và rượu mời Đại úy. Và, không quên bắt Năm Đậu tiếp khách tới khuya. Hôm rồi, tôi lên Tân Thạnh, tình cờ gặp lại Đại úy năm xưa, nay đã là Đại tá Tư Mạnh. Tôi nhắc, hồi nước lụt năm 78, cháu Mạnh 42 tuổi, chú Năm 54 tuổi”.

Chú Tư Lu nghe đến đoạn thư nầy nín cười không đặng, ôm bụng cười lăn, mọi người rập nhau cười,

quên cái oi bức nóng hầm hập. Tía nói, thằng cha mắc dịch tếu thiệt. Má bảo, đọc tiếp đi con.

“... Tình thiệt nói thật, đời tôi chắc gắn liền cái xe đạp cà tàng, trật con chó lên con chó xuống, tuổi càng xế chiều hai cặp giò chắc là đạp không xiết. Có lẽ, hết đời tôi cũng không mua nổi cái Honda để dành đi công tác, đi thăm bạn bè, thăm các anh. Nhà dột nát còn chưa có điều kiện sửa, mưa dầm vợ chồng con cái xúm nhau hứng nước, cái ăn chạy từng bữa, dám mơ chi cái để. Nghĩ các anh hiểu và thương Năm Đậu, tôi mạnh mẽ bạo miệng xin Huyện ủy, Ủy ban huyện có xe gì cũ cũ cho tôi một chiếc, hoặc bán hóa giá trả góp, để tôi thực hiện được điều mơ ước cuối cùng của một đời người. Nếu được, cả nhà tôi rất biết ơn. Nếu không được, tôi hơi mắc cở và các anh cho phép Đậu nẩy buồn năm ba phút gì đó! Kính chúc sức khỏe anh Năm Tâm. Tôi viết xong lúc 9 giờ ngày 19-5-1989. Phạm Văn Đậu”.

Ba Hường đọc xong cái thư của Năm Đậu, có tiếng ai đó thở dài. Má buông lời:

- Tội nghiệp quá chừng!

Cụ Sáu Đỗ, chép miệng: “Kẻ ăn không hết, người lần không ra”! Cụ nhìn ra bến sông, con nước đầy vơi. Trời đương nắng hung, chợt mây muối dền vẩn vũ... Giọng cụ buồn buồn:

- Cái ăn thật đơn giản và bình dị của người lương thiện, đôi khi cũng không dễ có, nói chi đến cái để?

Đôi bờ sanh tử

~~~~~  
Thương người dờ khóc dờ cười  
nói ra thì kệt, ngậm lời thì đau  
viết chuyện cũ, gởi đời sau  
những mong chia sẻ nỗi rầu hôm nay!

~~~~~  
Trần Bảo Định

1.

Thời chiến, vùng biên giới Tây Nam thừa bom đạn, thiếu cơm gạo. Trong cái xóm Sông Trăng nghèo mạt, nhà dì Bảy Tím thuộc diện mạt, dưới cả nghèo. Rồi, cuộc chiến đi qua, cái xót xa, cái đói khát rút lại. Giữa trùng vây thiên tai địch họa, nhiều lúc chịu khôn xiết, người ta nhớ đầm đầm cái nghèo mạt ngày xưa. Những lúc rảnh rỗi hoặc có ai nhỏ giùm tóc ngứa, dì thường bồi hồi kể về chuyện cũ. Nhớ khoảng cuối năm 65 đầu 66 gì đó, chiến tranh xảy ra khốc liệt vùng Hưng Điền, Kiến Tường. Trai tòng quân, gái dân công hỏa tuyến. Cái chết như cơm bữa, nhưng không ai sợ, không

ai nghĩ đến riêng tư. Người ta, sẵn lòng đánh quân xâm lược đến bao giờ độc lập thành, sẵn lòng nhường mạng sống cho nhau. Ngày đó,... ngày đó đẹp lắm!

Trong đội dân công xã, dì được tiếng đẹp nết, đẹp người và rất khỏe. Một mình dì quảy đòn gánh hai đầu đạn pháo cối tòn ten như đòn bánh tét, chạy tạt nước trên cánh đồng Tháp Mười mênh mông. Rồi một đêm, dì không nhớ rõ đêm nào, bộ đội chủ lực về ém quân dọc bờ kinh Phước Xuyên, chuẩn bị đánh lớn, mở rộng vùng giải phóng. Dưới ánh trăng non, sương dật dờ trên đầu lau, ngọn sậy, khiến lòng dì rạo rức, nao nao. Dì có cảm giác cô đơn và thêm một mái ấm gia đình. Vừa nghĩ ngợi bâng quơ, vừa đi theo đội hình trên bờ ruộng; chợt nghe tiếng đế-pa của pháo 105 ly từ Gò Châu Mai và có tiếng hô tránh pháo! Tất cả chị em túa ra tìm chỗ núp. Dì nhảy lọt vào hầm công sự bộ đội. Đạn pháo nổ nghiêng lòng đất, người dì chao đảo đề lên và ôm cứng anh bộ đội lúc nào không biết. Mùi thuốc đạn khét lẹt, mùi sinh của đất lẫn mùi mồ hôi đặc sệt đàn ông chui tọt vào mũi dì rất khó chịu nhưng, chính cái khó chịu ban đầu ấy, đã mang đến cho dì cái cảm giác ngây ngất đầu đời, không thể cưỡng lại và cũng không thể rút ra. Hầm tối đen như mực, hơi thở hào hển của cả hai nghe rõ hơn nghe tiếng đạn pháo nổ. Áo quần ướt nhẹp mà mình mẩy dì nóng ran. Chẳng hiểu sao lúc đó, dì dễ dàng cho và nhận nụ hôn của người trai lạ hoặc lạ huơ. Dứt đạn pháo, anh ôm dì siết mạnh lần

nữa. Dì hôn anh và bật khóc. Đội dân công điểm danh, dì lật đật leo lên công sự chưa kịp hỏi đơn vị, quê quán, tên anh. Toàn đội gấp gáp mang vác chạy băng đồng, vượt qua tọa độ chết trước lúc trời rạng sáng.

*

Sau đợt đi dân công trở về, dì ít vô ruộng và có những biểu hiện khác thường. Má gạn hỏi, dì thú nhận và kể đầu đuôi câu chuyện đêm pháo Gò Châu Mai bắn ở kinh Phước Xuyên. Nghe xong, mắt má chữ O và miệng má chữ A. Bằng kinh nghiệm của người mẹ, má hiểu con nhỏ đã cắn bầu rồi!

Nhịp vồng lắc theo gió chiều, má nằm nghĩ ngợi: Có lẽ, trời cho mẹ sao con vậy. Hồi cắn bầu con Tím, má cũng chẳng rõ người đó là ai. Chỉ biết rằng, người đó là chàng trai Vệ Quốc Đoàn bỏ ruộng cày ra đi giữ nước. Tội nghiệp con, chưa bao giờ được gọi một tiếng tía thân thương! Má động viên an ủi con, như ngày xưa bà ngoại động viên an ủi má. Cứ để nuôi, đừng phá cái bầu mang hình hài người mà phải tội muôn kiếp. Không gian tĩnh mịch, trời tối dần. Má lại nghĩ: Thời buổi giặc già, mấy ai huờn⁽¹⁾ mà khen chê tốt xấu? Chỉ sợ không đủ sức bảo vệ cái bầu của con trước mọi điều bất trắc có thể xảy ra. Loạn lạc, cái không thể đôi khi, cũng có thể như con Tắm ở xóm Tần Lèo đi bắt cá, bị bọn người Miền bắt cóc; chúng thay phiên nhau hãm

1. [Rảnh rỗi].

con nhỏ phọt con ra mà chết! Dì Bảy khóc thút thít cắt dòng suy nghĩ lung tung của má. Giấu tâm trạng âu lo, má cười và nói:

- Nếu khóc vì mừng. Rồi đây, con sẽ có được một đứa con; má có được đứa cháu ngoại thì hãy khóc. Bằng không thì thôi, có gì để khóc!

Đêm ngủ dưới hầm tăng-xê⁽¹⁾, má thường xoa bụng dì:

- Con đừng sợ mang tiếng chữa hoang. Bụng mang dạ chữa đường hoàng. Người lấy, chó ma lấy sao hoang?

Suy cho cùng, dì may mắn hơn nhiều chị em trong xóm. Chiến tranh, đồn ông lẫn lượt kéo nhau ra chiến trường bắn giết; phụ nữ vò võ héo mòn theo tuổi đời, muốn được trở thành đồn bà nào phải dễ, muốn được làm mẹ càng khó hơn mò kim đáy biển. Bởi, đàn ông sẵn sàng giải quyết khát khao tình dục, không sẵn lòng cho mình hạnh phúc để con? Họ đâu hiểu rằng, người phụ nữ thời chiến đa phần thèm con hơn thèm tình dục: Đứa con, niềm an ủi lớn của đồn bà những khi cô quạnh!

*

Tờ mờ sáng, đám lính quần áo rần rì mon men vào xóm. Mấy đứa du kích nện cho mấy phát súng, mấy thằng lính nhảy dựng ngã xuống sình, giã tê tê chết

1. [Hầm trú ẩn, giao thông hào, phiên âm từ tiếng Pháp tranchée].

như cá lóc bị đập đầu. Túc quá hóa khủng, đám lính nổi điên đốt nhà, đốt xóm. Hai chị em Tư Xe, Năm Cộ - con bác Chín Chơi - mắc lui cui tát nước xuống đi nhờ bàng chạy trốn không kịp, nhảy đại vô bụi ô rô mé sông sau hè nhà. Tụi lính phát hiện, may phước nó không bắn. Hai chị em lóp ngóp bò lên theo lệnh của thằng chỉ huy. Một đànang quyết khai thác cho được hầm bí mật Việt Cộng ẩn núp, một đànang chẳng biết gì để khai. Càng giằng co, hai chị em càng bị trấn nước, bị đánh nhừ tử. Tiếng khóc, tiếng rên, tiếng kêu má ơi... thấu trời dậy đất!

Hai chị em làm muốn kiếm sống, tới đợt thì đi dân công bán mạng như dì Bảy Tím. Nhà nghèo, áo quần hai chị em vá đùm vá đụp; giờ bị tra tấn rách tả tơi, vú móm, đít khu lòi ra bê bết máu. Bọn lính tra tấn đã nư⁽¹⁾, không khai thác được gì, chúng bắn một tràng đạn AR15 lên trời rồi bỏ đi. Hai chị em thân thể lỏa lồ, nằm ngay đơ cán cuốc! Khi cả bọn rút đi, năm thằng chần chờ, ở nán lại. Dường như chúng lên cơn động dục. Mất thằng nào thằng nấy đỏ sòng sọc, xé toạc mảnh vải che thân cuối cùng ở hai chị em và khởi động thay nhau đổi gác! Đã cơn, năm thằng phờ phạc ngơ ngác, cúi xuống mở ba lô lấy gạo sấy, thịt hộp, sữa hộp, thuốc men, băng cá nhân... để lại, trước lúc lạng lẽ bỏ đi.

Gió từ ngã ba sông theo con nước lớn thổi về, giữa lúc xóm nhà cháy còn nghi ngút khói. Và, hình như

1. [Cơn giận].

tình dục đánh thức bản năng sinh tồn, hai chị em tỉnh dần. Nước mắt tuôn tràn ra khóe, ướt cả mặt.

*

Bác Chín Chơi nghiêng rằng khi thấy thân thể trần truồng của hai đứa con gái. Bác thể:

- Tau già rồi, từ lâu muốn gác ngoài tai mọi chuyện thể sự. Bây giờ thì không thể, nhất định tau phải rửa nhục này!

Vừa nói, bác vừa hậm hực gom những thứ năm thằng lính để lại định liệng xuống sông. Bởi thấy những thứ đó, bác uất hận chịu không nổi. Má dì Bảy can:

- Dù sao thì chuyện cũng đã rồi, việc cần kíp bây giờ là cứu hai đứa nhỏ.

Chòm xóm với nhau thuộc hàng cố cựu, má dì Bảy biết bác Chín người nghiêm từ chứ không nghiêm khắc. Bác Chín vẫn đứng chết trân. Má dì Bảy nói tiếp:

- Ở đây, mình thiếu thốn trăm bề. Chúng để lại thực phẩm, thuốc men, là... Thôi anh Chín, hãy coi việc này như là một tai nạn... Một tai nạn chiến tranh!

Mất rừng rừng, má dì Bảy lập lại:

- Một tai nạn chiến tranh!

*

Chịu trận khủng khiếp đó, hai chị em đổ bệnh tâm thần. Lúc khóc cười, khi nói nhảm. Đã vậy, tội con Tư Xe có bầu. Bác Chín trai không thấy cái bụng của Tư

Xe thì thôi; hể thấy, cứ nằng nặc một hai buộc con nhỏ phải phá bỏ cái thai. Bác Chín gái năn nỉ ỉ ôi bác Chín trai thiếu điều gãy lưỡi.

- Ông ơi! Trong bụng con Tư dù có nửa giọt máu của thằng mắc dịch nào đó hay của chung cả lũ thì, cũng có nửa giọt máu rất người thuộc về con gái mình. Sau này, nó sẽ kêu ông với tui bằng ngoại...

- Nhưng... tui chịu không nổi!

- Bộ mình tưởng tui chịu nổi sao? Song, ông và tui không thể thỏa mãn cái ý muốn riêng mình, mà cắt đứt sự sống của thai nhi, nó đang nường náu nơi bụng mẹ để chờ ngày chào đời, nhằm thực hiện những gì nó còn dang dở ở tiền kiếp!

Mặt bác Chín gái buồn hơn đám ma chiều, chợt quay qua hỏi bác Chín trai:

- Phá cái bụng chứa con Tư, lòng ông không run sợ sao?

*

Tư thường lơ ngơ, láo ngáo nhưng, mỗi khi nghe nhắc đến con, hình như có cái gì đó rất linh thiêng làm chị tỉnh ra. Mỗi lần tía buộc phá thai, chị quỳ lạy:

- Tía ơi! Con của con đang kêu ông ngoại ơi, ông ngoại! Nè tía!

Tư đứng dậy, vụt chạy đến ôm cổ tía, nhảy cẫng lên sung sướng.

Thương con đứt ruột, bác Chín cắn môi để miệng không bật thành tiếng khóc. Và từ đó, bác bỏ hẳn ý định buộc con phá thai.

Hơn nửa năm sau, Tư Xe chuyển dạ đẻ con gái, ông ngoại lấy họ mình đặt cho cháu nhưn đầy tháng. Cả cái xóm nghèo mặt chúc mừng!

2.

Hòa bình! Cán bộ về tận xóm hướng dẫn kê khai lập sổ hộ khẩu và miễn lại Chứng minh nhân dân. Cán bộ hỏi :

- Cha cháu sống chết ?
- Dạ, hồng biết!
- Mất tích?
- Dạ, hồng biết!
- Họ tên cha của cháu, năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, làm gì, ở đâu trước 30-4-75?
- Dạ, hồng biết! - Cán bộ bực mình, xẵng giọng:
- Vậy, cái gì bà biết? - Dì Bảy hơi run, tình thiết nói thiết:
- Dạ, hồng dám giấu gì cán bộ, tía nó là bộ đội. Tía nó lấy tui tại hầm công sự và... Dì chưa kịp nói hết lời, cán bộ cũng không đủ bình tĩnh nghe dứt câu:
- Chị đùa hả? Thôi, chị ra ngoài!

Đến lượt Tư Xe, vì tâm thần nên bác Chín gái khai thế. Cán bộ hỏi:

- Cha cháu sống chết?
- Bẩm ông...
- Cán bộ chặn ngang:
- Đã đổi đời rồi! Bẩm ông, bẩm bà, vốn tiếng quen xài thời nguy, thời giai cấp thống trị, bóc lột lên ngôi. Nay, chỉ có thừa, nếu bà muốn...
- Thừa cán bộ, con nhỏ hồng có cha!
- Không có cha, sao có nó? Thôi, bà đừng nói vòng vo Tam quốc nữa! Bà khai rõ tên họ cha cháu, năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, làm gì, ở đâu trước ngày 30-4-75? Cán bộ cổ nén bực bội trước người có tuổi. Bác Chín gái ấp a, ấp úng.
- Thừa cán bộ, những cái cán bộ hỏi tui hồng biết tí sừu chi cả; tui chỉ biết chắc cha nó là lính rằn ri Cộng Hòa.
- Rồi, bác Chín gái như sức nhớ ra điều gì, vọt miệng:
- Thừa cán bộ, cha nó hồng phải một thằng mà, đến những năm thằng!
- Cán bộ rất khó chịu, lẩn nẩy anh ta kiểm chế.
- Vậy, cái gì bà biết?
- Thừa cán bộ, cha nó vốn là lính Việt Nam Cộng Hòa!
- Sự kiêu ngạo vượt lần ranh kiểm chế, cán bộ dằn mạnh tay xuống bàn.

- Bà phải nói, cha cháu là nguy quân!

- ???

Rồi như thế, muốn soi mói để tìm ra manh mối một điều gì đó ở người đàn bà lam lũ, chất phác, đột ngột, anh ta hỏi một hơi:

- Cha cháu cấp bậc, chức vụ gì? Đã trình diện, học tập chưa? Hay di tản? Hoặc trốn theo đám tàn quân chống phá cách mạng? Chắc bà biết rõ?

Những tiếng “chắc bà biết rõ”, cán bộ nói chậm rãi và gần từng tiếng. Bác Chín gái thản nhiên, trả lời gọn lỏn:

- Thừa cán bộ, không biết!

- ???

*

Phước và Thương - con trai dì Bảy Tím, con gái chị Tư Xe - hai đứa trẻ thuộc sản phẩm của chiến tranh; lớn lên giữa sự tù mù bất cập của cơ chế quản lý con người và xã hội thời bình. Mọi thứ người ta đòi hỏi phải trong sạch, rõ ràng. Nhưng chuyện đời thì không hề đơn giản như cái đòi hỏi đánh đổ kia. Bởi, có chắc gì hề cứ trong là sạch và hề cứ sạch, đương nhiên trong!? Và, rõ thì phải ràng; khi ràng thì chắc chi đã rõ?

Cái cột lý lịch thiếu rõ ràng, trong sạch đã cản trở đường vào đời, gây rắc rối cuộc sống của hai đứa trẻ. Một đêm, bọn Pôn-Pốt ồ ạt tràn ngập biên giới, chúng cướp sạch, đốt sạch, giết sạch xóm Sông Trăng - trong

đó có gia đình bác Chín - chỉ trừ chị Thương còn sống sót; nhờ đêm đó, chị ngủ ở nhà dì Bảy. Tàn chiến cuộc, má dì Bảy bỏ xứ, bồng bế nhau và dắt luôn chị Thương về Hòn Đất sinh sống. Chị Thương thân cô cút, nhận dì Bảy là má của mình. Trời xót thương người tử tế, mấy năm sau gia đình dì Bảy ổn định cuộc sống. Và, khi gia đình dì Bảy ổn định được cuộc sống thì, má dì bệnh già qua đời! Tuổi càng cao, dì càng thấy mình cô quạnh. Về đêm, dì sợ. Sợ nhớ những gì đã trải qua đời mình, từ cái đêm dì thành đồn bà giữa cơn đạn pháo. Dì không trách người đã gửi lại bụng mình một đứa con, dì chỉ trách trời sao nỡ lạnh lòng để chiến tranh xảy ra, gây cảnh người với người phức tạp; càng phức tạp, người càng nghi kị làm khổ đau nhau. Hồi má dì còn sống, thường nói: “Đẻ đau, nhớ lâu!”. Dì ngấm nghĩa thằng Phước để cố hình dung ra diện mạo tía nó. Thằng Phước giống dì đôi mắt và cái miệng, còn những thứ khác dì tin rằng, nó kết tụ từ tinh hoa của chồng. Ngày qua ngày, dì chờ đợi tía thằng Phước, dù tuyệt vọng! Có con bên cạnh như có chồng bên mình. Được quyền làm mẹ, không quyền làm vợ. Dì đau mà không thể than vãn cùng ai. Thêm một tiếng gọi: “Mình ơi!” hay “tía thằng Phước!” Đến chết, chắc là không thể! Hôm lên chùa Từ Vân lễ Phật, sư cụ bảo: “*Vạn sự giai không!*”. Trên đường về, dì ngấm nghĩ: Nếu “*không*”, sao cái sự đó vẫn nằm hoài trong trái tim mình? “*Không*”, sao lại có thằng Phước hiện diện ở đây? Nhưng rồi dì

chợt nghiệm ra rằng cái “có” này có thể chỉ “có” đối với mình thôi, còn đối với cha thằng Phước hay cha con Thương thì có thể “cái cuộc chơi” kia đã hoàn toàn chìm trong ký ức, hoàn toàn trống rỗng như vòng tròn “không tâm” của nhà Phật! Dì với tía thằng Phước gặp nhau ngẫu nhiên hay duyên nợ? Nghiệp hay chướng? Một tích tắc lửa bén dục nở hoa, đậu trái!

Dì thương hai đứa nhỏ, nó đâu là nguyên nhân gây ra chiến tranh, sao bắt nó gánh chịu hậu quả? Nó không ăn mắm, sao bắt nó khát nước? Và, khát nước đến bao giờ...?

Những đứa trẻ lai Mỹ đen, Mỹ trắng... không có cha như thằng Phước, con Thương được ưu ái và nhơn đạo đưa về quê cha đất tổ kể cả mẹ, người bảo dưỡng. Mừng cho chúng lá rụng về cội. Tội là tội cho những đứa trẻ Việt có cùng hoàn cảnh như con lai Mỹ thì sống cù bơ cù bất, bị soi mói, nghi ngờ mỗi khi đụng đến lý lịch. Buồn tình, dì nghĩ ngợi chẳng biết có đúng không: Thương nước, thì thương nòi! Người Việt mình, ai cũng thương nước, chắc là ai cũng thương nòi? Dì tin như vậy, dù thực tế dì và tụi nhỏ gặp bao đắng cay, nghiệt ngã. Dì dặn con, ở đời bất cứ việc gì cũng đừng giành “một mình một chợ”. Cái kiểu “một mình một chợ” đó là nói theo triết lý bình dân, còn nói theo triết lý nhà Phật thì nó là “ngã chấp”. Mà “ngã chấp” chính là đầu mối của mọi khổ đau của thập loại chúng sinh... Kiểu chơi cha đó, không bền và họa sẽ đến.

Những đêm trái gió trở trời, dì nhớ má, thương gia đình bác Chín, tội nghiệp phận bạc hai chị em Tư Xe, Năm Cộ. Dì lo ngay ngáy tương lai của thằng Phước, con Thương. Mấy chục năm rồi, vẫn quanh đi quẩn lại câu hỏi về người cha. Mẹ còn không biết, nói chi tới con. Thương tụi nhỏ quá chừng! Chợt dì nhớ lời má: Trong đạn bom, cả cái làng nầy sống chết cùng họ. Vì, họ tốt trên cả những người tốt. Khi yên bom đạn, họ không phải người xấu, họ sống tử tế và biết luân lý; nghiệt nỗi họ không quen và không thích lắng nghe những lời của người khác. Nhứt là, những ý kiến trái chiều với những gì họ nghĩ đã thành nếp. Thói thường của những người tự cho mình có quyền lực vô biên!

Từ lời của má, dì nghiệm ra: Mình với mình thù dai do tâm lý hơn là luân lý. Vì luân lý bao giờ cũng dạy con người sống theo lẽ phải, chỉ có tâm lý mới là kho chứa những thù hằn mà con người không đủ sức hóa giải nó. Dì mong tụi nhỏ sống theo luân lý tổ tiên để vượt qua tâm lý thù dai... Mà thực sự có gì để vượt qua đâu? Chỉ đơn giản buông phứt đi cái tâm niệm cố chấp hận thù kia thì, có thể nắm tay ca hát với mọi người, kể cả những người đã từng đối địch với mình ở bên bờ sanh tử!

Ăn nằm

1.

Rắn có nhiều kẻ thù.

Kẻ thù đáng sợ nhất của Rắn là Bìm Bịp. Có lẽ, Thượng đế tạo ra Bìm Bịp để trừ khử loài Rắn độc, bảo vệ các loài sinh vật khác chăng?

Một hôm, Rắn Chúa triệu tập mở hội nghị bàn về biện pháp ngăn và chống Bìm Bịp, giữ an toàn cho nòi giống.

Rắn Hồ Đất phát pháo:

- Chúng ta cần khẳng định ngay: Bìm Bịp là kẻ thù lâu dài. Trong hội nghị này, bàn vô không bàn ra, bàn tiến không bàn lùi.

Rắn Ráo tiếp lời:

- Chẳng những vậy, mà phải nhận dạng, nắm chắc đặc tính, quy luật từng thời kỳ của chúng, để ta có kế sách phù hợp và hiệu quả.

Rắn Hồ Hành chen vào:

- Nên nhớ, Bìm Bịp sống định cư, xây tổ nơi bụi rậm ven sông rạch, đầm lầy. Thường thì vợ chồng đi từng cặp, dựa vào thủy triều kiếm ăn. Lúc nhỏ, toàn thân phủ một màu nâu chấm đen. Khi lớn lên, đầu mờ, cổ ngực và đuôi màu đen lợt, mình và đôi cánh màu nâu đỏ, đôi mắt đỏ au, đôi chân đen bóng. Đặc biệt, bàn chân bốn ngón, trước và sau đối xứng, cặp ngắn cặp dài, chuyên săn lùng bà con ta ăn thịt.

Rắn Hồ Hành dừng lại, cả hội trường im phắc và rúng động.

Rắn Hồ Hành liếc mắt, ngó qua một lượt, nói tiếp:

- Mỗi lần Bìm Bịp đẻ và nuôi con, nó bắt và biến chúng ta thành những tên tù binh, làm dự trữ thức ăn. Tội ác này, chúng ta và con cháu mai sau nhớ lấy!

Một vấn đề gai góc đặt ra là: Làm thế nào ngăn chặn tội ác của Bìm Bịp?

Trực diện đánh Bìm Bịp? Rắn chưa đủ khả năng và không dám - ngay cả cái mùi phân Bìm Bịp cũng đã khiến Rắn sợ khiếp vía, chẳng dám bén mảng đến gần, nói chi đến đánh!

Hội nghị bế tắc.

Bỗng... Rắn Hồ Ngựa đập đuôi thỉnh thịch xuống đất, sừng cổ, cật cổ:

- Hồi đồng loại Rắn! Đời chúng ta khổ khổ và khiếp sợ đã nhiều rồi. Sống không hang ổ, chết không nắm mồ. Đã vậy, Diều, Nhím... và các sinh vật khác rất khoái khẩu khi ăn thịt của chúng ta. Ngay cả con người cũng thèm khát, lớp chế biến 7 món ăn chơi, lớp nấu cao, ngâm rượu, uống để cường dương sung độ... Trời không chịu thấu, nói chi đến bọn ta?

Có tiếng thở dài dài đầu đó.

- Nghiệp chướng! Nghiệp chướng!

Rắn Hồ Mây phản ứng:

- Chẳng lẽ đành thúc thủ quy hàng, phó mặc cho bọn Bìm Bịp ăn dần chúng ta sao?

Rắn Nước từ đầu giờ đến trưa ngúc ngoắc, im lặng, vụt hăng máu:

- Ta phải hiệp bầy, dốc toàn lực chơi một trận để đời với lũ Bìm Bịp, chết cũng cam lòng. Nó ít, mình nhiều, *“mãnh hổ nan địch quần hồ”*.

Lão Rắn Lục già nua, mình chỉ chít sẹo, giọng khàn đục:

- Này! Lũ trẻ con kia đừng đại dốt liểu lĩnh mà thiệt mạng. Không được đâu... Không được đâu! Luận điệu *“mãnh hổ nan địch quần hồ”* đem áp dụng thời hiện đại bây giờ: Chết chắc!

Cả hội trường nhao nhao...

- Vậy, phải làm sao? Làm sao sư phụ?

Lão Rắn Lục chiêu ngậm nước, chậm rãi nói:

- Thật ra, bản tính nhà Rắn ta vốn hèn nhát, chỉ khi nào bị đối phương đập vào mình, lúc ấy mới phản ứng cắn mổ! Thường thì ta chỉ thè lưỡi, phùng mang hú dọa, diều võ giương oai, kiểu *“Sơn Đông mãi võ”*, thấy không ăn và đối phương không sợ thì cụp đuôi, rút lui bỏ chạy. Được cái trời cho nọc độc, miệng lưỡi xảo ngôn, nói một đằng làm một nẻo. Đầu óc mưu sâu kế hiểm, tâm địa cướp của người làm của mình, thiên hạ xấu mồm xấu miệng cho rằng, trong máu giống nòi Rắn ta có gien bành trướng (?).

Rắn Chúa công lão Rắn Lục lên ghế chủ tọa.

Bầy Rắn vỗ tay vang như sấm. Tiếng vỗ tay vừa dứt, lão Rắn chỉ dạy:

- Truyền thống xưa nay của Rắn ta: Đánh cũng thua, bị đánh cũng thua. Chỉ có dùng mưu chước, may ra mới có thể giành thắng lợi phần nào đối với kẻ tinh ranh, nhưng tham lam nhút trong bọn tham lam làm nó mờ mắt trở nên ngu muội...

Dùng lời giấy lát, lão Rắn khẳng định:

- Kẻ đó, là loài Chuột!

Rồi, lão trở giọng:

- Rắn ta tự bao đời đâu có cần làm hang ổ. Khi cần, rắn đàm - nếu đàm không được thì đánh - chiếm hang và dùng thịt Chuột làm thức ăn dự trữ cho những

ngày sinh đẻ. Vậy, tại sao ta không dùng lũ Chuột ngăn chặn bọn Bìm Bịp? Bìm Bịp sẽ hao tài tốn của, kể cả bỏ mạng và sa lầy khi phải đối đầu với lũ Chuột. Cho dù Bìm Bịp thắng Chuột đi nữa, thì cũng là “*chó le lưỡi, nai vạt móng*”. Lúc đó, chính là lúc chúng ta “*tọa sơn quan hổ đấu*”.

Tiếng la hét tự sướng của bầy Rắn, lung lay cả hội trường.

Lão Rắn già cười ngạo mạn, văng nước miếng tùm lum.

- Muốn đạt được “*tọa sơn quan hổ đấu*”, thì bằng mọi cách phải âm thầm và bí mật thực hiện hoàn chỉnh quỷ kế “*ăn nằm*” đối với lũ Chuột.

Bầy Rắn như động kinh, muốn rõ quỷ kế “*ăn nằm*” ra sao, Lão Rắn cất ngang:

- Việc đó, không phải việc của các người!

2.

- Tụi nhỏ đã *ăn nằm* với nhau rồi, còn gì để nói?

Chuột Xám nghe vợ nói vậy, lòng không yên. Bởi ông hiểu bản chất loài Rắn là tráo trở, thằng Rắn Râu nó tráo trở với con Chuột Hai thì sao?

Không khí buổi chiều đặc quánh và oi bức.

Chuột vợ nói để chống vững bụng, rằng việc đó nếu xảy ra, tự thân nó sẽ có cách giải quyết. Nói thì

nói cứng vậy, chớ thật tâm Chuột vợ cũng lo; mà không lo sao được, vì từ hôm Chuột Vương hoan hỉ và truyền lời tới muôn Chuột: “Kể từ rày về sau, Rắn - Chuột kết tình huynh đệ, Rắn thể không ăn thịt Chuột, cả hai loài sẽ chung sức chung lòng chống Bìm Bịp cứu nòi giống. Rắn - Chuột hữu hảo, có quyền *ăn nằm* với nhau, sanh con đẻ cái, thực hiện một “ngôi nhà chung” đã khiến đấu trên ngõ dưới khắp cánh đồng chuột xôn xao bàn tán, kể cho là Chuột Vương thức thời, người nói Chuột Vương ngu muội... “*Nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà*”. Nhưng thiệt ra, mấy ai hiểu tận cùng cái thâm ý hoan hỉ và truyền lời của Chuột Vương?

Thấy chống thao thức lo nghĩ chuyện ngày mai của cánh đồng, Chuột Xám vợ tuy thương chống nhưng không thương tình an ủi, bởi đáng trọng phu há lẽ không thấu hiểu điều thuận nghịch của trời đất!

Chiều rắc nằng buồn và trải trăm mối hoài nghi lên cánh đồng chuột. Cánh đồng tự nó yên, mà không ổn!

- Biết đâu Chuột Vương lấy cái “*Khéo*” che đậy cái “*Léo*” tàng ẩn bên trong, nhằm chặt bớt vây cánh bọn nội gián mà từ bấy lâu Rắn đã dày công xây dựng. - Chuột Xám vợ muốn chống động nào nên giả bộ nói băng quơ.

Tình thế bây giờ cánh đồng chuột đang bị kẹp bởi hai thế lực hùng mạnh là Rắn và Bìm Bịp. Chuột Vương thừa hiểu: dựa hẳn một thế lực thì ắt phải vong mà

chẳng được tôn. Do đó, Chuột Vương chấp nhận chơi cờ “Léo” cùng một lúc hai đối thủ “*người nửa lạng, kẻ tám cân*” bằng nước đi nhuần nhuyễn “*hư chiêu thắng hữu chiêu*”. Bầy chuột trên cánh đồng đã từng cật vấn: Nghĩa là sao? Chuột Vương im lặng, cái im lặng giấu ý giữ mình và cứu muôn chuột!

Chuột Vương, sáng “*bá vai bầu cổ*” Rắn; tối mới là cái đích thực “*tay nắm lòng mừng*” cùng Bìm Bịp bài binh bố trận khống chế cái ác bất đạo của Rắn. Chuột Vương từng nghĩ: Rắn ở cận kề sát nách; tâm địa bất nhứt, lòng dạ tráo trở... Vì vậy, nên phải vậy!

Trước loài chuột, Chuột Vương ăn tui uống nhục; trước lũ Rắn, Chuột Vương là kẻ thuần phục - cánh tay nối dài - của Rắn Chúa. Chuột Vương thuận làm điều đó, là để nắm cái cơ hiểu cái thời mà dùng phép “*Đồng sàng dị mộng*” đối phó quỷ kế “*Ăn nằm*” của Rắn Chúa.

Không ai hiểu dã tâm Rắn bằng Chuột Vương!

Chuột Xám vợ nhắc nhở chồng:

- Rắn tôn vinh, ca ngợi Chuột Vương thức thời và anh hùng, cũng có nghĩa là Rắn mắc bẫy truyền thống của loài chuột dùng “*Léo*” để hóa giải và trị mưu hèn kế bẩn “*ăn nằm*” của Rắn đang manh tâm, dục sức thực hiện.

Đắn đo và lo lắng trùm kín không gian chiều tưởng êm ả, nhưng sục sôi.

Nghe vợ nói, Chuột Xám vẫn bần khoản:

- Ăn đứng, ăn ngồi, ăn chạy... Ăn... không thể sánh kịp với *ăn nằm*! Và, một khi đã chịu *ăn nằm* - quen hơi - rồi, thì cho dù trời gấm cũng không nhả! Minh quá hiểu, nó trên cả sự chết!

- Minh đừng manh động mà làm hỏng đại sự của Chuột Vương.

Ngăn chống phá hồng kế quỷ *ăn nằm*, vợ Chuột Xám nhắc chuyện nhà:

- Hồi năm, Chuột Hai và thằng Rắn Râu ăn cơm trước keng, nghĩa là tui nó đã... Minh và tui phải cạy nhờ mai mối nói chuyện phải quấy với tía Rắn Râu. Tía Rắn Râu làm nhục vợ chồng mình. Thiệt ra, công bằng mà nói: có bao giờ Rắn coi Chuột là bạn đâu? Trong mắt Rắn không có Chuột!

Thấy chồng sừng cổ vênh tai, biết chồng nổi cơn tức giận, vợ Chuột Xám cười giả lả khuyên can:

- Tức giận chẳng khác gì mình tự giết mình. Sự đời là vậy, không vậy sao gọi sự đời!

Thời gian đeo gót, những việc khuất tất lộ dần...

Một đêm, dưới ánh trăng mùa Đông lạnh lẽo và cần cỗi, Rắn Chúa bí mật trao tặng Chuột Vương cảm nang “*ăn nằm*” với câu thần chú chuyển kiếp “*chuột thành người*” để chiếm hữu ngôi Vương vô hạn. Thâm ý Rắn Chúa, biến Chuột Vương thành kẻ mê muội “*hữu xác vô hồn*” và khi cuộc chiến chống Bìm Bịp kết thúc, cũng

là lúc nhà Chuột kiệt quệ, tôi tả toàn diện, mọi việc chỉ biết dựa vào Rắn Chúa. Từ dựa vào Rắn Chúa, tôi lệ thuộc Rắn Chúa rất gần và cũng là lẽ đương nhiên! Sử dụng chiêu thức “*Giả đại qua ải*”, Chuột Vương đóng tròn vai theo thâm ý của Rắn Chúa.

Đêm tàn, trăng úa đỏ như tía máu trước lúc sụp mí chân mây!

3.

Cuộc sống nơi quê vợ mỗi ngày một khó khăn, tôi tệ. Rắn Râu quyết định đưa vợ và năm đứa con mang hai dòng máu về chung sống cùng cộng đồng Rắn.

Buổi chiều, trước lúc xa con và các cháu, Chuột Xám cầm tay con rề:

- Tía gọi chúng nó cho con! Tía hoàn toàn tin con như tin chính mình.

Chuột Xám quay mặt đi nơi khác, không dám nhìn con gái và đám cháu ngoại đang nheo nhóc, đói khát. Bởi, Chuột Xám nghi ngại và run sợ cái ngày mai đây bất trắc sẽ đến với con cháu.

Vợ Chuột Xám vừa khóc vừa hôn cháu, vừa căn dặn con gái:

- Dòng giống nhà chồng con không có chún để đi, để chạy; chỉ trườn, lết... Không vì vậy mà con khinh

thường sẽ mất mạng đó. Giá trị không thuộc nơi cái gì mình có, mà cốt ở điều con làm được gì, khi con chẳng có cái gì cả. Rồi, bà mẹ thấp giọng, nói nhỏ vừa đủ con gái nghe:

- Khi gặp nghịch cảnh, con nên nhìn thấu suốt nội tâm của mình. Nơi đó, sẽ mách bảo những gì con muốn. Con nghĩ sao thì hành động vậy!

Lúc chia tay, bà còn nhắc: “Khi có biến, con hãy bồng bế các cháu của ta. Nhưng cố chạy thật nhanh về quê ngoại”. Như lời tiên tri, những gì tía má Chuột Hai nói trước kia, giờ xảy ra giữa Rắn và Chuột y chang, không mấy khác.

Chuột Hai bị nhà chồng miệt thị, khinh rẻ. Các con Hai đầu Rắn mình Chuột lại có chún, không hội nhập vào cộng đồng nhà Rắn được. Rắn Râu hiểu tận tường mọi lẽ, thương vợ thương con nên hết lòng che chở, đùm bọc. Vợ chồng “đầu tắt mặt tối” kiếm miếng ăn, nuôi bầy con.

Loài Rắn không có quê nhà, không có mái ấm gia đình, không có bữa cơm chiều sum hợp... Rắn không có nơi “*chôn nhau cắt rún*”! Rắn là loài bò sát, ác tâm và chuyên mang nọc độc đi cướp phá, xâm chiếm hang ổ kẻ khác - nhất là, hang ổ loài Chuột.

Dưới mắt bọn quan Rắn - kể cả lũ Rắn bạn của chồng - Chuột Hai là miếng mồi thơm ngon. Nhiều

lần Chuột Hai định nói và báo động cho chồng biết, nhưng lại thôi vì sợ chồng có thái độ mạnh mẽ mà thiệt thân.

Rắn Chúa càng ngày càng ngang ngược, trịch thượng đối với Chuột Vương. Bể ngoài, ăn nói hoa mỹ bằng những lời có cánh song bề trong, ẩn chứa những âm mưu quỷ kế thâm độc.

Việc đến, đã đến với Chuột Hai.

Năm con rắn hổ mang, hai con rắn mái găm cùng thi nhau bức hiếp và cắn xé Chuột Hai trên bờ ruộng nước. Chuột Hai thều thào trước khi tắt thở:

- Mẹ ơi, con không kịp chạy nhanh về với mẹ rồi!

Chuột Hai bị chúng phân thân, máu loang đỏ mặt trời!

Ngày hết, cánh đồng nín thở chuyển dạ vào đêm.

Rắn Râu trườn tìm vợ.

- Mình ơi! M...ì...n...h...ơ...i...!

Tiếng kêu vợ của Rắn Râu dội rung mặt nước.

Mùi tanh máu lẫn hơi vợ tràn khứu giác, Rắn Râu nường theo tới nơi vợ thọ nạn. Lặn hụp suốt đêm, Rắn Râu tìm được miếng da đầu của vợ mình còn sót lại. Máu uất hận trào lên khóe mắt, Rắn Râu nhỏ từng giọt lệ thấm ướt miếng da đầu của người vợ yêu quý!

Ngay trong đêm, bất kể hiểm nguy, Rắn Râu dắt díu đàn con chạy trở về quê ngoại.

4.

Rắn Chúa thỉnh thị lão Rắn Lục:

- Mọi việc xếp đặt của đại ca, đệ tiến hành đúng y kịch bản. Tình cảnh bây giờ, ta rời nơi mai danh ẩn tích để xuất đầu lộ diện làm bá chủ cánh đồng được chưa?

Lão Rắn Lục trườn tới trườn lui ra chiều suy nghĩ. Hồi lâu, lão nói:

- Điều tối kỵ là chỉ biết ta mà không biết người!

Rồi, lão chậm rãi phân tích:

- Từ ba phía, ta bị tam đầu thọ địch: Diều, Bò Cát, Nhím... Duy nhất chỉ còn có phía Chuột là dễ ăn và ăn chắc.

Song, lão không quên cảnh giác Rắn Chúa, rằng: “Cho dù diệt Chuột xong, thì vẫn phải đề phòng Bìm Bịp”.

- Vì sao?

- Vì, nó thừa sức mạnh tiêu diệt ta!

Trầm ngâm, lão nhấn mạnh:

- Điều cực kỳ quan trọng là lòng thiên hạ, bởi lòng thiên hạ không theo thì dù binh hùng tướng mạnh và thuận thiên thời, địa lợi... cũng bằng không! Ta sẽ thua và mất tất cả.

- Vậy, lòng thiên hạ ở đâu?

Rắn Chúa gay gắt, hỏi.

- Lòng thiên hạ ở ngay điều thiên hạ muốn, mà điều thiên hạ muốn là một ẩn số nào ai dám chắc khi hữu sự sẽ ngã về ai?

Rắn Chúa sốt ruột.

- Vậy thì...

Lão Rắn Lục tiếp lời:

- Vậy thì, “*mềm nắn rắn buông*”!

Đột nhiên, Rắn Chúa cười đắc chí:

- Chuột đang “*mềm*”, sao ta không “*nắn*”?

- Ý Chúa muốn...

- Muốn nói rõ cho thiên hạ biết: cánh đồng, sông nước là của riêng ta!

- Thần e ngại thiên hạ phản đối và chống lại ta.

Rắn Chúa lè lưỡi liếm mép.

- Chuyện đã rồi, thiên hạ huồn đầu mà can dự!

Như sức nhớ điều gì đó, Rắn Chúa nở nụ cười bí hiểm.

- Và lại, Chuột với ta là chỗ thông gia thì thiên hạ nào thèm xía vô, nói chi tới can dự? Ta dốc lực chiếm gấp hang ổ Chuột, và từ đó làm bàn đạp uy hiếp các loài sinh vật khác, rồi tiến thẳng ra sông tranh bá chủ với Bìm Bịp.

Nghe Rắn Chúa nói, lão như sáng mắt sáng lòng và lão âm thầm phân tích, đánh giá tình hình thuận lợi,

khó khăn giữa Rắn và Chuột. Tình hình xung quanh các loài giống khác: “Chuột chẳng những *lệ* mà còn *thuộc* ta mọi mặt - nhứt là *nếp nghỉ* và *miếng ăn* - nó thở nhờ lỗ mũi của ta, thì lấy chi mà dám hó hé. Chuột *ăn nằm* cùng ta, thiên hạ đại gì xông vô cứu giúp; và biết đâu từ Chuột, ta mượn Chuột để thoát vây khi ta bị thiên hạ vây”!

Lão nhớ lại, Rắn Chúa từng nói: “Chuột Vương ngả vào vòng tay của ta, là đẩy muôn Chuột còn chút lòng nghĩ tới cánh đồng sẽ ly tán, mà một khi lòng Chuột ly tán, đó chính là tử huyệt của Chuột Vương”!

- Khanh phải tìm mọi cách dụ khị Chuột Vương mãi mê lo chuyện nhứt tưng thần chú hóa kiếp thành người. Và nhớ, thực hiện có hiệu quả kế quỷ “*ăn nằm*”, nhằm sản sanh một lực lượng mang dòng máu Rắn trong cộng đồng Chuột.

Lão thừa hiểu đây là kế sách “*Đồng hóa*”, và cũng là lực lượng kết hợp với bọn Chuột tự nguyện làm nội gián sẽ trở nên một lưỡi dao sắc bén, cực độc cho “*hoa nở trong lòng địch*”, hòng “*bóc vỏ lõi nhưn*”!

Cái chết bi thảm của Chuột Hai đã gây chấn động lòng người ở cả hai phía Rắn - Chuột! Nhìn miếng da đầu còn sót lại của con gái, Chuột Xám không cầm được nước mắt. Vợ Chuột Xám ôm cháu ngoại vào lòng. Thằng rể quý trước bàn thờ tổ tiên nhà vợ, như tạ tội không bảo vệ được vợ mình trước lũ ác thú!

Tía vợ đỡ con rể đứng dậy, bằng tình thương và sự hiểu biết, Chuột Xám an ủi:

- Tía chẳng những không trách, mà còn thông cảm con. Đừng bi lụy và quá buồn đau. Việc bây giờ, theo tía, rất hệ trọng là trước sau gì rồi Rắn cũng sẽ quyết thực hiện kỳ được mộng tham vọng vĩ cuồng, chà đạp phẩm giá Chuột và cố tâm xâm chiếm hang ổ Chuột. Vấn đề chỉ là thời gian...

Chuột Xám nói lời ruột gan:

- Con là Rắn, nếu muốn, thì con có quyền trở lại nơi con sanh ra để làm tròn phận sự của loài Rắn!

Rắn Râu sụp lạy, khóc rống:

- Con không về! Tía ơi, con về đâu, khi trái tim con hoàn toàn thuộc về Chuột. Con ở lại đây, và sẽ chiến đấu như người chiến binh Chuột giữ mảnh đất quê hương yêu dấu này!

5.

Tháng ba, mưa sa đông trên cánh đồng.

Rắn Chúa hội quân khoe cơ bắp, kiểu “*Sơn Đông mãi võ*” hùng uy hiếp Chuột Vương và buộc thần dân Chuột dâng hang ổ. Chuột Vương chủ động nhịn nhục, cốt mượn nhịn để có thời gian và chịu nhục, để sử dụng thời gian cho việc cần làm khi phải làm, điều cần làm đã tới.

Chưa đúng lúc chống cự mà vội chống cự thì nếu được, cũng chỉ là được tiếng anh hùng rồi sau đó, mọi sự đau khổ sẽ là máu và nước mắt của sanh linh tằm liệm tiếng anh hùng. Khi chưa chống cự và biết chấp thuận, thì đau khổ sẽ đi qua. Thần dân Chuột phản uất, nhưng bình tĩnh nuốt ngược phản uất vào lòng và đầu đó, tiếng cười hỗn hậu kếm chế với thái độ điềm đạm vững tin. Lực lượng Chuột lai Rắn, trong tâm một lòng sống chết, nhưng bề ngoài thì chỉ trích dữ dội Chuột Vương không lo việc đại sự, bỏ bê nòi giống!

Vận mạng nhà Chuột khác gì “*chỉ mình treo chuông*”!

Bọn Chuột nội gián và cơ hội hòa theo Rắn hí hửng...

Trong số cận thần theo phò Rắn Chúa, không phải ai cũng muốn gây cảnh can qua và xâm chiếm vùng lãnh địa của Chuột. Vả lại, cũng có những bậc đại trí nhà Rắn nghi ngờ sự mềm dẻo, nhịn nhục của nhà Chuột. Chẳng lẽ, với bao hào kiệt, anh hùng trong quá khứ, mà một sớm một chiều lại bạc nhược? Sau cái về tuân phục và nhịn nhục, biết đâu là cạm bẫy “*thiên la địa võng*” của Chuột? Biết đâu đó là sự dồn nén cả một sức mạnh giống nòi để thành bão lửa, sẵn sàng thiêu rụi mọi thế lực xâm phạm lãnh địa nhà Chuột!

Rắn Trun Hai Đầu dũng cảm can ngăn Rắn Chúa dừng cuộc lấn chiếm hang ổ Chuột.

Rắn Chúa dùng dằng tức giận, chặt đầu Rắn Trun Hai Đầu làm lễ tế cờ, xuất quân.

Giờ Tý ngày Tý!

Chuột Vương liệng bỏ lớp vỏ nho nhả, khoác long bào, tay cầm kiếm lệnh, phất cờ hiệu triệu muôn Chuột đoàn kết chống quân xâm lược Rắn!

Giờ thì, Rắn Chúa mới té ngựa và hiểu ra: Kế quỷ “*Ăn nằm*” hoàn toàn phá sản bởi mưu thần “*Đồng sàng dị mộng*” của Chuột Vương!

Lực lượng Rắn Lai vào phút chót đã trở cờ bảo vệ quê mẹ.

Những kẻ nhận làm nội gián, trừ một số ít cam tâm làm tay sai Rắn nên bị tiêu diệt; còn lại phần lớn đã phản tỉnh quay về chiến đấu dưới màu cờ, sắc áo của nòi giống.

Và, điều Rắn Chúa chứng hừng, không thể ngờ tới là Bìm Bịp đứng hẳn về phía Chuột Vương, và Diều Hâu, Bồ Cắt... đua nhau bắt Rắn, giết Rắn trên cánh đồng quê hương Chuột.

Chỉ chớp nhoáng, chưa đủ một canh giờ, là đạo quân hùng mạnh của Rắn Chúa tan rã.

Tía con Rắn Râu cắn đầu Rắn Chúa, tha đi trong lớp sương chiều mang nộ cho Chuột Xám.

Chuột Xám ôm con rể an ủi: “Khi may xong tấm áo, mấy ai còn nhớ mũi kim?”

Rắn Râu, rưng rưng :

- Không có chi gọi là trễ, để sửa lỗi lầm!

6.

Từ đó, dân gian chọn hình tượng con Chuột đứng đầu 12 con giáp. Bởi, Rắn chỉ khôn khéo còn Chuột (Tý) thì thiên hạ thường “*nhìn mặt bắt hình dong*” nên lắm tưởng Chuột tinh ranh, ma mãnh và tham lam; nhưng thiệt ra, Chuột rất khéo léo. Cái léo đó, nhiều phen mẫn cho Rắn phải nhọc nhằn lên bờ xuống ruộng khi đi cướp phá hang ổ Chuột.

Khéo chỉ là thực hành bài bản theo hiểu biết vốn có của mình để đối phó với sự đời. Còn *léo* là, biết tạo ra cái cơ, nắm vững cái thời và tận dụng được “*Thiên thời, địa lợi, nhân hòa*” mà trong đó, nhân hòa là cái cốt tạo ra cái lõi, vượt qua những vực sâu trước mắt và cả hố thẳm về lâu dài. Mãi mãi mình phải sống cận kề kẻ ác độc, tham lam thì càng cần phải thật *khéo léo*!

Nên nhớ, *khéo léo* chớ không phải *hèn nhát*...

Người xưa thường căn dặn: “*Léo quan trọng hơn khéo*”. Lịch sử từng minh chính: “*Léo* tạo ra bước ngoặt bất ngờ và ngoạn mục chiến thắng kẻ thù”; cho dù kẻ thù đó, có mưu ma chước quỷ và mạnh hơn ta gấp bội phần.

Không có chi gọi là trễ để sửa lỗi lầm!

“*Sau cơn mưa trời lại sáng*”. Dân gian thường nói vậy!

Phát súng oan nghiệt

1.

Chiều thành đô. Không là bài hát mà: *“Hoàng hôn ơi, chậm chậm chờ ta với. Kẻo tối rồi, ta biết trọ nơi mô?”*. Hai câu thơ trong tập thơ *“Tiếng hát dân nghèo”* của Văn Sơn Phan Mỹ Trúc, Chủ nhiệm báo “*Đông Phương*” như điểm linh ứng cho số phận nghiệt ngã của anh. Người đời thường nói: *“Buồn hơn đám ma nghèo”*! Văn Sơn không nghèo nhưng, đám ma anh nó vượt qua lần mức *“buồn hơn đám ma nghèo”* để đến nơi tận cùng sâu thẳm! Rất ít người dự đám tang, họ sợ bóng đen “thế lực giết người” đang chờn vờn đầu đó, nên tâm trạng họ vừa khóp đèn, vừa sợ hãi dẫn đến vô cảm. Hiu quạnh và bơ vơ... Hiên thê anh, chị M.Ng. đầm đìa nước mắt, ôm di ảnh chống bước từng bước theo sau quan tài, tiễn chồng về cõi xa, một cõi chỉ có

yêu thương, không có hận thù! Văn Sơn Phan Mỹ Trúc chết như thế nào? Hãy nghe nhà văn Viên Linh, kể:

“Lúc ấy, tôi cũng đang viết một truyện dài cho tờ “*Đông Phương*”. Hai tờ báo ở cùng một con đường Võ Tánh⁽¹⁾, tờ bên số lẻ, tờ bên số chẵn, đi bộ chỉ vài phút. Hai tờ báo ấy lại đang bút chiến với nhau. Đến *Đông Phương* ngồi viết xong đoạn truyện đủ in cho báo ngày hôm sau, tôi đi qua “*Sóng Thần*” ngồi làm việc tương tự, ở cái bàn ngay cửa phòng sắp chữ. Bao giờ tôi cũng lại *Sóng Thần* sau, vì thích cà kê ở đây lâu hơn. Ở quãng giữa 2 tờ báo là phố Hà Nội, nơi các ký giả gặp nhau, cũng là nơi tôi ghé vào bảo họ lát nữa mang lên *Sóng Thần* cho tôi 1 chai bia Larue có hình trái dưa và 1 ly đá. Lùi về phía sau là nhà thờ Huyện Sĩ, nơi có một quán cà phê bí tắt, chéo góc với quán xôi lạp xưởng của mấy mẹ con một bà người Bắc. Một hôm, đang ngồi ăn nhậu trong quán cà phê bí tắt với bạn bè, Văn Sơn Phan Mỹ Trúc bị gí súng vào đầu. Một tiếng nổ. Kê lẹ mặt, do đồng bọn chờ bằng Honda hai bánh từ ngoài bước vào, giữa ban ngày, rút súng xử tử chủ nhiệm *Đông Phương*, rồi rảo cẳng, leo lên xe Honda, mất dạng. Cái tin gây lạng ngắt trong chỗ tôi ngồi uống bia. Tôi không đi đưa đám Văn Sơn, nhìn vành khăn trắng trên đầu một phụ nữ nào nùng, tôi thù ghét tên mặt tái. Theo mô tả, đó là kẻ sát nhân. Tôi nghĩ, đã gặp y nhiều lần...”. Sự việc tàn nhẫn mất tính người và thảm khốc đó, nhà báo Nguyễn Miên Thảo, phụ trách trang 5 báo “*Sóng Thần*”, xác nhận:

1. Nay đường Nguyễn Trãi, Quận 1.

“Hôm ấy, hơn 11 giờ 30 phút, tôi cùng anh em làm báo nghỉ trưa và đi ăn tại quán cơm bên kia đường đối diện tòa soạn báo Đông Phương. Kẻ sát nhân chẳng lạ lắm gì với cánh phóng viên báo Sóng Thần, hẳn không viết báo, hẳn lo kinh tài. Tôi thấy hẳn ngồi uống nước mía bên đường, khi trả tiền cho cô bán nước mía, hẳn kẹp tiền qua kẽ ngón tay. Sau nấy nghĩ lại, tôi mới hiểu ra hẳn sợ để dấu vân tay trên tờ giấy bạc. Tôi không ngờ hẳn đợi Vân Sơn và lạnh lùng xuống tay tàn độc với anh. Khi anh Vân Sơn ngồi vào bàn ăn với mấy người bạn, hẳn tiến lại gần và thỉnh linh đưa hòng súng nhỏ gọn vào mang tai anh⁽¹⁾... Vân Sơn té ngựa, gãy giữa; cơm lẫn máu trào ra miệng...

Mọi người có mặt trưa đó, bất ngờ và chết điếng, không ai kịp phản ứng kể cả tôi. Hẳn chạy nhanh ra cửa sau, vọt lên xe Suzuki đang nổ máy chờ sẵn và tên cầm lái đông mất”.

Trong bài “*Sống nghề, chết nghiệp*”, Hoàng Hải Thủy, viết:

“Khoảng năm 1970, Vân Sơn làm Chủ nhiệm nhật báo “Đông Phương”. Báo bán chạy. Tôi không rõ vì nguyên nhân nào - chỉ biết Vân Sơn bị giết vì những bài đăng trên báo của anh - vào năm 1972 hay 1973, tòa soạn báo Đông Phương đặt trong nhà in Nguyễn Bá Tông. Buổi trưa, Chủ nhiệm Vân Sơn cùng 2 ông bạn ký giả Hoài Khâm, Cung Mạnh Đạt sang tiệm cơm Tàu

1. Loại súng giảm thanh, chuyên dùng ám sát.

trước nhà in ăn cơm. Nghe kể, ba ký giả đang ngồi ăn, tên sát nhân đến tận bàn, gí nòng súng vào mang tai ký giả Vân Sơn, nổ một phát, anh ngã chết tại chỗ. Tên sát nhân chạy mất. Vụ giết người bị cho chìm xuống”.

2.

Vân Sơn Phan Mỹ Trúc, đứa con của Mai Linh, Hiếu Giang thuộc vùng đất đại trường sa Quảng Trị. Anh tham gia phong trào Việt Minh từ rất sớm. Sau năm 1954, anh trở về quê nhà và bỏ vô Sài Gòn sống lang bạt kỳ hồ, mê nghề báo, sống chết với nghề báo. Năm 1960, anh cộng tác báo “Sài Gòn Mới” và phụ trách Tuần báo “Phụ Nữ Ngày Mai” do con trai thứ sáu của bà Bút Trà làm Chủ nhiệm⁽¹⁾. Mười năm sau, anh trở thành Chủ nhiệm một tờ báo “ăn nên làm ra”, khiến một số tờ báo cùng thời do kẻ tiểu nhân điều khiển, hậm hực, ganh ghét và hận thù. Chẳng hiểu đó là, trong phúc có họa chăng?

Anh đối nhân xử thế bằng đức tính trượng phu. Đãi bạn hết lòng, thương và giúp người cô thế. Anh say mê nghề báo với một trái tim lãng mạn “*Thanh sơn y cựu tại/Bất phá một Sài tiêu*”. Tâm hồn cao thượng không thể vượt qua loại “mặt người dạ thú” trong thời buổi nhiễu nhương, loạn lạc. Anh tắt thở giữa bầy sói Mafia đeo lủng lẳng con chữ đầy nhân mác nhưng, đốt đuốc giữa ban ngày tìm không thấy một cái chữ có nghĩa. Anh chỉ có bút, không có súng. Thế là, anh chết thôi! Chúng liếm

1. Nguyễn Đức Khiết.

máu anh và đồ tội ác, rằng: “VC ám sát ký giả Vân Sơn Phan Mỹ Trúc”. Chúng chụp cái mũ rách nên giấu đầu lòi đuôi, một ít người nhẹ dạ cả tin, còn đa phần ký giả Sài Gòn thời đó, không ai tin. Bởi, họ biết rõ tên sát nhân và băng đảng Mafia giết người là ai. Biết, tại sao im lặng? Họ run sợ trước cái ác. Ai bảo vệ họ? Chính quyền Sài Gòn? Họ lo họ còn chưa xong, nói chi lo “bá tánh”!

Vụ án “*Vân Sơn Phan Mỹ Trúc*”, nhà chức trách Sài Gòn ngày đó đã lạnh lùng xếp lại!

3.

Sài Gòn hấp hối!

Những ngày cuối cùng Sài Gòn không kịp thở. Lịch sử sang trang...

Cái chết tức tưởi của Vân Sơn Phan Mỹ Trúc chìm vào khói bụi thời gian và người đời, thì đa đoan bao chuyện đổi dời, cơm áo... lãng quên. Kẻ sát nhân mỉm cười mỉa mai thiên hạ! Dẫu rằng, người đời tin “*Ác giả ác báo*”; chẳng biết ác báo đã báo ứng bọn tổ chức và tên giết người ngày ấy hay chưa? Có trời mới biết! Tôi nêu sự kiện nhà báo Vân Sơn chết thảm nhằm, nhắc nhớ: Cái ác lẫn trong cái thiện và nó quanh quẩn trong tâm ta. Thiện làm rõ thêm ác và ngược lại. Những ký giả đã chứng kiến và biết rõ tên giết người buổi trưa oan nghiệt đó, xin đừng vì bất cứ một lý do gì mà tiếp tục im lặng hoặc nói nước đôi. Hãy mở cửa sự thật, nói toạc móng heo cho hậu thế rõ.

Trải qua 42 năm kể từ 1973, Vân Sơn Phan Mỹ Trúc chưa đành lòng đi đầu thai!? Các ký giả, như: Hoài Khâm, Cung Mạnh Đạt, Nguyễn Miên Thảo⁽¹⁾... kể cả Uyên Thao, chắc hẳn rõ hơn ai hết về cái chết oan nghiệt này!

Mong góc khuất dưới chân đèn sẽ có dịp được soi sáng!

1. Theo nhà báo Nguyễn Miên Thảo (cựu phóng viên nhật báo “Sóng Thần” trước 1975), có thêm ý kiến: “Trong bài viết của nhà văn Trần Bảo Định về vụ ám sát nhà báo Phan Mỹ Trúc là sự thật không thể chối cãi. Ở đây, tôi cần nói lại diễn tiến vụ việc và địa điểm xảy ra mà tôi tận mắt chứng kiến. Số là các nhật báo trước 30-4-1975 phát hành vào khoảng 2, 3 giờ chiều nên phải tranh thủ làm từ sáng sớm. Tòa soạn báo “Sóng Thần” đặt tại đường Võ Tánh (nay là đường Nguyễn Trãi, Quận 1) hình như số 133 hay 137 tôi không nhớ rõ, đối diện trước quán cơm, phở Hà Nội. Tòa soạn báo “Đông Phương” nằm chếch bên kia đường khoảng chục căn nhà. Do yêu cầu công việc, cả hai tờ báo đều thuê nhà in Nguyễn Bá Tòng làm văn phòng tác chiến tại chỗ cùng in tại đây vì có máy móc tối tân nhất thời đó. Vào buổi trưa hôm xảy ra vụ ám sát, một số anh em báo qua quán cơm đối diện nhà in ăn trưa. Bàn ăn nhà báo Vân Sơn Phan Mỹ Trúc có nhà báo Duy Thái, Tổng thư ký báo “Đông Phương”. Bất ngờ một người đàn ông ngồi sẵn trong quán tiến đến bàn ăn của nhà báo Phan Mỹ Trúc kẻ súng vào mông tại nhà báo Phan Mỹ Trúc bóp cò. Gây án xong, tên sát nhân máu lạnh chạy vào phía sau quán có con hẻm thông ra đường Võ Tánh sát quán cơm phở Hà Nội trước tòa báo “Sóng Thần” lên xe Suzuki chờ sẵn chờ đi. Theo người chủ quán thì trước đó tên này vào quán kêu một ly nước mía và kẹp tờ giấy bạc trả tiền mà không lấy tiền thối, trước khi thủ ác. Tôi đến Bệnh viện Sài Gòn thì nhà báo Phan Mỹ Trúc đã ra đi... Những điều còn lại như nhà văn Trần Bảo Định đã viết”.

Tượng ai, đâu phải tượng Bà Trưng!⁽¹⁾

1.

Trang, cô em bạn dì với tôi, kể lại rằng:

Nếu, em nhớ không lầm, thì khoảng giữa tháng 4 năm 1964, hình như là buổi chiều... Sài Gòn thời nầy còn lộn xộn và nhiều cái bất chợt, bất ngờ xảy ra do đảo chánh, chỉnh lý của quân đội. Dư chấn chuyện anh em ông Diệm bị sát hại đã man trên xe thiết giáp, vẫn còn đọng lại đâu đó trong lòng người Sài Gòn vốn dễ xúc động và dễ tha thứ. Riêng, bà Ngô Đình Nhu⁽²⁾ thì

1. Tên bài thơ của cố thi sĩ Đông Hồ (1906 - 1969). Ông tên thật là Lâm Tấn Phác, là thành viên của nhóm "Hà Tiên tứ tuyệt", bao gồm: Đông Hồ, Mộng Tuyết thất tiểu muội (hiên thê thi sĩ Đông Hồ), Lư Khê, Trúc Hà.

2. Túc Trần Lệ Xuân (1924 - 2011).

không. Cái thì không đó, kéo theo đứa con gái Ngô Đình Lệ Thủy chịu chung nghiệt ngã "ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ"! Chị bạn đến thăm em trên gác trọ, trong con hẻm ngoằn ngoèo lắm khúc cua "trật bàn đạp" giữa lòng phố Sài Gòn hoa lệ và bất an.

- Này, ngồi dậy mà đọc thơ thi sĩ Đông Hồ. Ở đó mà lo nằm nường, cô nường! - Nói xong, chị bạn thấy báo lên bàn học của em: Tờ báo "Bút Hoa" đề ngày 01-4-1964, đăng thơ thi sĩ Đông Hồ:

Tượng Ai Đâu Phải Tượng Bà Trưng

Bài 1

*Tượng ai đâu phải tượng bà Trưng
Tóc uốn lưng eo kiểu lối lừng
Đón gió lại qua người uốn ẹo
Chờ chim Nam Bắc đáng tung tăng
Khuyh thành mặt đỏ y con ả,
Điêu khắc tay ai khéo cái thằng!
Chót vót đứng cao càng ngã nặng
Có ngày gãy cổ đứt ngang lưng.*

Bài 2

*Đây một hình xưa nhục nước non
Thay hai hình mới đứng thon von
Mìn ni lòng xát lưng eo thắt
Ngực xú chiêng nàng vú nở tròn*

*Tường đứng hiên ngang em với chị
Hóa ra diu dặt mẹ cùng con
Dòng sông Bến Nghé, dòng sông Hát
Lưu xú lưu phương tiếng để còn.*

Em buông tờ báo, không gian chiều tuột tuột xuống...

Chị bạn thơ dài, cái thơ dài của người thiếu nữ Sài Gòn đương theo học năm thứ hai Đại học Sư phạm!

2.

Thời cuộc dồn dập, người ta chưa kịp nhớ cái trước đã quên cái sau. Cơm áo cũng đủ nhấn chìm mọi thứ và mọi thứ, ai chẳng mong nó qua mau. Từ đó đến nay, ngần ấy thời gian có lẽ đủ độ lấy yêu thương bọc kín hận thù, nếu có. Phải thú nhận rằng, hai bài thơ của thầy Đông Hồ đã khiến lòng em đau buốt... Cùng phận đàn bà!

Theo học giả Nguyễn Hiến Lê, thì cả hai bài đều cực tả vẻ diễm dáng của hai mẹ con nhà Ngô. Ở tác phẩm *Đời viết văn của tôi*, ông khẳng định: “Tôi thích nhất hai bài thơ Tượng Ai Châu Phải Tượng Bà Trưng”. Em chợt nhớ lời má thường dạy: “*Uống nước phải nhớ cặn*”!

*

Em buồn lắm, khi nhận được hung tin thầy Đông Hồ đột tử trên bục giảng tại giảng đường Đại học

Văn khoa Sài Gòn, giữa lúc thầy đang say sưa bình bài thơ “*Trưng Nữ Vương*” của Ngân Giang nữ sĩ⁽¹⁾. Bài thơ nói về nỗi cô đơn, lạnh lẽo của người nữ anh hùng chạnh lòng nhớ tới chồng sau chiến thắng!⁽²⁾

1.

Trưng Nữ Vương

*Thù hận đôi lần chau khoé hạnh
Một trời loáng thoáng bóng sao rơi
Đồn sương vô ngựa xa non thăm
Gạt gió chim bằng vượt dặm khơi.*

*Ngang dọc non sông đường kiếm mã
Huy hoàng cung điện nếp cân đai
Bốn phương gió bão đồn chân ngựa
Tâm nẻo mưa ngàn táp dóa mai.*

*Máu đỏ cốt xon thù vạn cổ
Ngai vàng dầu tính chuyện tướng lai
Hồn người chín suối cười an ủi
Lệ nhen năm canh rò ngậm ngùi.*

*Lạc tướng quên dẫu lời huyết hận
Non hồng quét sạch bụi trần ai
Cờ tang diêm tướng nghiêm hàng trận
Gót ngọc gieo hoa ngát mấy trời...*

*Ài bắc quân thù kinh vô ngựa
Giáp vàng khăn trở lạnh dẫu voi
Chàng ơi, diện ngọc bơ vơ quá,
Trăng chếch ngôi trời bóng lẻ soi.*

Ngân Giang (1939)

Nữ sĩ Ngân Giang (1916 - 2002) tên thật là Đỗ Thị Quế. Các bút danh khác: *Hạnh Liên, Đỗ Quế Anh, Nguyệt Quyên*, sinh ra trong một gia đình Nho học tại phố Hàng Trống, Hà Nội. Quê quán gốc của bà ở thôn Hướng Dương, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Thủ đô Hà Nội).

2. Thấy Đông Hồ, mất ngày 25-3-1969 (theo bài viết “*Phút cuối cùng trên bục giảng*” của Bùi Văn Chúc). Nữ sĩ Mộng Tuyết cho in lại trong *Núi Mộng Gương Hồ*, quyển 2, Nxb. Trẻ, 1998, tr. 115 - 116.

Đêm chạnh lòng, em nghĩ đại: Đời thầy, dường như có một cái gì đó buộc ràng với Hai Bà Trưng! Có thể nói rằng: Đó là cái chết đẹp! Chết trong vòng tay học trò, chết bởi sự cảm xúc chân tình từ trái tim và trái tim chân tình đó, đã ngừng đập...

Xưa nay, mấy ai được, dù “*Vạn thế sư biểu*”? Sự đời, rồi mọi chuyện cũng rõ dần. Đầu năm 1955, Quốc trưởng Bảo Đại chính thức công nhận ngày lễ Hai Bà Trưng là, ngày lễ Quốc Gia. Và, sau đó, hằng năm chánh phủ tổ chức lễ rước voi từ Công trường Lam Sơn (đối diện Trụ sở Hạ Nghị Viện) đến Dinh Độc Lập. Ngày 11-3-1962, tượng đài Hai Bà Trưng ở Công trường Mê Linh được khánh thành. Chánh phủ lúc bấy giờ, giao Hội Phụ nữ Liên đới đảm trách diễu hành (Bà Ngô Đình Nhu, Chủ tịch Hội). Ngày 01-11-1963, Đại tướng Dương Văn Minh cầm đầu cuộc đảo chánh. Hôm sau, anh em ông Diệm bị giết và sau đó, đám đông cuồng nộ kéo đến Công trường Mê Linh (Bạch Đằng) tiến hành giết tượng đài Hai Bà Trưng mà từ lâu, người ta đã quyết là tượng của mẹ con bà Nhu (?). Phải dùng tàu Hải quân cột dây cáp kéo, hai bức tượng mới sập đổ. Đám đông hè nhau cắt đầu tượng, cũng chính là cắt đầu bà Nhu và con gái, rồi reo hò liệng lên xích lô đạp số EA-1738, đạp đi diễu hành trên đường phố Sài Gòn. Tội nghiệp hai cái đầu phụ nữ có khuôn mặt lạ hoắc lạ hoơ so với khuôn mặt mẹ con bà Nhu từ đó biệt tăm, không biết lưu lạc phương nào? Trùng thời điểm,

bà Ngô Đình Nhu và con gái Ngô Đình Lệ Thủy đang đau đớn tột cùng trên đất Mỹ, cả hai tạm trú tại khách sạn Wilshire, khu Beverly Hills (California). Ngày 15-11-1963, hai mẹ con rời Los Angeles. Vĩnh biệt “người bạn đồng minh”! Vĩnh biệt nước Mỹ!

3.

Chuyện cô em kể hồi đó tuy đã xa quá xa,... nhưng nó cứ chồn vờn và ám ảnh trong tôi điều sai đúng, thiệt giả về tượng Hai Bà Trưng ở công trường Mê Linh, Sài Gòn ngày cũ. Tôi muốn biết sự thật!

Thời may đến. Những năm đầu của thập niên 80, tôi sống trên đất Kiến Tường cũ. Thỉnh thoảng tôi gặp thầy Thụ - tôi gọi Thầy không vì thích gọi, mà vì lòng kính trọng của tôi đối với GS. KTS Ngô Viết Thụ⁽¹⁾ - đi cùng đoàn ông Võ Văn Kiệt đến nghiên cứu việc khai hoang, phục hóa phát triển Đồng Tháp Mười và đôi khi ăn ngủ ở lại đêm. Từ quen mặt biết tên, dần dà tôi có thể “hầu chuyện” thầy hằng giờ. Nhắc chuyện cũ, thầy trầm ngâm, đắm chiêu và ánh mắt buồn buồn... Thầy nói rằng, thầy muốn quên!

*

1. GS. KTS Ngô Viết Thụ (1926 - 2000) quê làng Lang Xá, xã Thủy Thanh, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông là người Việt Nam đoạt giải Khôi nguyên La Mã năm 1955. Ông là tác giả các công trình kiến trúc để đời như: Dinh Độc Lập, Viện Hạt nhân Đà Lạt, Nhà thờ Chính tòa Phú Cam Huế, Việt Nam Quốc Tự, Tượng đài Hai Bà Trưng ở Công trường Mê Linh (Sài Gòn), Chợ Đà Lạt...

Thầy nhận lệnh từ Tổng thống Diệm chớ không phải từ ông Cố vấn Nhu: Chọn địa điểm, dựng tượng đài Hai Bà Trưng. Thầy với ông Nguyễn Đình Thuần (Bộ trưởng Phủ Tổng thống) chọn bãi đất trống bùn sinh, ngó ra bến Bạch Đằng và đề xuất lấy tên Công trường Mê Linh. Tổng thống Diệm chuẩn thuận.

Năm 1961, thầy cùng Điều khắc sư Nguyễn Văn Thể chịu trách nhiệm tiến hành quy hoạch cảnh quan Công trường Mê Linh. Thầy phác thảo, vẽ kiểu, thiết kế theo phong cách trọng Đông nhưng không bỏ Tây với đường nét nhấn nhá thuộc trường phái La Mã... Tượng dựng cao trên bệ ba chân vững chãi, phảng phất một đầu voi với hai chân trước và cái vòi voi. Tất cả đều lần lượt trình duyệt và trình duyệt nhiều lần rất cẩn trọng trước Tổng thống và nhiều người khác trong Hội đồng. Tôi thưa thầy xin phép hỏi về vai trò của ông Cố vấn Nhu. Thầy cười nhỏ nhẹ.

- Đừng tưởng chuyện chi ông Nhu cũng thọc vào! Ông Nhu rất thâm trầm, cái thâm trầm của bậc mưu sĩ, đối diện với ông khó ai đoán được ông ta đang nghĩ gì. Ông có cái kín kẽ của con nhà nho, có cái kín đáo của người học Cổ ngữ mê văn chương Tây... - Im lặng lắng nghe, và thú thật, đây là lần đầu tôi nghe lời nhận xét tốt về ông Nhu của một con người mà trong và ngoài nước kính trọng. Thầy nói tiếp:

- Điều khắc sư Nguyễn Văn Thể tạc hình và đắp tượng. Mọi người làm cật lực, chạy đua với thời gian

để kịp ngày giờ khánh thành: ngày 11-3-1962, do Tổng thống ấn định. - Như đoán được ý tôi định hỏi thầy về khuôn mặt, vóc dáng tượng Hai Bà Trưng có phải khuôn mặt, vóc dáng của mẹ con bà Nhu (?), thầy nghiêm sắc mặt, nói:

- Ông bà Nhu không thuộc hạng người tầm thường như vậy!

Rồi, thầy tâm sự:

- Từ ngày tôi về nước cho đến khi nền Đệ nhất Cộng hòa sụp đổ, ông bà Nhu kể cả con cái, chưa hề làm cái chuyện nhờ hoặc lệnh tôi phải vẽ họ, vẽ gia đình họ. Rồi, thầy tặc lưỡi:

- Người ta có học, mà lại học đảng hoàng!...

4.

Mỗi lần có việc đi ngang qua tượng Đức Thánh Trần Hưng Đạo, tôi nhìn ba chân đế tượng “của thầy Ngô Viết Thụ”, lòng bồi hồi nhớ chuyện cũ, và những chuyện cũ, giờ cũng đã lùi xa trên năm mươi năm. Đồng thời, những người xưa cùng thời với thầy, nay cũng đã hóa ra người thiên cổ. Chẳng hay, ở một thế giới khác, nếu có, không biết những người xưa đó, lúc gặp lại nhau họ sẽ nói với nhau những gì? Chắc là, họ cười ngất, cười tới chảy nước mắt, và rồi, họ tỉnh táo kể bình thiên chuyện đời ở thế gian, mỗi chuyện một

vẻ vui - buồn, cười - khóc... Cũng chỉ “chơi thôi mà”, có chi là nghiêm trọng! Tiếc rằng, từ đó, người đời sau ở phương Nam không còn dịp chiêm ngưỡng tượng đài “*Hai Bà Trưng*”... Tượng đài đã “mất” vĩnh viễn: Tượng đài Hai Bà Trưng đã “chết” bởi sự giả dối, trá trở của con người⁽¹⁾. Than ôi!

1. Hàng năm, mừng 6 tháng 2 (âm lịch) là ngày Quốc giỗ Hai Bà Trưng. Tượng đài Hai Bà Trưng trên Công trường Mê Linh được khánh thành ngày 11-3-1962, tức mừng 6 tháng 2 năm Nhâm Dần (đúng Ngày Phụ nữ Việt Nam thời Việt Nam Cộng hòa). Trên chân tượng đài khắc biển mang dòng chữ: “Phong trào Liên đới Phụ nữ Việt Nam, tặng Thủ đô Sài Gòn, 11-3-1962”. Bà Trần Lệ Xuân là Chủ tịch Phong trào (thành lập ngày 20-5-1958). Có lẽ, đây là nguyên nhân trực tiếp gây tai họa khủng khiếp đến tượng đài Hai Bà Trưng, chứ không hẳn vì chuyện khuôn mặt tượng đài giống hay không giống khuôn mặt mẹ con bà Ngô Đình Nhu (?).

Sâu vẽ bùa

1.

Chủ nhân vườn mai thường bảo tân khách: *Rau nào, sâu đó; đất nào, người đó!* Sai đúng tùy thời. Lá Mai nghe được, nói tiếng người không được; tức cái mình bèn hỏi Thổ Thần:

- Chủ nhân vườn nhà tui bảo vậy, đúng hay sai?

Thổ Thần ngáp mấy cái, nghe chừng buồn ngủ.

- Đó chẳng qua là, đúc kết kinh nghiệm sống chủ quan của con người. Có đúng, có sai. Tùy tâm, tùy cảnh! Thuận động, nghịch tĩnh. Vạn vật cần trời đất vì bất toàn. Nếu toàn thì, vạn vật cần chi trời đất! Và, ta cũng chẳng có lý do tồn tại.

Lá Mai nghĩ: *Thổ Thần nói theo bài bản, chưa nói theo sở kiến. Ép Thổ Thần sao được? Ngoại trừ, sợi lông khi hóa thành thiết bảng của đại thánh Tôn Ngộ Không!*

Cơn gió sớm làm rung cành lắc lá. Lá Mai ngửa mặt, phơi mình đón những tia nắng đầu tiên ngày mới. Đòi lá dính cuống, cuống dính cành, cành dính cây, cây dính đất và đất dính nước, không nước đất chết. Xưa nay, bàn dân thiên hạ thường nói: *Đất chết, chứ chưa ai nói nước chết. Đồng khô, hồ cạn...* Bao ràng buộc, bao hổ tương sự sống.

Mai có sâu mai. Nào chắc rằng vậy! Mai sinh ra sâu để rồi, sâu đục phá, cắn nát nhụy hoa của chính mình? Thiệt hôn? Chắc là không thiệt. Bởi, có lần Lá Mai còn sót lại sau khi người tước lá mai làm nụ; đợi tróc vỏ trấu, chờ tróc vỏ lụa, hoa mới nở; đã ngó thấy Bướm để trứng sinh sâu trên những nụ mai xanh mơn mớn. Sâu đục khoét rụng nụ, lúc nụ chưa kịp hé chào xuân. Người đời, thấy sao nói vậy! Chứ ít nghĩ suy và thấy Bướm để trứng hóa sâu trên mai, thì cứ thế mà gọi đại sâu mai cho tiện.

Rau nào, chưa hẳn sâu đó. Hổ phụ, chưa hẳn sinh hổ tử. “Mai” thiếu hẳn, chưa hẳn rằng “mai”. Mắn giữ mai trơn tru không bị sâu ám vận đen. Lá Mai nhớ mãi cái lần hải hùng đó, Bướm đêm - loài bướm được người đời gọi Hổ Điệp - bay chập chờn dưới ánh trăng lu, đậu bờ môi lá, nhong đít xẹt từng tia trứng. Trứng dính rồi rạc hai bên mép lá, bám hơn con Sam trên đường gân chính. Lá Mai trần mình đau rát. Trứng nở ấu trùng ôm mặt lá dưới, đục lớp biểu bì nhúc thẩu trời xanh. Phần mô mềm bị chúng bòn rút, gặm nhấm miết thành hào

rãnh quanh co, ngoằn ngoèo không giao nhau. Những hào rãnh quanh co, ngoằn ngoèo, lớn dần theo độ tuổi của sâu. Lá Mai lúc nầy mới nhận ra: *Sâu biến cái bình thường thành dị thường, trong một thời gian nhanh nhứt. Từng nét vẽ đôn sơ trên mặt lá, trong một không gian hạn hẹp; thành sự vàng úa và tàn lụi vườn mai!*

*

Gồng mình chịu đựng sự tra tấn của sâu - mà không, cả bấy chớ - chúng màu vàng nhạt, phơn phớt ánh bạc; hình lá liễu cánh trước, nhỏ như hình kim cánh sau và có rìa lông dài cả đôi cánh. Chúng tự do vẽ qua, đồ lại; cắt từng vết cắt lôm sôm sâu dần trên khuôn mặt cực kỳ xinh đẹp của Lá Mai. Miệng dân gian giận ai thường trù ẻo, rửa chửi, khi hả giận thì thôi, mẫn hòa như chưa hề có mịch lòng nhau. Sâu Vẽ Bùa thì không được vậy, đã vẽ là vẽ tới cùng, cánh lá tuy không tan nát nhưng, không thể quang hợp với nắng mặt trời. Lá Mai xanh xao vàng vọt, héo hon lia cuống. Lá chết, rể thúi, cành rồi tới cây lần lượt chết theo. Mắn sao diệt Sâu Vẽ Bùa? Chủ nhân rối trí, chặc lưỡi, dậm chửi, kêu trời như bộp.

Cành cây hỏi Lá Mai, sao không nhờ cậy Thổ Thần. Lá Mai nói:

- Thổ Thần dạo sau nầy, *ba trời ba trận* lắm. Cây nhờ lão cũng phải có cái gì cầm tay níu chửi mớiặng. Mình đói ăn khát uống, đành phó thác mệnh cho trời.

- Hôm rày, đêm nào cũng nghe tiếng em rên la dữ quá, anh thương và chịu không nổi.

Cành cây chia sẻ với Lá Mai.

Bọn Sâu Vẽ Bùa, ngày sợ ánh sáng mặt trời trốn vào nách lá; đêm nường bóng tối rầm rập bung ra vẽ bùa trên mặt lá và hoan ca. Chủ nhân chạy bao nhiêu thấy, tưới bao nhiêu thuốc, vẫn trầm trồ trầm trất⁽¹⁾. Lá Mai mòn dần niềm tin vào quyền lực của chủ nhân.

Trong lúc bí rì, mọi chuyện coi như xong xuôi thì, Thổ Thần nhơn tiện đi ăn chục đám cúng Bà Chúa Xứ về ngang, tay xách con gà trống thiến, tay xách nải chuối xiêm, mách nước:

- Này, ta nhắc tuồng để nhớ: *Muốn diệt Sâu Vẽ Bùa, phải lo cúng kiếng!*

Lời chưa dứt, lão mửa một đồng xà bần tôm, cua, bò, heo, gà, vịt... tanh rình, mùi bay khắp xóm. Rồi, lão chẳng đi, cứ đứng xiêu qua ngã lại, miệng nói huyền thuyên bất kể:

- Mạnh vẽ bùa, yếu bùa vẽ!

Lá Mai chậm hiểu, ngạc nhiên:

- Thần ơi, sao Thần nói vậy?

Thổ Thần vất râu lên mép tai, cười hểnh hếch:

- Ta cai quản đất nầy, biết lắm chuyện. Mấy thằng nhỏ mới nhỏ giò, mạnh như trâu cui; đêm nào nó cũng

1. [Nhấn mạnh tính trơ lì, không thay đổi. Trong trường hợp trên là không có hiệu quả].

vẽ bùa. Sáng ra, cái quần *xà lòn* của đứa nào đứa nấy đều có vằn có vện. Vẽ bùa như vậy là, biểu tượng sự khỏe mạnh trưởng thành.

- Nói vậy, bọn Sâu Vẽ Bùa lên mặt tui là, bọn khỏe mạnh hả Thần?

- Nói nó mạnh thì, chưa hẳn đúng. Nó khỏe mạnh và lớn dần từ sinh khí của người. Những phần mô mềm, tinh huyết biểu bì... bị nó vẽ bùa ăn tươi nuốt sống. Người mạnh, nó yếu. Nó yếu, nên nó vẽ bùa đục khoét từng cái quý giá của người. Sâu càng khỏe ra, người càng suy kiệt và, người vàng úa lia cành; nó hóa bướm để trứng nở sâu, tiếp tục vẽ bùa trên lá.

- Còn, *yếu bùa vẽ* là sao Thần?

Trời đương quang đãng, bỗng tối sầm. Sét chớp giựt, sấm nổ. Thổ Thần thổ huyết, biến mất!

2.

Lá Mai rụng xuống đất trước khi gió heo may công mùa thu về. Thân xác lá tả tơi bởi, trăm đường nét vẽ bùa hỗn mang không mối.

Hồn Lá Mai gặp lại Thổ Thần tại ngã ba bờ đập nước. Vẫn câu hỏi cũ chưa người: *Yếu bùa vẽ là sao Thần?* Thổ Thần như cảm thông, bảo Lá Mai vào miếu, rồi muốn hỏi gì cứ hỏi thả giàn.

- Hồi đó, chưa kịp giải thích *yếu bùa vẽ* thì, trời sai Thiên Lôi nện mấy búa làm ta học máu. Bởi, *thiên cơ bất khả lậu*; mà lậu (lộ) thì chỉ có chết thôi; may là ta chưa lậu. Giờ người thành *thiên cổ*, ta cũng chẳng giấu giếm mần gì; nhưng nói, ta không thể.

Hồn Lá Mai lắc gân lá, kêu răng rắc.

- Vậy mà, lúc này Thần bảo: *Muốn hỏi gì cứ hỏi thẳng*? Rốt cuộc, rồi cũng như không!

Thổ Thần phùng mang trợn mắt:

- Sao lại như không?

Có lẽ, kịp nhận ra mình quen thói bắt nạt kẻ dưới, Thần dụ giọng:

- Nói là nói vậy thôi! Ta không nói, vì đó là nguyên tắc trời qui định; không ai dám cãi, trừ Ngộ Không. Nhưng không có nghĩa như không.

Thần rử râu vắt tai bay phất phơ theo gió, nói tiếp:

- Nếu người nhiệt thành, ta dắt người quay lại trần gian một chuyến, coi con người diễn tuồng có tích hẳn hoi. Rồi, người tự hiểu.

*

Thằng Cốc, vốn tay trộm trâu có tiếng ở miệt Cái Cái - Kiến Phong. Biệt tích một thời gian, đột nhiên *áo gấm về làng* và nó trở nên thấy bùa sai khiến thần linh, vang danh khắp ba vùng họ Kiến: *Kiến Tường, Kiến Phong, Kiến Hòa*.

Giờ thì, một cũng thấy Cốc, hai cũng thấy Cốc, ba cũng thấy Cốc... đổ tía thẳng nào dám nhắc cái quá khứ trộm trâu của thầy Cốc ngày trước, kể cả các quan đầu tỉnh. Lơ tơ mơ nó dùng bùa vẽ: *Ỉa cứt thúì suốt đời!* Vậy mà, thiên hạ đầu trên ngỗ dưới tin rầm rầm mới ngật chó! Thói thường, người cảm giác yếu đuối trước thiên nhiên. Muốn thoát cảm giác yếu đuối trước thiên nhiên, chi bằng ra sức tàn phá thiên nhiên, chứng tỏ người mạnh? Người run sợ trước thần linh. Muốn thoát run sợ trước thần linh, chi bằng phá nơi thần linh nương náu, nhờ thầy bùa vẽ hình nhân thể mạng người. Hồn Lá Mai theo đám người mê muội sùng bái thầy Cốc, thấy rõ *lộng giả thành chân*.

Gái tơ tranh nhau mài mực tàu và dâng lên cho Cốc ngậm bùa, phun nước miếng phèo phèo văng vô mình mấy gia chủ, tay vẽ những đường cong uốn lượn, vẽ hình xoáy tròn ốc nhú đầu mơn mơn như đầu núp vú gái một con, nằm chinh ình trên tờ giấy vàng, giấy hồng đượm màu cỏi thiêng bất tuyệt.

Đến đây, hồn Lá Mai nhớ có sự trùng khớp thời gian giữa *Sâu Vẽ Bùa* và *thầy Cốc Bùa Vẽ* hành sự. Gần nửa đêm về sáng, hay nói chính xác là đúng giờ Tý, *Sâu Vẽ Bùa* bắt đầu rầm rộ vẽ bùa lên Lá Mai cho đến khi dứt canh năm. Thấy Cốc cũng dùng thời khắc y chang như vậy, để mần bùa vẽ cho người. Hỏi Thổ Thần thì, Thần bảo:

- Vì, thời khắc đó là thời khắc âm dương giao hỗn, linh khí trời đất phát tiết, người và thần giao cảm, vạn vật trong vũ trụ hòa thuận. Đó là, cách nghĩ của người. Có không, chưa thể biết!

Với bầy Sâu Vẽ Bùa vẽ chết Lá Mai, nhằm nhò gì trong cái càn khôn mờ mờ ảo ảo. Người tin bùa vẽ, bởi người sợ đủ thứ sợ. Đỉnh cao của sợ là hãi. Sợ hãi, đôi khi biến dạng tính người. Dẫu biết vậy, nhưng ít khi người chiêm nghiệm cái sợ hãi từ đâu tới? Có lẽ, Thổ Thần bấm đúng huyệt đạo: *Từ trái tim của mỗi người!*

Thấy Cốc khó vẽ bùa lên mặt người. Thấy dùng bùa vẽ điều không thành “có ảo” vào trái tim người, vẽ riết tạo lẩn ngoằn ngoèo sâu hoắm tâm can. Lá Mai thắc mắc, hỏi Thổ Thần:

- Hỡi còn sống trên cành mai trong vườn mai của chủ nhân, tui nghe bọn Sâu Vẽ Bùa nói rằng: *Trời cho bùa, không cho chú. Chỉ là kiếp sâu bọ ăn lá mà thôi. Tu bao nghìn kiếp đạt thành?*

Thổ Thần bảo:

- Chú khác bùa!

Lá Mai truy:

- Khác chỗ nào?

- Khác chỗ: Chú, thường gọi thần chú. Niệm chú hoặc để tịnh hóa thân tâm hoặc để lĩnh lực lượng âm binh làm việc cần làm. Bùa, hạ mình cầu xin thần linh kể cả bọn âm binh trợ giúp.

Thổ Thần cắt nghĩa, Lá Mai nói:

- Té ra, người lương thiện sẽ chết bởi bọn bất lương?

- Người quên rằng: *“Đức trọng quý thần kinh”* sao? Chánh tâm, quý thần còn kinh, thì chú kia, dẫu là thần chú, cũng chỉ là thứ rác rưởi. Nhớ lánh xa tà niệm, tạp niệm; giữ chánh niệm trong trái tim, còn sợ hãi điều chi trong cõi thế gian?

Rồi, Thổ Thần nhắc chuyện cũ. Xưa, ta từng bảo người nói chủ nhân cúng kiếng để trừ Sâu Vẽ Bùa...

Lá Mai cướp lời:

- Thì, chủ nhân tui cũng đã từng cúng bái ba ngày ba đêm, nào có giết chết được mống Sâu nào đâu? Báo hại, tui gánh chịu một trận hành hạ “tơi bời hoa lá” trong cơn thịnh nộ của chủ nhân.

Thổ Thần cười ngất:

- Ta bảo cúng kiếng, chủ nhân người cúng bái. Kiếng với bái khác nhau. Hỡi, mần sao chẳng rục rùng?

Không để Lá Mai hỏi, Thổ Thần nói:

- Kiếng là biếu quà cho kẻ không được chính thức mời. Một miếng thịt làng, ai cũng được ăn đều vui vẻ. Có chuyện, huế cả làng. Bái là lạy, nhận cái lạy để nhin dói à? Quý thần cần ăn không cần lạy!

Thổ Thần kể tai nói nhỏ:

- Ngày đó, nếu chủ nhân biết kiếng thì, người không bị Sâu Vẽ Bùa vẽ chết. Bầy chim sâu được kiếng phần, sẽ ào ào bay về xơi tái Sâu Vẽ Bùa trong nháy mắt.

Lá Mai nghe xong, thở dài:

- Thì ra...

*

Mai vàng nở năm cánh như gánh vác ngũ hành, chuyển mùa xuân vào trời đất?

Hồn Lá Mai bay về vườn cũ, thần thờ nghĩ chuyện xưa: Ta vàng úa và khô héo không vì những đường vẽ bùa của sâu, mà vì ông chủ vườn mai chưa ngộ ra cái lý cúng kiếng.

Cúng để phục tùng Trời, kiếng để thu phục lòng người!

Nhớ thầy dạy Sử

1.

Năm 1951, Khánh vào học lớp Đồng ấu (*Cours Enfantin*) - còn gọi lớp Năm - thuộc cấp Sơ học trường làng nghèo An Vĩnh Ngãi. Suốt ba năm mài đũng quần nhà quê với cái cặp bàng mẹ xẻ làm đôi, nửa cặp đựng sách vở ôm cuộc bộ đến trường, nửa mảnh còn lại cất để dành cho năm sau ở lớp kế tiếp. Khánh nhớ, gần cuối năm lớp Sơ đẳng (*Cours Élémentaire*) - còn gọi lớp Ba, học trò thời đó bắt đầu chạm vào môn Sử ký Việt. Hoàn tất lớp Sơ đẳng, trò nào muốn tiếp tục sự học thì phải qua một kỳ thi tuyển vào lớp Nhì một năm (*Cours Moyen de 1ère Année*) trường Nam Tiểu học Mỹ Tho. Chương trình lớp Nhất, môn Sử ký Việt được nâng cao và cũng là một môn thi lấy Bằng Tốt Nghiệp Tiểu Học thay vì, trước kia phải thi lấy bằng Sơ Tiểu tiếng Pháp

(CEPCI)⁽¹⁾. Đâu mới được dự kỳ thi vào lớp Đệ Thất, Trung học đệ nhất cấp (nay tương đương lớp 6 của cấp II, trường trung học cơ sở).

Gian nan là vậy, chớ chẳng phải chơi. Có điều hồi đó, việc học Khánh tự sắp xếp, lo liệu. Má chỉ nhắc nhở: Tư, ráng học nha con! Vậy thôi!

Thời Khánh cấp sách đến trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho cũng là thời chương trình giáo dục Việt từng bước theo lộ trình thay thế chương trình giáo dục Pháp.

Khánh không thể không nhớ thầy T.

Người dạy Sử bằng cách nêu những vấn đề lịch sử, chớ không phải chú trọng sự kiện và nhân vật lịch sử. Thấy thực sự đã truyền lửa yêu nước vào tâm hồn các học trò của mình qua môn lịch sử nước nhà và lịch sử thế giới cận đại. Bốn năm học ở bậc Trung học đệ nhất cấp, cả lớp thích môn Sử, chớ không chỉ một mình Khánh. Mà cũng ngộ, mê Sử thì, yêu Địa. Mỗi tuần, có 3 giờ học Sử Địa. Nếu Khánh nhớ không lầm thì, môn Sử chia làm hai phần: *Sử Việt*, *Sử thế giới*. Sử Việt từ thời khởi thủy đến năm 1945. Sử thế giới từ sự phát triển kỹ nghệ Châu Âu và sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân, các nước Á Châu trước chủ nghĩa thực dân gồm Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Hoa... đến Thế giới

1. CEPCI: Certificat d' Études Primaire Complémentaire Indochinois.

Đại chiến lần nhất và giữa Thế giới Đại chiến lần hai. Phần Địa lý học Trái đất, 5 châu (Âu, Á, Phi, Mỹ, Úc) và Việt Nam.

Dài dòng như vậy, để thấy rằng lứa học trò ngày đó được trang bị và cung ứng những kiến thức dẫu chưa sâu rộng, chuyên môn ở bậc Trung học đệ nhất cấp, nhưng nó mang tính tổng quát về kiến thức, đủ cho người học biết phân biệt, nhận thức nên hay không nên, tốt xấu... sự liêm sỉ khi vào đời.

Thầy T., mỗi khi có dịp, thường kể chuyện xưa tích cũ cho học trò nghe: Nào chuyện giáo dục xưa nay, chuyện đất nước bây giờ... Tuyệt nhiên, thầy không kể chuyện Tàu, tích Hán. Thầy hay nói:

“Đất nước bốn ngàn năm lịch sử hun đúc và sản sinh ra Đức Trần Hưng Đạo hiển thánh. Vậy mà, thiên hạ ít ai chăm lo thờ phụng. Trái lại, kính cẩn thờ phụng Quan Vân Trường nhà Tày Thục gần 1.800 năm trước? Thật ra, Quan Vũ có ngon lành gì, cũng chỉ là giữ nghĩa với Lưu Bị, bởi kém trí nên chết dưới tay Tào Tháo, bởi bọn cò ke lệt chột đón lõng ở đường tiểu lộ, cắt đầu. Xác thân tro tro với cái cổ không đầu, thử hỏi: Thánh chi, mà hiển? Trong lúc, Hưng Đạo Đại Vương vì giang sơn xã tắc, cùng toàn dân hai lần đánh quân Nguyên - Mông xâm lược tan tác. Đó mới là hiển thánh! Cố nhiên, chẳng phải tự nhiên phụng thờ”.

Rồi thầy diễn giải, rằng:

- Trước khi bị thực dân Pháp cai trị, cái học của nước mình là cái học của nhà nho, lấy Trung Hoa làm chuẩn với mấy quyển sách gối đầu giường: Tam tự kinh, Sơ học vấn tân, Ấu học ngũ ngôn thi, Minh tâm bửu giám... đến Sứ Tàu (Bắc sử), Tứ thư, Ngũ kinh... Còng lưng, chống dít, gò tay để tập luyện chữ đẹp “*phụng múa rồng bay*”, tối ngày miệt mài làm thơ, phú... câu đối, biểu... sử dụng nhiều điển tích Tàu là hay, là giỏi để được chấm đậu các kỳ thi Tú tài, Cử nhơn, Tiến sĩ...

Kẻ sĩ xưa tranh nhau “*Sôi kinh nấu sử*” là vậy, bất quá nếu “*Sôi kinh nấu sử*” không thành, dầu thối cũng “*vi sư*”. Lượm một tấm giấy có viết chữ nho cũng phải cung kính, khúm núm cất kỹ vì là, “*chữ thánh hiền*”! Trong khi đó, Sứ Việt một chữ nhất cũng không biết, bởi sách đâu mà đọc, ai dạy mà biết?

Xong cái học nhà nho, đến cái học tân học. Người Nam Kỳ tiếp xúc và học trước cả nước. Lấy nền giáo dục Pháp làm chuẩn mực, dùng tiếng Pháp trong việc dạy và học. Và, trí thức thực dân Pháp tự cho mình cái sứ mệnh khai hóa - văn minh hóa và đồng hóa văn hóa⁽¹⁾. Đến năm 1917, giáo dục thời Pháp thuộc chính thức có hệ thống thống nhất trên toàn cõi Việt Nam. Chỉ rập học Sứ Pháp. Sứ Việt người học không biết. Tiếng Việt, môn sinh ngữ phụ ngay với chính người Việt trên quê hương Việt.

1. Mission civilisatrice, cultural assimilation.

Sau năm 1945, chương trình giáo dục Việt ban hành⁽¹⁾ và thực hiện từng bước ở Miền Bắc, Miền Trung. Riêng Miền Nam, phải đợi đến giữa thập niên 1950 mới bắt đầu thay thế chương trình Pháp⁽²⁾. Môn Sứ Việt được giảng dạy trước ở Bắc và Trung.

Khánh nhớ như in, hết giờ Sứ cuối buổi học, thường thì thấy ngồi lại tại lớp một mình, đợi học trò ra khỏi lớp, thấy mới lặng lẽ ra về. Dường như thấy mang nặng tâm trạng gì đó, không thể thổ lộ cùng ai. Thỉnh thoảng thấy nói xa nói gần với học trò:

- Một đất nước như đất nước Việt mà, người Việt học Sứ nước mình có bao năm so với chiều dài lịch sử. Hỏi rằng, thế giới này, nhân loại này có nước nào, dân tộc nào chịu đau đớn như vậy? Bởi, thấy thường nhấn mạnh khi dạy sử:

- Một dân tộc mù mờ về lịch sử, ù ù cạc cạc về quá khứ của ông cha thì, dân tộc ấy dù giàu mạnh, dù khoa học công nghệ đạt đỉnh cao, dù leo lên tận cung trăng... cũng chẳng bao giờ có tương lai xán lạn!

Và, hình như thầy muốn nói với thầy, với học trò, với ai đó:

- Kẻ nào manh tâm thực hiện kiểu tằm ăn dâu xóa dần những trang Sứ Việt còn dính đầy máu xương của dân tộc, kẻ đó tội đồ thiên cổ!

1. Chương trình giáo dục Hoàng Xuân Hãn.

2. Pháp theo chân Anh (Đại diện Quân đội Đồng Minh giải giới Phát xít Nhật) trở lại Việt Nam. Và, tiếp tục chiếm Nam Kỳ làm thuộc địa (*nằm trong Liên hiệp Pháp*).

2.

Sau kỳ hè 1960, Khánh học đệ tam, Trung học đệ nhị cấp Trường Nguyễn Đình Chiểu, thầy T. dạy Sử biệt tông vắng tích, nghe đâu thầy đã vô bụng. Học trò học môn Sử của thầy cảm thấy lòng trống vắng và buồn buồn mỗi khi nhắc đến thầy. Năm 1963, Khánh đậu Tú tài toàn phần và thi vào Đại học.

Những đêm ở Đại học xá Minh Mạng, Sài Gòn, Khánh nhớ thầy, trái tim trong sáng ngấm dần những điều tâm huyết của thầy truyền vào học trò qua môn Sử. Thầy nhắc đi nhắc lại:

- Tiền đồ đất nước ở trong tay các em. Hiền tài cũng từ các em mà ra... Thanh niên là rường cột nước nhà, nếu như thanh niên đó hiểu Sử và trân trọng lịch sử một cách khách quan.

Lần hỏi, Khánh hiểu vì sao thời Bắc thuộc, thời Pháp thuộc không dạy Sử Việt : Họ cố nhét Sử của kẻ thống trị vào đầu óc người bị trị. Vua quan viết, dạy Sử theo triều đại của họ. Có lẽ vì vậy, dân tự làm Sử theo kiểu của mình, ví như: *truyền thuyết, điển dã, huyền thoại...* chẳng?

Tinh thần “*Tôn Sư Trọng Đạo*”⁽¹⁾ có tự ngàn xưa, trong bối cảnh nền giáo dục tiếp tục cải cách, cải cách và cải cách... với môn Sử, thì rồi hơn nổi canh hẹ! Thiệt

1. Tham khảo “*Về giáo dục miền Nam sau 1954*”, GS. TS Nguyễn Thanh Liêm, nguyên Hiệu trưởng Trường Petrus Ký, Sài Gòn.

ra, cái rồi nấy xét cho cùng thì cũng chẳng có chi là rồi. Rồi chẳng, do người đương làm giáo dục cố tạo ra để đạt đến mục đích khác, mà trong đó, không thể không nói đến yếu tố “*tiền*”, bởi “*lợi ích nhóm*” chi phối nghiêm trọng!

Tất cả chỉ là phương tiện biện minh cứu cánh triết lý giáo dục. Họ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước lịch sử, Khánh nghĩ vậy, khi nhớ đến thầy T. dạy Sử ngày trước.

Ngủ ra!

1.

Năm nào, hễ cứ đến mùa gió chướng, bông so đũa trổ, tôi lại về Cần Thơ và vô thăm mấy thằng bạn ở xứ Phong Điền. Con nước ngã ba sông Cần Thơ vào Cầu Nhiễm nhảy bờ, mấp mé liếm mép lộ; rẽ trái là sông Cà Ròn, rẽ phải là sông Cầu Nhiễm.

Bạn tôi họ Lê, nghe nói người gốc Huế, nguyên quán Phong Điền. Thuở sanh thời, nội tổ bạn sống nghề chài lưới trên sông Bồ. Sau đó, Hoàng đế Quang Trung trưng dụng vào đội thủy binh, tiến ra Bắc Hà dẹp loạn Nguyễn Hữu Chỉnh và đánh chiếm thành Nghệ An. Khi triều đại Tây Sơn suy tàn và sụp đổ, nội tổ bạn bỏ gia đình dong buồm vượt biển vào Nam, trốn sự truy sát của Gia Long. Có thể nói, nội tổ là một trong những người đến khai khẩn vùng đất hoang, chưa hề có “khai sanh”. Lần hồi, người Phong Điền

đã từng theo Tây Sơn như cánh chim lạc rừng, bay về phương Nam tìm con đường sống sót. Họ nhớ cố hương, nhớ khói sóng Tam Giang những ngày tháng Chạp... giỗ, lễ... chạp mả mà theo phong tục Huế xưa. Họ đồng thuận “khai sanh” vùng đất mới bằng cái tên cổ thổ: Phong Điền!

Người đi khẩn hoang ngày đó, mang theo canh cánh trong lòng nỗi buồn ly hương. Họ dùm bọc nhau bằng tình nghĩa con người. Và rồi, họ định hình xóm, trước khi thành làng Nhơn Ái, cái làng Nhơn Nghĩa. Đất Phong Điền lúc bấy giờ, thuộc vùng hẻo lánh nên nhà Nguyễn cũng chưa xác lập chủ quyền lãnh thổ.

Hơn hai trăm năm trôi qua. Vùng đất ngày xưa kẻ có bạc vàng, vốn liếng thuê mướn lao động khẩn hoang, vỡ đất... trở thành chủ đất, miệng đời gọi là địa chủ. Còn người nghèo khó, đi ở bạn... trở thành tá điền, miệng thế gọi là lưu dân.

Rồi bao lần vật đổi sao dời, dòng họ Lê của bạn tôi không trụ nổi, đành tan đàn xẻ nghé. Năm rồi, tôi về thăm bạn. Ngọn gió miệt vườn chẳng đủ sức xua đuổi cái nắng tháng Chạp rát da. Tôi nghĩ bạn buồn vì sắp đến ngày Tết, lòng những cách xa quê cha đất tổ? Nhưng không, bạn bảo:

- Nội tổ truyền lại dòng họ đời sau, rằng: Họ Lê của mình chỉ “xa” con sông Bồ, chứ không “cách”; mà dẫu bề dẫu có buộc họ Lê phải “cách” con sông Bồ thì, họ Lê cũng không “biệt” dòng sông quê!

Bạn bùi ngùi nói với tôi mà, hình như không nói với tôi.

- Đất nước, cổ hương Phong Điền sản sinh bao anh hùng hào kiệt. Trong đó, có Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Tri Phương... dù con sông Bồ mặc áo gấm thêu hoa: Đan Điền, Phú Ốc, Hiên Sĩ, Cổ Bi... thì, Bồ vẫn là Bồ của điển dã. Bởi, “Tục truyền, trên thượng nguồn sông Bồ có nhiều xương bồ, cho nên có tên là Bồ Giang. Nước sông nầy vừa trong vừa sạch, có thể coi là con sông đẹp nhất trong huyện”. Tôi hiểu ý bạn. Có điều, chuyện đời nếu đã có ngõ vô, chắc có ngõ ra. Vô không ra, thiệt tình mần sao chịu thấu? Ông Trời, coi vậy mà đáo để, chẳng dễ giỡn mặt với ông. Bạn tôi, thuộc lứa hậu duệ họ Lê trên hai trăm năm, lòng vẫn nhớ khôn nguôi nơi chôn nhau cắt rún của nội tổ. Con sông Bồ là con sông Bồ, bất kể quân thần... vua chúa có cố sức cưỡng bức thay tên đổi họ. Tâm hồn Việt là vậy! Ai không vậy thì, chẳng phải.

Ngả ra nào không khởi từ ngả vô?

Nụ mai vàng bung vỏ lụa ngày 23 đưa Táo về trời, ngày 25 tháng Chạp tảo mộ, nụ mai le lười vàng húng sương đêm để, khoe sắc vàng năm cánh đón giao thừa và nở rộ sáng mồng Một Tết. Đó như là một quy luật của trời đất. Người có khác chi? Triều Tây Sơn không tan rã và sụp đổ, liệu họ Lê bạn tôi vốn ở đất Phong Điền có lưu lạc vô Nam? Và, vùng châu thổ Cửu Long mần chi có làng Nhơn Ái, Nhơn Nghĩa?

Rõ là, có đầu - có đuôi. Người không đuôi nên có đít. Nghĩa là, con người có đầu - có đít. Tiếng chày quét mần bánh phồng vang khắp xóm, khiến lòng nôn nao hương vị Tết. Hai anh em ngồi uống rượu chiều trên sàn nước. Bạn tôi tâm tình bao điều suy ngẫm, và kể chuyện nhà...

2.

Cá quen địa cũ, thú quen rừng xưa, người quen lối mòn... Nghìn năm trước sau, hầu như chẳng đổi. Trời sanh người có “tiền khẩu”, để chi “thủ khẩu như bình». Hễ có “tiền khẩu” ắt có “hậu môn”. Người nhà quê chẳng thêm “nhiều lời Hán”, gọi “tiền khẩu - cửa khẩu” là cái lỗ miệng; hễ có lỗ miệng ắt có lỗ đít. Vô lỗ miệng, ra lỗ đít. Lẽ đương nhiên, chẳng thêm bàn cãi bao giờ. Có lẽ, của thiên trả địa là vậy!

Bạn tôi sinh và lớn lên từ đất phương Nam, thần cốt Huế hồ dễ rút ra khỏi tâm hồn bạn tôi? Nhưng lần hồi, thần cốt đó bị thời gian đeo gót và theo lẽ tự nhiên thoát ra. Mấy cái Tết, bạn tôi không còn dựng cây nêu giữa sân nhà, không còn tắm gội tẩy bụi trần khỏi thân thể để đón giao thừa... Tiếng pháo Tết mất tăm từ lâu lắm. Lòng người cảm thấy thiếu đã đành mà còn thốn nữa, mới đau! Ngả ra nào cũng mang tâm lý cùng sự xúc cảm thoải mái, hả hê! Nó đối chọi với cái ngả vô nặng nề, ô trược. Mọi thứ dồn vô lỗ miệng, ra lỗ đít. Một hôm nào đó, hậu môn từ chối mần cái chúc năng ra thì, tiền khẩu... dẫu ham muốn, thêm thưởng cũng chịu phép

“dồn, tấp” mọi thứ vô bản hòng. Cho nên, ở đời thà nhin ăn chó không thể nhin đại tiện. Tứ khoái “ăn, ngủ, làm tình, đại tiện” của con người xưa nay vẫn vậy đó.

Dầu vua chúa, danh gia vọng tộc... tham quan, trọc phú... hay dân nghèo tứ cố vô thân, tất cả đều bình đẳng trước sự chết, và rất công bằng trước “ngả vô ngã ra” của luật tuần hoàn trời đất. Nếu có khác chẳng, là khác cái ngã vô: từ tâm hay ác tâm! Riêng ngã ra, thiên hạ ai cũng thấy nhưng thấy để biết thì dễ mấy ai? Albert Camus đã nói rồi: *“Chân lý như ánh sáng làm chói mắt... Còn sự giả dối, trái lại, như buổi hoàng hôn làm cho mỗi vật đều nổi lên đẹp đẽ!”*. Do đó, ngã ra chính là sự “giả dối” nếu không muốn nói, rằng ai cũng cố “giả dối” hòng che giấu như là *“phận sự tối cao của con người”* trước tồn tại hoặc mất đi. Đồng thời, cũng là nơi kỳ bí cất giữ những gì cần cất giữ một cách phi thường. Ngã ra của người mình là “giải pháp” để tổng khứ cái cần tổng khứ từ ngã vô nhiễm độc. Nếu, tự mình không biết mình cần phải làm điều đó, thì tai họa khó lường!

Bạn tôi nói chắc cứng như vậy, tôi chẳng thể nào tin.

*

- Hai, ra ba biểu!

Bạn tôi gọi đứa con trai. Tôi nhớ ra rồi, cháu nó vừa ra tù trước Tết mấy tháng. Nó hưởng tù không phải vì nó tên Lê Hữu Tường, vì nó “cặp bè cặp lũ” theo chúng bạn mua bán ma túy cho mấy thằng bạn nghiện hút chích trong xóm.

- Dạ, ba biểu con?

Tiếng thằng Hai rất khê và nhẹ như tiếng bước chân con mèo di chuyển rình mồi. Tôi ngược mặt ngó cháu. Ánh mắt nó buồn thiu.

- Mấy kể cái ngã ra của lỗ đít được xài trong tù cho bác Ba nghe!

Bạn tôi nói với thằng con bằng giọng điệu ra lệnh.

Tôi kéo tay cháu ngồi kế bên, và động viên.

- Cứ thông thả, chậm rãi, cháu nói về ngã ra thần bí và có khi thần kỳ của lỗ đít cho chú được “cận thị” một phen. Thằng Hai thoáng chốc mặt mày tươi tắn, nhanh nhẹn hẳn ra. Nó kể:

- Ma túy, điện thoại di động, máy sạc pin... tất tụt tụt con đều giấu ở lỗ đít!

- Trời! Con nói sao?

Rồi, tôi hỏi:

- Cái ngã ra của lỗ đít nhỏ xíu, mẩn thế nào nhét và dồn mấy thứ ác ôn đó?

Nó cười, không trả lời trả vốn.

- Khi ra ngoài lao động hoặc xuống phân xưởng bóc tách hạt điều, bên ngoài chuyển ma túy vào, tụt cháu vắn ma túy thành từng điều thuốc lá, cột lộn và dùng nylon quấn chắc lại. Lộn ma túy nhúng vào dầu ăn và dùng dầu ăn thật, bôi trơn lỗ đít. Nhét và nông

lộn ma túy từ từ chui vô lỗ đít, năm mười lộn cùng lúc chẳng “nghĩa địa” gì!

Tôi chợt nghĩ đến chuyện gay “thời đại” của cánh đồn ông. Không hiểu nổi!

Gãi đúng chỗ ngứa, cháu Hai thao thao bất tuyệt.

- Điện thoại, tụi con gỡ bỏ vỏ, lấy nylon bọc kỹ ruột... xài dầu ăn mở đường trơn đưa hàng trở vô theo ngã ra lỗ đít.

Đoán rằng tôi còn bán tín bán nghi, thằng Hai bèn đứng dậy đi ra nhà sau.

Bạn tôi đã ngà ngà say, dựa lưng vào gốc mai già bên bến nước, mắt ngó trời xa...

Nắng trải chiếu qua làng Nhơn Ái, không biết nắng nơi nấy có giống nắng làng quê Phong Điền bên dòng sông Bồ thân thương của bạn tôi.

Tưởng thằng Hai đi không quay lại. Ai dè nó quay lại với đồ nghề trên tay. Nó hơi mắc cỡ nhưng, nài nỉ tôi vô buồng coi nó biểu diễn đưa điện thoại theo ngả ra trở ngược vô lỗ đít. Tôi lặng lẽ chịu ý nó.

Trầm nghe không bằng một thấy. Đúng y chang những gì nó đã nói.

*

Đêm nay, tôi ngủ lại nhà bạn. Nói tiếng ngủ, chớ tôi nào ngủ được. Tiếng cuốc kêu ra rả bên kia sông, chắc là nó lẻ bạn. Tôi trở mình, bước ra sân. Trời cuối năm

không trăng, đầy sao. Tôi định đếm sao, nhưng không thể. Tôi định tìm vì sao bốn mạng của mình, nhưng không thể tìm giữa rừng sao hằng hà sa số. Sương mù giăng trên mặt sông. Sương chẳng đủ tư cách mù giăng che cái làng Nhơn Ái nằm nép mình giữa bốn bể chẳng chịt sông rạch miền Tây. Những con người chơ chắt, nghĩa khí, sống chết thời nội chiến Tây Sơn - Nguyễn Ánh... bỏ xứ về Nam. Họ chọn Nhơn Ái làm tiêu chí cho cuộc mưu sinh, và là nơi gởi gắm nắm xương tàn cốt rụi!

Cái ngả ra, tiềm ẩn bao điều cần giấu để thoát. Mai phục hay “Ngọa hổ tàng long?”. Xưa nay, vô dễ ra khó. Tôi liên tưởng đến “Tam thập lục kế” trong Binh pháp Tôn Tử. Kế cuối cùng, chính là “Tẩu kế”. Nghiệt nổi, ngả ra không thể. Chạy, lùi, thoát thân như Tôn Tử bày vẽ. Ngả ra của người mình là “giải pháp” để tổng khứ cái cần tổng khứ từ ngả vô nhiễm độc. Tây Sơn có ngả vô đường hoàng, cùng dân đánh tan hai lần quân xâm lược ở phương Nam và phương Bắc, vì đơn thân thiếu vắng ngả ra mà ra nông nổi đoạn trường.

Dòng tộc họ Lê bạn tôi, một lòng phò Tây Sơn thì, chẳng thể quy hàng và sống cùng Nguyễn Ánh nên bôn tẩu vô Nam, mai danh ẩn tích và mở ngả ra nơi đất địa Nhơn Ái, Phong Điền, một miền đất địa mang tên cổ hương để lòng không quên cố quận.

Tôi băng khuâng ngửa mặt ngó trời đêm, tự hỏi:

- Ngả ra người xưa là vậy. Người nay thời sao?

Tình bạn

1.

Huế nghiêng chiều.

Chiếc Jeep đánh vòng sân, đột ngột thắng gấp; bánh nghiêng mặt sàn xi-măng, phát ra thứ âm thanh khô khốc dội vào cổng Trung Tâm Cải Huấn. Viên Trung úy Lôi Hồ rời khỏi xe, chiếc áo trận thêu phù hiệu “*Ba đèn cây trên nắp hòm*” nhảy múa theo bước đi “phi nước đại” về hướng văn phòng Trung Tâm.

- Chào Đại úy!

Viên Trung úy Lôi Hồ chào miệng, không chào đúng điều lệnh quân phong quân kỷ. Đại úy Hân bắt tay Trung úy Lôi Hồ, cười theo cái kiểu “Huynh đệ chi binh”.

- Trung úy, cần chi đến tôi?

Thiệt bụng, Đại úy Hân không muốn dây dưa với cái đám lính trời đánh thánh đâm “*Ba đèn cây trên nắp hòm*”. Nếu có thể, giải quyết nhanh cho thằng Trung úy mắc dịch biến đi khuất mắt. Viên Trung úy Lôi Hồ hai tay chống nạnh, nhìn Đại úy Hân bằng cặp mắt sắc lạnh.

- Tôi muốn Đại úy cho mượn tên Vi-xi (VC) một đêm!

Như có một luồng khí lạnh chạy từ óc o (đỉnh đầu) chạy dọc theo xương sống xuống tận xương khu. Đại úy Hân trở mặt nhìn viên Trung úy.

- Trung úy nhắm chỗ đùa. Trung úy biết nơi đây là đâu không?

Chẳng để viên Trung úy Lôi Hồ kịp trả lời, Đại úy Hân nói rằng: Chưa bao giờ gặp trường hợp nầy và cũng không đủ thẩm quyền giải quyết. Mong...

- Đ.M, không có mong... móng chi cả!

Đám lính đứng ngoài sân, tay lên đạn AR 18, miệng la rần trời:

- Đ.M, Trung úy để bọn em!

Nghe ồn ào, tốp Cảnh sát đã chiến xách súng chạy vào sân.

- Đ.M, tụi em chơi tới bến nha ông thầy?

Đám Lôi Hồ hăng tiết.

Tốp Cảnh sát đã chiến lùi dần, lùi đi mất.

Đại úy Hân xuống nước:

- Tôi không làm khó Trung úy, nhưng Trung úy nghĩ xem, làm sao tôi có thể đáp ứng được yêu cầu của Trung úy? Tôi bất khả thi!

Trung úy Lôi Hồ chẳng thèm đếm xỉa lời giải bày của Đại úy Hân, móc túi quần lấy cái Lệnh Hành quân khẩn, tảo thanh Khu vực Đá Kẹp liệng lên bàn.

- Đ.M, Đại úy đọc đi! Tôi không huân đến đây đùa Đại úy.

Đại úy Hân cầm tờ Lệnh đọc. Có lẽ, đời lính cảm thông nhau. Vả lại, ngày mai ở chiến trường Đá Kẹp, viên Trung úy nầy chắc gì còn sống sót?

- Cái Lệnh Hành quân khẩn và tối mật nầy, có liên quan gì tới tên VC đang bị giam?

Trung úy Lôi Hồ đập bàn.

- Đ.M, nhiều đó mà Đại úy chẳng hiểu cái con c... gì ! Làm sao, thắng VC?

Trung úy cầm gói Lucky động đầu lên thành ngón trỏ, rút thuốc mời Đại úy hút. Khói thuốc tạo sự êm dịu thần kinh và hình như giảng hòa hai cái đầu của người lính.

- Chẳng phải tôi từ chối tạo điều kiện hữu hiệu nhất để Trung úy tiêu diệt bọn VC, nhưng cái Lệnh Hành quân chưa đủ điều kiện ắt có và đủ...

Trung úy hả họng nhả khói thành vòng tròn bay lãng đãng lên trần nhà xám xịt.

- Đơn vị tôi mượn tên V.C nầy, vì trước đó nó hoạt động vùng Đá Kẹp, Càng Chân Mây. Đại úy biết rồi đó!

Trung úy Lôi Hồ thọc tay túi quần đi quanh bàn Đại úy Hân.

- Xin lỗi Đại úy, tôi có thẩm quyền tiếp xúc hoặc mượn tù binh VC để khai thác!

Nói xong, Trung úy Lôi Hồ đưa cho Đại úy Hân xem “*Thẻ Đặc Biệt*” do Đại tướng Cao Văn Viên trực tiếp ký. Đại úy Hân hút hăng, bởi lần đầu thấy cái thẻ xanh lạ lẫm. Mà cũng phải, Hân đậu Tú tài hai, thi vào ngạch Biên tập viên Cảnh sát. Tốt nghiệp, được móc thẳng “ba bông mai vàng” Đại úy và về đơn vị Cảnh sát Đặc biệt Thừa Thiên.

- Mời Trung úy uống nước. Tôi xin mượn “Lệnh Hành quân” và “Thẻ Đặc Biệt” trình Trung tá Trưởng ty.

Với tác phong nhà binh, rất nhanh, Đại úy Hân quay lại, nở nụ cười:

- Ông Trưởng OK! Phiền Trung úy vô trong làm thủ tục “di lý” mượn tù VC khai thác.

Xong mọi thủ tục, Trung úy yêu cầu Đại úy còng tay và bịt mắt tên tù VC trước khi đưa rời khỏi đây. Bởi, Trường sợ Nguyên nhìn thấy mình, kềm lòng không được thì, mọi sự hỏng bét.

- Trung úy, nhớ sáng mai trước 8 giờ, trả hân lại cho tôi!

2.

Những tia nước từ vòi sen bắn thẳng vào thân thể Nguyên, sự mát lạnh tự do lăn qua từng thớ thịt sừng tấy. Nguyên nhắm mắt tận hưởng! Thanh lau mình cho chống, xúc thuốc lên vết thương; cố kềm lòng không khóc, nhưng nước mắt vẫn chảy.

- Đừng khóc mình, thời gian nhanh và chúng mình thì không kịp.

Anh ôm vợ. Tiếng rền xa của đạn đại pháo vọng về. Thanh thút thít kể chống nghe nổi sơn trường sau ngày nhận tin chống bị bắt. Tẩn tảo triêng gióng nuôi con, nuốt nỗi đau và tránh người quen mặt. Nhiều lần, em xin thăm nuôi chống, nơi giam giữ không cho. Họ bảo đang điều tra. Có lẽ, Trời Phật thương, lúc em từ cổng nhà lao đi bộ về hướng cầu Trường Tiền, có tiếng kêu giật ngược nghe quen quen, em không dám ngoái cổ nhìn, cố bước nhanh. Chiếc xe Jeep cúp đầu chặn em.

- Thanh! Trường đây, em nhận không ra à?

Em nghiêng nón lá, ngược mắt và chưa kịp giữ ý tứ.

- Em đi đâu mà thất tha thất thểu, mặt mũi bơ phờ? Thăng Nguyên đâu?

Mừng quá, em kêu: Anh Trường! Rồi, em nói anh bị bắt, giam lao Thừa Phủ. Tám lần em đi thăm nuôi, tám lần không gặp mặt chống. Em khóc! Anh bật lửa mỗi thuốc hút, đứng im lặng. Chợt anh nói:

- Em qua cầu phía đường Trần Hưng Đạo, ngồi quán nước chờ anh.

Tối lúc nấy, em mới thực sự hoàn hồn, nhìn kỹ anh Trường và đám lính dưới quyền anh, em đâm sợ. Mặt mày ai cũng dữ dằn, hăm hăm sát khí. Lòng em nao nao, lo lo... Như đoán được tâm trạng em, anh Trường bảo:

- Nhớ ngồi chờ, em sẽ gặp thẳng Nguyên!

Nói xong, anh cho xe quay đầu lại, phóng thẳng về hướng lao Thừa Phủ.

*

Nguyên và Trường đôi bạn cùng làng; cùng uống nước, tắm giặt và đùa giỡn những buổi trưa hè trên con sông Bồ phía Tây Nam huyện Quảng Điền thời thơ ấu. Nhà ba mẹ Trường thuộc hàng khá giả trong cái làng Quảng Thọ; ngược lại, nhà Nguyên nghèo, ba mẹ quần quật suốt ngày đánh bắt cá tôm trên sông nước. Có những trưa đói bụng, Nguyên cầm tô sang nhà Trường xin cơm nguội, mẹ Trường rất thương Nguyên, lúc nào cũng sẵn bụng. Trường tính hào hiệp, đôi lúc bốc đồng. Nguyên trọng nghĩa, thường chịu lép để giữ hòa khí bạn bè. Gần như hết những điều xảy ra trong cuộc đời người, không do tự thân định đoạt. Nằm bên vợ đêm nay, là điều kỳ diệu chỉ có trong hư cấu tiểu thuyết, mấy ai tin có thực ngoài đời? Nguyên nhớ bao buổi chiều quê, đôi bạn chạy trên bờ con sông Bồ kéo dây diều lướt gió, bay níu bầu trời

xanh. Lúc nghỉ chân, hai đứa nhìn về phía Đông quê nhà chìm một màu sương khói ẩn hiện phá Tam Giang.

- Ê, Nguyên! Lớn lên, tội mình trai thời loạn, chắc là phải cầm súng!

Trường buông câu nói, miệng cười khà...

- Nếu hai đứa đối đầu, mấy tính sao?

Nguyên không rõ mình đã trả lời bạn thế nào. Có điều, Nguyên nhớ rõ mình nói chắc như đinh đóng cột: Không có thứ chi đánh đổi được tình bạn chân chính! Tưởng rằng ngày đó nói đùa chơi, chẳng dè bây giờ nó linh ứng thật. Trường đã làm đúng lời Nguyên nói: Không có thứ chi đánh đổi được tình bạn chân chính! Ngày mai, Trường hứng hậu quả vì bạn. Nguyên chẳng đành lòng!

*

Thanh gối đầu lên bụng chồng, tay mân mê những làn roi còn in da thịt. Nguyên bối hồi nhớ hồi chiều, Trường chuẩn bị và thuê bao nguyên Khách sạn SH đường Trần Hưng Đạo, gần cầu Trường Tiền cho vợ chồng gặp một đêm. Nguyên định nói, Trường ra dấu im, rồi lặng lẽ bước xuống thang lầu cùng đám đàn em ăn nhậu và canh gác. Trường bắt cần hỏi Nguyên mọi thứ lý do: Tại sao? Tại sao? Chỉ rằng: Mấy là thằng bạn của tau! Đêm về khuya, tình thương lẫn nỗi buồn khiến vợ chồng Nguyên thao thức. Thanh hỏi chồng vì sao bị bắt? Nguyên nhớ lại:

“Hôm đó, từ ngã ba Phước Tích anh theo giao liên về Điện Lộc thuộc huyện Phong Điền, đến nửa đêm mới tới nơi. Cơm nước vừa xong thì có tin giặc càn bằng Thiết giáp. Anh và anh em xuống hầm. Mặt trời lên khoảng hai sào, Thiết giáp càn vào thôn, tiếng gầm rú, tiếng bánh xích cán nghiêng lên vật cản, nằm dưới hầm anh nghe rõ mồn một. Anh em du kích xả khai hỏa B40, cháy một xe, một xe đứt xích. Nghiệt là, chiếc xe đứt xích nằm xéo mép miệng hầm, sụp ống thông hơi. Thiếu không khí, anh khó thở và ngạt. Anh cố moi thông ống thở, địch phát hiện và anh bị bắt”.

Thanh nghe chồng kể, lòng hồi hộp:

- Bị bắt, rồi sao anh?

- Chuyện đời, chẳng thể nào hiểu nổi, em biết ai bắt anh không? Anh Khánh bắt anh! Thanh ngồi chồm dậy.

- Anh Khánh con cậu Hiến, em của má?

- Đúng rồi, anh Khánh Thiết đoàn trưởng, chiếc xe bị du kích bắn đứt xích là xe Chỉ huy Thiết đoàn. Gặp nhau giữa chiến trường, anh Khánh điếng hồn, anh giựt mình. Suốt cuộc hành quân, anh Khánh mang anh theo và thuyết phục anh hồi chánh. Ảnh đưa “*Tám giấy thông hành*” có hình Tổng thống Thiệu. Anh đứt khoát từ chối, ảnh bức tức: “Chú bị VC nhồi sọ, vô phương cứu”! Anh cười và im lặng. Xong hành quân, anh Khánh chuyển anh sang Ty Cảnh sát Thừa

Thiên. Anh em dòng họ, chỉ có thể đối xử với nhau nhiều đó thôi!

Thanh thở dài:

- Chiến tranh! Nó tàn nhẫn thật, nhưng chẳng thấm vào đâu so với sự ly tán lòng người!

Tự đứng, Nguyên thấy rạo rức và thêm... Anh trở mình, tay lần mở áo vợ. Thanh từ đầu hôm đến giờ, cố nén khao khát...

- Thôi anh! Mạ thường dặn, bị thương chùn mà ở với nhau, chùn bị cửa đó!

Nguyên bẹo má Thanh:

- Lúc chiều, anh có hỏi nhỏ thằng Trường, nó nói bị thương phần mềm thì sợ cái đêch gì! Nói xong, nó nheo mắt - ánh mắt tinh nghịch - như thời hai đứa còn ở nhà quê. Rồi nó hát nho nhỏ: *"Yêu đi anh, chiều hôm tối rồi...!"*.

Anh giục vợ tắt đèn!

3.

Trung úy Trường Lôi Hồ trả tên tù VC cho Đại úy Hân đúng hẹn, sau một đêm khai thác. Trở về đơn vị, Trung úy Trường và mấy "đứa con" nhảy toan vào vùng Đá Kẹp. Bốn ngày sau, trực thăng bốc toan Trung úy Trường trở về với thắng lợi: Thu 3 súng AK và "cái của quý" - khẩu súng ngắn K59 - loại súng trang bị cho cấp chỉ huy.

Trung úy Trường sai thuộc cấp báo cáo nhanh trình thượng cấp và không quên ghi công đầu là Trưởng ty Cảnh sát Thừa Thiên và Đại úy Hân.

*

Chiến trường mỗi ngày mỗi khốc liệt, nhứt là sau cái *"mùa hè đỏ lửa"* quái ác và khốc liệt! Sư đoàn 3 *"đi tản chiến thuật"* rời trận địa giới tuyến và Quảng Trị. Báo vụ chạy kiếm Trung úy Trường.

- Trình ông thầy, có công điện khẩn bên An ninh Quân đội từ Sài Gòn gọi ông thầy trình diện đầu giờ chiều ngày mai, tại địa điểm... gặp Thiếu tá Điệp.

Trung úy Trường đang ngồi nhậu cùng chiến hữu vừa thoát chết ở A Lưới, trợn mắt nhìn viên Trung sĩ nhứt báo vụ.

- Mẹ nó, tránh dĩa mồi đạn AK của VC dãi, gặp miếng thịt trâu thúi sinh! Trình diện... Trình diện cái lũ An ninh Quân đội nhát thỏ đế, chỉ chuyên trốn phía sau, giở hách dịch!

Mắt Trung úy Trường đỏ chạch, nốc cạn ly rượu Whisky, đập ly xuống đất đá, âm thanh thủy tinh vỡ khô khốc.

- Đ.M, từ cội chết trở về, cái quần xì-líp chưa kịp khô, đã gọi đi trình diện... Trình diện!

Trung úy Trường chột đứng dậy.

- Trung sĩ biết giờ này là giờ nào không? Tôi đâu phải Tể Thiên nhỏ cọng lông thối cái phù, nháy mắt là từ Mang Cá tới Sài Gòn!

Viên Trung sĩ báo:

- Thưa ông thầy, đúng 7 giờ sáng mai, trực thăng sẽ chở ông thầy vô Sài Gòn để kịp đầu giờ chiều, trình diện.

Xong thủ tục Trung úy Trường trình diện An ninh Quân đội Sài Gòn. Thiếu tá C., người có khuôn mặt hình tam giác, miệng nhỏ xíu như tròn trẻ, lệnh cho Thiếu úy T. vào việc. Bản báo cáo “Tuyệt mật” của Trung tá Trường ty Cảnh sát Thừa Thiên đúng sự thật với những gì đã diễn ra việc “mượn tù VC”. Trung úy Trường thừa nhận việc mình làm, trước khi ký biên bản, Trung úy Trường đề nghị ghi ý kiến: “Nhờ Trung tá Trường ty Cảnh sát và Đại úy Hân cho mượn “tù VC”, tôi và đơn vị Lôi Hồ giành thắng lợi, thu 3 khẩu AK và một khẩu súng ngắn K59”.

4.

- Tất cả sự vụ, tôi có trình thượng cấp. Cụ thể, trực tiếp báo Trung tá N.T.N., Chiến đoàn trưởng Lôi Hồ.

Trung úy Trường chậm rãi tường trình.

Thiếu tá C. cười nhếch mép:

- Việc đó, tính sau!

Viên Thiếu tá ra lệnh Thiếu úy T. thực hiện qui định “*Khai quân hiệu*” lột lon Trung úy Trường. Đồng thời, tổng giam chờ lệnh. Ba ngày nằm quân lao, cái đời lính trải qua 5 năm quân ngũ mới có dịp xả hơi quên chuyện bắn giết. Một cuộc chiến kỳ cục thật, đánh nhau vì cái gì? Vì thống nhất? Thì, anh em hai miền Nam - Bắc ôm nhau, bắt tay cái rụp là xong! Vì độc lập? Anh em hè nhau đuổi ba cái thằng Tàu, thằng Tây, thằng Mỹ... có chi là khó? Sợ là sợ cái đầu khoái “không làm muốn ăn”, thích lệ thuộc để giữ cái chẳng của mình thì độc lập kia không mất cũng sẽ mất. Thằng nào làm cha cũng được, cha truyền con nối chẳng phản ứng chi; miễn thương mình thế nào thì thương người thế đó, lo gia đình mình ra sao thì lo xã hội như vậy. Nếu không, dù:

Con vua thì lại làm vua

Con sãi ở chùa lại quét lá đa.

(Ca dao)

cũng có ngày:

Bao giờ dân nổi can qua

Con vua thất thế lại ra quét chùa.

(Ca dao)

Có thể đó là, lẽ công bằng của Thượng đế. Trung úy Trường nghĩ vẫn vợ, thương thằng Nguyễn chẳng biết giờ ra sao? Vợ nó lưu lạc phương nào? Khi không,

tự đứng hai thằng bạn cùng làng, thân nhau, đứng hai đầu đối nghịch bắn nhau khơi khơi, rồi mỗi thằng giành “chính nghĩa” riêng mình. Thằng nào cũng ráng gân cổ nói cho lấy được. Mừng nầy, trăm năm chưa chắc đã hợp lòng!

Có tiếng mở cửa phòng tạm giam.

- Mời ông lên làm việc!

- Đ.M, mở còng ra chớ! Còng hoài sao chịu nổi?

Viên Trung sĩ cười giả lả, rồi dẫn Trường đi.

Chạm mặt, Thiếu tá C. cười xởi lởi. Như sức nhớ, Thiếu tá C. lệnh viên Trung sĩ tháo còng.

- Nầy, ông bạn Lôi Hồ của tôi, hôm nay tôi báo ông bạn một tin mừng: điều ông bạn khai, sau khi thẩm tra và xác minh thì hoàn toàn thật và chính xác.

Thiếu tá C. xởi lởi, nói tiếp:

- Trung tá N.T.N., Chiến đoàn trưởng Chiến đoàn Lôi Hồ đã xác nhận. Chuyện vừa qua, mong bạn thông cảm. Việc nhà binh chớ không phải việc chúng mình!

Lễ “*Khai quân hiệu*” gắn lại lon Trung úy cho Trung úy Trường.

*

Trước ngày trở lại mặt trận, Trung úy Trường ghé thăm và tạ ơn ông thầy. Trung tá N.T.N., Chiến đoàn trưởng Lôi Hồ vỗ vai anh:

- Cậu không lừa được tôi. Thôi, uống rượu đi cái đã. Mai chốn sa trường, biết tôi hay cậu, ai còn sống sót quay về?

- Đời lính xưa nay, ông thầy ơi, ai rồi cũng vậy!

Trung úy Trường định kể thiệt chuyện “mượn tù ở lao Thừa Phủ” cho ông thầy nghe. Ông thầy rằng, tôi không hiểu các cậu thì ai hiểu! Rồi ông nói:

- Cậu bày trò “mượn tù” khai thác lấy tin phục vụ hành quân nhảy toán, để người bạn cùng làng Quảng Thọ được thoải mái với vợ một đêm. Cậu là tay sĩ quan liều lĩnh và lẳng mạn. Tụi Cảnh sát ngoài đó, nó tin và sợ Lôi Hồ nên nhắm mắt để cậu lừa.

- Lay thấy, thiên cơ bất khả lậu, giờ đã lậu...

- Cậu vượt đuôi lươn à! Cậu còn bịa “trận giả” thắng lợi, thu chiến lợi phẩm 3 khẩu AK, cây K59 (?) còn viết báo cáo tô son, trét phấn rằng nhờ Trường ty nầy, Đại úy nọ... trò khỉ thiệt!

Trung úy Trường, nghĩ: “Chơi xì-phé, thầy lật tẩy còn chơi cái khỉ gió gì nữa, đành xóa bài, xào chẻ lại”.

Trung tá N.T.N. nhấp môi ly rượu.

- Mỗi trận đụng độ đối phương, mấy cậu không báo và nộp hết chiến lợi phẩm, tự động giữ lại một số để “lập thành tích ảo” những khi thất trận hoặc những lúc cần. Như vụ vừa rồi!

Trung úy Trường ngấm đòn.

- Thôi, ông thầy! Đêm nay, tụi em nhảy vào chiến trường...

Đôi mắt Trung tá N.T.N. nhìn qua bên kia sông, thoáng buồn. Có lẽ, câu nói Trung úy Trường: “Đêm nay, tụi em nhảy vào chiến trường...” đã động lòng trắc ẩn nơi ông?

Nắng chiều xuyên lều bạt dã chiến, rớt mặt sông, trôi bồng bênh theo lưng sóng!

5.

Từ Côn Đảo, Nguyên trở về.

Mùa xuân đầu tiên sau ngày hòa bình, vợ chồng Nguyên quay lại ngôi làng cũ, thăm những người thân, trong đó có mẹ anh Trường. Mẹ ngồi tưới dây lạt bên gốc tre già tràn hoa nắng. Mẹ nắm tay Nguyên:

- Hồi nghe mi bị bắt giam lao Thừa Phủ, mẹ thương lắm. Mẹ có hạch hỏi thằng Trường, nó im lặng và buồn rười rượi. Không nói một lời mô hết!

Rồi, mẹ kể chuyện nhà chuyện cửa, chuyện cơ ngơi mấy đời người để lại tan tành theo bom đạn... Mẹ tiếc thì có tiếc, nhưng mẹ vui vì thấy đất nước được hòa bình. Mẹ tin con trai của mẹ không chết, sớm muộn gì rồi thằng Trường con của mẹ cũng sẽ trở về.

Và, chẳng mấy hồi, nó dựng lại cơ ngơi có khi bền đẹp hơn cái cơ ngơi cũ.

Càng nghe mẹ nói, vợ chồng Nguyên đau nhói, thương mẹ quá chừng chừng. Người mẹ nào chẳng mong mỗi con về sau ngày tàn cuộc chiến, dù có thể biết rằng: Xưa nay, người đi chinh chiến mấy ai về! Đôi lần, Nguyên dợm nói thật với mẹ chuyện anh Trường, nhưng Nguyên không đủ can đảm bởi, bóng nắng đứng giữa buổi trưa quê nhà thì không thể để cái hình yêu thương ngã xuống lúc tuổi mẹ xa trời, gần đất!

Những ngày trở lại Huế tìm Trường, bạn học cũ ở Quốc Học khuyên vợ chồng Nguyên trở vô Đà Nẵng vì, nghe đâu Trường bỏ Huế từ đêm 25, trước mấy tiếng đồng hồ trời rặng sáng ngày 26 tháng 3, Huế coi như đã thất thủ. Nhiều tháng cất công lặn lội tìm kiếm, tình cờ Nguyên gặp người lính cùng đi với Trường trên chiếc ghe định mệnh hôm đó. Anh ta trầm ngâm nhớ lại:

- Đơn vị thất tán và coi như xóa sổ. Trung úy Trường cùng một nhóm anh em - trong đó có tôi - còn sống sót, chạy vô Đà Nẵng. Hình như sáng ngày 29 tháng 3 thì phải, Tướng Ngô Quang Trưởng và mấy vị Tỉnh trưởng Quảng Trị, Thừa Thiên... vội vã ra bờ biển... Sau này, anh em kể lại: “Biển động, sóng to... Đại úy Hòa, sĩ quan tùy viên Tướng Trưởng, một tay ôm khúc gỗ của cái bunker cũ, một tay nắm thắt lưng Tướng Trưởng đẩy theo lượn

sóng biển lên tàu xuôi Nam⁽¹⁾. Được tin nầy, ông thấy và tụi tôi lục lạo tìm được chiếc ghe, gấp rút chèo ra biển. Ông thấy đứng trước mũi ghe chỉ hướng. Đám loạn quân trên bờ bắn chỉ thiên quá giang, ghe nhỏ không thể. Ông thấy khoát tay, chúng bắn một tràng liên thanh, ông thấy dính đạn ngã xuống sàn ghe. Mắt ông thấy vẫn mở, miệng trào máu, môi mấp máy như muốn nhả điều chi đó. Tôi vuốt mặt ông thấy. Ghe quay vào bờ, đám loạn quân buộc tất cả lên bờ, chúng cướp ghe và giành nhau nhảy xuống ghe. Giành không được chúng bắn nhau loạn xạ. Ghe chìm, xác ông thấy trôi vào lòng Cửa Đại...”

*

Chiều thứ Bảy, Nguyên tranh thủ “cắt cơm, bơm xe” về Quảng Thọ thăm mẹ và nhắc vợ chuẩn bị ngày kỵ cơm Trường. Thời gian cứ trôi, mọi việc cứ qua và sự sống của mỗi số phận con người đi theo từng bước chún tiến về cõi chết. Nguyên nghĩ vậy, nên lúc nào cũng lạc quan, lúc nào cũng nâng niu tình nghĩa bạn bè từ thời nổi khổ.

1. Theo *Đà Nẵng, những ngày cuối cùng* của Lam Hà: “... Sáng sớm ngày 29-3-1975, chúng tôi tiến ra bờ biển để bơi lên tàu. Ngoài TQLC ra, tôi đếm BB có khoảng 13 người: Trung tướng Trường, tôi (Lam Hà), Đại tá Duệ (Tỉnh trưởng Thừa Thiên), Đại tá Kỳ (Tỉnh trưởng Quảng Trị), Trung tá Tuấn (Phòng 3/QĐ1)... Thiếu tá Phương (TQLC) đã nhường cái phao mang cho Trung tướng Trường, mặc dù Thiếu tá Phương không biết bơi. Đại tá Tri kẹp Trung tướng Trường một bên, một bên thì Thiếu tá Phương kẹp. Tôi vớ khúc gỗ của một cái bunker cũ để làm cái phao... Cả 3 chúng tôi diu ông bơi ra tàu... Lên đến nơi thì Trung tướng Trường mê sảng, và tôi cũng ngất đi một thời gian dài...”

Mẹ anh Trường ngày xưa, bây giờ là mẹ của vợ chồng Nguyên. Bà cụ coi Thanh như con dâu trong nhà. Nguyên xây ngôi mộ gió cho Trường, đầu quay ra hướng sông Bồ, nằm trên khu đất ngày xưa hai đứa thường thả diều những chiều hè êm ả! Rồi, Thanh trồng cây chột n.ưa xung quanh vườn để gia đình cải thiện và bán kiếm thêm tiền mua trâu cau cho mẹ. Ngồi bên mộ bạn, Nguyên thì thầm: “Tụi mình sinh vào thời loạn, mỗi đứa đi một con đường khác nhau; nhưng nếu, trong trái tim của mỗi đứa đều ấp ủ tình yêu quê hương thì đó là, sự giống nhau tạo sự trường tồn cho nòi giống”!

Nguyên tin tất cả rồi sẽ quay về, dù rằng có thể quay về trong dâu bể. Khác chi con sông Thanh Hà với con sông Kim Bôi hợp lưu chảy về Quán Cửa, và cuối cùng rồi cũng đổ vào vùng biển Tam Giang.

Trường ơi! Không có thứ chi đánh đổi được tình bạn chân chính!

Chiều ma khách

Trên tấm bia dựng tại cánh đồng Tốt Động, nơi diễn ra trận huyết chiến lịch sử giữa nghĩa quân Lam Sơn và giặc Minh, địa danh sáng chói còn mãi khắc ghi trong *Bình Ngô Đại Cáo* của Nguyễn Trãi (Ngô Tất Tố dịch):

*"Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm,
Tuy Động thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm..."*

1.

Thời chiến, đất nước chia cắt. Tuấn yêu hòa bình! Yêu trong tình yêu vô hạn. Một ngày không xa, nếu như người lính phương Nam còn sống sót quay về, thì nhút định sẽ thực hiện ước mơ thăm viếng Thăng Long xưa - Hà Nội nay - để tới nơi cội nguồn, và cũng để lắng nghe hồn thiêng sông núi Việt! Giấc mơ đó, đã đến...

Người anh em chiến binh cùng đơn vị ở chiến trường, đưa Tuấn đi thăm khắp hang cùng ngõ hẻm kinh thành Thăng Long cũ tức Thủ đô Hà Nội bây giờ.

Trắng đất Bắc bàng bạc sương và lạnh. Tuấn chẳng thể theo thói quen ngủ lưng trần, quần xà lỏn như đêm miền Nam. Bận rửa về quê Chương Mỹ, cách Hà Nội áng chừng hai mươi lăm kí lô mét. Trưa ngoại thành nắng rất mặt, Tuấn đứng đọc "*Di ngôn*" ghi trên tấm bia đặt thẳng thớm giữa cánh Đồng Mồ:

*"Ta rằng: Hỡi ôi! Số người thác ở đây trăm đời sau
vẫn là ma khách. Nay, các người đều được về đây, thi thể
các người thoát khỏi cảnh ngâm thây đáy nước, dãi nắng
bãi cỏ hoang, ăn gió uống sương, hồn phách chấp chờn
như đom đóm..."*

Tuấn ngưng đọc, bạn hỏi vì sao? Tuấn lặng thinh, mạch suy nghĩ từ bộ não chạy nhanh xuống trái tim đứa con miền Nam.

- Những dòng "*Di ngôn*" trên tấm bia kia, có lẽ do cử nhân Đặng Tĩnh Trai phụng lệnh vua Tự Đức soạn vào năm 1866. Người xưa,

*"Dem đại nghĩa thắng hung tàn
Lấy chí nhân thay cường bạo..."*

(*Bình Ngô Đại Cáo* - Nguyễn Trãi)

Nhưng, với ai và không thể với ai nghìn năm trước, nghìn năm sau vẫn nuôi mộng và rình rập cướp nước Nam!

*

Chiều qua nhanh, đọng buồn tiết cuối thu.

Bạn và Tuấn uống xong lít rượu để quê nhà mà lòng như chưa được ấm gì cho lắm. Mẹ bạn bảo, hai đứa dùng cơm kéo trời tối ăn thắm⁽¹⁾. Tuấn ngó qua mái hiên nhìn cánh Đồng Mỏ không chút nằng; có cái gì đó lạnh lẽo thê lương! Chẳng biết vì lạ chỗ hay vì giận mà thương những kẻ đi xâm lược xứ người, bỏ thầy nơi đất khách? Tuấn thao thức, lần qua trở lại mấy lần, cố dỗ giấc ngủ nhưng chẳng được. Trên hai vụn rượu ma khách đó, lúc sống chắc họ cũng yêu vợ con, thương cha nhớ mẹ, họ lam lũ làm ăn nuôi gia đình và họ tránh sao khỏi sự hà khắc của bọn cai trị nhà Minh, lũ bá quyền mang gien bành trướng. Họ bị chúng lừa vào quân ngũ, vác giáo gươm đi xâm lược lân bang. Rồi cố hương, xa gia đình, bỏ vợ con... chắc gì những người lính đó không có lúc chạnh lòng rơi lệ?

Mùa Đông năm Bính Ngọ 1426, Lê Lợi cho nghĩa quân Lam Sơn đồng loạt “*vây thành bức hàng*” khiến quân xâm lược nhà Minh bị chia cắt và khốn đốn. Vương Thông nhận chức Chinh Di tướng quân, mang 5 vạn quân, 5 ngàn chiến mã cùng bọn Trần Hiệp, Mã Anh tràn vào đất Việt. Chúng tự tin và tự đắc chia thành hai mũi đi vòng ngả Đông Quan qua Tốt Động nhằm bất ngờ đánh cường tập vào nghĩa quân Lam Sơn đang đồn trú ở Cao Bộ.

1. Ăn không có ánh đèn, do dầu lửa thấp đèn thời đó khan hiếm.

2.

Quân Minh, đứng đầu là Vương Thông khôn mà chẳng khéo; rầm rầm rộ rộ kéo quân đi vào Tốt Động, một vùng đất lau lách sinh lầy, đường hẹp như rắn bò giữa đôi bờ sông chết. Tuyệt lộ! Với những tướng quân Lam Sơn được trui rèn qua trận mạc, đi từ máu và nước mắt ra chiến trường bằng chính nghĩa, cùng toàn dân một lòng chống giặc giành lại non sông, những cái tên, như: Lý Triện, Nguyễn Xí, Lê Ngân... đã khiến Chinh Di tướng quân Vương Thông vỡ mật, đoàn quân đi cướp đất kinh tâm, đến ba đời vẫn còn tán đờm!

Sách sử Việt trên 600 năm còn ghi rành rành:

“*5 vạn quân bị giết, 1 vạn quân bị bắt sống*”⁽¹⁾; mặc dù sau này các sử liệu Trung Quốc chỉ thừa nhận số quân Minh hy sinh là 2 - 3 vạn. Trần Hiệp, Lý Lượng bị cắt thủ cấp; Vương Thông bị thương, lột mũ, tuột chiến bào liệng xuống bãi sinh thảo chạy thoát thân.

Một trận chiến ngắn ngủi, từ giờ Ngọ đến giờ Thân là đã xong! Nước nhà độc lập, vua Lê Thái Tổ vì lòng nhân nghĩa đã ban chiếu cho dân làng Tốt Động thu gom hài cốt quân Minh chôn cất mấy ngôi đại mộ. Đến đời vua Tự Đức, năm Bính Dần 1866 cho quy tập thành một đại mộ giữa cánh đồng, thiên hạ gọi cánh Đồng Mỏ!

*

1. *Đại Việt thông sử*, Nxb. Văn hóa Thông tin, H., 2007, tr. 216.

Mẹ bạn nói:

- Hằng năm, ngoài việc cúng cô hồn vào dịp Rằm tháng Bảy, cứ đến ngày 24 tháng Chạp, dân làng Tốt Động bố thí rượu thịt, cháo cơm cho hàng vạn ma khách quên đường về cố hương đỡ tủi thân và đói lạnh khi Xuân về Tết đến. Mẹ ngừng lại không nói nữa nhưng rồi, mẹ nói tiếp:

- Có lẽ, người lớn dễ tha thứ bọn quân xâm lược hơn đám con nít?

Tuấn ngập ngừng hỏi mẹ:

- Sao, mẹ nói vậy?

- Vì, cúng chưa xong, đám con nít trong làng đã hề nhau giết đồ cúng. Ma khách trống không cái miệng. Riết rồi, thành tục gọi rằng tục “*Cướp cháo cầu*” bịa đặt di ngôn!

Nghe mẹ bạn nói, Tuấn nghĩ: “Có thể lắm chứ”!

3.

Sớm mai xuôi tàu về Nam, buổi chiều trước đó Tuấn ra cánh Đồng Mồ thăm và thăm nói lời chia tay ma khách. Tuấn thấp nhang và un chiếu qua những sợi khói cỏ khô, rơm rạ. Bọn vua quan nhà Minh bắt dân lành cốt cày cấy, lao động chun tay cầm vũ khí xông qua cướp đất người hòng thỏa mộng “*Giấc mơ Đại Hán*”. Tội nghiệp chúng chưa hiểu đã mộng ắt có mị và thời đại nào mộng cũng chỉ là mị thôi! Mị biến tất cả thành mây khói. Thiệt là, tủi nhục và đau đớn cho quân Minh chết nơi sa trường,

chủ tướng bỏ chạy, triều đình nhà Minh chẳng đoái hoài, xương tàn cốt rụi, người thân biết đâu tìm?

Tuấn bùi ngùi nói chuyện cùng đám ma khách:

- Người chiến binh chốn sa trường chấp nhận cảnh da ngựa bọc thây khi họ chết vì đất nước. Các bạn thì không, bởi các bạn khờ dại chết vì tham vọng “*bành trướng, bá quyền*” của triều đình nhà Minh tàn bạo và trá trở. Nơi các bạn đi xâm lược lại là nơi cứu mạng các bạn!

Cánh đồng chao nghiêng. Từng cơn trốt gió⁽¹⁾ xoáy tung bụi mù bay...

Tuấn nghe ngựa chiến hí vang đội cánh đồng, tiếng ma khách khóc, những hạt sương chiều như muôn nghìn giọt nước mắt âm binh âm ỉ rớt trên những bậc đá ong Đồng Mồ. Nhà Minh suy tàn, giẫy chết dưới gót giày dẫm đạp của quân Mãn Thanh. Dân chúng cùng đám quần thần nhà Minh cùng cút phụng thờ dòng tộc lạ. Một số ít ỏi, giương ngọn cờ “*phản Thanh phục Minh*” nhưng không dám ở trong nước sống khổ cùng dân, giương buồm trốn chạy đến đất Đàng Trong cầu xin chúa Nguyễn cho tá túc và giữ mạng.

Tuấn tin, mấy vạn cô hồn ma khách thiên cổ, quanh quẩn nơi cánh Đồng Mồ hẳn biết, và biết rất rõ hơn bất kỳ ai.

Chiều ma khách... Hãy khóc đi! Hỡi những cô hồn ma khách trên cánh Đồng Mồ, quê hương Việt!

1. [Gió lốc, gió xoáy].

Chuyện Tư Cu

1.

Mấy ngày trời, sau đám đầy tháng con, bà vợ cứ cảm rằm ông chồng, rằng: Gia tài họ Nguyễn độc nhất có thằng con trai để nối dõi tông đường, không lựa tên đẹp đặt cho nở mặt nở mày với thiên hạ, ai đời lại chọn cái tên xấu như mắc dịch mắc ôn mà đặt: thằng Cu! Ông thử coi có tội không? Mỗi lần vậy, tía thằng Cu cười giả lả cho qua chuyện.

Chẳng phải tía thằng Cu không biết lựa tên đẹp đặt cho con trai nhưng, tên đẹp dễ “phạm húy” ông bà, thân tộc họ hàng rồi sinh rắc rối. Hơn nữa, tên đẹp quý thần đâu có thể bỏ qua mà không “rước”. Nó con trai thuộc giống đực, đặt tên C... gọi trại ra là Cu; không những “nhút củ lưỡng tiện” mà, nhút củ trăm thứ tiện... có chi bằng?

Thằng Cu con nhà nông, lớn lên từ đồng bãi, thân chỉ có ba chữ lặn lội, tính khí coi “tiền tài như phấn thổ, nhân nghĩa tựa thiên kim”, nó thuộc vanh vách truyện “Lục Vân Tiên” của cụ Đồ Chiểu, tính rợ chẳng ai bì. Quanh năm suốt tháng nó làm bạn với đôi trâu cày để kiếm miếng ăn. Thời loạn, tới tuổi quân dịch, nó đi lính Địa phương quân, đóng đồn Mỹ Lạc cho gần nhà.

*

Chiến tranh kết thúc, nó liệng cây súng AR15, tuột quần áo lính chạy về nhà, tiếp tục “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời” trên miếng ruộng tía má sau khi chết để lại. Đùng một phát, đất đai thuộc sở hữu toàn dân, ruộng đưa vô Hợp tác xã! Nó chưa kịp hết ngơ ngác thì, biên giới Tây Nam của tỉnh nhà bị giặc Pôn-Pốt bất ngờ đánh chiếm và sát hại dã man đồng bào. Khí huyết của người trai trào lên lồng ngực khó thở, nó muốn cầm súng đánh quân thù, cứu dân! Ngặt nỗi, nó vốn là lính chế độ cũ. Ai tin? Có khi còn bị chính quyền sở tại quản chế để phòng bắt trặc (!). Nó nghĩ như vậy! Tự đứng, một nỗi buồn bất lực ngấm vào lòng nó.

Lệnh từ Thị đội Tân An, tất cả anh em lính chế độ cũ, bất kể thuộc sắc lính nào, phải có mặt và tập hợp đủ tại sân Thị đội. Nhận lệnh, nó run khan! Bạn bè nó và kể cả nó, chắc mềm phen nẩy sẽ bị bắt. Có đứa dợm bỏ trốn. Nhưng không như bạn bè nó và cả nó nghĩ, Thị đội mời anh em thuộc các sắc lính của chế độ cũ

đến, nhằm thông báo tình hình dầu sôi lửa bỏng trên toàn tuyến biên giới Tây Nam đang bị giặc Pôn-Pốt tấn công; đồng thời, kêu gọi anh em cầm súng trở lại, cùng với Thị đội đánh đuổi quân thù, cứu dân. Mấy đêm nay, nó trần trọc suy nghĩ lung lăm! Hết nhìn con, tới ngó vợ. Hết đi ra ngó ngó cánh đồng, tới đi vô nhìn đôi trâu cổ đang nằm nhơi lại thức ăn rơm cỏ. Nó lưỡng lự, nửa muốn đăng ký cầm súng, nửa muốn không! Cũng có đôi lúc bất chợt, nó tự hỏi: Cầm súng bảo vệ chế độ này? Có đáng cho nó hy sinh mạng sống không? Rồi, một hôm nó nghĩ lại: “Nếu giặc Pôn-Pốt đánh tràn xuống chiếm Thị xã thì, liệu vợ con, điền sản... tất cả những gì nó gầy dựng bằng mồ hôi nước mắt bao năm nay có còn không? Chắc như bắp sẽ không còn. Làng xóm của nó sẽ rơi vào tay giặc. Và, nó không bảo vệ chế độ này thì nó bảo vệ chế độ nào? Một chế độ sẵn sàng và quyết tâm chống quân xâm lược là chỗ để nó có cơ hội cầm súng giữ nước”. Dầu dốt chữ nhưng, tự tấm lòng yêu quê nhà, thương chòm xóm,... Tư Cu cũng tự hiểu: “Vào lúc này, bất đồng chính kiến và quyền lợi cá nhân không có chỗ đứng trong tình yêu Tổ Quốc!”. Tư Cu và các bạn thuộc các sắc lính chế độ cũ được biên chế thành Trung đội hỏa lực trên mặt trận Gò Măng Đa, Vĩnh Hưng. Đơn vị Tư Cu gồm những chiến binh từng trải ở những chiến trường đẫm máu và ác liệt ngày trước, sử dụng thành thạo và điều luyện tất cả vũ khí của Mỹ

bỏ lại. Vì vậy, đơn vị Tư Cu vừa đánh giặc, vừa huấn luyện dân quân sử dụng lựu đạn, chất nổ và vũ khí của Mỹ... Với một hỏa lực mạnh, đơn vị Tư Cu liên tục tập kích đập tan nát lực lượng Pôn-Pốt ở khu vực Tà Nu, Phố... và cùng quân chủ lực Quân đoàn 4 đánh chiếm Soài-Riêng. Khi biên giới yên bình, một số bạn Tư Cu gia nhập Quân Đội, riêng Tư Cu xin trở lại quê nhà, vui sống với cái nghề cày sâu cuốc bẫm.

2.

Chẳng phải tự nhiên cổ nhân, dạy: “*An cư tư nguy*”. Nét mặt Tư Cu rất buồn, khi nói với tôi câu đó. Một người ít chữ như Tư Cu mà thốt lên được câu nói như vậy, không phải người tầm thường và chắc là, người vừa trải qua “tư nguy” chạm đáy? Tôi không dám đụng vào đời tư của Tư Cu, sợ làm chảy máu vết thương lòng, chỉ hỏi thăm sức khỏe, việc chạy xe ôm hàng ngày kiếm sống. Một anh nông dân rất chún đất ruộng, giờ trở thành người lơ chơ lơ quê. Suốt ngày, đậu xe và ngồi ở ngã ba đường đèn xanh, vàng, đỏ... cổ ngóng dài khác chi cái cổ con cò đập đồng kiếm cái ăn. Thỉnh thoảng, Tư Cu tăng hăng ho sù sụ, rồi tỉnh bơ cười khi ngó tôi.

- Thủ trưởng đi đâu, em chờ cho!

Tôi quen Tư Cu ở mặt trận biên giới Gò Măng Đa, đơn vị Tư Cu dẫn mũi cho quân chủ lực đánh chiếm

tỉnh Soài-Riêng. Tư Cu thuộc loại người lì lợm, bản đạn đại liên cắt mặt rất chính xác. Cái anh chàng chiến binh hai màu áo lính “Cộng hòa - Việt cộng” dễ mến, và chí tình nấy, đã làm tôi khó quên.

- Lâu quá, bắt tin nhau. Hồi sáng, anh ghé chỗ anh ba An, hỏi thăm em...

Tôi ngập ngừng, khựng lại. Tư Cu như đoán được ý tôi muốn nói.

- Chuyện gia cảnh em không dài dòng, nhưng phức tạp lắm!

Tôi im lặng.

Tư Cu cười buồn.

- Chẳng giấu gì anh, sau cuộc chiến biên giới Tây Nam ngắn và đẫm máu, em trở về quê tiếp tục cuộc đời “cày sâu cuốc bẫm”. mấy năm đầu, trong cái thời “ngăn sông cấm chợ”, vợ chồng con cái dù mần cật lực cũng không nuôi nổi mấy cái lỗ miệng ăn; đành tham gia “đạo quân buôn lậu bán lủi” ở địa phương kiếm sống. Đến thời, “đổi mới tư duy” thì, gia đình em mới ló dạng “trong ấm ngoài êm” và, em được hưởng chính sách “bộ đội phục viên”, được sinh hoạt Hội Cựu chiến binh trong xã. Vợ con mừng ra mặt.

Tôi uống rượu ở tư thế lắng nghe Tư Cu tâm sự việc nhà. Rượu vào lời ra, bởi Tư Cu gặp lại cố nhân như mở tấm lòng.

- Nhưng rồi, thời đổi thay thì thế cũng thay đổi. Làng xóm chuyển mình ì xèo thời “mở cửa”. Gia đình em, không thể ngoại lệ.

Tư Cu tặc lưỡi:

- Lên bờ cũng từ đây, và xuống ruộng cũng từ đây!

Tư Cu uống cạn ly bia 33, chép miệng. Cái chép miệng của Tư Cu chẳng biết vì bia 33 ngon hay tiếc rẻ chuyện nhà?

Đăm chiêu, Tư Cu nói tiếp:

- Đúng là, “*an cư tư nguy*”! Do không hiểu thấu đáo, nên lúc “an cư” em mù mờ không nhận ra tín hiệu “tư nguy” tiềm ẩn trong cái “an cư”. Giờ nghĩ lại, mọi sự từ “âm dương” có nhân có quả chớ chẳng ngẫu nhiên.

Tôi vui trong bụng vì, hôm nay chú em nầy thích nói chữ. Thường con người ta khi vấp ngã, té đau mới ngộ cái nghĩa nằm trong cái chữ. Có lẽ, điều nầy đúng với trường hợp của Tư Cu.

- Hồi đầu, cú tưởng vợ mình giỏi giang, gặp lúc gặp thời... sửa nhà sửa cửa, sắm đồ đạc và vật dụng trong nhà toàn hàng ngoại nhập “made in China” từ biên giới phương Bắc tuồn về phương Nam... rồi mua xe tay ga cho chồng... bạn bè thân hữu ai nấy đều tấm tắc khen ngợi. Có xe tay ga, có chút “xu hào” rủng rinh... tự nhiên thích uống “bia ôm”. Đầu còn e dè, giữa và cuối, coi tự nhiên như trong cái lẽ đương nhiên. Có người

hàng xóm biết chuyện, thọc mạch con vợ; chẳng những bà không phản ứng ghen tuông mà còn, cười cười... rồi nói: Kệ chả, chơi cho biết!

Tôi im lặng tôn trọng “tâm tư” thằng đệ quen biết nhau thời đánh giặc. Dưới bầu trời trong xanh, mây buổi trưa màu trắng xám ùng ùng bay nhanh về phương trời vô định...

Tư Cu rơm rớm nước mắt.

- Nhiều đêm tỉnh rượu, đầu óc bốt mụ mị, em tự hỏi: Nhà vốn bởi đủ ăn do lao động cật lực thì, con vợ lấy tiền đâu để gia đình ăn sung mặc sướng và chơi trội thiên hạ?

*

- Thì, mình cứ ký đại đi! Ăn ngập mặt, nợ người ta... quýt sao được? Con vợ dạng chún đứng chống nạnh, cầm tờ giấy nợ buộc chống ký giao phần đất thổ cư của ông bà, tía má để lại cản trở nợ vay thằng Sáu Lèo. Định phản ứng chống đối vợ nhưng, cảm giác sợ hãi chẳng hiểu từ ngõ ngách nào làm tê liệt thần kinh Tư Cu; dù bụng dạ Tư Cu tiếc hùi hụi, cũng phải đành lòng cắn răng, ký! Tôi hỏi Tư Cu:

- Thằng Sáu Lèo là thằng nào?

Tư Cu nói:

- Nó là thằng trôi sông lạc chợ, em chẳng biết nó từ đâu tới; chỉ biết nó tới đúng lúc làng xóm mở cửa hội

nhập vào “kinh tế thị trường”. Nhiều gió lạnh, nhưng cũng không ít gió độc. Vợ em nó bị trúng gió độc!

Tư Cu nói đi nói lại đôi ba lần: “Vợ em nó bị trúng gió độc”, như để nhấn mạnh điều uất ức và nhắc tôi nhớ, lâu quên. Số là, nó mua đất cất nhà sát mí đất nhà em. Buổi đầu mới tới, nó giữ phép “*đáo xứ tùy nhân*”, bề ngoài xuê xoa, tốt bụng với chòm xóm; đặc biệt đối với nhà em vì, hai nhà liền canh liền cư; tối lửa tắt đèn có nhau. Nó đi buôn, có tiền tạo nhiều mối quan hệ... dần dà nó có thể lực tại địa phương. Em thì, tối ngày mẩn quẩn quật ngoài ruộng bất kể mưa nắng. Chiều về, nó thường xách mồi và rượu qua nhà, hai đứa chén chú chén anh. Ở đời, “ăn quen nhin không quen”, riết rồi em với nó trở thành “đôi bạn” từ khi nào em cũng chẳng biết. Chiều về, vắng nó thấy buồn! Hai nhà thân đến độ cái gì cũng biết. Việc gì nó cũng sẵn sàng giúp kể cả tiền bạc. Vốn người lính, đôi lúc em nghi hoặc và cảnh giác; nhưng rồi, sự nghi hoặc và cảnh giác chỉ thoáng qua mơ hồ... Có lẽ, nó cảm nhận được điều đó, nên lúc vui uống rượu nó hay nói đùa: “... Ngại gì cha nội, nhà tui như nhà anh, tiền tui như tiền anh, của tui như của anh và...”. Em nổi câu chặn họng:

- Ê, đừng nói “vợ tui như vợ anh”, nha ông bạn!

Nó nhe răng cười, lòi mấy cái răng bít vàng sáng chói, không rõ vàng thiệt hay vàng giả?

Vợ em, đương lui cui mẩn đồ nhậu ở dưới bếp, nói với lên:

- Đồ mắc dịch!

*

Em giờ và đọc từng trang giấy tờ trước khi ký. Vợ em bực tức, không thèm gọi em bằng mình mà hét trống:

- Cứ rì mọ, ký lẹ lên!

Rồi, vợ em hỏi xóc hông:

- Hồi ăn nhậu, lấy tiền anh Sáu xài, uống bia ôm... có đếm từng đồng, hay chộp cọc tiền một cái rẹt? Thú thiệt với anh, tai em lùng bùng, mắt em tá hỏa... nhưng rồi, cái miệng đành câm như hến! Em “ký thí ký càn” cho con vợ nó đi khuất mắt. Vậy là, em mất hết chỉ trong một thời gian ngắn ngủi, chóng vánh. Tồi nóng mặt, hỏi chất lính của chú em ở đâu? Tư Cu thở dài, nói lơ mơ, mơ hồ như kẻ đang trí:

- Những ham muốn thấp hèn, và những đồng tiền tanh mùi cưỡng đoạt đã gặm nhấm, bào mòn chất lính của em. Bấy giờ, em là thằng Tư Cu sa đọa chó không phải thằng Tư Cu chiến binh thuộc Trung đội hỏa lực trên trường biên giới Tây Nam.

Tư Cu ngồi phịch xuống đất, ôm mặt khóc.

- Đó là, cái giá phải trả!

Tôi định an ủi Tư Cu, thằng đệ từng sống chết trên mặt trận biên giới chột cười.

- Có thứ gì mà người ta cho không? Cuộc sống của em trước đây, chỉ là “phồn vinh giả tạo” và thú “chơi sộp, chơi xả láng” từ đồng tiền vay mượn, cầm cố... không bằng sức lao động của chính mình.

Nặng trĩu như đổ lửa xuống mặt đường.

Tư Cu nói tỉnh rụi:

- Xài cái xài không phải của mình, thì khi tiêu sẽ tiêu cái quá tiêu... mình nghĩ!

Tư Cu nắm tay tôi.

- Rục tùng!

Tư Cu thốt lên, và còn nói với tôi: “Nhà cửa và phần đất hương hỏa của ông bà, tía má... kể luôn con vợ cũng bị mất về tay Sáu Lèo”! Tư Cu kể:

- Vợ giả bộ lu loa khóc lóc, và nói oang oang trước tòa: ông coi mình mảy, cuộc sống của ông... có cái thứ gì là của ông? Ông thở lỗ mũi, và hoàn toàn lệ thuộc người ta. Ông vay mượn nợ lút đầu không trả nổi, tui đành thế thân trừ căn nợ... may là anh Sáu Lèo thương tình giang tay đón nhận. Nếu, anh Sáu Lèo chê tui, ông tù mọt gông!

Chia tay chú em, bạn chiến đấu một thời. Trên đường về, tôi thoáng nghĩ đến tương lai của mấy đứa con Tư Cu, và rồi bần khoản, tự hỏi:

- Cuộc đời Tư Cu, có phải từ cái tên, hay là...!?

Pháo đài Đồng Đăng

1.

Dẫu rằng đã lâu và lâu cho đến bao lâu đi chăng nữa, không ai có thể ngoảnh mặt và tự cho phép mình lãng quên cuộc chiến chống quân Trung Quốc xâm lược, khởi từ rạng sáng ngày 17 tháng 02 năm 1979 trên toàn tuyến biên giới Việt - Trung.

5 giờ sáng ngày 17 tháng 02 năm 1979, sương núi màu trắng sữa còn giăng mù chiến lũy quanh pháo đài Đồng Đăng. Các chiến sĩ thuộc Đại đội 42 chuẩn bị tập thể dục... Chợt có hàng loạt tiếng đế-pa pháo, từ bên kia biên giới dội về và chỉ cách nhau áng chừng mấy cây số đường chim bay. Tiếng đại pháo rít qua pháo đài, ánh chớp sáng rực lửa trùn lên thị trấn Đồng Đăng.

- Tàu đánh! Tàu đánh rồi!!!

Tiếng hô báo động rần rật vang khắp pháo đài. Lệnh chiến đấu như quả đấm thép, dấm thẳng vào mặt trời hồng sừng lên và tím tái.

Mỗi chiến sĩ năm ba trái lựu đạn, một khẩu tiểu liên, chun chạy nhanh hơn sóc lên chốt điểm, và hòa mình vào sương mai nơi giao thông hào phòng thủ.

*

“Phải thẳng thắn nói rằng: Đại đội 42 không bị bất ngờ việc quân Trung Quốc xâm lược. Bởi, trước đó đơn vị đã chủ động chiếm lĩnh các móm đồi, gấp rút đào và gia cố công sự... Dự trữ đạn dược và lương thực. Sẵn sàng chờ quân thù... Và người chiến sĩ biên cương cười đùa nhau chờ giờ đến nợ nước!”

Đại đội trưởng Đại đội 42, từng nói lời danh thép đó trước anh em đơn vị.

Vừa dứt cơn mưa bão pháo, tăng đối phương trườn mình qua những cung đường thoai thoải dốc, núp theo sau kẻ ngựa người bộ và chen lẫn xe quân sự... Chúng vênh vào đi vô vùng đất chết!

Trung đội 3, trung đội chủ lực của Đại đội 42, khai hỏa: Hàng loạt đạn DKZ, B40, AK... vồ thẳng mặt quân thù. Xe tăng bốc cháy như đuốc thắp ngày biên giới, xác giặc chống lên xác giặc và vô hình trung, giặc dấp thêm chiến lũy cho pháo đài Đồng Đăng bằng xương thịt người lính đi xâm lược.

Đám chỉ huy ở phía sau, cố nống quân lên phía trước và không run tay khi bắn bỏ kẻ chần chờ hoặc thoái lui.

2.

Trưa ngày 17 tháng 02, nghĩa là gần 7 tiếng đồng hồ, Đại đội 42 cùng một số dân binh Đồng Đăng quyết chiến đấu giữ từng thớ đất, tấc núi, thước sông của tiền nhân để lại trước kẻ thù xâm lược. Máy trăm xác giặc phơi thây sát chốt điểm quanh đồi thông, chết sắp ngửa kề cận giao thông hào pháo đài.

Đại đội trưởng Đại đội 42, người chiến binh chết đứng trên nắp hầm lô cốt chỉ huy khi giặc tràn ngập chũn pháo đài bằng chiến thuật biển người. Tất cả các nòng súng của các loại súng đều đỏ nòng, bởi phải bắn liên tục... liên tục bắn mà ở bất cứ chiến trường nào cũng chưa từng có! Đại đội 42 cùng các đơn vị bạn, dân binh, dân thường rút dần vô lòng pháo đài Đồng Đăng tử thủ.

*

Pháo đài Đồng Đăng ẩn mình dưới lòng núi đá với một hệ thống bê tông cực kỳ kiên cố, hầm ngầm thông nhau và nhiều tầng có thể chứa ngàn người khi cần thiết. Trên mặt đất, pháo đài chỉ nhô lên những lô cốt kèm lỗ châu mai để quan sát, phòng thủ và chiến đấu, thông gió cho cả hệ thống pháo đài. Pháp đã xây pháo đài Đồng Đăng trước năm 1940, cách cửa khẩu Hữu Nghị ước chừng hai cây số.

Chiều 17 tháng 02, nắng biên cương phủ ảm nóc pháo đài; hơn 700 người con Việt, gồm: Đại đội 42, đơn

vị Công an vũ trang, Cảnh sát Đồng Đăng, dân binh và dân thường... đã giữ vững lời thề: “*Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*”! Vào thời điểm này, hai Sư đoàn Trung Quốc đã chiếm, cướp bóc, giết dân thường và tàn phá thị trấn Đồng Đăng.

Và, từ giờ phút này, điểm duy nhất giặc chưa chiếm được, là pháo đài Đồng Đăng!

Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Tiết nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

(Nam quốc sơn hà - Lý Thường Kiệt)

Một cái gai trong con mắt của kẻ thù, bọn xâm lược xốn xang và quyết nhỏ.

Nắng hấp hối bên kia rừng thông và thị trấn Đồng Đăng, viên tướng Tàu chỉ huy mặt trận Lạng Sơn ra lệnh đội bão lửa tấn công pháo đài. Dứt cơn pháo, một rừng cây thụt từ bốn phía lúc nhúc di chuyển bám tường thành pháo đài chẳng khác chi bầy kiến rừng bị ngập nước. Có lẽ, địch sử dụng hai trung đoàn với khí tài thừa thải, những mong nghiền nát pháo đài trước giờ hoàng hôn Đồng Đăng đổ sụp xuống chiến địa.

Trong lòng pháo đài, chiến binh và dân thường căng mắt chờ giặc. Họ chia và chuyển tay nhau từng trái thủ pháo, từng trái lựu đạn... Họ nhìn nhau cười,

nụ cười chân quê đọng đầy tình yêu thương và lòng tự trọng dân miền sơn cước.

Địch nhích từng bước trong sự khiếp đảm: trườn, bò, lết... bằng hai tay, hai chún chẳng khác gì con vật bốn chún bám những lối mòn trơn tuột từ chún pháo đài dẫn lên cối xay thịt.

Người trong pháo đài thư thả, kẻ ngoài pháo đài hối hả! Rồi, như trời sụp mí trời, kẻ ngoài pháo đài đang đu bám tường thành bị hất dội ngược xuống chún thành pháo đài, y hệt lá thu vàng rụng khi rừng biên giới đã vào thu. Xác thù đặc lênh và nghẽn cả dòng suối đầy hoa rừng tháng Hai, trời Lạng Sơn! Gần trung đoàn giặc coi như đã xóa sổ.

Chiều Đồng Đăng tanh máu thù!

3.

Đến ngày 22 tháng 02, nghĩa là sau 5 ngày pháo đài Đồng Đăng “đơn thương độc mã” chống trả quân thù và vẫn hiên ngang trụ vững giữa trời đất Lạng Sơn! Hàng ngàn thanh niên Trung Quốc vĩnh viễn nằm lại quanh chân pháo đài làm ma khách sau khi rời gia đình, xa vợ con, lia người yêu... bỏ cuộc cày, buôn bán phố chợ và xếp bút nghiên để cầm súng đi xâm lược lân bang mà lòng thì cứ tưởng rằng: “*Phản kích tự vệ*” (?). Người trong lòng pháo đài buộc phải giết họ để ngăn chặn gót giày xâm lược của bọn bành trướng. Thật tâm thì,

người trong pháo đài chẳng những không thù oán; trái lại còn xót thương họ, dù hiện tại trong lòng pháo đài đã có trên 300 người con Việt đã đến xong nợ nước!

Trời lưng chừng nghiêng bóng nắng, giặc vét tận tàn lực dốc hết vào trận đánh cuối cùng trên nóc tháp pháo đài. Non 400 chiến binh, dân thường đói khát và đạn cạn dần; mùi tử khí từ hơn 300 tử sĩ ứa nghệt hơi thở người sống. Lòng pháo đài tối om như âm ty địa phủ... Tất cả im lặng nắm tay nhau, không một tiếng khóc, lời than! Địch hoàn toàn chiếm lĩnh tầng trên cùng của pháo đài. Chúng cố đánh xuống nhưng đã ba lần đánh thì cả ba lần chúng đều bị vỡ mặt và bật dội lên trước sự ngoan cường của những con người trong lòng pháo đài. Chúng bắc loa kêu gọi người lính và dân chúng Việt đầu hàng. Lời kêu gọi đó được đáp trả bằng thủ pháo và súng đạn!

- Các mẹ, các chị, các em... là dân thường, chắc chúng sẽ không giết...

Người chỉ huy trong lòng pháo đài chưa nói trọn câu đã bị các mẹ, các chị, các em xé toẹt:

- Ngần đó thời gian kể vai sát cánh chống bọn bành trướng phương Bắc, người dân chúng tôi chưa đủ tư cách là người lính, hay sao?

Bà chị đang dỗ con khát sữa cất giọng can trường.

- Đánh! Không hàng... Không hàng giặc!

Lời người mẹ tộc Dao dũng mãnh.

Tiếng vỗ tay vang rền... rung lòng pháo đài, khiến
bọn giặc ở tầng trên pháo đài hốt hoảng, chạy tán loạn
như bầy dơi chạm phải ánh nắng ban mai.

*

Đêm càng sâu, lạnh biên thù càng rét mướt thịt
da người.

Hai tiếng nổ long trời lở đất liên tiếp xảy ra. Chỉ
còn 6 con người may mắn sống sót⁽¹⁾ trong tổng số gần
400 con người chết không nhắm mắt!

Thì ra, bọn xâm lược đã dùng bộc phá đánh sập
pháo đài, xả khí độc nhằm giết những ai còn sống sót.

Tội ác tày trời này, hể là con dân Việt, thì không thể
nhấn tâm quên!

Không thể nhấn tâm quên, không có nghĩa “nuôi
thù”; mà chính là, tất cả những người con Việt cần
chiêm nghiệm, dẹp mọi bất đồng chánh kiến, đoàn kết
lại để yêu hòa bình hơn, để quyết tâm chặn đứng mọi
âm mưu và hành động xâm lược của bất kỳ thế lực nào,
bất kể từ đâu đến!

Một nén nhang thấp ngọn lửa Hòa Bình sưởi ấm 700
đồng bào và chiến sĩ vô danh ngày đó, đã vĩnh viễn nằm
lại trong lòng pháo đài Đồng Đăng, quê hương yêu dấu!

1. Theo lời kể của ông Nguyễn Duy Thục, 1 trong 6 người sống sót đêm
22-02-1979 trong lòng pháo đài Đồng Đăng. Ông Nguyễn Duy Thục
nguyên là cựu binh Đại đội 42, Trung đoàn 4, Sư đoàn 3 trấn giữ Lạng Sơn.

Bông tre trên đất Kiến Tường

1.

Kiến Tường, tên gọi vùng đất Mộc Hóa cũ mà
trước kia, người Pháp hay nói câu nói dài xộc: “*Plaine
inondée couverte d’herbe*” và về sau, gút gọn là “*Plaine
des Joncs*”; nghĩa là “*Đồng cỏ lác*”. Dân bốn địa thì lại
khác, họ thường có thói quen gọi nơi chốn sanh ra, lớn
lên và sống chết bằng cái tên máu thịt thân thương:
“Đồng Tháp Mười”.

Thế ý dốc, Đồng Tháp Mười tựa vào triền đất cao
ráo biên giới Campuchia rộng và rãi, trũng và sâu về
hướng Tây Nam nên hằng năm, toàn vùng sáu tháng
nước nổi, sáu tháng đất khô giữa hai mùa mưa nắng.
Tứ Tầm nhớ lại lúc tới lứa tuổi quân dịch, má Hai lo đi
lính kiếng ở Tiểu khu.

Hồi đó, Tiểu khu Kiến Tường bao bọc bởi tre tiếp nối tre thành rừng tre trong lòng phố thị. Tuy Tư Tâm thuộc lính kiểng, nhưng không phải kiểng để chửi hay khoe sắc hương mà là loại kiểng “*lương lính sếp lành, hàng tháng phải lấy tiền nhà đóng hụi chết cho sếp*”. Mấy người bà con ở chợ xúi má đưa Tư vô chùa tu trốn lính. Má Hai thường cười giả lả, vì sợ mịch lòng những tấm lòng tốt với mẹ con của má.

Đêm đêm tiếng chuông chùa Tường Vân từ Bà Kén vọng về, má Hai thấp nhang trước bàn thiên sân nhà cầu nguyện mau tới ngày hòa bình. Thỉnh thoảng, dưới ánh hỏa châu treo sáng, Tư Tâm bất chợt nhìn thấy những hạt nước long lanh nơi khóe mắt má!

Má Hai tin và hy vọng những gì ông ngoại thằng Tư kể, là đúng. Khi rảnh rỗi, ông ngoại thường gác chũn chữ ngũ nằm trên cái giường tre, kể chuyện xưa cho đám con cháu đứa nào nghe được thì nghe; bởi chưa bao giờ ông bắt con cháu phải nghe. Đời ông luân lạc đến xứ nầy từ cái thuở tụi Tây không dám bén mảng tới, cho dù đó là đất thuộc Pháp cai quản.

“Người khác xứ không thể nào hiểu nổi nơi đồng nước bao la như đại dương và độ sâu có khi đến ba bốn thước vào mùa nước nổi, mà cây tre vẫn sống an lành”.

Má Hai ngây ngô hỏi:

“Thiệt hả tí?”

Ông ngoại cười, chậm rãi nói:

“Không thiệt thì sao nhà mình có cây tre thẳng thơm và cao chót vót dựng nêu ăn Tết. Không thiệt thì sao tí có cái giường tre nằm riết rồi thanh mặt tre bóng láng và con thấy đó, mọi vật dụng trong nhà tí má đều làm bằng tre...”

Nghe tí nói, má Hai quan sát thấy đúng quá chừng:

“Từ cái nia, cái sàng cho tới rổ rá, thúng mùng... đều làm bằng tre”.

Lớn lên, má Hai nhận ra tre chẳng những đồng hành mà còn thân thiện và tạo phương tiện sống cho người gặp buổi khó khăn, như vó bè, cần câu, nơm đó, lợp lờ, đăng trúm... quang gánh.

Cây tre tuy mộc mạc nhưng không thô kệch, nhũn nhặn nhưng rất nhẩn nại và đặc biệt, không kén đất chề nước; nó biết thích nghi mọi hoàn cảnh sống. Với tre - chớ không là cây khác, nó biểu tượng cho sự thanh cao và bình yên xanh mát quê nhà!

“Gả con Hai cho con, tí mong con là cây tre sẽ trở bông!”.

Ông ngoại chỉ nói nhiều đó với chàng rể, lúc tiền má Hai bước xuống thuyền hoa về nhà chồng; và chồng má hiểu điều tí vợ muốn nhắn gửi: “Vợ chồng ăn ở đời đời, kiếp kiếp và sống chết có nhau”!

Má Hai để cho chồng ba mụn con, chết hai còn một và một đó là thằng Tư. Rồi, cao xanh cay nghiệt không

cho tía ăn đời ở kiếp với má tới ngày tre trở bông như ông ngoại hồi sanh tiền vẫn hằng mong. Tía chết lúc má còn son. Nhiều đêm, nhìn trăng biên thù, chạnh lòng, má nhớ ngoại, nhớ chồng, nhớ mấy đứa con chia lìa má... Cũng có đôi lúc, má muốn bước đi bước nữa; nhưng rồi ngoái lại thấy bóng dáng đứa con giống hệt chồng và nhút lè, lời ông ngoại văng vẳng bên tai: “Tre xanh dứt khoát không đứng khuất mình dưới bóng râm, dù là bóng râm đại thụ”... Từ đó, hình bóng tre què ăn sâu vào tâm thức và má liệng hạnh phúc riêng, dồn tâm trí nuôi thành Tư khôn lớn.

2.

Tháng Tư, Kiến Tường hầm hập nóng khác lạ.

Sông Vàm Cỏ Tây chảy ngang qua thị trấn Mộc Hóa, quận Châu Thành; có hôm dòng chảy cạn nước, tro đáy. Những rạch Cây Khô Nhỏ, Cây Khô Lớn, Ba Thằng Minh... chim trời tản mác không tụ bầy... Linh cảm có cái gì đó chẳng bình yên, bụng dạ Tư Tâm bồn chồn lo lắng. Lính Tiểu khu gom lính kiểng tập trung vô trại. Phiên gác buồn nối tiếp những phiên, Tư Tâm nhìn bờ tre, hàng hàng lớp lớp tre xếp thành tường lũy, tre dẻo và bền trước thiên tai; nhưng rồi ngày mai, cái ngày mai... nếu nghiệt ngã, liệu tường lũy tre kia có chống chọi nổi sự biến thiên của trời đất trong cơn bão táp lịch sử?

Ánh đèn vàng hắt hiu con đường trung tâm tỉnh lỵ. Đứng trực gác trong lòng lô cốt chất quanh bằng những bao cát tại ngã ba nhìn sang dải phố chìm ngập bóng đêm; Tư nghĩ lan man: hình như anh có đọc đâu đó rằng đất nước có cả thầy 23 giống tre, với 118 loài; anh không rõ tre mọc vùng biên cương này thuộc giống và loài tre nào?

Nhớ lần giở tía, Tư hỏi nhưng má không trả lời mà chỉ nói:

“Tre nhảy bụi!”

“Tre nhảy bụi là nhảy sao hả má?”.

Tư hỏi vẫn đeo. Má rành tậi thành Tư, mần thì mần chí thú, hỏi thì hỏi tới nơi tới chốn.

“Nhảy bụi là măng non mọc từ căn hành ở gốc tre”.

“Nghĩa là măng non lớn thành cây tre và rồi, hằng hà sa số cây tre thành bụi thành rừng tre phải không má?”.

Má chưa kịp nói gì, Tư đã nồn nóng nhảy lời vô hòng:

“Đám tre, rừng tre chết thì tre tuyệt chủng?”.

“Không đâu con!”.

Má Hai cắt nghĩa: “Tre đồng nhứt thuần chủng tới tuổi nào đó thì nó sẽ đơm bông kết trái và cùng chết”. Rồi, má nói thêm: “Tre chết nhưng không hề rụi”.

“Sao ngộ vậy má?”.

“Chết là để bắt đầu nẩy mầm sống mới!”.

“Má nói, con chưa hiểu”.

“Hột tre rụng xuống nơi gốc tre đã chết và từ nơi đã chết, tre đâm chồi nảy tước tạo gốc ra đám rồi thành rừng tre mới. Cũng có khi, hột tre không rụng về cội mà nó rơi xuống nước trôi theo dòng hoặc bay theo gió đến muôn xứ khác. Nơi đất khách quê người, tre không giữ được bản sắc di truyền thuần chủng của nòi giống và nó phải đương đầu cuộc đấu tranh sinh tử để sinh tồn: mạnh sống, yếu chết!”

Dần dà, Tư hiểu ra: tre thuần chủng nhảy bụi là tre vô tính, tre từ hột là tre hữu tính. Ngẫm suy, tre trở bông đồng loạt và đồng loạt chết chỉ có tre cùng huyết thống, sản sinh từ vô tính mà thôi! Tư Tâm liền tưởng tới người và người cùng huyết thống, chắc gì được như tre?

Ngày tháng Tư như dài ra, cái dài ra có khác gì tre ngừng sinh trưởng, không mọc măng mới để chuẩn bị bước vào thời kỳ trở bông và đợi lúc “*Tre tàn măng mọc*”!

Tự đứng, Tư thốt lên:

“Ôi, thiên nhiên kỳ diệu!”

Nắng rớt chiếu làng Bình Hiệp bên kia sông Vàm Cỏ Tây, bông tre chùa Tường Vân trở và cả rừng tre bọc quanh Tiểu khu Kiến Tường chớm màu dộm nở! Tư trốn trại, chạy về nhà.

“Con về nhà là phải rồi!”

Má Hai ngưng nhai trầu, nói tiếp:

“Má cũng định kêu con về”.

Tư lau mồ hôi thấm ướt mặt.

“Má ơi! Tre trở bông!”.

“Má biết rồi, mấy ngày nay thiên hạ đồn ầm cả chợ Kiến Tường”.

Giục con, má Hai biểu:

“Thôi, đi rửa mặt đi con! Rồi, lo bỏ ba hột cơm trong bụng”.

Tư thử người, ngồi bệt dưới nền gạch, lưng dựa cột.

“Tụi bạn của con nói: tre trở bông là điềm gở, nó báo hiệu việc chẳng lành sắp xảy ra và sẽ có sự mất mát”.

“Thiên nhiên vốn thân thiện với con người, chỉ có con người “*tiền hậu bất nhất*”, nhẫn tâm tàn độc với thiên nhiên”.

Biết con chưa yên bụng, má Hai nói chắc cứng:

“Mất cái đáng mất thì sẽ được cái đáng được, đó con!”.

Và, má cũng nói thêm để con vững dạ: “Tre có lợi cho người chó không hại người, con của má đừng lo!”.

Nghe má nói, Tư bồi hồi nhớ chuyện ngày cũ: hồi nhỏ, anh bị lang ben khắp mình mẩy, ngứa ngáy chịu hết xiết mỗi khi ra nắng phụ má việc đồng áng, đổ mồ hôi. Thấy vậy, bà ngoại biểu má lấy sương mai còn đọng trên búp lá tre, xoa nhẹ lên vùng da bị lang ben; xoa liên tục mỗi buổi sáng, và anh hết lang ben từ lúc nào cũng không biết. Má nói: “Mang thai con, lúc nào má cũng buồn nôn, bứt rứt... Bà ngoại cạo bỏ lớp vỏ xanh bên ngoài và lớp ruột bên trong, chỉ lấy phần tre tươi.

Ngoại nói đó là tre nhựa, cũng có người gọi đó là trúc nhựa. Ngoại sắc tre nhựa cùng sinh khương (gừng tươi), uống mấy chén nước thuốc, má khỏe khoắn trở lại bình thường và hết chứng buồn nôn, bứt rứt... Tư bâng khuâng tự hỏi: “Tre giúp ích cho người, vậy người giúp ích gì cho tre?”

Vòng đời của tre: sống - trở bông - chết! Có phải đó là chu kỳ vĩnh cửu? Vòng đời của tre dài ngắn, do huyết thống từng giống nòi tre; không giữ được nòi thì sao giữ được giống và mong chi huyết thống còn tồn tại trong tre!

3.

Thoang thoang hương bông tre lan tỏa khắp miền đất “*Đồng cỏ lác*”!

Điểm gở chẳng thấy đâu, chỉ thấy hòa bình về trên quê hương Kiến Tường vào buổi sáng đầu tháng Năm, năm Một Chín Bảy Lăm!

Tối trời tôi không sợ chi ma

Vườn hoang cũng lợi, tre là ngà cũng chui!

(Ca dao)

Tiếng hò thôn nữ ở bến sông kéo Tư quay lại thực tại. Anh ngắm nghía từng chùm bông tre màu vàng trắng đang cố vươn mình ra nắng, và dong đưa theo gió trên nền lá tre xanh... xanh ngát! Bầu trời xanh!

Nhịp cầu quê

1.

Nắng đồng bằng trải hè qua những cánh rừng tràm nở trắng bông.

Tôi quay về đất Kiến Tường cũ, đất của những năm tháng đói nghèo, cơ cực và là chiến trường xưa - chiến trường suốt 30 năm, từ ngày Cách mạng Tháng Tám tới khi chiến tranh kết thúc. Một chút nhớ dính lòng, một chút thương động dạ mà những ai đã từng qua đất Kiến Tường ngày ấy, chắc chẳng thể nào dừng đứng!

Nói Kiến Tường là nhắc đến tỉnh cũ với tỉnh lỵ Mộc Hóa và 4 quận: Châu Thành, Tuyên Bình, Kiến Bình, Tuyên Nhơn. Nói huyện Mộc Hóa là nói cả tỉnh Kiến Tường trở thành một huyện trực thuộc tỉnh

Long An, sau ngày đất nước hòa bình. Rồi, chiến tranh biên giới Tây Nam, huyện Mộc Hóa lần hồi tách ra, đến nay đã là: Thị xã Kiến Tường, các huyện Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Tân Hưng, Tân Thạnh, Thạnh Hóa. “*Vật đổi, sao dời*”, nhưng bao con đường đi cho bước chân người vẫn chậm chạp “*dời đổi*”; cũng vẫn là “*sáu tháng đi tay, sáu tháng đi chân*”. Có nghĩa: sáu tháng mùa nước nổi đi xuống chèo tay, sáu tháng mùa khô đi bộ bằng chân; nhứt là vùng bờ Bắc sông Vàm Cỏ Tây, biên giới Campuchia.

Mười năm tôi qua lại và sống ở miền đất nầy, miền đất đặc biệt và rất đặc trưng của Đồng Tháp Mười, người Pháp thường gọi là *Plaine des Joncs* (Đồng cỏ lác). Tôi hiểu và yêu nó, như yêu hơn tình thời trai trẻ!

“Nói nào ngay! Chánh quyền tỉnh, huyện đã lo hết sức mình giúp dân, nhưng “*lực bất tòng tâm*”, mần không xuể”!

Dân vùng kháng chiến cũ hiểu điều đó, nên chẳng mấy ai phiền hà. Bởi, họ không những đã chứng kiến mà còn trực tiếp chung tay góp công góp sức “*đổ mớ hôi sôi nước mắt*” mở lộ 49 từ thị xã Tân An (lúc bấy giờ) vào Đồng Tháp Mười, thành lập Ban Chỉ đạo Đồng Tháp Mười, xây dựng 4 đoàn Kinh tế khai hoang phục hóa, di dân các huyện phía Nam trong tỉnh tới khẩn hoang lập điền...

2.

Hơn bốn mươi năm trôi qua... Tràm vẫn nở trắng bông!

- Sắp khánh thành cầu rồi, bà con ơi!

Thím Tám nói quang quác trong nỗi mừng hóm, sau khi đi dự họp ở xã Bình Thạnh về.

- Thím nói sao? Xã mình sắp khánh thành cầu?

Giả bộ hỏi thím, chớ thiệt ra tôi đã biết mấy tháng nay.

- Anh Ba không biết đó thôi! Rồi đây, xã mình cầu bê tông thay “*cầu khi*” và tụi nhỏ đi học khỏi sợ té kinh, người già bớt run!

Trời ngả chiều, nắng hè vẫn còn nóng nhưng bớt nực.

- Mèng dec! Tui còn biết, hưởng hồ gì anh Ba!

- Chị Hai, khỏe?

Lúc tôi quay lại hỏi thăm chị, thì chị cầm cây chèo trờ tới ngạch cửa hàng ba nhà.

- Dạ! Khỏe anh Ba. Nghe nói, anh bệnh hoạn dữ lắm phải hôn?

- Chẳng giấu gì chị, bệnh thì có bệnh còn hoạn thì không!

Nghe tôi nói, thím Tám đang cầm nón lá quạt xanh xạch buông xuống đất, ôm bụng cười nghiêng cười ngửa.

Chị Hai đưa mắt lườm nguýt: “*Quý anh!*”. Rồi chị nói thao thao: “Xã nhà sắp có bốn cây cầu bê tông chớ không phải một đầu nha!”.

- Đâu chị kể nghe thử chơi!

Tôi cà rồn nói vui cửa vui nhà, và biểu mấy cháu ra bờ mương vườn hái măng cầu xiêm đãi bạn hàng xóm.

- Tui kể thiệt, chớ kể thử cái nổi gì! Cái “ông tướng” về hưu nầy lộn xộn.

- Gì mà lùm xùm vậy, chị Hai?

Tư Cự - người chiến binh gửi lại chiến trường một cái chùn trái, khi qua sông trong trận công đồn Long Khốt - tăng hăng lên tiếng, lúc xuống vừa cặp bến nước.

- Dữ hôn! Anh Tư, lâu ngày mới gặp!

Chị Hai bước ra bến, cười giòn tan nắng cuối ngày.

- Chẳng hẹn mà gặp nhau, vui bất biết!

Thím Tám đơn đả, thổ lộ chơn tình. Rồi, thím thiệt bụng: “Để tui về bên nhà, kêu “ông tướng” nhà tui qua hàn huyên tâm sự với hai anh và chị Hai”. Nghĩ sao đó, một hồi thím Tám nói luôn: “Nhà có cặp vịt xiêm dành cúng giỗ tháng sau, tui biểu trước một con cho anh em đánh chén”!

- Ý! Mèng dec ời! Đâu được, thím Tám nó!

Chị Hai hồi hả can ngăn. Tôi và Tư Cự cười.

- Khỏi lo cái ăn, thím Tám ngồi lại đây. Chuyện “ông tướng” nhà thím để tôi ra bờ rào “hú hí” thì “tướng” sẽ nhảy bờ mương, chạy sang thôi!

Biết khoe là tật xấu nhưng nếu khoe với bạn, chắc bạn sẽ bỏ qua. Tôi khoe: “Nhà có đủ “đồ chơi” cho một bữa cơm chiều sum hợp”!

Rượu vào lời ra.

- Hồi nầy, chị Hai còn thiếu anh Ba một lời kể về các cây cầu sắp bắc trong xã mình đó nha!

Thím Tám bực bạch, nhắc khéo.

Chị Hai nói vui: “Thì, thùng thỉnh rồi kể. Đó còn đó, có chạy đâu mà vội vã”! Nói xong, chị Hai cầm nửa cái xây chừng rượu mần ngọt xót.

- Cầu Cả Giữa - T1, cầu Đường Bàng - T1, cầu Đường Bàng - Biên Phòng và cầu Đường Bàng - Kinh 61 đang khởi công.

Kể vanh vách, chị Hai tổng kết cầu trong xã gọn hơ.

Tám Xê - chồng thím Tám - thưởng chị Hai bánh tráng cuốn cá lóc nướng trui. Rồi, Tám Xê chậm rãi nói: “Huyện Mộc Hóa mới, sau khi huyện Mộc Hóa cũ tách ra thành lập thị xã Kiến Tường là huyện nghèo, nếu không muốn nói huyện nghèo nhất tỉnh Long An. Trước tình hình đó, một tạp chí đứng ra huy động những doanh nghiệp có tấm lòng với quê hương, chung tay xây cầu...”

Tám Xê chưa nói dứt câu, chị Hai đắm xuống bể nói tài lanh: “Lúc nầy, tui chỉ kể cầu trong xã mình,

còn cả huyện thì chưa kể tới. Nếu kể tới, phải là mười một cầu bê tông⁽¹⁾ chớ chẳng chơi”!

- Mèng ơi! Dữ tợn vậy, chị Hai!

Thím Tám nói lớn hơn cả la làng, ai nấy đều mừng ra mặt.

- Đúng là “Ngày hội cầu” trên đất chết thời chiến, đất khó thời bình!

Tôi nói như lời tự sự với chính mình.

- Hèn chi, tuần nay tui nghe bà con đi chợ huyện nói phong thanh, rằng: “Vào cuối tháng Bảy, có thể sẽ tổ chức khánh thành đồng loạt mười một công trình” xây cầu thuộc huyện Mộc Hóa.

Tám Xê thông tin dè dặt.

Nãy giờ, Tư Cú kiếm lời, lắng nghe chuyện cầu kỳ bà con bàn tán rôm rả. Anh nghĩ về quê anh, rồi nhẩm tính: “Dải đất phù sa cổ cặp biên giới Việt - Miên, và giới hạn bởi con sông Long Khố tới Măng Đa - Lò Gạch nối dài kinh Cái Cỏ chạy qua Tà Nu, Phố, Tân Lèo, Sông Trăn (Trăng) cho tới giáp Thông Bình (Đồng Tháp). Cánh đồng trải rộng mênh mông với mùa đốt đồng, khói un chiếu thành mây lang thang bay về cuối trời”. Anh đắm chiêu, lòng hồi tưởng: “Vùng đất này, trước kia thuộc quận Tuyên Bình, mỗi năm chỉ cấy

1. Xã Bình Hòa Tây: cầu kinh Đôn Đông, cầu kinh N1, cầu ngọn Cây Khô Nhỏ. Xã Bình Hòa Đông: cầu Bàu Rúng. Xã Bình Hòa Trung: cầu kinh Cây Khô Lớn bắc qua kinh Đôn Đông, cầu kinh N2 bắc qua kinh Xuyên Bình Nam, cầu kinh T2 (huyện Mộc Hóa).

trồng được một vụ lúa mùa, năng suất thấp; vả lại còn thường xuyên thất bát. Được cái là, tuy vậy, đất khó sản sinh ra sản vật quý hiếm: “Gạo Huyết Rồng!”. Hạt gạo thon dài và nhuyễn, màu đỏ thắm máu rồng; cơm dẻo thơm... Có khi, cơm ăn khỏi cần thức ăn vẫn ngon! Rồi, xứ sở anh đổi mới, khoa học kỹ thuật đến đồng ruộng qua tay người nông dân làm chủ. Mở kinh mương dẫn thủy nhập điền, đưa nước ngọt từ sông Tiền qua ngã kinh Hồng Ngự - Long An (dân quen gọi kinh Trung Ương); sông Sở Thượng, Sở Hạ về ngã Thông Bình - Phước Xuyên; Tân Thành - Lò Gạch... Và, cho dù quê nghèo của anh đã có: Điện, Đường, Trường, Trạm... Nhưng, còn cầu?”. Bao năm trầy trật và bế tắc!

Nhiều lần anh thủ thỉ với tôi: “Cây cầu nối đôi bờ quá khứ - vị lai, nó nối tình cội nghĩa và nếu như đường không có cầu, sông rạch không có cầu, chứn người không có cầu để bước qua... thì tất cả đều vô nghĩa”! Tôi hiểu, cả vùng đất: Vĩnh Trị, Thái Trị, Thái Bình... mong đợi những cây cầu! Và, những mong mỏi đó, phải đợi chờ gần cả nửa thế kỷ!

- Đâu phải chỉ một mình huyện Mộc Hóa mới có “Ngày hội cầu” mà trên miệt xứ tui, cây cầu kinh KT4 đã xong hồi tháng Chín năm rồi, trong tổng số cả thủy hình như là mười một cây cầu⁽¹⁾!

1. Xã Vĩnh Trị: Cầu kinh T4 - 5, cầu kinh T4 - 7, cầu kinh Thanh Niên, cầu kinh Hưng Điền. Xã Thái Trị: Cầu kinh T2, cầu kinh KT4, cầu kinh KT4B, cầu kinh Thái Kỳ, cầu kinh Cùg (nâng cấp sửa chữa). Xã Thái Bình Trung: Cầu kinh Hưng Điền, cầu kinh Rạch Tà Me.

Tư Cú hoan hỉ, cái hoan hỉ của người nhìn thấy quê mình mỗi ngày thêm đỏ da thắm thịt.

- Mềng ơi! Vĩnh Hưng cũng bảnh như Mộc Hóa!

Thím Tám nhảy cũng lên, không biết vì say rượu hay vì quá mừng. Thím xán một câu: “Vây là đều trời!”.

Sợ vợ vui quá, quá đà, Tám Xê dợm diu thím về nhà. Tồi can: “Thì cũng là lối xóm, tình thân có khi hơn cả họ hàng”.

- Tui hỏi anh Tư nè! Dưới tui mười một cây cầu, trên anh cũng mười một cây cầu là tại làm sao?

Thím Tám cười nói liến thoắng.

- Như vậy, trên dưới cộng lại là hăm hai...

Chị Hai thích thú chen vô.

- Vây chớ, con số 22 nó nói lên biểu tượng gì?

Tư Cú hỏi cắc cớ.

Chẳng phải tay vừa, thím Tám “*thấu cáy*” Tư Cú: “Anh Tư của đôi ly rượu trong tay tui, tui sẽ giải đáp”. Thấy vợ hăng, Tám Xê hòa theo: “Nếu vợ tui giải đáp sai, anh Tư phạt vợ tui mần chi, tui cũng ứng cái bụng”. Thím Tám bấm ngón tay cái phân định nửa ly rượu và chỉ một tiếng chếp miệng là xong, mọi người vỗ tay rân trời đất. Tư Cú giải quyết phần còn lại giữa trận cười nghiêng ngả mâm cơm.

- Con số 22, biểu tượng chim bồ câu!

Thím Tám giải đáp.

Mọi người đồng thanh “Ồ!” lên và cùng nói: “Bồ câu tượng trưng Hòa bình!”.

- Vĩnh Hưng, Mộc Hóa mỗi huyện mười một cây cầu; số 11 biểu tượng con chó, mà chó tượng trưng sự trung thành.

Chị Hai nói nửa đùa nửa thiệt, rồi chị nói chắc nịch: “Mất sự trung thành, thì làm gì giữ được hòa bình!”.

Là sự trùng khớp? Và, biết đâu, những con số của những cây cầu hai huyện chung nguồn gốc, báo hiệu một ngày mai xán lạn!

3.

Xúc động trong niềm hưng phấn mỗi khi nhìn ánh mắt tuổi thơ, hoặc nghe tiếng cười cụ già đi trên những cây cầu bê tông còn thơm mùi xi măng, cốt thép... Một mùi thơm lẫn dầu trên vùng đất mà xương tàn cốt rụi còn nằm rải rác đâu đó ở lòng rạch bến sông, hay ở những cung đường lấy lợi bằng qua tọa độ chết! Nếu linh hồn là có thật thì chắc một điều, những linh hồn kia đang mỉm cười, thầm cảm ơn Tạp chí *Nông thôn Việt* đã và đang bắc nhịp cầu quê!

Chơi thôi mà!

1.

Hoàng Sơn rạo rực, mình mẩy nóng ran và đã cổ hết sức, nhưng không thể. Anh úp mặt lên ngực vợ. Từ hố mắt, những hạt nước kết tụ lăn qua khe khóe mắt, rơi xuống... Vợ anh, Sáu Hồng - thương lắm, hai tay ôm đầu anh, rồi dùng những ngón tay xĩa vào tóc chồng, như một thứ ngôn ngữ rất riêng... đồng cảm.

Anh vĩnh viễn không thể thực hiện được chức năng mẫn chủng và chị, thì cũng vậy, cho đến chết cũng không thể mẫn được thiên chức người vợ!

*

Nỗi cháo cóc, mẹ tiễn cha con anh đi phu vào Nam, cả nhà chẳng ai buồn ăn. Căn nhà trống hoác và đầy ồ rơm trổn cái rét về đêm đó, đã theo anh... theo suốt

những chặng đường đời gian truân, nghiệt ngã. Anh không ngờ buổi chiều quê hôm đó, là buổi chiều định mệnh: Vĩnh biệt mẹ và đàn em nhỏ! Quê anh Chương Mỹ, làng Tốt Động - cái làng nghèo khó và đầm lầy - cũng là nơi từng vùi thây trên hai vạn quân xâm lược nhà Minh mà Nguyễn Trãi đã nhắc trong *Bình Ngô Đại Cáo*: “*Tuy Động thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm!*”. Đêm đất khách, ngày quê người; anh nhớ nhà, nhớ làng... khôn xiết! Cha và anh trở thành phu đồn điền Suối Máu, Bà Rịa. Rừng thiêng nước độc đã quật ngã người phu già ở bìa rừng Cẩm Đường. Bà con phu nghèo thương tình cho anh manh chiếu để chôn cha. Anh đắp nấm mộ đất và làm bia mộ bằng cây rừng. Anh đứng chết lặng, cái chết lặng không còn đủ nước mắt khóc tiễn cha về cõi xa. Chiến tranh mỗi ngày một ác liệt và lan rộng. Những người phu đồn điền có thể bị bắt, bị giết bất cứ lúc nào nếu, tên “*cọp rằn*” (Cai đồn điền) nghi là phần tử Việt Minh.

Một đêm trời tối đen như mực, anh trốn lén trại đồn điền, băng đường rừng ra bãi tha ma, ôm mộ và thì thầm từ giã cha. Anh gia nhập bộ đội Miền Đông, Chi đội 10, dưới trướng Huỳnh Văn Nghệ. Từ đây, chàng thanh niên bản quán làng Tốt Động, nơi mà người đời thường gọi “*Cánh đồng mơ*” đã khác nào chim sổ lồng, mang chí nam nhi diệt thù cứu nước.

Anh tham gia trận đánh đoàn xe quân sự Pháp ở La Ngà trên Quốc lộ 20 vào buổi chiều ngày 01-3-1948.

Viên Đại tá Talles, Chỉ huy khu vực Đồng Nai Thượng bị giết. Sau chiến thắng La Ngà vang dội, Chi đội trưởng Huỳnh Văn Nghệ được ba quân phong tặng Tướng quân và là Thi tướng, từ những câu thơ “thần thi” trong bài thơ “*Nhớ Bắc*” khi tiễn bạn:

*Ai về Bắc, ta đi với
Thăm lại non sông giống Lạc Hồng
Từ độ mang gươm đi mở cõi
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long.*

(*Ga Sài Gòn*, năm 1940)

Tướng quân thấy rằng: Bộ đội Miến Đông cần có tờ nhật trình (báo) để tuyên truyền phát động phong trào yêu nước tòng quân, và ông lựa chọn những chiến binh có tâm hồn nghệ sĩ, yêu văn chương, thích báo chí để gởi về trên học lấy tin, viết tin. Riêng anh, cùng một vài anh em khác, cải và hóa trang, bí mật vào cơ sở nội thành Sài Gòn học việc tổ chức, quản lý một tờ báo.

*

Sau ngày đình chiến (1954), Hoàng Sơn về thành tham gia làng báo Sài Gòn cùng lượt với Vũ Anh Khanh, Thẩm Thệ Hà, Trần Tấn Quốc, Trúc Chi, Thiên Giang... Đặc biệt, rất thân Nguyễn Bảo Hóa tức Tiêu Kim Thủy, Tô Nguyệt Đình. Anh cộng tác với báo *Dân Chúng* của Trần Nguyên Anh, do Phi Vân làm Tổng thư ký tòa soạn; báo *Dân Chủ* của Vũ Ngọc Các, báo *Ngôn Luận* của Hồ Anh... Một thời gian sau, Trần Tấn Quốc -

bạc thầy về tổ chức tờ báo - kêu anh sang làm báo *Tiếng Dội* - một tờ báo có uy tín thời bấy giờ - nơi ông đang đảm trách Thư ký tòa soạn. Anh trở thành trợ thủ đắc lực cho nhà báo lão thành Trần Tấn Quốc. Và, tại đây anh có dịp thân quen các cây bút chủ lực của tờ báo *Tiếng Dội*, như: Ngọc Hồ, Ngọ Long, Triệu Võ, Triệu Công Minh... Bấy giờ, anh như cá gặp sông dài biển rộng. Nhưng, cái sự đời đâu dễ dàng yên ả! Người xưa thường nói: “*Phước bất trùng lai, họa vô đơn chí*”. Biết vậy, nên cổ nhân từng dặn: “*An cư tư nguy*”. Hoàng Sơn chủ quan, gặp đại nạn. Thăng S.T, hồi trước ở chung đơn vị với anh bị đoàn công tác đặc biệt Miến Đông (PSE Gia Định) đóng ở bót Hàng Keo bắt.

S.T. chịu không nổi những trận đòn tra tấn, khai ra anh. Thiệt ra, từ ngày về thành đến giờ chưa có ai hoặc tổ chức nào đến móc nối anh. Vả lại, anh chẳng phải đảng viên vì lý lịch chưa rõ ràng. Hoàng Sơn bị bắt trên đường Trương Tấn Bửu khi đạp xe đạp về căn gác trọ. Hai tháng trôi qua, anh thường thức “đủ món ăn chơi” và “đủ mùi vị thượng thặng địa ngục trần gian” ở bót Hàng Keo, Gia Định. Anh thừa sống thiếu chết không nhớ nổi đã bao lần. Viên thẩm vấn muốn biết ai là Tổng Tào Lao⁽¹⁾ ở báo *Buổi Sáng*? Mỗi quan hệ và biết gì về tên Trần Tấn Quốc? Anh chấp nhận chết. Bởi, anh chẳng có gì để luyện lưu sự sống. Mỗi lần như vậy, anh im lặng, không khai. Chúng đánh vào thân anh,

1. Bí danh của một cán bộ hoạt động nội thành.

khác chi đánh vào cục đất - mà là cục đất sét, dễ gì đất nhão ra. Anh quần quai, thì chúng cũng vã mồ hôi và ê ẩm mình mẩy!

Lần tra tấn cuối cùng, anh bị buộc dính vào cái “bọ ngựa”, thân thể tổng ngồng trần trụi, “cái thằng nhỏ” của anh nó thụt tuốt luốt chỉ còn núm da nhầy nhầy và có lẽ, nó khiếp sợ nên trốn? Cũng có thể nó “đắm con c...” đây thách thức? Một thằng đen như Miên, to con như trâu đực cổ, nó dùng bàn tay “hộ pháp” lôi “cái thằng nhỏ” của anh kéo nhằng ra...

Viên thẩm vấn cầm cây đinh loại đóng ván cầu dài hơn một tấc, gí vô mặt anh:

- Đ.M, tau hỏi mấy lần cuối, thằng Tổng Tào Lao trốn ở đâu?

Im lặng.

- Không khai, tau cho tụi nó lụi cây đinh nẩy qua đầu “cái thằng nhỏ” của mày!

Rồi, nó gần giọng uy hiếp:

- Mày không theo ông theo bà, nhưng vĩnh viễn mày chẳng miễn nổi thằng đòn ông!

Nó đi tới đi lui, hươ hươ cây đinh cái mũi nhọn lều, rợn người. Bất chợt nó quay lại, vỗ mạnh vai anh, diễn bộ tịch thân tình:

- Khai đi bạn, người chiến binh của Tướng quân Huỳnh Văn Nghệ! Mày giữ khí tiết để đánh đổi mất

vĩnh viễn khả năng làm thằng đàn ông à! Mày chưa phải đảng viên, cần chi hy sinh như vậy?

Nó cầm chai rượu Ballantine's chiêu một ngụm, phun phèo phèo vào mặt anh. Anh nhắm nghiền đôi mắt, im lặng và tiếp tục im lặng như bao lần trước. Tai anh nghe mơ hồ như tiếng chó sủa ma:

- Bọn nằm vùng ở các báo, các tổ chức văn nghệ trá hình đã bị bọn ông hốt sạch sành sanh. Chắc mấy biết: Trang Thế Hy, Viễn Phương, Lê Văn... và vài chục mạng khác đã vào nghỉ dưỡng ở Tân Hiệp, Phú Lợi, Chí Hòa, Côn Đảo, Phú Quốc... Chẳng lẽ, mấy “*mình đồng, da sắt, cật xi măng?*”.

Hoàng Sơn bị đày ra Côn Đảo với “cái thằng nhỏ” đã lia đầu!

2.

Người Sài Gòn đón Giáng Sinh năm 1964 trong không khí nghi kỵ và buồn tẻ. Hoàng Sơn thì khác, anh như cánh chim lữ thứ đã có tổ bay về. Anh vui như chưa bao giờ được vui. Đi bên anh, Sáu Hồng - người vợ không lẽ cưới - bạn tù Côn Đảo, cùng được thả ra sau ngày ông Diệm, ông Nhu bị giết. Gái nhà quê, bước những bước chùn quê trên đường phố thành đô, Sáu Hồng tràn trề hạnh phúc. Nắng chiếu xô bóng những dải nhà cao tầng rớt xuống lòng đường Lê Lợi, vợ chồng anh thư thả bách bộ và cảm thích lời chào

mời của những người buôn gánh bán bưng tùm năm, tùm ba dọc lề đường. Một nét sinh hoạt rất đặc trưng văn hóa và sự thân thiện người Sài Gòn.

- Em, thôi mình vào bar Mai Hương uống nước, nghỉ chút.

Vừa múc muỗng kem lạnh đưa vào miệng, Sáu Hồng cảm giác ê răng, tê buốt tận óc. Chuyện cũ chợt thoáng về, Sáu trầm ngâm hồi tưởng:

“... Từ một đứa bé gái mồ côi, lớn lên thành thôn nữ Gò Cát, theo dì đi sớm về tối bán hàng bông ở chợ Mỹ Tho. Tụi lính đồn thấy Sáu trở mã đẹp dáng, đẹp mặt, thường thả mối dè... Thả miết, mối rã mà cá chẳng cắn câu, chúng đâm ra quê... rồi, quê hóa tức... tức trở nên ghét và muốn hại cho bỏ ghét! Trời đất, Sáu đâu ngờ một chút hồng nhan thành phận bạc. Cả cái xóm Gò Cát hiền lương và nghèo khó, không hiểu vì sao con Sáu nó bị bắt? Thiệt tình, Sáu biết gì mà khai, chỉ có thác thôi! Gần một năm bị giam tại Trung Tâm thẩm vấn thuộc Ty Cảnh Sát Định Tường, Sáu từ một cô thôn nữ thơ ngây chưa dám chạm vào tay con trai, trở thành đồn bà lì lợm... thằng nào muốn đập, muốn đánh; muốn kiểu cách gì... cũng được và cái thân xác vô cảm trở trơ đó, sẵn sàng thí cô hồn! Tưởng vậy là xong, nhưng nào đã xong. Tới chết, Sáu vẫn nhớ cái đêm hãi hùng... Cái đêm hai đầu núm vú đứt lìa bầu vú rơi xuống đất bởi bọn “mặt người dạ thú”.

- Khí tiết! Khí tiết cái con mẹ mày! Đời tàn rồi con, tới chết mày cũng chẳng thể làm vợ, làm mẹ...”.

Ly kem tan thành nước, phố bắt đầu lên đèn. Những tà áo dài đủ sắc màu lộng lẫy của thiếu nữ Sài Gòn ken nhau theo chiều gió. Khung cảnh thanh bình, bởi bom đạn chưa về đến Đô thành. Hoàng Sơn ngồi im, tôn trọng nỗi đau của vợ; đến lúc phát hiện dòng nước mắt chảy dài trên khuôn mặt đôn hậu, thiết tha của Sáu, anh cảm lòng chẳng đành.

- Về nhà thôi mình!

Khách trong bar Mai Hương tưởng vợ chồng có chuyện cãi nhau. Họ nhìn theo, bấu môi!

- Cậu em⁽¹⁾, sớm mai xuống xưởng in phụ sắp bản kẽm, sửa bản in.

- Thưa anh, em học việc chưa biết gì, sao dám phụ sửa sắp?

- Rồi cậu sẽ biết!

Ký giả Hoàng Sơn nói câu chắc nịch. Thời gian, sợi dây ràng buộc tình thân giữa vợ chồng Hoàng Sơn và cậu em. Họ làm việc chung, cùng ăn ngủ chung trên căn gác xép tòa soạn báo *Cứu Dân, Dân Kêu*, số 239, đường Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn, cặp hai bên là báo *Tiếng Vang, Độc Lập*. Hàng ngày, Sáu Hồng đi chợ, lo cơm nước; cậu em chịu khâu săn tin, lấy tin và làm mọi việc được

1. Nguyễn Miên Thảo, cựu ký giả (Hàng năm, vợ chồng Nguyễn Miên Thảo giữ Hoàng Sơn).

phân công, Hoàng Sơn vừa quản trị, vừa viết bài... đồng thời, quán xuyên tờ báo. Hoàng Sơn là một trong rất ít ký giả thời bấy giờ, tự thân đứng ra tổ chức hiệu quả tờ báo mà không cần nhận bất cứ nguồn tài trợ nào... Anh giấu mặt, giấu tên, âm thầm mài mê công việc báo chí. Một số anh em chí cốt với anh trong làng báo Sài Gòn hồi đó, thắc mắc thì anh tâm sự: Mình bỏ việc báo *Dân Ý* chẳng khác chi tên tội phạm chạy trốn. Chúng tức, lòng sục kiếm tìm, biết mình làm báo ở đâu chúng đến phá ở đó. Muốn yên, mình lặn. Vậy thôi! Ngủ chung sàn gác với vợ chồng anh, cậu em ái ngại; xin ngủ chỗ khác, vợ chồng anh giận, không cho. Đôi khi anh uống chung rượu theo cơm, cười khà khà rồi nói:

- Tau với chị của cậu mấy có mần được trò khỉ chi, mà cậu mấy ngại!

Rồi, anh nói một hơi tuốt tuồn tuột:

- Cậu em mấy, biết con Lu Lu ngủ chung với anh chị cậu mấy bao lâu chưa? Còn một tháng hai mốt ngày nữa chẵn ba năm. Có đêm chị mấy ôm nó ngủ, có đêm anh mấy.

Rồi, anh chợt cười khanh khách:

- Nhiều đêm, giành con Lu Lu mà vợ chồng hờn mát nhau!

Chị nói khi trở trời trái gió, chị đau nhức và có cảm giác hàng triệu triệu con kiến, con bọ dò... lúc nhúc thấu ruột thấu gan trong người chị. Anh kể, mỗi lần chị

rờ “cái thằng nhỏ” của anh từ vù lật lia lật lọi đầu, chị lại ngó đầu núp vú mình dứt lia bầu vú. Vợ chồng phá lên cười rung rinh sàn gác, cậu em thức giấc nằm im. Chị hay nói giỡn:

- Mình, “cái thằng nhỏ” hình như còn tiếc nuôi đầu đầu đã lật lia, còn em thì núp dứt khoát rụng khỏi vú. Có lẽ, ý trời cho tụi mình muốn thành chồng vợ là phải vậy chăng?

Nói xong, vợ chồng anh cười khúc khích!

*

Thời đó, Sài Gòn báo phát hành buổi chiều. Giao báo mỗi gửi xe đồ đi các tỉnh, kẻ bán báo dạo và người đọc báo đọc buổi chiều. Đường Phạm Ngũ Lão từ đầu chí cuối có nhiều tòa soạn báo nên rộn rịp tiếng người; đông ken xích lô máy, xích lô đạp chờ chức nhận báo đi giao mỗi.

Một hôm, tự dưng có người đậu xích lô đạp trước tòa soạn *Dân Kêu* cạnh tòa soạn báo *Tiếng Vang*, bỏ xích lô, vụt chạy trốn về hướng chợ Thái Bình. Bà con tưởng cướp giật, chặn bắt và dẫn về tòa soạn báo *Dân Kêu*. Khi chạm mặt Hoàng Sơn, ông ta sụp lạy như tế sao. Trời đất, quỷ thần, chẳng ai hiểu ắt giáp gì cả. Hoàng Sơn tỉnh rụi, bảo cậu em ghi sổ giao báo, còn mình nắm tay ông đạp xích lô chỉ ngõ trèo lên gác.

Ông đạp xích lô vịn cầu thang, bước từng bậc, chùn run như cây sậy, mồ hôi vã ra ướt áo.

Hoàng Sơn hỏi nhỏ:

- Ông Thẩm vấn! Ông khỏe không?

- Lạ ông, đừng gọi con như vậy!

Kẻ đóng đinh đứt “cái thằng nhỏ” của Hoàng Sơn, giờ hội ngộ không hẹn và lạ lùng.

- Minh ơi! Có bạn đến chơi.

Sáu Hồng bưng nước trà mời bạn chống:

- Mời anh dùng trà!

Tên thẩm vấn ngược đầu lên.

- Thưa bà, con không dám!

Sáu Hồng hốt hoảng:

- Ý chết! Sao anh nói vậy!

3.

Kể từ lúc gặp lại viên thẩm vấn bót Hàng Keo - họ tên đầy đủ là Hoàng Đình Tư - anh thường đứng lóng ngóng trước cửa Tòa soạn báo vào giờ báo phát hành, như có ý chờ đợi cố nhân. Đã nhiều buổi chiều như vậy! Hoàng Sơn buồn dầu dầu, nét mặt thường đăm chiêu: Mình nói với Đình Tư rồi, những chuyện cũ mình đã liệng vào lòng biển, khi con tàu đưa tù nhân - trong đó có mình - đến Côn Đảo. Thiệt lòng, mấy năm đầu anh nuôi thù để có ngày trả oán, mỗi khi ngó đầu lia lặt “cái thằng nhỏ”, trái tim anh khó thở,

khí huyết trào ngược lên não, hận thấu xương. Đôi lần, anh thể sẽ trả mối thù bất cộng đái thiên này! Chẳng phải thời gian xoa dịu mối thù mà, thời gian giúp anh chiêm nghiệm thiện ác trong cuộc sống của con người. Đất nước, gió mây, mưa nắng... tạo nên cái đẹp thiên nhiên tuyệt trần, nó tích tắc biến đổi theo thời gian trong cái đảo tù địa ngục. Với anh, thiên đàng ở nơi địa ngục và ngược lại. Rồi, những đêm thanh vắng, chun bị xiềng, anh nằm nghiêng nghe sóng đại dương quất từng chập vào bờ biển đảo âm thanh ghê rợn. Anh tự hỏi, ai quất vào ai? Sóng đại dương hay bờ biển đảo? Anh ngộ ra, thiên hạ bày trò, anh em đổ máu và hận thù. Thiệt lãng xẹt!

Những ngày đồn cây rừng Ma Thiên Lãnh của Côn Đảo, nhìn bầu trời xanh, khói sóng nổi biển tận chun mây, anh thắc mắc: Cái hổ thẩm nào sinh, cái hổ thẩm nào diệt? Diệt - Sinh ẩn núp trong cái lỗ đen hay, cái lỗ đen đẻ ra Sinh - Diệt? Lẩn hồi, thâm tâm anh nhật dấn thù hận và nó chết trong tim anh lúc nào anh cũng không rõ.

Anh gọi kẻ thù cũ bằng bạn khi giới thiệu viên thẩm vấn với vợ là, anh tự xóa thù. Vả lại, tuyệt nhiên, anh không muốn cơn đại hồng thủy thù hận tràn ngập vào người thân; đồng thời, anh không “xỏ lá”, trước sau một mực thiệt tình giữ thể diện đẹp cho bạn.

Tại sao, Đình Tư không đạp xích lô đến lấy báo *Tiếng Vang* chở đi bỏ mối? Anh bồn chồn trong bụng. Cố lánh mặt anh hay có chuyện?

- Cậu em, trưa mai sẵn đi lấy tin, cậu ghé đọc theo đường Phạm Ngũ Lão thử dò hỏi mấy đứa đạp xích lô coi Đình Tư cả tuần nay sao vắng, không chở báo? Trước khi trở lên gác, anh còn dặn, sợ cậu em quên.

*

Viên thẩm vấn Hoàng Đình Tư theo gia đình di cư vô Nam, tham gia Đảng Cần Lao và được tuyển chọn vào ngạch Thẩm sát viên thuộc Đoàn công tác đặc biệt Miền Đông (PSE Gia Định). Sau ngày Đệ Nhất Cộng Hòa bị lật đổ, Đình Tư bị bắt, phải hứng chịu những trận đòn thù từ phe đảo chánh và bị đày vô khám Chí Hòa, đến giữa năm 1967 mới được thả ra trong cảnh thân tàn ma dại, vợ con ly tán. Ở nhà thuê trong hẻm thuộc khu Hàng Xanh, muốn xích lô đạp kiếm sống đắp đổi qua ngày. Anh bâng khuâng nhớ lại những gì Đình Tư thổ lộ cùng anh trong chiều hội ngộ. Trôi theo dòng suy nghĩ, Hoàng Sơn không để ý cậu em đang đứng bên cạnh.

- Thưa anh, em nhờ chú Hai Néo chở báo *Chính Luận* bên đường Hai Bà Trưng nhấc Đình Tư đến tòa soạn gặp anh, có chuyện cần gấp.

Anh mừng ra mặt, nhét 50 đồng vào túi áo cậu em, thưởng công!

*

- Tôi đã nói với bạn rồi, chẳng ai chặn níu thời gian chậm hoặc dừng lại được. Chuyện qua thì tự nó đã qua.

Giờ tôi với bạn là người với người, chớ nào người với thù! Tôi không thù bạn, mắc mớ gì bạn tạo tâm lý ức chế giả mạo thù để sợ thù. Quên đi bạn!

Hai anh em ngồi lễ đường Lê Lai uống La-de Con Cọp với đĩa ghêu luộc nóng hổi. Anh không muốn tiếp Đình Tư tại tòa soạn, ngại vợ nghe chuyện. Khuôn mặt nhăn nheo già trước tuổi của Đình Tư, hừng những giọt nước mắt muộn màng hay đúng lúc thì anh không biết; chỉ biết rằng, tất cả chuyện đời từ cái tâm mà ra. Anh không oán trời, trách người; anh không nản chí ngã lòng khi phải trực diện cái đau khổ, cái chết... Anh “đã” quá rồi, đã đến chỗ đó là niềm vui để sống. Nói vậy, anh chẳng có ý triết lý “ba xu” dạy đời, chỉ là thực cái bụng đối với kẻ hôm qua là thù, hôm nay là bạn.

- Thưa anh, tôi không xứng...

Anh khoác tay, chặn:

- Không xứng với xứng cái con mẹ gì trong cái cuộc đời hối hả và ngắn ngủi này. Ta biết sống cái đã! Mọi thứ chỉ thực khi là mộng...

Sau đó, anh nhận Đình Tư vừa làm một chún bảo vệ tòa soạn, một chún tiếp tục lấy báo *Tiếng Vang* bỏ mối để có thêm thu nhập. Sáu Hồng vô tư, đâu biết giữa hai người dờn ông đó từng có một thời “đối đầu trời sấu đất thâm”. Nếu biết, chắc gì Sáu Hồng để Đình Tư yên! Hoàng Sơn là con chim rừng đại ngàn lạc giữa đồng loại. Anh đi và về lủi thủi một mình cô độc.

Anh thương quê nhà và yêu lẽ phải. Anh là nạn nhân cái bình thường nhút của đời người, đôi khi trở thành lực cản kẻ háo danh và tham vọng. Anh chạy trốn chính mình, vì anh sợ mình có chữ nhưng thiếu nghĩa; anh sợ người quyền cao chức trọng, vì người quyền càng cao chức càng trọng, càng dễ trỗi dậy thú tính nếu cái tâm thiếu tu dưỡng... Anh cô đơn giữa Đô thành Sài Gòn, lạc lõng giữa rừng tòa soạn báo chí đường Phạm Ngũ Lão.

Báo *Dân Kêu*, báo *Cứu Dân* đã khơi mạch lòng yêu nước chảy về mọi ngõ ngách trái tim và làm thức dậy cái cần thức dậy: Tình người “*Nhiều điều phủ lấy giá gương...*” trong “*Bầu ơi! Thương lấy bí cùng...*”

Vết thương cũ hành hạ, Hoàng Sơn ngày một đau yếu. Tờ báo *Dân Kêu* bị quy luật thị trường “*Cá lớn nuốt cá bé*” ngày càng suy sụp theo sức khỏe của Hoàng Sơn. Một hôm, anh kêu cậu em lên gác nói chuyện:

- Anh em mình đến lúc chia tay. Hợp tan, lẽ thường khi trong cái trời đất mệnh mông nẩy. Cậu còn quá trẻ, hãy tự chọn cho đời mình một con đường với hành trang “*Dân Kêu*”. Đừng buồn cậu em, đừng bịn rịn nhụt chí nam nhi.

Đêm nằm chờ sớm mai chia tay, Hoàng Sơn nói rất nhiều chuyện đời, chuyện người... cốt truyền kinh nghiệm để cậu em nghe và suy nghĩ khi độc hành vào chốn “*trường văn, trận bút đầy gió tanh mưa máu*” khi trực diện đấu tranh cho lẽ phải.

Anh kể rằng, lúc ở tù Côn Đảo về, anh bơ vơ giữa Sài Gòn, may nhờ có Trần Tấn Quốc rồi sau đó, Văn Lương, Tô Nguyệt Đình và một số bằng hữu thương giúp đỡ. Đầu năm 1964, anh ngã bệnh một trận thập tử nhất sinh, anh chị em Hội Ái Hữu Ký Giả tổ chức quyên góp được một số tiền, giao cho ông V. - Chủ bút một tờ báo khá nổi tiếng “*lá cải*” ở Sài thành dạo đó, thay mặt Hội chuyển đến anh. Nhưng, chẳng may gặp phải tay “*trời thần đất lở*” cuỗm hết số tiền!

Khi anh hết bệnh, ông ta dàn dựng “hoạt cảnh”: rủ một số ký giả trong Hội đến thăm và trao cho anh bao thư dán kín trước mặt mọi người, gọi là tiền của Hội gởi. Khách về, anh xé bao thư: tiền chẳng có, chỉ toàn giấy vụn! Anh cười ngất, cười muốn rớt luôn “cái thằng nhỏ”! Vài hôm sau, ông V... điện thoại xin lỗi. Anh trả lời: Ông xài dùm, tôi khỏi xài... Tiền mất đi đâu mà lỗi với phải!

Tiếng xích lô máy chạy ngoài đường, có lẽ giờ này đã quá nửa đêm về sáng. Anh tặc lưỡi nhiều lần khi nhắc đến cuốn tiểu thuyết “B.M.C” bởi, anh thai nghén nó từ hồi còn mặc áo chiến binh Chi đội 10 ở Đồng Nai.

Người bạn thân thiết anh, Văn Lương, góp ý thẳng thắn “B.M.C” lúc còn bản thảo. Rồi, trong cuộc bể dâu, dưới “*cơn lốc bạc tình bội nghĩa*”, đứa con tinh thần đầu đời của anh cuối cùng cũng đã... vượt mất khỏi tay anh(!)

Cậu em thốt lên:

- Nghe sao... buồn quá!

4.

Thời thế chuyển nhanh, khó lường. Hỏa châu đỏ trời Đô thành đêm và bom đạn cày nát phố phường.

Tết Mậu Thân!

Hoàng Sơn thắc tha thắc thỏm, trông đứng trông ngồi Đình Tư. Kinh nghiệm người lính chiến trường, anh bình tĩnh và phán đoán hướng đi của làn đạn chính xác. Anh lo cho Đình Tư vì nghe nói khu Hàng Xanh bom đạn đã san bằng. Mấy lần anh dợm lấy xe đạp, đạp ra ngoài đó coi sự thế. Vợ can ngăn:

- Mình đau yếu thế này, đạn bom rần trời... Em không cho mình đi!

Anh trấn trở, thao thức theo tiếng bom rơi...

*

Đình Tư bật tắt. Chắc là, đã chết trong loạn lạc! Tòa soạn báo *Dân Kêu*, *Cứu Dân* bị Cảnh sát nhiều lần sách nhiễu, nhiều lần lập biên bản tịch thu báo, bị bắt buộc gỡ bỏ áp phích quảng cáo: "Ai thiếu gạo, đọc *Dân Kêu*!". Đám nhỏ bán báo chạy dạo mỗi chiều báo phát hành thì rao kiểu la làng: "*Dấn Cứu*" (nói lái *Cứu Dân*) đây! "*Dấn Cứu*" đây! Báo càng bị tịch thu, nguy cơ sập tiệm càng gần! Súc anh kiệt dần... Tờ báo *Dân Kêu*, *Cứu Dân* mất chữ chạy trên nhựt trình khi Tổng thống Thiệu ban hành Sắc luật 007/72 ký ngày 05-8-1972, buộc mỗi tờ nhựt báo muốn hoạt động

phải ký quỹ 20 triệu đồng. Chủ bút nào không nộp tiền ký quỹ đủ, đương nhiên bị rút giấy phép.

Báo *Dân Kêu*, báo *Cứu Dân* tự đóng cửa.

Đêm anh ho nhiều, con chó thay chị truyền hơi ấm cho anh. Chị không thể sưởi ấm cho anh vì, trong cơ thể chị như có hàng triệu triệu con kiến, con bọ dòi, bò lúc nhúc... Da thịt chị, đụng vào bất cứ đâu, nó cũng đau và giựt nẩy người. Anh quờ tay vuốt tóc chị:

- Tội nghiệp mình! Tui chết rồi mình ở đâu?

Anh thấy nụ cười héo hắt của vợ qua ánh đèn đường hắt lên căn gác.

- Không! Anh không thể chết! Chết bỏ vợ lại cho ai?!

Vợ chống nhìn nhau cười như cố xua đuổi thần chết đi chỗ khác chơi. Con chó cũng đồng tình, dúi dúi đầu vào ngực chủ mấy cái.

Ngoài trời, mưa đêm lâm thâm... Mưa lâm thâm kéo lê tiếng rao đêm theo nhịp guốc khuya buồn, qua từng góc phố!

Hai ngày sau, anh bảo vợ gói đầu lên cánh tay chống, tay anh xoa xoa đôi gò má chị. Đột nhiên anh hôn chị.

- Mình còn thiếu tiền thuê nhà hai tháng, anh giao em chiếc nhẫn ngày đó thay lễ cưới và số tiền để học bản tài liệu của anh. Mai nầy hữu sự, em thanh toán nợ nần. Chị cố phá tan cái điểm gờ:

- Có gì thật trọng lo toan vậy, phu tướng của em?

Nói thì nói cũng, chớ trong lòng chị đâm lo. Giọng anh khàn khàn, đục đục; hơi thở mong manh như làn khói.

- Anh chết, thiêu xác rồi mang nắm tro tàn về gởi chùa Tần Hiệp để hồn anh được nghe kinh kệ. Còn mình, rời Sài Gòn trở lại nơi chốn đã sinh.

Anh ngưng nói để thở, tay mân mê tóc vợ:

- Em ơi! Mình từ hố thẳm mà ra, rồi sẽ quay về hố thẳm... Thương tiếc cũng chẳng được gì em, chỉ tội cho nhau!

Bỗng dưng, anh tủm tỉm cười:

- Chơi thôi mà, em!

Chị ngồi bật dậy, bụm miệng chống:

- Minh! Minh đừng làm em sợ!

*

Rạng sáng ngày 29 tháng 3 năm Quý Sửu, tức ngày 01-5-1973, ký giả Hoàng Sơn trút hơi thở cuối cùng trên tay người vợ hiền, yêu quý...

Anh bất động!

Buông nợ đời, trôi chậm chậm theo bóng thời gian...

"Hột tre rụng xuống nơi gốc tre đã chết và từ nơi đã chết, tre đâm chồi nẩy tược tạo gốc ra đám rồi thành rừng tre mới. Cũng có khi, hột tre không rụng về cội mà nó rơi xuống nước trôi theo dòng hoặc bay theo gió đến muôn xứ khác. Nơi đất khách quê người, tre không giữ được bản sắc di truyền thuần chủng của nòi giống và nó phải đương đầu cuộc đấu tranh sinh tử để sinh tồn: mạnh sống, yếu chết!".

Dần dà, Tư hiểu ra: tre thuần chủng nhảy bụi là tre vô tính, tre từ hột là tre hữu tính. Ngẫm suy, tre trở bông đồng loạt và đồng loạt chết chỉ có tre cùng huyết thống, sản sinh từ vô tính mà thôi! Tư Tâm liên tưởng tới người và người cùng huyết thống, chắc gì được như tre?

Ngày tháng Tư như dài ra, cái dài ra có khác gì tre ngừng sinh trưởng, không mọc măng mới để chuẩn bị bước vào thời kỳ trở bông và đợi lúc "Tre tàn măng mọc"!

(Trích *Bông tre trên đất Kiến Tường*)

Ngày về

ta về làng cũ nghèo xơ xác
mẹ thần thờ trông những đứa con
ta về bấy trẻ nhìn ngơ ngác
cứ ngỡ khách xa lạc lối mòn!

bến nước cầu ao bom đạn xối
người xưa trôi dạt đến phương nào?
ta về bất chợt chiều un khói
khói quyện lòng đau hỏi tại sao?

ta về làng cũ buồn hong mắt
tìm nắm mồ em chẳng thấy đâu!
sông hồ mang vác đời kiêu bạc
khách lữ ngậm ngùi cuộc bể dâu

TBĐ
An Vĩnh Ngãi,
chiều 27-5-1975

